

uigeli.xyz
PHIẾU ÔN TẬP THƠ MỚI

Bài thơ: Nhớ rừng

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p><u>Thế Lữ</u> (.....)</p> <p>- Tên thật:, bút danh đặt theo cách,; còn có hàm ý là</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của</p> <p>Được nhà nước truy tặng giải thưởng</p> <p>.....</p> <p>- Hồn thơ</p> <p>.....</p>	<p>- In trong tập</p> <p>.....</p> <p>- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của</p> <p>..</p> <p>- Bài thơ sáng tác năm lúc đó nước ta đang là</p> <p>của Pháp. Nhân dân ta đang</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Bố cục:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
	Ý nghĩa nhan đề		

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật

I.3. Tìm hiểu nội dung chính

<p>Chép thơ</p> <p>(gạch chân các từ ngữ nghệ thuật và BPTT)</p>	<p>Nghệ thuật và nội dung chính</p>
<p>Khổ 1:</p> <p>Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Khổ 4</p> <p>Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

.....?



Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta

Để ta?

-Than ôi!?

➔ Cảm xúc

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức văn bản Nhớ rừng

1. Giải nghĩa từ:

- *Sa cơ*:
- *Oai linh*:
- *Giang sơn*:
- *Oanh liệt*:
- *Uất hận*:

2: Giới thiệu ngắn gọn về nhà thơ Thế Lữ và bài thơ Nhớ rừng.

3. Vì sao Nhớ rừng được xem là bài thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ mới?

4. Căn cứ vào nội dung bài thơ Nhớ rừng, hãy giải thích vì sao tác giả mượn “lời con hổ ở vườn bách thú”. Việc mượn lời đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung cảm xúc bài thơ?

5. Thủ pháp tương phản trong bài thơ Nhớ rừng được thể hiện như thế nào?

6. Em hiểu thế nào là “tranh tứ bình”? Vì sao đoạn thơ sau được mệnh danh là một bức tranh tứ bình?

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mê đứng uống ánh trăng tan
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Lặng ngắm giang san ta đổi mới
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt.
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
-Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Nhớ rừng, Thế Lữ)

III. ĐỀ ĐỌC HIỂU

Phần 1: Cho câu thơ: “Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,”

1. Chép chính xác khổ thơ có câu thơ trên. Cho biết tên bài thơ và nêu ngắn gọn hiểu biết của em về tác giả.
2. Chỉ rõ trình tự mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình – con hổ - trong bài thơ.
3. Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, phân tích để làm rõ thân phận và tâm trạng của con hổ được thể hiện qua khổ thơ nói trên, trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và một câu hỏi tu từ (gạch chân, chú thích).

Phần 2. Cho hai câu thơ sau:

Ngậm một nỗi căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua

- a. Hai câu thơ có chỗ bị chép sai, hãy sửa lại và chú thích tên tác giả tác phẩm sau khi chép thơ?
- b. So sánh việc sử dụng từ ngữ trước và sau khi sửa lại trong việc bộc lộ tâm trạng của nhân vật “ta”.
- c. Nhân vật “ta” trong câu thơ là ai, đang ở trong hoàn cảnh nào? Qua nhân vật “ta” tác giả muốn gửi gắm điều gì?

Phần 3: Cho câu thơ "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối"

- a. Chép những câu thơ tiếp câu thơ trên để hoàn thiện khổ thơ 10 câu.
- b. Những câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai, trình bày hiểu biết của em về tác giả?
- c. PTBD chính của khổ thơ trên là gì?
- d. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong đoạn thơ? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật ấy?
- e. Em nêu cảm nhận của mình về khổ 3 bài thơ “Nhớ rừng”. (Trình bày bằng đoạn văn quy nạp 8-10 câu. Trong đoạn văn có thành phần tình thái từ)

Phần 4. Cho đoạn thơ sau:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,

Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ

Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm

Nay sa cơ bị nhục nhằn tù hãm

Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi

Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Của ai? Giải thích nhan đề văn bản ?

Câu 2: Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?

Câu 3: Có ý kiến cho rằng: Đằng sau việc miêu tả tâm trạng của con hổ, tác giả còn có dụng ý nghệ thuật khác”. Theo em đó là dụng ý gì?

Câu 4: Viết 1 đoạn văn từ 8 đến 10 câu nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên? Trong đoạn có sử dụng 1 câu bị động.

Phần 5. Cho câu thơ:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội"

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 3)

1. Chép tiếp 5 câu thơ để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh
2. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?
3. Xác định thể loại của tác phẩm em vừa tìm được. Ý nghĩa của đoạn thơ em vừa chép là gì?
4. Chỉ ra các câu nghi vấn trong đoạn thơ em vừa chép và nêu chức năng của các câu nghi vấn đó.
5. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ em vừa chép

IV. CÂU HỎI HSG

Câu 1:

Có ý kiến cho rằng : "Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ (Ngữ văn 8, tập 2)tràn đầy cảm xúc lãng mạn".Em hãy cho biết cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ như thế nào ?

Câu 2: Người xưa nói “Thi trung hữu hoạ” (trong thơ có tranh), em cảm nhận điều đó như thế nào qua đoạn thơ sau đây:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say môi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta từng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt?

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

(Nhớ rừng – Thế Lữ)

V. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Bài thơ “Nhớ rừng” của tác giả nào?

- A. Thanh Tịnh
- B. Thế Lữ
- C. Tế Hanh
- D. Nam Cao

Câu 2 : Điều nào sau đây không đúng khi nhận xét về Tác giả và thơ của ông?

- A. Thế Lữ là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ Mới (1932-1945)
- B. Thế Lữ góp phần quan trọng trong việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho dòng Thơ Mới.
- C. Thơ của Thế Lữ là gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam.
- D. Thế Lữ là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.

Câu 3 : Nội dung bài thơ Nhớ rừng là:

- A. Niềm khao khát tự do mãnh liệt.
- B. Niềm căm phẫn trước cuộc sống tầm thường giả dối.
- C. Lòng yêu nước sâu sắc và kín đáo.
- D. Cả ba nội dung trên.

Câu 4. Hình ảnh nào được tác giả mượn để sáng tác nên bài thơ, đồng thời qua đó bộc lộ tâm trạng của mình?

- A. Hình ảnh con hổ - chúa tể của rừng xanh bị giam cầm trong cũi sắt.
- B. Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm giữa chốn ngục tù tối tăm.
- C. Hình ảnh con hổ - chúa sơn lâm đang sống một cuộc sống tự do, phóng khoáng ở núi rừng.
- D. Hình ảnh thiên nhiên núi rừng hùng vĩ bị chiến tranh tàn phá.

Câu 5: Tâm trạng nào được diễn tả khi con hổ nhớ về những ngày còn tự do ở chốn núi rừng?

- A. Tâm trạng buồn rầu, chán nản khi nhớ về những ngày tự do.
- B. Tâm trạng cô đơn, lạnh lẽo.
- C. Tâm trạng căm thù những kẻ đã biến cuộc sống tự do, tự tại của nó hành cuộc sống ngục tù mua vui cho mọi người.
- D. Tâm trạng tiếc nuối những ngày tháng oanh liệt, vẫy vùng, sống tự do nơi núi rừng hùng vĩ.

Câu 6: Hình ảnh con hổ bị giam cầm trong vườn bách thú (Nhớ rừng, Thế Lữ) thực chất là hình ảnh của ai?

- A. Người nông dân trước cách mạng tháng tám, 1945.
- B. Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng.
- C. Hình ảnh người sĩ phu yêu nước.
- D. Hình ảnh người thanh niên yêu nước trước cách mạng tháng 8/ 1945.

2. Tự luận:

Qua cảnh tượng vườn bách thú (hiện tại) và cảnh núi rừng đại ngàn (quá khứ), chỉ ra những tâm trạng của con hổ ở vườn bách thú trong bài thơ “Nhớ rừng”. Tâm trạng ấy phản ánh điều gì ở xã hội Việt Nam đương thời?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Bài thơ “Nhớ rừng” được sáng tác vào khoảng thời gian nào?

- A. Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.
- B. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

C. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ. D. Trước năm 1930.

Câu 2 : Điều nào sau đây không đúng khi nhận xét về Tác giả và thơ của ông?

- A. Thế Lữ là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ Mới (1932-1945)
- B. Thơ của Thế Lữ là gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam.
- C. Thế Lữ góp phần quan trọng trong việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho dòng Thơ Mới.
- D. Thế Lữ là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.

Câu 3: Nội dung bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ là gì?

- A. Diễn tả nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng.
- B. Niềm khao khát sự tự do một cách mãnh liệt.
- C. Khơi dậy lòng yêu nước một cách thầm kín của người dân mất nước sống cảnh đời nô lệ, phụ thuộc.
- D. Cả A,B,C đều đúng.

Câu 4: Việc xây dựng hai cảnh tượng đối lập nhau trong bài thơ: cảnh vườn bách thú tù túng và cảnh rừng xanh tự do nhằm mục đích gì?

- A. Để gây ấn tượng, tạo sự hấp dẫn cho người đọc.
- B. Sử dụng nghệ thuật tương phản, xây dựng hai hình ảnh đối lập để làm nổi bật tình cảnh và tâm trạng của chúa sơn lâm.
- C. Nhằm mục đích thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ của người đọc đối với hoàn cảnh của con hổ.
- D. Nhằm mục đích chế giễu, thương hại cho con vật nổi tiếng hung tợn.

Câu 5: Bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ có ảnh hưởng và tác động như thế nào đến các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ thanh niên lúc bấy giờ?

- A. Biểu hiện ý chí quyết tâm, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của những người tù chính trị đang bị giam giữ.
- B. Kín đáo khơi gợi lòng yêu nước, yêu tự do và quyết tâm chống giặc cứu nước của nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.
- C. Tác động đến tinh thần hăng say lao động, sẵn sàng vượt qua mọi gian khổ trong buổi đầu xây dựng đất nước.

D. Tạo ra tâm lí bi quan, chán chường trước cuộc sống thực tại, ước muốn được thoát li khỏi hiện thực.

Câu 6 : Hoài Thanh cho rằng: “ Ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dấn vặt bởi một sức mạnh phi thường”. Theo em, ý kiến đó chủ yếu nói về đặc điểm gì của bài thơ “Nhớ rừng”?

A. Tràn đầy cảm xúc mãnh liệt.

B. Giàu nhịp điệu.

C. Giàu hình ảnh.

D. Giàu giá trị tạo hình.

2. Tự luận

Việc mượn lời con hổ trong vườn bách thú trong bài thơ Nhớ rừng có tác dụng như thế nào

ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Lòng yêu nước là một truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay, từ quá khứ đến hiện tại tương lai, trong khó khăn gian khổ và cả trong hòa bình. Từ tâm trạng của con hổ cũng là tâm trạng của người dân mất nước lúc bấy giờ, em có suy nghĩ gì về lòng yêu nước của nhân dân ta?

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Phân tích bài thơ *Nhớ rừng* của Thế lữ.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP THƠ MỚI

Bài thơ: Nhớ rừng

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p><u>Thế Lữ</u> (1907 – 1945)</p> <p>- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VHNT</p> <p>- Hồn thơ dồi dào, lãng mạn.</p> <p>+ Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ, bút danh đặt theo cách chơi chữ, nói lái; còn có hàm ý là người lữ khách trên trần thế chỉ biết đi tìm cái đẹp:</p>	<p>- In trong tập <i>Mấy vần thơ</i> (1943)</p> <p>- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của Thơ mới.</p> <p>- Bài thơ sáng tác năm 1934 lúc đó nước ta đang là thuộc địa của Pháp. Nhân dân ta đang sống trong thân phận nô lệ bị mất tự do, bị áp bức bóc lột đủ đường</p>	<p>tự do 8 chữ vần liền; vần bằng, trắc hoán vị đều đặn</p>	<p>- Bố cục: 3 phần.</p> <p>+ Phần 1: Đoạn 1, 4: Con hổ trong vườn bách thú.</p> <p>+ Phần 2: Đoạn 2, 3: Con hổ thời quá khứ</p> <p>+ Phần 3: Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.</p>
	Ý nghĩa nhan đề		
	<p>"Nhớ rừng" có thể nói là một nhan đề bao hàm chứa đựng ý nghĩa sâu xa mà Thế Lữ muốn làm toát lên. Thông qua tâm sự của một con hổ đang bị giam cầm trong cũi sắt, nhà thơ muốn cho người đọc thấy được sự chán nản, căm phẫn của một vị chúa tể rơi vào tình thế sa cơ. Qua đó thì tác giả muốn mượn lời con hổ để nói về số phận người dân trong thời kì phong kiến bị chà đạp, lợi dụng và khốn khổ hơn cả là bị lấy mất đi quyền tự do không được trở về với quê hương mình, phải làm nô lệ cho bọn vua chúa, quan lại. Tâm sự của con hổ chính là tâm sự của người dân Việt Nam mất nước đang sống trong cảnh nô lệ và tiếc nhớ những năm tháng tự do oanh liệt với những chiến thắng vẻ vang trong lịch sử. Chẳng phải đó chính là cách nhà thơ đang thay người dân nói lên nỗi tiếc nuối cho thời kì vàng son huy hoàng của dân tộc đó hay sao?</p>		

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngột ngạt tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tám chữ phù hợp với việc thể hiện những diễn biến phức tạp của tâm trạng nhân vật trữ tình. - Nhịp thơ thay đổi linh hoạt, lúc nhanh, lúc chậm. Âm hưởng thơ lúc da diết, sâu lắng, lúc sôi nổi hào hùng... tùy thuộc vào diễn biến tâm trạng nhân vật. - Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đạt tới trình độ điêu luyện. - Hình tượng nhân vật mang ý nghĩa tượng trưng, thể hiện thành công chủ đề tư tưởng của bài thơ và ý đồ của tác giả.

I.3. Tìm hiểu nội dung chính

Chép thơ (gạch chân các từ ngữ nghệ thuật và BPTT)	Nghệ thuật và nội dung chính
<p>Khổ 1:</p> <p><u>Gậm một khối căm hờn</u> trong cũi sắt</p> <p>uất ức bị tích tụ lâu ngày</p> <p><u>Ta nằm dài</u> trông ngày tháng dần qua,</p> <p>Đại từ Chán chường, mệt mỏi</p> <p><u>Khinh</u> lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ</p> <p>thái độ coi thường</p> <p><u>Giương mắt</u> bé giễu <u>oai linh</u> rừng thẳm</p> <p>Nay <u>sa cơ</u> bị <u>nhục nhằn</u> tù hãm</p> <p><u>Để làm trò</u> lạ mắt <u>thứ đồ chơi</u></p> <p><u>Chịu ngang bầy</u> cùng <u>bọn gấu</u> dở hơi</p>	<p>- “<i>gậm 1 khối căm hờn</i>” là gậm nhấm nỗi căm hờn, uất ức đã tích tụ lâu ngày hình, thành khối.</p> <p>“ nằm dài” thể hiện sự chán chường mệt mỏi vì bị “sa cơ, nhục nhằn tù hãm”</p> <p>- Con hổ cảm thấy nhục khi bị coi như “thứ đồ chơi” cho “lũ người” mắt bé nhưng lại “ngạo mạn”</p> <p>_ Đau khổ nhất là cảm giác bị tầm thường hóa, bị ngang bầy với bọn gấu, báo vô tư lự</p> <p>-> Ẩn chứa sau mỗi câu chữ là tâm trạng đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, bị rơi vào cảnh sa cơ.</p> <p>- Nổi nhớ rừng càng được thể hiện rõ hơn, mãnh liệt hơn khi hồi tưởng về quá khứ vàng son, oanh liệt với tâm trạng uất ức.</p>

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự

Khổ 4

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi

Những cảnh sửa sang tầm thường giả dối

Hoa chăm cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;

Liệt kê

Dải nước đen giả suối chẳng thông dòng

sự tầm thường, giả dối

Len dưới nách những mô gò thấp kém;

Dăm vùng lá hiến lành không bí hiểm

Cũng học đòi bắt chước vẽ hoang vu

Của chốn ngàn năm cao cả âm u

Khổ 3: Bộ tranh tứ bình

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

câu hỏi đêm trăng sáng

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Cảm giác no say/ ánh trăng sáng tan vào nước

say sưa

➔ Con hổ như 1 thi sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng

+ con hổ cất lên tiếng thở dài ngao ngán “Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu”, nỗi uất hận biết bao giờ mới nguôi ngoai

+ Các từ ngữ “uất hận”, “ghét” đã bộc lộ rõ tâm trạng chán ghét thực tại của hổ

+ Nt liệt kê “Hoa chăm cỏ xén, lối phẳng, cây trồng” và việc sử dụng các từ ngữ: tầm thường, giả dối, không đời nào thay đổi đã cho thấy cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của “chúa Sơn Lâm” thật buồn tẻ. Dù cảnh vật nơi đây được chăm chút cắt tỉa nhưng không thể bằng thế giới tự do bên ngoài của cây cao bóng cả.

+ Con hổ chán ghét cảnh tầm thường do con người bắt chước, học đòi thiên nhiên nên đơn điệu, nhàm chán.

-Bức tranh thứ nhất con hổ hiện lên như 1 thi sĩ trong đêm trăng đẹp:

+ “đêm vàng” là đêm trăng sáng, ánh trăng hòa vào dòng suối như tan ra.

+ Con hổ “say mồi” sau một bữa ăn no hay đang say sưa ngắm cảnh đẹp đêm trăng. Nó uống nước suối mà ngỡ mình uống ánh trăng tan.

Đêm trăng là đêm vàng bởi khung cảnh đầy trăng, con hổ cũng khoác lên mình sắc áo vàng trắng. Cách gọi ấy khiến cho những đêm trăng trở nên huyền ảo hơn. Với hổ giờ đây những đêm trăng ấy quý giá vô ngần bởi đó là đêm tự do và ảo mộng. Hổ say mồi là bản năng của mãnh thú nhưng chúa sơn lâm còn say trăng vàng, sau vì uống ánh trăng tan trong nước suối đại ngàn.

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn không gian rộng lớn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

điệp từ sự chuyển biến của đất nước

→ Trong bức tranh ngày mưa, con hổ hiện lên như một nhà hiền triết lặng ngắm giang sơn mình đổi mới

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Điệp từ màu sắc

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng?

âm thanh

→ Trong bức tranh ngày mưa con hổ như 1 bậc đế vương được tiếng chim ca nâng đỡ giấc ngủ

Đâu những chiều lenh láng máu saurừng

điệp từ màu đỏ của ánh mặt trời

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

kiêu hãnh mặt trời nhỏ bé tắt dần

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Hổ làm chủ thiên nhiên

-Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

câu cảm thán + câu hỏi tu từ

⇒ Cảnh đẹp diễm lệ khi con hổ đứng uống ánh trăng thật lãng mạn. Con hổ cũng biết rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên.

-Bức tranh thứ hai miêu tả cảnh ngày mưa trong khu rừng.

+ “bốn phương ngàn” mở ra một không gian rộng lớn của giang sơn nơi chúa sơn lâm ngự trị. Con hổ hiện lên như 1 nhà hiền triết lặng ngắm giang sơn mình đổi mới.

+ chữ “đâu” lần thứ 2 xuất hiện biểu lộ nỗi tiếc nhớ ngẩn ngơ. Điệp từ “ta” thể hiện niềm tự hào về những kỉ niệm đẹp thuở vùng vẫy ngày xưa

-Bức tranh thứ 3 miêu tả cảnh bình minh trong rừng trong kí ức của con hổ.

+ Bức tranh đầy màu sắc, âm thanh vô cùng sinh động. Bình minh lên, cả khu rừng bừng lên sức sống xanh tươi, ánh nắng vàng chan hòa khắp khu rừng.

+ Con hổ như 1 bậc đế vương được tiếng chim ca nâng đỡ giấc ngủ. Câu hỏi tu từ và điệp từ đầu đầu câu thơ cất lên như một lời than nhớ tiếc xót xa.

-Bức tranh thứ 4 của bộ tứ bình là cảnh sắc của chiều hoàng hôn.

+ Bức tranh mở ra với gam màu đỏ của máu “lenh láng”, màu đỏ của ánh mặt trời lúc chiều tà lan tỏa khắp khu rừng.

+ Trong mắt hổ, vầng thái dương chỉ còn là “mảnh mặt trời” thật bé nhỏ. Đại từ “ta” thể hiện niềm kiêu hãnh của nó.

+ Hổ “đợi chết mảnh mặt trời” là khi mặt

→ Cảm xúc chán chường, tiếc nuối

→ Đây là đoạn tuyệt bút nhất của bài thơ. Bốn bức tranh là bốn nỗi hoài niệm tiếc nuối, điệp ngữ “nào đâu, đâu” là 4 câu hỏi mà giọng điệu ngày càng tăng tiến dữ dội. Thế Lữ đã khắc họa rõ nét tâm trạng uất hận, chán chường, bất lực trước hiện tại tù túng và tâm tư nhớ về quá khứ tự do, oanh liệt của hồ.

trời tắt hẳn, bóng tối bao trùm không gian thì nó sẽ là chúa tể ngự trị đêm tối.

+ Câu cảm thán “than ôi!” và câu hỏi tu từ “Thời oanh liệt nay còn đâu?” khép lại đoạn thơ như một tiếng thở dài ngao ngán của hồ khi trở về với thực tại.

+ Câu hỏi tu từ bắt đầu bằng đại từ phiếm chỉ “nào đâu” gợi nhắc về một quá khứ tươi đẹp đã qua để lại biết bao nuối tiếc, bàng khuâng

-> Đây là một bức tranh đẹp dữ dội và bi tráng nhất. Con hồ trở về vị trí của một bậc chúa tể.

* Cảm nhận Bộ tranh tứ bình

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say môi đứng uống ánh trăng tan”

Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hồ ta đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy. Ta có cảm giác hồ say môi thì ít mà say đắm vẻ đẹp huyền ảo của đêm trăng thì nhiều. Vũ trụ có trăng, lúc khuyết, lúc tròn, lúc lên, lúc lặn để rồi hồ ta không biết bao lần ngây ngất trước ánh trăng vàng tung tóe. Nhớ làm sao những đêm vàng đầy mộng mơ ấy! Và giờ đây nó càng quý vô ngần vì nó là đêm của tự do và ảo mộng.

Bức tranh hai, Thế Lữ cho chúa tể rừng xanh đối diện với sự gào thét của thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”

Mưa rừng không phải là “mưa bay như khói qua chiều”, không phải là “mưa giăng mắc cửi”, càng không phải là “mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng” mà mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng. Thế Lữ thật tài tình khi biết lấy sự gào thét dữ dội của thiên nhiên, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phong nền cho một hồ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình. Quả là bức tranh của một nghệ sĩ kỳ tài.

Còn đây là một cảnh khác, tươi sáng, tung bừng của buổi bình minh. Chúa tể rừng xanh lúc này đang ngon giấc:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gọi

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng”

Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên. Riêng hồ ta lại ngủ, một giấc ngủ lạ đời : giấc ngủ “tung bùng”. Hồ có giấc ngủ riêng của hồ, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hồ thêm say, giấc mơ hồ thêm đẹp. Chỉ bằng vài nét chấm phá má cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động.

Bức tranh cuối cùng tuyệt đẹp, đẹp một cách lộng lẫy và bí tráng:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Bức tranh này khác hẳn với ba bức tranh trên, từ màu sắc, đường nét, đến ánh sáng. Màu vàng óng ả của trăng, màu đen mờ ảo của những trận mưa rừng, cả màu hồng tươi của nắng mới đều không còn nữa thay vào đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Hồ ta lúc này cũng không còn say sưa, mơ mộng như đêm nào, ngày nào mà đã hiện nguyên hình là một mảnh thú. Bên hồ, dưới chân hồ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Ta có cảm giác mặt trời cũng bé đi qua cái nhìn của hồ. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hồ ta đứng đầy uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chứa sơn lâm đẹp thật, một vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mảnh thú đang say mồi.

Quả là một bộ tranh tứ bình hoàn hảo, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hồ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức văn bản Nhớ rừng

1. Giải nghĩa từ:

- **Sa cơ:** rơi vào cảnh không may, phải thất bại.
- **Oai linh:** sức mạnh linh thiêng
- **Giang sơn:** sông núi, chỉ đất đai có chủ quyền
- **Oanh liệt:** tiếng tăm lừng lẫy, vang dội
- **Uất hận:** căm giận, uất ức dồn nén trong lòng

2. Giới thiệu ngắn gọn về nhà thơ Thế Lữ và bài thơ Nhớ rừng.

Gợi ý làm bài:

- Thế Lữ (1907 – 1989) là một trong những cây bút tiêu biểu cho phong trào Thơ mới chặng đầu.

- Ông là thành viên của nhóm “Tự lực văn đoàn” ngay từ khi mới thành lập năm 1934 và có nhiều đóng góp tích cực không chỉ trong lĩnh vực văn chương mà còn trong nghệ thuật kịch nói của Việt Nam.

- Nhà phê bình Hoài Thanh từng nhận định: “Độ ấy Thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột ngột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dầu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền Thơ mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ”.

- Nhớ rừng được coi là thi phẩm tiêu biểu nhất của Thế Lữ, là một trong những bài thơ hay nhất của Thơ mới chặng đầu. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, nhà thơ diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại giả dối, khao khát trở về với cuộc sống tự do. Thông qua tâm sự của chúa sơn lâm, tác giả đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thời bấy giờ.

3. Vì sao Nhớ rừng được xem là bài thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ mới?

Gợi ý làm bài:

Nhớ rừng dường như đã hoàn toàn thoát khỏi những ràng buộc về hình thức và nội dung của ca cổ.

- Nội dung thoát khỏi đề tài kinh điển của thơ ca xưa (phong hoa tuyết nguyệt) mà chính là lời tâm sự của một lớp người yêu nước, họ đang đau khổ trong cuộc sống bị giam hãm, bế tắc, đang chán ghét cuộc sống thực tại tầm thường giả dối dưới sự đô hộ của thực dân Pháp.

- Tư tưởng gửi gắm trong tác phẩm hoàn toàn mới mẻ: tư tưởng giải phóng cá nhân và khát vọng được tự do, khuynh hướng thoát ly với thực tại.

- Ngôn ngữ trong tác phẩm không bị gò ép với các điển cố văn học mà là những hình ảnh thơ đã được nâng lên thành ngôn từ nghệ thuật.

- Số lượng câu trong đoạn thơ, số đoạn thơ trong bài không bị giới hạn, ràng buộc như thơ ca truyền thống.

- Bài thơ đã thoát khỏi các phép tắc tu từ, các quy tắc thơ ca chặt chẽ của các thể loại thơ truyền thống.

4. Căn cứ vào nội dung bài thơ Nhớ rừng, hãy giải thích vì sao tác giả mượn “lời con hổ ở vườn bách thú”. Việc mượn lời đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung cảm xúc bài thơ?

Gợi ý làm bài

Bài thơ được sáng tác vào thời điểm năm 1934, xuất bản năm 1935. Đây là thời kỳ nhân dân ta sống trong cảnh áp bức với chế độ thực dân nửa phong kiến. Đời sống con người bị tù túng, tước đoạt mọi tự do, đặc biệt là chịu sự kiểm soát gắt gao, ngột ngạt bởi bọn thực dân. Chính vì vậy, các sáng tác trong giai đoạn này cũng bị kiểm duyệt một cách kỹ lưỡng.

Việc mượn lời con hổ cũng là cách khéo léo để tác giả dễ dàng bộc lộ tâm trạng, sự chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và khát vọng tự do thầm kín của mình. Chính vì vậy, Nhớ rừng đã có ý nghĩa lớn lao trong việc khơi gợi lòng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc của mỗi người.

Hình ảnh con hổ trong cũi sắt của vườn bách thú chính là biểu tượng cho tình cảm của người dân Việt Nam mất nước lúc bấy giờ.

5. Thủ pháp tương phản trong bài thơ Nhớ rừng được thể hiện như thế nào?

Gợi ý làm bài

Cảnh hiện tại	Cảnh quá khứ
Hổ trong vườn bách thú, bị giam cầm trong cũi sắt.	Hổ trong rừng xanh tươi đẹp, cuộc sống tự do.
Khung cảnh: giả dối, tầm thường.	Khung cảnh hoang sơ, hùng vĩ, đẹp đẽ.
Thái độ mọi người xung quanh: coi thường, xem là “trò lạ mắt”, “thứ đồ chơi”.	Đối với muôn loài, hổ là chúa tể oai phong,凛冽.
Thái độ của hổ: sự chán ghét	Thái độ của hổ: khao khát, ước mơ trở được trở lại.

6. Em hiểu thế nào là “tranh tứ bình”? Vì sao đoạn thơ sau được mệnh danh là một bức tranh tứ bình?

Gợi ý làm bài:

- Tranh tứ bình là cách khái quát nghệ thuật mang tính ước lệ thời xưa bởi quan niệm tứ bình là một thế giới hoàn chỉnh.

Để xây dựng tứ bình có rất nhiều cách; Theo dòng thời gian có “xuân, hạ, thu, đông”; theo phương hướng có “Đông, Tây, Nam, Bắc”; theo ngành nghề có “ngư, tiều, canh, mục” ... Tranh tứ bình sẽ mang giá trị khái quát nhiều phương diện.

- Bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng:

+ Bức thứ nhất là cảnh đêm vàng bên bờ suối: trong không gian lấp lánh trăng, hổ gọi đó là “đêm vàng” huyền ảo. Chứa sơn lâm say mê, đứng uống ánh trăng (trăng tràn khắp

không gian, trắng in xuống nước). Đường như hồ cũng biết rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên.

+ Bức thứ hai là bức tranh về cơn mưa rừng dữ dội làm rung chuyển bốn phương trời. Nhưng cơn hồ, trong tư thế của vị chúa tể lặng ngắt “giang sơn” mà nó cai trị. Mỗi trận mưa chuyển bốn phương ngàn, cả khu rừng như dạ dào sức sống. Bức tranh thiên nhiên giờ đây mang vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế và thanh khiết đến vô cùng.

III. Đề luyện

Phần 1:

1- Chép thuộc thơ

- Tác phẩm : Nhớ rừng

- Hiểu biết về tác giả: tác giả Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ (1907-1989)

Vị trí: nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới buổi đầu, người góp phần mở đường cho sự thắng lợi của Thơ mới

2. Mạch cảm xúc : cảm hờn thực tại tù túng – hồi tưởng quá khứ tự do, huy hoàng – trở về thực tại tầm thường

3. Viết đoạn

Nội dung: chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật: liệt kê, sử dụng hàng loạt tính từ với sắc thái rõ nét, thể hiện trực tiếp cảm xúc

=> Tái hiện không gian giả tạo, đối lập với không gian thiên tạo ở đoạn trước, là lí do dẫn tới tâm trạng con hồ.

- Nêu thân phận con hồ: bị giam hãm , tù túng trong khung cảnh tầm thường, giả dối, bị mất tự do.

- Tâm trạng con hồ: nhớ cảnh sơn lâm, nuối tiếc quá khứ chúa tể muôn loài, nên càng khinh ghét những gì thuộc về thực tại, khát khao tự do.

- Tâm sự thâm kín: nỗi buồn mất nước, lòng yêu nước

Yêu cầu tiếng Việt: trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán, một câu hỏi tu từ, có chỉ rõ.

Phần 2

a. Từ bị chép sai là : “**ngậm**” và “**nỗi**”

HS chép lại thơ

b. So sánh:

- Trước khi sửa lại:

+ **Ngậm** là giữ một vật ở trong miệng lâu->sự chủ động của chủ thể, không gây khó chịu.

+ **Nỗi**: ý nghĩa trừu tượng, không thể hiện được tâm trạng uất hận của con hồ.

- Sau khi sửa lại (nguyên bản):

+ **Gậm:** hành động gậm nhấm một cách khó khăn 1 vật gì đó

+ **Khối:** ý nghĩa cụ thể, 1 vật lớn và cứng

➔ **Thể hiện được tâm trạng không chấp nhận thực tại, không an phận của con hổ. Đường như nỗi uất hận trong lòng nó đã tích tụ thành hình, thành khối.**

c. Nhân vật “ta” trong câu thơ là ai, đang ở trong hoàn cảnh nào? Qua nhân vật ta tác giả muốn gửi gắm điều gì?

- Nhân vật “ta” là con hổ đang bị nhốt trong vườn bách thú

- Qua nhân vật “ta” tác giả muốn gửi gắm tâm sự của những người dân yêu nước VN đang phải sống trong cảnh tù túng, nô lệ... Họ khao khát tự do, khao khát được sống đúng nghĩa

Phần 3:

a. Chép thơ

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt, Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

b. Nhớ rừng - Thế Lữ.....

c. PTBĐ chính: biểu cảm

d. BPNT:

- Câu cảm thán

- Câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc

- Điệp từ: nào đâu, đâu những

=> Sự nuối tiếc, nhớ thời oanh liệt ở rừng...

e. Gợi ý viết đoạn

- ND: nói về cảnh gì? cảnh đó như thế nào?

- NT: từ ngữ, BPNT....-> tác dụng của BPNT

Khổ 3: bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy:

- Bốn cảnh: cảnh núi rừng hùng vĩ tráng lệ với con hổ uy nghi - chúa tể:

+ Đêm vàng bên bờ suối/ say mồi....

+ Ngày mưa.../lặng ngẫm...

+ Bình minh..../giấc ngủ...

+ Chiều..../đợi chết...

-> Tư thế lẫm liệt, kiêu hùng -> chúa sơn lâm đầy uy lực

- Câu hỏi tu từ

- Điệp ngữ: "nào đâu..." => nuối tiếc

Phần 4

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ.

Giải thích nhan đề:

Câu 2: Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế của con hổ: buông xuôi, bất lực, ngày đêm gặm nhấm khối căm hờn, mà theo thời gian cứ một rần thêm, lớn thêm.

Câu 3: Nhà thơ tả tâm trạng của con hổ với dụng ý : nói lên nỗi đau đớn của tầng lớp trí thức khi chứng kiến cảnh đất nước nô lệ mà bản thân không giúp được gì cho Tổ quốc, cho đồng bào, chỉ biết thét lên trong căm lặng, nỗi căm hờn uất ức giận sôi. Qua đây tác giả gửi gắm tấm lòng yêu nước thầm kín của mình.

Câu 4. HS viết đúng hình thức đoạn và nội dung đảm bảo các ý sau:

- Hoàn cảnh bị nhốt trong cũi sắt, trở thành một thứ đồ chơi

- Tâm trạng căm hờn, phẫn uất tạo thành một khối âm thầm nhưng dữ dội như muốn nghiền nát, nghiền tan

- “Ta nằm dài” – cách xưng hô đầy kiêu hãnh của vị chúa tể => Sự ngao ngán cảnh tượng cứ chậm chậm trôi, nằm buông xuôi bất lực

Phần 5

1. *Đâu những bình minh cây xanh nắng gọi,
Tiếng chim ca giắc ngủ ta tung bùng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

2: - Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ

3: - Thể loại: Thơ

- Ý nghĩa của đoạn thơ: Nỗi nhớ cảnh bình minh, hoàng hôn của con hổ trong quá khứ và tâm trạng của nó

4

+ *Đâu những bình minh cây xanh nắng gọi,
Tiếng chim ca giắc ngủ ta tung bùng?*

+ *Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

+ *Thời oanh liệt nay còn đâu?*

=> Các câu cầu khiến này dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc

5. Viết đoạn

Mở đoạn: Đoạn thơ “Đâu nhữngnay còn đâu?” là một đoạn thơ tiêu biểu thể hiện nỗi nhớ về quá khứ tự do hào hùng của con hổ

Thân đoạn: làm rõ những nỗi nhớ trong quá khứ của “con hổ”:

- Cảnh bình minh: Hổ như một chúa tể tàn bạo cây xanh nắng gọi là màn trướng, còn chim chóc như những bầy cung nữ đang hân hoan ca múa quanh giấc nồng.
- Bộ tứ bình khép lại bằng bức cuối cùng, cũng là bức ấn tượng hơn cả:
- Giọng điệu không còn là thở than, mà đã thành chất vắn đầy giận dữ và oai linh đối với quá khứ mà cũng là đối với hiện tại. Chúa sơn lâm hiện ra cũng với một tư thế hoàn toàn khác: tư thế kiêu hùng của một bạo chúa.
- Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng: Nền cảnh thuộc gam màu máu, gợi ra cảnh tượng chiến trường sau một cuộc vật lộn tàn bạo. Đó là máu của mặt trời ánh tà dương lúc mặt trời hấp hối, dưới cái nhìn kiêu ngạo của con mãnh thú, gợi được cái không gian đỏ máu của địch thủ mặt trời, vừa gợi được vẻ bí hiểm của chốn diễn ra cuộc tranh chấp đẫm máu.

- "Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt, Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật", bức tứ bình cuối cùng dường như đã thể hiện được bản chân ngạo nghệ siêu phàm của con thú như dầm đạp lên bầu trời, cái bóng của nó cơ hồ đã trùm kín cả vũ trụ, tham vọng tỏ rõ cái oai linh của kẻ muốn thống trị cả vũ trụ này!
- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? Tiếng than u uất bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ, nhớ cuộc sống tự do của mình, nhớ những cảnh không bao giờ còn thấy nữa giấc mơ huy hoàng đã khép lại.
- Biện pháp nghệ thuật: Điệp ngữ, câu hỏi tu từ, câu cảm thán, nhân hóa.

IV. CÂU HỎI HSG

Câu 1

Có ý kiến cho rằng : "Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ (Ngữ văn 8, tập 2)tràn đầy cảm xúc lãng mạn".Em hãy cho biết cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ như thế nào ?

GỢI Ý:Nêu được nội dung cơ bản sau:

- Bài thơ “Nhớ rừng” là bài thơ hay của Thế Lữ, nhưng cũng là bài thơ hay của phong trào Thơ Mới. Điểm nổi bật của tâm hồn lãng mạn là giàu mộng tưởng, khát vọng và cảm xúc. Người nghệ sỹ lãng mạn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám-1945 cảm thấy cô đơn, tù túng trong xã hội bấy giờ nhưng bất lực, họ chỉ còn biết tìm cách thoát li thực tại ấy bằng chìm đắm vào trong đời sống nội tâm tràn đầy cảm xúc. Tâm hồn lãng mạn ưa thích sự độc đáo, phi thường, ghét khuôn khổ, gò bó và sự tầm thường. Nó có hứng thú giải bày những cảm xúc thiết tha mãnh liệt, nhất là nỗi buồn đau.

- Cảm xúc lãng mạn trong bài thơ nhớ rừng được thể hiện khá rõ ở những khía cạnh sau: (1 điểm).

+ Hướng về thế giới mộng tưởng lớn lao, phi thường tráng lệ bằng một cảm giác trào dâng mãnh liệt. Thế giới ấy hoàn toàn đối lập với thực tại tầm thường, giả dối. Trong bài thơ, thế giới mộng tưởng chính là cảnh đại ngàn hùng vĩ và kèm theo đó là cảnh oai hùng của chúa sơn lâm.

+ Diễn tả thâm thía nỗi đau trong tinh thần bi tráng, tức là nỗi uất ức xót xa của hóm thiêng khi sa cơ lỡ vận.

Câu 2: Người xưa nói “Thi trung hữu họa” (trong thơ có tranh), em cảm nhận điều đó như thế nào qua đoạn thơ sau đây:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mỗi đấng uống ánh trăng tan?

.....

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt?

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

(Nhớ rừng – Thế Lữ)

GỢI Ý

Học sinh trình bày được bức tranh tứ bình (bốn hình ảnh) nổi bật trong đoạn thơ:

**Yêu cầu về kĩ năng*: học sinh trình bày thành đoạn văn quy nạp.

* *Yêu cầu về kiến thức*:

- "Thi trung hữu họa" - Trong thơ có tranh. Thế Lữ bằng chất liệu ngôn ngữ đã vẽ nên bộ tranh tứ bình về "chúa sơn lâm" khá hoàn hảo.

+ " Nào đâu ... trắng tan" : Cảnh đêm trăng trên dòng suối đại ngàn. Hồ no mỗi say sưa ngắm cảnh đẹp huyền ảo.

+ " Đâu những ngày ... đôi mới": Cảnh mưa rừng chuyển đại ngàn. Hồ lặng ngắm giang sơn đôi mới.

+ " Đâu những bình minh ... tọng bùng" : bình minh tinh khôi, mới mẻ. Hồ vẫn ngủ "tọng bùng" khi mọi vật đã thức dậy.

+ " Đâu những chiều ... gay gắt": Hồ là mãnh thú uy nghi đợi màn đêm buông xuống, nó sẽ là chúa tể của muôn loài.

- Nghệ thuật: phối cảnh hài hòa, bố cục thẩm mỹ, dòng nét thanh tao, gam màu chuẩn xác, kết hợp với các phép tu từ: điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa, câu hỏi tu từ ... tạo nên bộ tranh bằng ngôn ngữ độc đáo, đặc sắc.

Nhận xét: ngôn từ sống động, giàu hình ảnh. Đây là đoạn thơ đặc sắc thể hiện tài năng quan sát, xây dựng hình ảnh, vận dụng trí tưởng tượng, sắp xếp, tổ chức sáng tạo ngôn từ thành những câu thơ tuyệt bút của Thế Lữ.

V. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	A	D	D

2. Tự luận

* Tâm sự của con hổ qua cảnh tượng vườn bách thú tù đọng, chật hẹp:

- Sự chán nản, ngao ngán, khinh ghét khi phải sống ngang bầy cùng với "bọn gấu dở hơi", với "cặp báo chuồng bên vô tư lự".

- Phẫn uất, căm giận trước những con người "ngao mạn ngẩn ngo", u uất, uất hận, bất lực trước cảnh giam hãm tù túng, những cảnh "tầm thường giả dối" ở vườn bách thú.

* Tâm sự của con hổ qua cảnh núi rừng đại ngàn:

- Tâm trạng hoài niệm, nuối tiếc ngậm ngùi về một thời oanh liệt, hào hùng. Khi thì dẫn vật, khi lại thiết tha, khao khát trở lại những năm tháng tươi đẹp xưa.

- Tâm sự ấy của con hổ cũng chính là tâm trạng của nhà thơ cùng những người dân Việt Nam mất nước lúc bấy giờ. Họ bất lực và chán chường cuộc sống trong cảnh nô lệ đầy tù túng, ngột ngạt, không có tự do. Họ bất hòa sâu sắc với xã hội và họ khao khát tự do, nhớ tiếc một “thời oanh liệt” với những chiến công chống giặc ngoại xâm hiển hách của dân tộc.

ĐỀ 2

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	B B		A

2. Tự luận

Việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” là một lựa chọn rất khéo léo và phù hợp để giúp tác giả thể hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước kín đáo của mình.

- Qua hình ảnh con hổ - vị chúa sơn lâm bị giam cầm trong vườn bách thú, nhà thơ đã thể hiện một cách rất gợi cảm cảnh ngộ bị tước mất tự do, sự sa cơ và u uất của nhân dân ta khi bị mất nước, rơi vào cảnh nô lệ. Con hổ nuối tiếc một thời oanh liệt nơi rừng xanh cũng như chính nhân dân ta nhớ tiếc lịch sử chống giặc hào hùng của dân tộc và khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của nhân dân.

- Trong thời điểm khi tác giả sáng tác bài thơ, các tác phẩm văn nghệ gặp phải sự kiểm soát rất ngặt nghèo của thực dân. Vì vậy, việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” sẽ giúp tác giả có thể hiện một cách kín đáo, bóng bẩy những tâm sự của mình.

ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Lòng yêu nước là một truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay, từ quá khứ đến hiện tại tương lai, trong khó khăn gian khổ và cả trong hòa bình.

Từ tâm trạng của con hổ cũng là tâm trạng của người dân mất nước lúc bấy giờ, em có suy nghĩ gì về lòng yêu nước của nhân dân ta?

STT	Thao tác	Nội dung
1	Giải thích	Lòng yêu nước là tình cảm yêu quý, gắn bó, tự hào về quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết tài năng, trí tuệ của mình phục vụ lợi ích của đất nước.
2	Biểu hiện	<p>Lòng yêu nước trong mỗi con người cụ thể mang một hình hài riêng. Có thể là sự hi sinh anh dũng của những chiến sĩ ngoài mặt trận; có thể là sự cống hiến lặng lẽ và âm thầm trong lao động để xây dựng, phát triển đất nước. Lòng yêu nước còn bắt nguồn từ những điều rất đơn giản nhưng giàu ý nghĩa: đó là tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ, luôn luôn hướng về cội nguồn của mình những lúc đi xa. Hay đơn giản chỉ là dõi theo, âm thầm cổ vũ, ủng hộ cách mạng, kháng chiến như ông Hai trong truyện ngắn Làng; hàng triệu trái tim người Việt Nam cùng hướng về chủ quyền biển đảo khi Trung Quốc có những hành động xâm chiếm...</p> <p>Đó đều là những biểu hiện của một trái tim nồng nàn yêu nước.</p>
3	Phân tích chứng minh	<p>Tại sao chúng ta cần phải có lòng yêu nước?</p> <p><i>- Bởi vì đất nước là quê hương, là nguồn cội thiêng liêng nhất của mỗi con người, là nơi chúng ta lớn lên, cũng là chốn quay về.</i></p> <p>(Nhiều kiều bào Việt Nam sống ở nước ngoài vẫn luôn hướng về đất nước, luôn nhớ về những hình ảnh của quê hương. Họ là những nhà hảo tâm giúp đỡ những người dân mình gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật. Đất nước với họ là điểm tựa tinh thần, là một nơi để nhớ về, cũng là một nơi để trở về)</p> <p><i>- Lòng yêu nước tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc, là yếu tố quyết định chiến thắng, giúp chúng ta đánh bại những kẻ thù mạnh nhất trên thế giới. Trong hòa bình, lòng yêu nước là sức mạnh để chúng ta vượt qua những khó khăn, giúp đất nước phát triển đi lên.</i></p> <p>(Bác Hồ đã nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước... nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Và lịch sử đã chứng minh điều đó, từ thời các vua Hùng dựng nước, thời Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung đến kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ...)</p> <p><i>- Lòng yêu nước còn khiến mỗi chúng ta sống có trách nhiệm hơn với cộng đồng, với quê hương, dân tộc và với chính bản thân mình.</i></p> <p>(Thực ra, ở mỗi người, khát vọng vinh danh cho quê hương đất nước không khi nào tách rời khát vọng vinh danh cho chính bản thân mình. Chúng ta say mê học tập, lao động với chính mình nhưng những thành</p>

		quả mà ta đạt được sẽ điểm tô cho non sông đất nước...Những bạn HSG đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc tế, những cống hiến, đóng góp về KH – KT...)
4	Phê phán	<p>- Thế nhưng, hiện nay, vẫn những một bộ phận nhỏ những người mang dòng máu Việt Nam, sinh ra ở Việt Nam lại có những hành động, suy nghĩ lệch lạch như chống phá nhà nước, nói xấu đất nước, sống ích kỉ, chỉ biết phục vụ lợi ích cá nhân, những người bỏ quên đất nước.</p> <p>- Tránh yêu nước mù quáng, cả tin không phân định rạch ròi để sa vào cạm bẫy của kẻ thù lợi dụng (vụ gian khoan HD981 của Trung Quốc)</p>
5	Liên hệ bản thân	<p>- Lòng yêu nước đó là tình cảm tốt đẹp, thiêng liêng cần có trong mỗi con người.</p> <p>- Nhưng làm thế nào để tình yêu đó ngày càng nồng nàn, tha thiết, ngày càng mãnh liệt hơn - đó là điều ai cũng cần tự giác nhận thức và tìm cho mình câu trả lời.</p> <p>- Lòng yêu nước không cần biểu hiện bằng lời nói, lòng yêu nước là những gì bình dị nhất nhưng cũng thiêng liêng nhất. Là học sinh, yêu đất nước là khi cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt để mai này giúp ích cho đất nước. Yêu đất nước từ việc yêu những người thân trong gia đình, yêu những điều bình dị ở quê hương, yêu ngôn ngữ giàu đẹp mà phong phú nước mình, yêu lá cờ đỏ sao vàng biết mấy tự hào. yêu cả những trang sử hào hùng của đất nước.</p>

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Phân tích bài thơ *Nhớ rừng* của Thế lữ.

1. Mở bài.

- Giới thiệu về tác giả tác phẩm: Thế Lữ , tên thật là Nguyễn Thứ Lễ (1907-1989) Quê ở Bắc Ninh. Ông được đánh giá là nhà thơ tiên phong của phong trào thơ mới

(1930-1945)

- Bài thơ nhớ rừng mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả tâm trạng bất bình, phẫn uất trước cảnh đời tù túng, tầm thường của xã hội thực dân phong kiến và kín đáo bày tỏ lòng yêu nước cùng khát vọng tự do của nhân dân ta.

2. Thân bài.

* Giá trị nội dung của bài thơ.

- Tâm trạng của con hổ trong hoàn cảnh bị giam cầm - khối căm hờn và niềm uất hận.

- + Được nhà thơ miêu tả bằng ngòi bút sắc sảo, tài hoa. Sự tương phản gầy gầy giữa bản chất, tính cách của nhân vật trữ tình (con hổ - chúa sơn lâm đầy oai phong) với hoàn cảnh bị giam cầm bó buộc (trong cũi sắt) làm nổi bật tâm trạng cay đắng, phẫn nộ tột độ.
- + Hổ cảm nhận nỗi khổ bị nhốt lâu ngày trong cũi sắt, một không gian chật hẹp, tù hãm.
- + Thăm thía nỗi nhục bị biến thành trò chơi cho lũ người bé nhỏ, ngạo mạn.
- + Bất bình vì bị hạ xuống ngang hàng cùng những con vật tầm thường...
- + Nhận thức sâu sắc tình cảnh bi thảm của mình.
- + Muốn phá tung xiềng xích để về với cuộc sống tự do nhưng không được nên càng căm giận và tuyệt vọng.
- Nỗi nhớ thời oanh liệt.
- + Tự an ủi bằng quá khứ huy hoàng để quên đi hiện tại phũ phàng.
- + Hổ da diết nhớ quá khứ oai phong lẫm liệt của vị chúa tể, thừa còn tự do vùng vẫy giữa núi cao rừng thẳm.
- + Nhớ cảnh rừng thiêng với khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ và bí ẩn.
- Cảnh vườn bách thú qua cái nhìn khinh bỉ của chúa sơn lâm.
- + Khung cảnh đơn điệu, buồn tẻ, giả tạo...
- + Khác xa với thế giới tự nhiên, giang sơn của loài hổ.
- Hổ khát khao tự do, thả hồn về chốn đại ngàn xa thẳm.
- + Hổ luôn mơ về chốn đại ngàn hoang dã, tương phản hoàn toàn với cảnh sống tù túng, chật hẹp hiện tại.
- + Bộc lộ nỗi tiếc nhớ cuộc sống tự do.
- + Những hình ảnh tiêu biểu, chọn lọc, từ ngữ giàu khả năng gợi tả, gợi cảm được tác giả sử dụng để thể hiện chân dung đầy uy vũ cùng cuộc sống tự do tuyệt đối của chúa sơn lâm.
- + Quá khứ tươi đẹp hào hùng không thể làm vui nổi buồn mà càng làm tăng thêm sự bất bình, cay đắng trước thực tại.
- + Trong cảnh giam cầm, hổ chỉ còn biết gửi hồn về chốn *nước non hùng vĩ*, giang sơn của *giống hùm thiêng ngự trị* tự ngàn xưa.
- + Bất lực vì không thể phá tan xiềng xích, trở về với cuộc sống tự do nên hổ chỉ còn biết thốt nên lời ngậm ngùi ai oán.

-> Tâm trạng con hổ bị giam cầm cũng chính là tâm trạng chung của cả một thế hệ thanh niên trí thức trước hiện thực ngột ngạt, đen tối của xã hội thực dân phong kiến đương thời khi đất nước, dân tộc đang trong vòng nô lệ.

* Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

- Thể thơ tám chữ phù hợp với việc thể hiện những diễn biến phức tạp của tâm trạng nhân vật trữ tình.

- Nhịp thơ thay đổi linh hoạt, lúc nhanh, lúc chậm. Âm hưởng thơ lúc da diết, sâu lắng, lúc sôi nổi hào hùng... tùy thuộc vào diễn biến tâm trạng nhân vật.

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đạt tới trình độ điêu luyện.

- Hình tượng nhân vật mang ý nghĩa tượng trưng, thể hiện thành công chủ đề tư tưởng của bài thơ và ý đồ của tác giả.

3. Kết bài.

- Bài thơ được đánh giá là một trong những tác phẩm xuất sắc của thơ mới và thơ ca Việt Nam hiện đại.

- Nhớ rừng là đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của Thế Lữ. Tên tuổi của Thế Lữ và bài thơ nhớ rừng sống mãi trong lòng người đọc.

THAM KHẢO

Nhớ rừng và ngòi bút tạo hình lãng mạn của Thế Lữ

Ai đã từng xem bức chân dung Hoàng Lập Ngôn vẽ Thế Lữ theo lối tinh tượng họa, mới thấy họa sĩ này sao mà tinh quái và thâm thúy. Ông đã thể hiện gương mặt tác giả Nhớ rừng trong bộ mặt ...chúa sơn lâm! Nghĩa là mặt một con hổ chính cống. Mà cũng phải! Không có cái con - hổ - nhớ - rừng hồi ấy thì làm gì có Thế Lữ! Vả, cái gã thi sĩ có công “dựng thành nền Thơ mới ở xứ này” cũng đáng được xem là một chúa sơn lâm chứ sao! Ngang cơ quá còn gì! Tất nhiên, họ không giao đấu, mà chỉ giao nhau. Giao trong từng nét một để cùng làm nên một chân dung kép. Thế Lữ - Hổ hay là Hổ - Thế Lữ thì cũng vậy! “Thực” đến thế thì đạt mức “siêu” còn gì! Quái lạ thay là lòng tri kỷ! Quái lạ thay là nghệ thuật tạo hình!

Tôi vừa nói đến nghệ thuật tạo hình - cái ngành nghệ thuật mà trước khi thành thi sĩ, Thế Lữ đã từng dấn thân vào, tuy nửa vời. Dầu vậy, cái máu hội họa, cái vốn hội họa vẫn đủ cho ông có được một “gu” tạo hình khi cầm ngọn bút thi nhân. Thế Lữ đã làm thơ bằng hồn thơ đậm tính hội họa. Nhớ rừng là thi phẩm rất tiêu biểu. Có thể sánh thế này: nếu Hoàng Lập Ngôn vẽ con Hổ - Thế Lữ bằng hội họa đơn thuần, thì Thế Lữ đã vẽ con Hổ - nhớ rừng bằng hội họa của... thơ. Trong nét bút Thế Lữ, người ta không chỉ thấy họa pháp của một họa sĩ từng theo học Mỹ thuật Đông Dương, mà trù lên tất cả là một thi pháp nghiêng về tạo hình của thi phái Lãng mạn. Vì thế mà, Nhớ rừng vừa là một “khúc trường ca dữ dội” thể hiện tâm

trạng vĩ đại của chúa sơn lâm, vừa là một họa phẩm hoành tráng từng bước làm nổi hẳn lên trên mặt bằng của câu chữ hình tượng vì “chúa tể cả muôn loài”.

Nhiều người đã nói đến nội dung xã hội của bài thơ. Thậm chí đã có lúc người ta cho rằng nội dung yêu nước mới là đích thực và đáng kể nhất của Nhớ rừng. Hướng lĩnh hội ấy càng ngày càng bộc lộ sự ấu trĩ của nó. Nội dung kia, nếu có, phải ẩn chìm ở bề sau. Tâm trạng của chúa sơn lâm là một bi kịch. Không chỉ của một con hổ. Không chỉ của riêng Thơ mới. Mà trước hết và trên hết là bi kịch của cái tôi lãng mạn. Bởi nó bắt nguồn từ một trạng thái tâm lý rất đặc trưng của những cái tôi lãng mạn: do bất hòa với thực tại mà thoát ly vào thế giới bên trong của chính mình, cố tìm kiếm một thực tại khác để thay thế thực tại bên ngoài. Mơ tưởng là đời sống của những cái tôi lãng mạn. Cái tôi này tìm vào thực tại hồi tưởng, cái tôi kia tìm vào thực tại huyền tưởng, cái tôi khác lại tìm vào thực tại viễn tưởng... Kể tìm vào hồi tưởng, thực chất, đã đối lập hiện tại với quá khứ. Với nó, quá khứ mới vàng son, mới là thời hoàng kim, thời oanh liệt. Chỉ trong quá khứ ấy, nó mới thấy hạnh phúc, thấy hài hòa. Mà thời đó thì vĩnh viễn mất rồi, chìm vào dĩ vãng rồi. Chỉ có thể sống lại trong hồi tưởng thôi. Vì thế, nó dùng hồi tưởng để hồi hiện quá khứ, phục chế quá khứ và tô điểm thêm cho quá khứ. Hoài cổ (có thời người ta coi là thoát ly vào quá khứ) là một đời sống tinh thần của cái tôi lãng mạn ấy, về sau trở thành một cảm hứng phổ biến của văn học lãng mạn, cũng là vì thế.

Riêng ở Việt Nam, lại có thêm một lý do nữa khiến mối bất hòa cố hữu kia trầm trọng và gay gắt hơn: tình trạng thuộc địa của thực tại. Do thế, bất hòa với thực tại trước tiên là phản ứng thẩm mỹ của cái tôi lãng mạn, sau nữa là phản ứng chính trị của lòng yêu nước. Lớp nghĩa thứ hai đến sau và ở bề sau, là như vậy. Thế Lữ đã ký thác những điều đó vào vị chúa sơn lâm này. Con hổ bị cầm tù trong cũi sắt giữa vườn bách thú vẫn ôm trong lòng “niềm uất hận ngàn thu”, vẫn “đương theo giấc mộng ngàn to lớn” chính là hiện thân của bi kịch ấy. Đối với nó, thực tại là cũi sắt, là vườn bách thú nhỏ mọn, tầm thường, giả dối, vô vị, vô tích sự. Còn rừng là thời vàng son, thuở hoàng kim trong hồi tưởng. Nhớ rừng là nhớ một thế giới cao cả, nhớ chốn thiêng liêng, nhớ cõi tự do. Rừng là thời oanh liệt, thời làm chủ nhân ông của đại ngàn. Toàn bộ ý nghĩa cuộc đời mình là ở nơi rừng. Đánh mất rừng cũng là đánh mất mình. Hằng ngày cứ thấy mình bị tầm thường hóa đi mà bất lực! Khao khát rừng là khao khát được là mình! Đó chẳng phải cũng là khao khát của một cái tôi đòi giải phóng đó ư? Bởi đây là chúa sơn lâm, nên logic là nhất nhất mọi cái phải ở tầm “chúa tể cả muôn loài”. Nghĩa là đều phải siêu phàm, kỳ vĩ, chế ngự, bao trùm. Nhưng đằng sau những cái riêng thuộc về tập tính loài hùm thiêng, ta đều thấy cái chung với con người. Cái lý của việc tìm đến hình tượng con hổ này của Thế Lữ là ở đó.

Nhưng cảm xúc mà cái tôi - hổ này đang mang nặng, thực chất, là gì vậy? Tôi đã có lần viết: Thơ mới là một điệu sầu mệnh mông, mà nếu đem phân chất ra thì sẽ thấy trong đó ba mối sầu đậm nhất: sầu nhân thế, sầu thời thế, sầu thân thế. Ba mối sầu này đan quyện, chuyển hóa sang nhau cất lên mà thành Thơ mới. Nhớ rừng nghiêng về mối sầu thứ ba. Tâm trạng chúa sơn lâm chính là tâm trạng “hùm thiêng khi đã sa cơ”, tâm trạng bi tráng của một anh hùng thất thế đang phản uất về thân thế mình. Vì vậy lời than đầy hùng tâm tráng chí này không chỉ rung chuyển rừng già, mà còn làm rung chuyển muôn vạn con tim của thời bấy giờ:

Song ngẫm ra, ai chẳng có thời oanh liệt của riêng mình? Ai chẳng có cái quang huy hoàng chói lọi, cái đoạn ý nghĩa nhất của đời mình? Bất cứ người nào trong cuộc đời này, nếu là người luôn khát sống thì rồi sẽ có lúc ngấm nỗi hận sâu thẳm thế, để rồi cất lên cái tiếng than u uất kia của chúa sơn lâm thôi. Trong mỗi cuộc đời, mỗi kiếp người đều tiềm ẩn cái tiếng than đầy nhân bản ấy của con hổ này. Vậy là sâu thân thế cũng tiềm tàng cả sâu nhân thế. Nói con hổ nhớ rừng mang trong nó một tâm trạng vĩ đại còn vì ý nghĩa tiêu biểu lớn lao đó. Tính tạo hình trong bút pháp Thế Lữ chủ yếu thể hiện ở việc khắc họa cái Phi thường. Và để nó sắc nét, thi sĩ đã duy trì một nguyên tắc tương phản khá nhất quán và nhuần nhuyễn giữa cái Phi thường và cái Tầm thường. Chúa sơn lâm được đặt ở trung tâm bức tranh, còn tất cả thì được nhìn qua con mắt của loài mãnh thú này, do đó mà tất cả đều trở nên tầm thường. Đối diện với hổ, ngay con người cũng chỉ là “lũ người ngạo mạn ngẩn ngơ”, với “mắt bé” dám “diều oai linh rừng thẳm”. Còn bọn gấu thì “dở hơi”, cặp báo chỉ là loài ươn hèn nô lệ, hời hợt “vô tư lự”. Cái thế giới rừng già kề bên chúa sơn lâm thâm hại đã đành. Mà ngay cả bao tạo vật, cảnh trí lớn lao trong vũ trụ này dưới mắt nó cũng tầm thường vô nghĩa. Bằng cách tương phản thế, hình ảnh chúa sơn lâm trở nên kỳ vĩ !

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi / Với khi thét khúc trường ca dữ dội, rồi Ta bước chân lên đồng dặc đường hoàng / lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng..., con mãnh thú mới là chúa tể muôn loài trong xứ sở của mình, giữa chốn rừng núi. Nhưng đến đoạn này, thì con hổ kia đã dần trở thành chúa tể cả vũ trụ :

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?*

Dễ thấy đây là đoạn tuyệt bút của Nhớ rừng. Nhưng tôi chỉ muốn nói đến một khía cạnh của đoạn tuyệt bút kia, ấy lối tạo hình bằng thơ. Và cũng chỉ một khía cạnh tạo hình thôi, ấy là vẽ tranh tứ bình. Thực ra, tứ bình là một lối tạo hình quen thuộc từ cổ điển. Người xưa thường khái quát một hiện thực toàn vẹn nào đó vào bộ tranh gồm bốn bức. Cho nên tự thân tứ bình là một cấu trúc, một chỉnh thể, một thế giới. Thời gian thì Xuân Hạ Thu Đông, thảo mộc thì Tùng Trúc Cúc Mai, hay Mai Lan Cúc Trúc, nghề nghiệp thì Ngư Tiều Canh Mục, tầng lớp thì Sĩ Nông Công Thương, nghệ thuật thì Cầm Kỳ Thi Họa.v.v... Nảy sinh từ hội họa, về sau tứ bình xâm nhập vào nhiều nghệ thuật khác. Người đọc thơ có thể đơn cử ở Chinh phụ ngâm, những đoạn như nỗi nhớ chồng của nàng chinh phụ diễn ra trọn vẹn khi “trông bốn bề”, mỗi bề là một phía, một cung bậc, một nông nổi của nhung nhớ. Tâm trạng buồn nản, hãi hùng của Thuý Kiều trước lầu Ngưng Bích cũng diễn thành tứ bình với điệp khúc

“buồn trông”. Rồi ngay Tố Hữu cũng dùng đến tứ bình khi viết bài Việt Bắc ở đoạn “Ta về ta nhớ những hoa cùng người”... Vậy, dùng tứ bình thì chưa phải là gì thật đáng nói. Đáng nói là: cả bốn bức tứ bình ở đây đều là những chân dung tự họa khác nhau của cùng một con hổ. Nó đã khái quát trọn vẹn về cái “thời oanh liệt” của chúa sơn lâm.

Bốn bức là bốn nỗi hoài niệm đầy tiếc nuối, uất hận.

Đồng thời, là bốn câu hỏi mà giọng điệu càng lúc càng dữ dằn.

Mỗi bức một khung cảnh, một gam màu, một dáng điệu của vị “chúa tể cả muôn loài”.

Bức thứ nhất thật thi vị :

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Gam màu vàng lóng lánh của ánh trăng in trên suối vắng. Đối với con hổ giờ đang bị giam cầm trong cũi sắt, đó không chỉ là những kỷ niệm lấp lánh vàng, mà thực sự là những “đêm vàng” - những kỷ niệm được đúc bằng vàng ròng - không bao giờ còn có lại. Chúa sơn lâm hiện ra như nhà thi sĩ của chốn lâm tuyền, với cử chỉ uống ánh trăng tan đầy thơ mộng. Chữ “say mồi” có thể làm người đọc lạc hướng, bởi tưởng rằng “mồi” đây hẳn là một con thú đáng thương nào đó. Không phải. Con mồi chính là con trăng vàng in bóng trong lòng suối. Con mồi - cái đẹp, cái đẹp - con mồi một thân phận kép, đó là cảm nhận độc đáo của con hổ - thi sĩ này. Thế Lữ đã tỏ ra là người nhập được vào hổ, khi gửi vào mãnh thú một mảnh hồn thi sĩ.

Bức thứ hai, chúa sơn lâm hiện ra như một minh đế trước giang sơn của mình :

Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đêm trăng đã nhường chỗ cho chiều mưa. Gam vàng đã chuyển qua gam xám bạc điểm ánh tươi xanh. Đấng vương chủ của chốn rừng già đang phóng tầm mắt bao quát toàn cảnh vương quốc đương thay da đổi thịt dưới sự trị vì của mình. Trang nghiêm, ưu tư, và đầy kiêu hãnh.

Bức thứ ba, chiều mưa đã chuyển sang rạng đông, nền tranh đã rạng rỡ cái gam màu thắm nắng bình minh. Chúa sơn lâm hiện trong dáng điệu một lãnh chúa cứ nghiêm nhiên ườn mình trong giấc ngủ trể tràng khi ngày đã lên mà thụ hưởng cái lạc thú cung - đình - rừng - xanh của mình:

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bồng?

Hoàn toàn có thể hình dung cây xanh nắng gội là màn trướng, còn chim chóc như những bày cung nữ đang hân hoan ca múa quanh giấc nồng của hổ vương chứ sao!

Bộ tứ bình khép lại bằng bức cuối cùng, cũng là bức ấn tượng hơn cả :

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Giọng điệu không còn là thở than, mà đã thành chất vấn đầy giận dữ và oai linh đối với quá khứ mà cũng là đối với hiện tại. Tương ứng với giọng điệu, chúa sơn lâm hiện ra cũng với

một tư thế hoàn toàn khác: tư thế kiêu hùng của một bạo chúa. Nền cảnh thuộc gam màu máu. Mấy chữ “lênh láng máu” thật dễ sợ. Nó gọi ra cảnh tượng chiến trường sau một cuộc vật lộn tàn bạo. Là máu của con thú rừng xấu số nào đó chẳng? Không! Đó là máu của mặt trời. Ánh tà dương lúc mặt trời hấp hối, dưới cái nhìn kiêu bạc của con mãnh thú chính là sắc máu lênh láng đỏ. “Những chiều lênh láng máu” là máu mặt trời đã nhuộm cả thời gian. Máu đã trở thành màu kỷ niệm. Chữ “sau rừng” gọi được cái không gian đỏ máu của địch thủ mặt trời, vừa gọi được vẻ bí hiểm của chốn diễn ra cuộc tranh chấp đẫm máu. Chữ “chết” đã biến mặt trời từ vật thể thành sinh thể. Không còn là khối cầu lửa vô tri vô giác giữa không trung, mặt trời đã thành một con thú. Thậm chí, một con thú thảm hại - chữ “mảnh” là hình ảnh mặt trời trong con mắt ngạo mạn và khinh miệt của con hổ này. Vẻ “gay gắt” trong giờ phút hấp hối của con thú tử thương dường như càng làm cho nó bị khinh bỉ. Thì ra, đối thủ của con hổ này không phải là loài gấu, loài báo vô tư lự dờ hơi, đã đành. Mà ngay cả con người cũng không xứng là đối thủ của nó. Trong vũ trụ này chỉ có một kẻ duy nhất được chúa sơn lâm này xem là địch thủ mà thôi, ấy là vàng thái dương. Nhưng, cái đáng nói là: trong cuộc kịch chiến kia, phần thắng vẫn thuộc về nó, vị “chúa tể của muôn loài” ấy. Ba chữ “mảnh mặt trời” đã hoàn toàn hạ bệ, hạ gục đối thủ, khiến mặt trời cũng trở nên tầm thường. Bằng cuộc thư hùng bạo liệt với mặt trời để “chiếm lấy riêng phần bí mật”, Thế Lữ đã nâng con mãnh thú này lên tầm vóc vũ trụ. Nó kỳ vĩ hơn cả những gì vốn kỳ vĩ nhất trong hoàn vũ. Đến câu “Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”, bức tứ bình cuối cùng dường như đã thể hiện được bàn chân ngạo nghễ siêu phàm của con thú như dẫm đạp lên bầu trời, cái bóng của nó cơ hồ đã trùm kín cả vũ trụ. Còn tham vọng “Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật”, thì đã tỏ rõ cái oai linh của kẻ muốn thống trị cả vũ trụ này!

Ghê gớm thật! Ngay đến mặt trời cũng trở nên tầm thường, thì xem ra sự phi thường đã tới vô biên rồi vậy!

Hội tượng phóng chiếu đã xong : thời oanh liệt của cái tôi - hùm thiêng đạt cực điểm !

Một thi sĩ rình trăng chốn lâm tuyền. Một vương chủ say ngắm giang sơn. Một lãnh chúa rừng xanh giữa bầy ca điệu. Một bạo chúa ngạo mạn với mặt trời. Bốn kỷ niệm kiêu hùng, bốn khoảnh khắc hoành tráng!

Bộ tứ bình hoàn tất!

Song, cả giọng điệu tráng ca hào hùng, cả bút pháp cường điệu khoa trương đặc thù của chủ nghĩa lãng mạn, cả lối tạo hình hoành tráng của hội họa sẽ trở nên chơi vơi, sáo rỗng nếu như đây không phải là chúa sơn lâm. Sự ăn nhập tuyệt vời giữa đối tượng và thi pháp đã chấp cánh cho thơ Thế Lữ bay lên, đông đặc, đường hoàng như một khúc trường ca dữ dội!

Bấy giờ, Thơ mới đang hồi hã, đang ráo riết đi tìm cái tiết điệu của mình. Thì đến Nhớ rừng, tiết điệu cần tìm đã được Thế Lữ đem về. Công lớn ấy chẳng hổ danh là chúa sơn lâm! Chẳng thế mà Vũ Đình Liên chỉ cần trích hai câu trong bài này đã dám cả quyết: chỉ hai câu Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối / Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan cũng có sức mạnh như một tuyên ngôn bệnh vực cho Thơ mới.

PHIẾU ÔN TẬP THƠ MỚI

Bài thơ: Ông Đồ

I. 1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p>- (.....) quê gốc sống ở - Là một trong những nhà đầu tiên của nước ta. Ông còn là nhà, nhà....., viết văn, viết sử, dịch VH Pháp. - Thơ ông mang nặng lòng</p>	-		Bố cục: phần.
		PTBD	Mạch cảm xúc
			<p>Mạch cảm xúc phát triển theo, từ cảm xúc về cho đến và cuối cùng là</p>

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
- - ⇒	<p>- Thể thơ - Kết cấu - Ngôn ngữ thơ - Nghệ thuật:</p>

I.3. Phân tích

1. Hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh hành			
<p>Mỗi năm hoa đào nở</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>	- Thời gian:	<p>- - Thời điểm xuất hiện:</p>	<p>⇒ Hình ảnh</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
	- Công việc	<p>.....</p>	
	- Địa điểm	<p>+ + Phó từ -> -> Ông đồ xuất hiện trong hoàn cảnh</p>	
<p>Bao nhiêu người thuê viết</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>	<p>- “Bao nhiêu người thuê viết....khen tài”:</p>		<p>NT: giọng thơ</p> <p>⇒ Nhịp thơ ⇒ giữa không khí ông đồ như một người mang hết của mình hiến cho cuộc đời → mọi người</p>
	<p>⇒ Góp phần không nhỏ khắc gợi không khí</p>		
2. Hình ảnh ông đồ khi Nho học lụi tàn			

<p>Nhưng mỗi năm mỗi vắng</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>	<p>- Thời gian, địa điểm</p> <p>.....</p>		<p>Vẫn , không</p>
	<p>- Cảnh vật</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
	<p>- Sự biến đổi</p>	<p>- “Nhưng”</p> <p>- “Người thuê viết nay đâu?": câu hỏi</p>	<p>từ “nhưng” tạo</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.</p>
	<p>- Giấy đỏ</p> <p>.....</p> <p>Mực</p> <p>.....</p>	<p>+ NT:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>giấy,</p> <p>mực</p> <p>.....hay chính</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>-> tâm trạng</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.</p>
<p>Ông đồ vẫn ngồi đây</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p>	<p>- Ông đồ</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Phó từ</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
	<p>Lá</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>NT:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Tả cảnh</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>⇒ tâm trạng con người</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

		<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
--	--	---	--

3. Tình cảm của nhà thơ

<p>Năm này, đào lại nở</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	- Thời gian		<p>Phó từ “.....”:</p> <p>sự tuần</p> <p>hoàn</p> <p>của</p>
	- Hình ảnh:	“.....”	<p>phủ nhận sự có mặt</p> <p>của</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>⇒ Kết cấu</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
	- Những người	<p>Câu hỏi đặt ra dường như không phải để</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.</p>	<p>⇒ Câu hỏi nhằm bộc</p> <p>lộ</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.</p>
	<p>- Quy luật thiên nhiên vẫn: <i>Năm nay đào lại nở.</i></p> <p>- Quy luật xuất hiện của ông đồ: <i>Không thấy ông đồ xưa.</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p>		

	
--	-------

II. Câu hỏi ôn tập kiến thức

1. Bài thơ “Ông đồ” có mấy lần sử dụng câu hỏi tu từ? Nêu tác dụng của việc sử dụng CHTT đó
2. Bài thơ “Ông đồ” gợi cho em suy nghĩ gì về việc bảo tồn nét đẹp của dân tộc?
3. Bài thơ “Ông đồ” có những đặc sắc gì về nghệ thuật?
4. Tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ “Ông đồ” như thế nào?

III. ĐỀ LUYỆN

Phần 1. Cho câu thơ sau

Mỗi năm hoa đào nở

- a. Chép 7 câu thơ tiếp theo và chú thích rõ tên tác giả, tác phẩm
- b. Xác định biện pháp tu từ trong đoạn thơ và nêu tác dụng?
- c. Ông đồ có vị trí như thế nào trong bức tranh xuân ở hai khổ thơ đầu? Vì sao có thể nói đây là thời kì vàng son của ông đồ?
- d. Kể tên 1 văn bản đã học cũng nói về không khí mùa xuân tràn ngập không gian, cho biết tên tác giả

Phần 2 Có ý kiến cho rằng :

Hai từ “mỗi” điệp lại trong một câu thơ diễn tả bước đi của thời gian. Nếu như trước đây : “Mỗi năm hoa đào nở” lại đưa đến cho ông đồ già “bao nhiêu người thuê viết” thì giờ đây “mỗi năm” lại “mỗi vắng”. Nhịp đi của thời gian bao hàm cả sự mài mòn, suy thoái.

- a. Theo em nhận định trên viết về bài thơ nào của ai? Hãy chép lại 2 khổ thơ mà em cho là tương ứng với nhận định đó
- b. Hai khổ thơ vừa chép nằm ở vị trí nào trong bài, cho biết nội dung chính của chúng.
- c. Từ ngữ mở đầu đoạn thơ vừa chép báo hiệu điều gì? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì qua từ ngữ mở đầu đoạn thơ, hãy chỉ rõ và nêu tác dụng.
- d. Viết 1 đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn có sử dụng một câu ghép.

e. Kể tên 1 văn bản đã học cũng sử dụng nghệ thuật tương phản đối lập giữ quá khứ và vàng son và hiện tại bế tắc

Phần 3 Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

[...] Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ có bóng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những câu chuyện dẫu bề, hoài niệm, đã tỏ ra rất đặc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Mầu mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này và đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thẳng thốt xót xa của sự biến thiên. [...]

(Vũ Quần Phương)

a. Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8 kì 2? Trình bày tác giả và hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

b. Văn bản được viết theo thể thơ nào? Xác định PTBD của văn bản.

c. Em hiểu gì về khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên? Qua đó, em có suy nghĩ gì về số phận ông đồ trong thời buổi ấy?

d. Trong văn bản được gợi nhắc từ đoạn văn trên có hai câu:

“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.”

Cho biết tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ ấy.

ĐỀ HS GIỎI

Phần 1. Phân tích giá trị biểu đạt của các từ : **già, xưa, cũ** trong những câu thơ sau :

– Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

– Năm nay đào lại nở,

Không thấy ông đồ xưa.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ ?

Câu 3: Trong bài thơ, hình ảnh ông đồ già thường xuất hiện trên phố vào thời điểm nào?

- A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.
- B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.
- C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.
- D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.

Câu 4: Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

- A. Ông đồ rất tài hoa.
- B. Ông đồ viết văn rất hay.
- C. Ông đồ có nét chữ bình thường
- D. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

Câu 5: Hai câu thơ nào dưới đây thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ?

- A. Ông đồ vẫn ngồi đấy – Qua đường không ai hay.
- B. Năm nay đào lại nở - không thấy ông đồ xưa.
- C. Bao nhiêu người thuê viết – tấm tắc ngợi khen tài.
- D. Nhưng mỗi năm mỗi vắng – người thuê viết nay đâu.

Câu 6: Những ông đồ trong xã hội cũ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời khi nào?

- A. Đã quá già, không còn đủ sức khỏe để làm việc.
- B. Khi tranh vẽ và câu đối không còn được mọi người ưa thích.
- C. Khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ Nho bị xem nhẹ.
- D. Khi các trường học mọc lên nhiều và chữ quốc ngữ trở nên phổ biến trong nhân dân.

2. Tự luận

Bài thơ “Ông đồ” gợi cho em suy nghĩ gì về việc bảo tồn nét đẹp của dân tộc?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1 : Nghĩa của từ "ông Đồ" trong bài thơ ông "ông Đồ" của Vũ Đình Liên là:

- A. Người dạy học nói chung.
- B. Người viết chữ nho đẹp, chuẩn mực.
- C. Người chuyên viết câu đối bằng chữ nho.
- D. Người dạy học chữ nho xưa.

Câu 2: Ngày nay, cách viết chữ, câu đối, câu thơ trên các trang giấy thường được gọi là gì?

- A. Nghệ thuật viết thư pháp.
- B. Nghệ thuật vẽ tranh.
- C. Nghệ thuật viết văn bản.
- D. Nghệ thuật trang trí hình ảnh bằng bút

Câu 3: Hình ảnh ông đồ đồ già trong bài thơ gắn bó với vật dụng nào dưới đây?

- A. Chiếc cày, con trâu, tàu thuốc.
- B. Nghiên bút, mực tàu, giấy đỏ, bức liễn.
- C. Bàn ghế, giáo án, học sinh.
- D. Chiếc gậy, quẻ xăm, vật dụng bói toán.

Câu 4: Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

- A. Ông đồ rất tài hoa.
- B. Ông đồ viết văn rất hay.
- C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.
- D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

Câu 5: Những ông đồ trong xã hội cũ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời khi nào?

- A. Đã quá già, không còn đủ sức khỏe để làm việc.
- B. Khi tranh vẽ và câu đối không còn được mọi người ưa thích.
- C. Khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ Nho bị xem nhẹ.
- D. Khi các trường học mọc lên nhiều và chữ quốc ngữ trở nên phổ biến trong nhân dân.

Câu 6: Bài thơ “Ông đồ” viết theo thể thơ gì?

- A. Lục bát.
- B. Song thất lục bát.

C. Ngũ ngôn.

D. Thất ngôn bát cú.

2. Tự luận

Theo em, tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ “Ông đồ” như thế nào?

TẬP LÀM VĂN

Hai nguồn cảm hứng tạo nên phẩm “Ông đồ” của Vũ Đình Liên là lòng thương người và niềm hoài cổ.

Suy nghĩ của em về nhận định trên.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP THƠ MỚI

Bài thơ: Ông Đồ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p>- Vũ Đình Liên</p> <p>(1913 - 1996) quê gốc Hải Dương, sống ở HN</p> <p>- Là một trong những nhà Thơ Mới lãng mạn đầu tiên của nước ta. Ông còn là nhà giáo, nhà nghiên cứu, viết văn, viết sử, dịch VH Pháp.</p> <p>- Thơ ông mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ</p>	<p>- Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.</p>	Thể thơ ngũ ngôn	<p><i>Bố cục:</i> 3 phần.</p> <p>- Khổ 1 -2: Hình ảnh ông đồ thời xưa.</p> <p>- Khổ 3 -4: Hình ảnh ông đồ thời nay.</p> <p>- Khổ 5: Tâm sự, nỗi lòng của tác giả</p>
		PTBD	Mạch cảm xúc
		Biểu cảm kết hợp miêu tả và tự sự.	Mạch cảm xúc phát triển theo thời gian, từ cảm xúc về hình ảnh những ông đồ già Nho học thời còn thịnh hành cho đến hình ảnh những ông đồ khi suy vi và cuối cùng là tâm tư thầm kín, niềm tiếc thương của tác giả gửi gắm.

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>- Niềm cảm thương chân thành với một lớp người đang tàn tạ (thương người).</p> <p>- Tiếc thương những giá trị tinh thần đẹp đẽ bị lãng quên (hoài cổ).</p> <p>⇒ Giá trị nhân văn, tấm lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.</p>	<p>- Thể thơ ngũ ngôn</p> <p>- Kết cấu giản dị mà chặt chẽ, có nghệ thuật.</p> <p>- Ngôn ngữ thơ rất trong sáng, bình dị, được chất lọc và tinh luyện nên hàm súc, dư ba.</p> <p>- Nghệ thuật: nhân hóa, tương phản...</p>

I.3. Phân tích

1. Hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh hành

<p>Mỗi năm hoa đào nở Lại thấy ông đồ già Bày mực tàu giấy đỏ Bên phố đông người qua</p> <p>Bao nhiêu người thuê viết Tấm tắc ngợi khen tài Hoa tay thảo những nét Như phượng múa rồng bay</p>	- Thời gian:	<p>- Mùa xuân với hoa đào nở</p> <p>- Thời điểm xuất hiện: Tết đến, xuân về.</p>	⇒ Hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong mỗi dịp tết đến xuân về thưở xưa
	- Công việc	Bán câu đối: bày mực tàu, giấy đỏ - công cụ chủ yếu của các nhà nho	
	- Địa điểm	<p>+ Bên phố đông người</p> <p>+ Phó từ <i>lại</i> -> Sự xuất hiện của ông đồ đã trở thành quen thuộc.</p> <p>-> Ông đồ xuất hiện trong hoàn cảnh tươi vui, rực rỡ, không khí tấp nập nhộn nhịp.</p>	
	<p>- “Bao nhiêu người thuê viết....khen tài”: Sự thịnh thế của Hán học, các nhà Nho khẳng định vị trí của mình trong lòng người, đó là những con người được ngưỡng mộ vì tài năng, học vấn</p>		NT: giọng thơ vui
	⇒ Góp phần không nhỏ khắc gợi không khí náo nhiệt truyền thống, nét văn hóa không thể bỏ qua của mùa xuân trong tâm thức cổ truyền của dân tộc		<p>⇒ Nhịp thơ nhanh ⇒ giữa không khí náo nức, ông đồ như một người nghệ sĩ, mang hết tài năng của mình hiến cho cuộc đời</p> <p>→ mọi người ngưỡng mộ, trọng vọng.</p>

2. Hình ảnh ông đồ khi Nho học lụi tàn

	- Thời gian, địa	Tết đến, xuân về.	
--	------------------	-------------------	--

<p>Nhưng mỗi năm mỗi vắng Người thuê viết nay đâu Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu.</p>	điểm		Vẫn như xưa, không thay đổi
	- Cảnh vật	h/a ông đồ với giấy đỏ, mực tàu và đông người qua lại.	
	- Sự biến đổi	<p>- “Nhưng mỗi năm mỗi vắng”</p> <p>- “Người thuê viết nay đâu?": câu hỏi thời thế, cũng là câu hỏi tự vấn</p>	từ “nhưng” tạo bước ngoặt trong cảm xúc người đọc, sự suy vi ngày càng rõ nét, người ta có thể cảm nhận một cách rõ ràng, day dứt nhất
	<p>- <i>Giấy đỏ buồn không thắm</i></p> <p><i>Mực đọng trong nghiên sầu</i></p>	+ NT: nhân hoá, đối lập kết hợp với giọng thơ buồn và tả cảnh ngụ tình. giấy bẽ bàng sầu tủi, mực buồn đọng trong nghiên hay chính tâm tình của người nghệ sĩ buồn đọng, không thể tan biến được	-> tâm trạng buồn, cô đơn của ông đồ.
<p>Ông đồ vẫn ngồi đấy Qua đường không ai hay Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay</p>	<p>- Ông đồ <u>vẫn</u> ngồi đấy</p> <p><i>Qua đường không ai hay</i></p>	+ Phó từ phủ định: Hình ảnh ông đồ tro tro, cô đơn, lạc lõng, bị lãng quên.	
	<p>Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay</p>	<p>NT: Từ ngữ bình dị, chính xác, tinh tế, gợi hình, gợi cảm.</p> <p>- Tả cảnh ngụ tình: nỗi lòng của ông đồ. Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ. Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo</p>	⇒ tâm trạng con người u buồn, cô đơn, tủi phận

3. Tình cảm của nhà thơ

Năm này, đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ	- Thời gian	Mùa xuân với hoa đào nở	Phó từ “lại”: sự lặp lại tuần hoàn của cảnh thiên nhiên
	- Hình ảnh:	“Không thấy”	phủ nhận sự có mặt của một người đã từng trở thành niềm ngưỡng vọng ⇒ Kết cấu đầu cuối tương ứng lặp lại hình ảnh hoa đào nở làm nổi bật chủ đề bài thơ
	- Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?	Câu hỏi đặt ra dường như không phải để tìm một câu trả lời, đó như một niềm than thân, thương phận mình. ⇒ Câu hỏi tu từ nhằm bộc lộ niềm tiếc thương, day dứt hết sức chân thành của tác giả trước sự suy vi của Nho học đương thời.	
	- Quy luật thiên nhiên vẫn lặp lại đều đặn: <i>Năm nay đào lại nở.</i> - Quy luật xuất hiện của ông đồ không còn nữa: <i>Không thấy ông đồ xưa.</i> - Có thể <i>ông đồ</i> đã thành người <i>muôn năm cũ</i> , giống như cả thế hệ nho học của ông đã thực sự bị đẩy lùi vào quá khứ. Nhà thơ thương xót, ngậm ngùi và luyến tiếc vẻ đẹp một thời của họ.		

II. Câu hỏi ôn tập kiến thức

1. Bài thơ “Ông đồ” có mấy lần sử dụng câu hỏi tu từ?

Có 2 lần sử dụng câu hỏi tu từ:

- Người thuê viết nay đâu?: thể hiện nỗi nuối tiếc của một thời kì vàng son.

- Hồn bây giờ ở đâu?: đặt ra như 1 lời tự vấn, sự ngậm ngùi xót xa bởi tất cả những gì thời hoàng kim nay chỉ còn lại màu sắc phai nhạt. Đó còn là nỗi niềm tiếc thương của tác giả với những giá trị dân tộc cổ truyền.

2. Bài thơ “Ông đồ” gọi cho em suy nghĩ gì về việc bảo tồn nét đẹp của dân tộc?

- Xin chữ đầu năm để cầu mong may mắn, sức khỏe, phúc lộc hay bình an là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta mỗi khi tết đến xuân về. Hình ảnh ông đồ với bút nghiên và giấy mực, chăm chút và gửi hồn cho từng nét chữ trên phố đông người qua lại như biểu tượng cho một dân tộc hiếu học, đề cao con chữ. Thế nhưng, nét văn hóa ấy dần bị đổi thay theo năm tháng, các thầy đồ ngày càng vắng bóng trong những ngày tết Nguyên đán. Chúng ta không khỏi ngậm ngùi, xót thương và suy ngẫm cho một phong tục văn hóa ngày một suy tàn. Bởi phong tục ấy gắn với cả một thời kì dài phát triển rực rỡ của nho học dân tộc.

- Không chỉ phong tục xin chữ ông đồ đầu năm ngày càng phai nhạt, hiện nay nhiều giá trị văn hóa truyền thống cũng đang đứng trước nguy cơ mai một. Đó là những hồi chuông cảnh báo về tình trạng xa rời văn hóa truyền thống trong một bộ phận giới trẻ hiện nay. Nguyên nhân là bởi sự hấp dẫn của những văn hóa du nhập từ nước ngoài hay những trò chơi điện tử, mạng xã hội. Điều ấy khiến những người trẻ không còn hiểu và tự hào về một thời kì rực rỡ của lịch sử dân tộc, của bao công sức mà thế hệ cha ông đã gìn giữ và lưu truyền. Một dân tộc không còn giữ được bản sắc văn hóa sẽ là một dân tộc dần suy tàn.

- Như vậy việc bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người trẻ chúng ta hiện nay. Việc tiếp thu có chọn lọc văn hóa ngoại quốc là điều rất cần thiết. Kho sử về văn hóa dân tộc được viết tiếp và phát triển đến đâu, chính là nhờ trái tim và khối óc của thế hệ trẻ chúng ta hôm nay cùng nhau vun đắp.

3. Bài thơ “Ông đồ” có những đặc sắc gì về nghệ thuật?

- Bài thơ sử dụng thể thơ 5 chữ, kết hợp với ngôn ngữ bình dị và súc tích.

- Giọng thơ trầm lắng, ngậm ngùi đã toát lên những tâm tư, tình cảm của tác giả trước tình cảnh đáng thương của tác giả trước sự tàn lụi của lớp người từng được đề cao và trân trọng như ông đồ.

- Bài thơ có kết cấu độc đáo, đầu cuối tương ứng. Mở đầu bài thơ là “Mỗi năm hoa đào nở - Lại thấy ông đồ già”, kết thúc bài thơ là Năm nay hoa đào lại nở - Không thấy ông đồ xưa. Kết cấu này chặt chẽ, tương phản rõ nét, làm nổi bật chủ đề của bài thơ, từ đó khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc về một văn hóa truyền thống giờ đây đã bị thay đổi. Quá trình tàn tạ, suy sụp của nền nho học.

- Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa với sự chọn lọc hình ảnh để làm nổi bật tâm tư, cảm xúc của mình: giấy đỏ, mực nghiên – vốn là những đồ dùng gắn bó thân thiết với ông đồ, mà nay cũng “buồn”, “sầu” trước sự đổi thay của thời thế.

- Lựa chọn hình ảnh giản dị nhưng mang tính biểu tượng, giàu sức gợi: hình ảnh lá vàng rơi trên giấy gợi ra sự tàn tạ, tiêu điều, buồn tủi. Đó là sự cảm nhận từ trong tâm hồn về sự lãng quên, sự kết thúc của một kiếp người tàn.

4. Tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ “Ông đồ” như thế nào?

- Khổ 1,2 nhà thơ với ký ức của mình phác họa lên một ông đồ già viết chữ đẹp, cảnh nhộn nhịp trên đường phố Hà Nội xưa, cảnh đẹp, đường xá rộn ràng vui vẻ, tấp nập.

- Khổ 3,4 nhà thơ vẽ lại khung cảnh Hà Nội mới, gần tấp nập nhưng không còn tấp nập, đông đúc vây quanh ông đồ nữa, ông đồ chỉ ngồi đấy, nhìn lá rơi, trời mưa bay mà chẳng hề có ai để ý

- Khổ 5 là hình ảnh thực tại, ông đồ ngày xưa chẳng còn nữa cũng chẳng còn những người xưa

- Tâm tư tác giả thay đổi theo chiều sâu tâm trạng, lúc vui vẻ nhìn đường xá tấp nập, lúc lại buồn nhìn cảnh tiêu điều, nhớ lại người cũ của tác giả. Tác giả thể hiện niềm cảm thương chân thành sâu sắc trước một lớp người đang tàn tạ (ông đồ) và nỗi nhớ cảnh cũ người xưa của tác giả.

III. ĐỀ LUYỆN

Phần 1. Cho câu thơ sau

Mỗi năm hoa đào nở

a. Chép 7 câu thơ tiếp theo và chú thích rõ tên tác giả, tác phẩm

b. Xác định biện pháp tu từ trong đoạn thơ và nêu tác dụng?

c. Ông đồ có vị trí như thế nào trong bức tranh xuân ở hai khổ thơ đầu? Vì sao có thể nói đây là thời kì vàng son của ông đồ?

d. Kể tên 1 văn bản đã học cũng nói về không khí mùa xuân tràn ngập không gian, cho biết tên tác

Gợi ý

a: HS chép thơ và chú thích rõ

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay.

(Ông đồ - Vũ Đình Liên)

b. Biện pháp tu từ so sánh:

Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay

Tác dụng: Miêu tả rõ nét bàn tay có những ngón thon dài nhỏ nhắn của ông đồ uốn lượn cây bút. Theo đà đưa đẩy của bút lông từng nét chữ còn tươi màu mực dần dần hiện ra mềm mại như “phượng múa rồng bay”

→ mọi người ngưỡng mộ, trọng vọng

c. Ông đồ là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ của mọi người.

Vì ông đồ xuất hiện giữa mùa đẹp nhất, là trung tâm của bức tranh, được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ. Tài liệu Thu Nguyễn

d. Kể tên 1 văn bản đã học cũng nói về không khí mùa xuân, cho biết tên tác giả

- Văn bản Mùa xuân của tôi của Vũ Bằng

- Rằm tháng giêng của Hồ Chí Minh

Phần 2 Có ý kiến cho rằng :

Hai từ “mỗi” điệp lại trong một câu thơ diễn tả bước đi của thời gian. Nếu như trước đây : “Mỗi năm hoa đào nở” lại đưa đến cho ông đồ già “bao nhiêu người thuê viết” thì giờ đây “mỗi năm” lại “mỗi vắng”. Nhịp đi của thời gian bao hàm cả sự mài mòn, suy thoái.

a. Theo em nhận định trên viết về bài thơ nào của ai? Hãy chép lại 2 khổ thơ mà em cho là tương ứng với nhận định đó

b. Hai khổ thơ vừa chép nằm ở vị trí nào trong bài, cho biết nội dung chính của chúng.

c. Từ ngữ mở đầu đoạn thơ vừa chép báo hiệu điều gì? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì qua từ ngữ mở đầu đoạn thơ, hãy chỉ rõ và nêu tác dụng.

d. Viết 1 đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn có sử dụng một câu ghép.

e. Kể tên 1 văn bản đã học cũng sử dụng nghệ thuật tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại

Gợi ý:

a. Nhận định trên viết về bài thơ “Ông đồ” của tác giả Vũ Đình Liên

- Chép 2 khổ thơ tương ứng

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu.

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay.

b. – Vị trí: khổ thứ 3 và thứ 4

- Nội dung: Hình ảnh ông đồ thời Nho học suy tàn

c. Từ Nhưng mở đầu đoạn thơ vừa chép báo hiệu điều thay đổi, không còn như cũ. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại

- Quá khứ: Ông đồ được trọng dụng, ngưỡng mộ, ngợi ca tài năng

- Hiện tại: Ông đồ bị quên lãng

d. Viết 1 đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn có sử dụng một câu ghép.

Yêu cầu:

- HT: Viết đúng đoạn quy nạp và có câu ghép

- Nội dung đảm bảo các ý sau:

+ “Nhưng mỗi năm mỗi vắng”: từ “nhưng” tạo bước ngoặt trong cảm xúc người đọc, sự suy vi ngày càng rõ nét, người ta có thể cảm nhận một cách rõ ràng, day dứt nhất

+ “Người thuê viết nay đâu?": câu hỏi thời thế, cũng là câu hỏi tự vấn

⇒ Sự đối lập của khung cảnh với 2 khổ đầu ⇒ nỗi niềm day dứt, vẫn ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy xuất hiện nhưng không cần ai thuê viết, ngợi khen

+ “Giấy đỏ ...nghiên sầu”: Hình ảnh nhân hoá, giấy bề bồng sầu tủi, mực buồn đọng trong nghiên hay chính tâm tình của người nghệ sĩ buồn đọng, không thể tan biến được

+ “Lá bàng...mưa bị bay”: Tả cảnh ngụ tình: nỗi lòng của ông đồ. Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ. Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo ⇒ tâm trạng con người u buồn, cô đơn, tủi phận

e. VB Nhớ rừng của Thế Lữ

Phần 3.

a.- Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản: Ông đồ

- Tác giả: Vũ Đình Liên

- Hoàn cảnh sáng tác: Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

b.- Thể thơ: ngũ ngôn (5 chữ)

- PTBD: biểu cảm, kết hợp tự sự, miêu tả

c.

- Khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên là giai đoạn Hán học suy vi, các nhà nho (ông đồ) từ vị trí trung tâm được coi trọng bị thời cuộc bỏ quên trở nên thất thế
- Số phận ông đồ trong thời điểm ấy rất đáng thương và tội nghiệp

d.

+ Phép hoán dụ : hoa tay (Ông đồ rất tài hoa, viết câu đối đẹp)

+ Phép so sánh : thảo - như - phượng múa rồng bay.

+ Sử dụng thành ngữ: “phượng múa rồng bay”: làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Nét chữ rất đẹp, bay bướm, uốn lượn, vừa phóng khoáng, bay bổng, song lại cao quý, oai phong, sống động, có hồn.

⇒ Với bút pháp miêu tả tinh tế, ngôn ngữ điêu luyện, trong hai câu thơ, tác giả như khắc hoạ trước mắt người đọc hình ảnh của ông đồ với đôi bàn tay già, gầy guộc đưa lên hạ xuống như bay như múa, như đang tung hoành trên nền giấy điều thắm tươi. Lúc này đây ông đồ như một người nghệ sĩ tài hoa trước công chúng

Phần 1. Phân tích giá trị biểu đạt của các từ : **già, xưa, cũ** trong những câu thơ sau :

– Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

– Năm nay đào lại nở,

Không thấy ông đồ xưa.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ ?

(Trích *Ông đồ* - Vũ Đình Liên)

Gợi ý

- Các từ **già, xưa, cũ** trong các câu thơ đã cho cùng một trường từ vựng, cùng chỉ một đối tượng : **ông đồ (0,25 điểm)**.

- **Già** – cao tuổi , vẫn sống – đang tồn tại.

Xưa- đã khuất - thời quá khứ trái nghĩa với nay.

Cũ - gần nghĩa với xưa, đối lập với mới- hiện tại. **(0,25 điểm)**

- Ý nghĩa của các cách biểu đạt đó : Qua những từ này khiến cho người đọc cảm nhận được sự vô thường, biến đổi, nỗi ngậm ngùi đầy thương cảm trước một lớp người đang tàn tạ : **ông đồ (0,5 điểm)**

Phần 2. Phân tích làm rõ cái hay của hai câu thơ sau trong bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu

Gợi ý: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình – người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Ông Đồ buồn nên cảnh vật ở đây cũng nhuốm buồn. Mùa xuân nhưng lại xuất hiện hình ảnh lá vàng, lá vàng gợi sự tàn tạ “nó lại rơi trên giấy, giấy không có người thuê viết nên cứ phơi giữa trời hứng lấy những lá vàng rơi. Mưa bụi “mưa nhỏ, lất phất ở đây tác giả không chỉ mưa xuân để tưới sức sống cho vạn vật mà...” gợi ra một tê tái, lạnh lẽo, thê lương của đất trời. Mưa không lớn nhưng nó làm con người lạnh tê tái.

“Nỗi buồn của Ông Đồ lan tỏa ra cả cảnh vật dường như đất trời cũng buồn cho Ông Đồ.

Câu 3: Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ sau (bằng một đoạn văn ngắn):

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay,

Lá vàng rơi trên giấy;

Ngoài giờ mưa bụi bay.”

(Ông đồ, Vũ Đình Liên- Sách giáo khoa Ngữ văn 8-Tập II)

Gợi ý

Về kỹ năng: HS viết đúng dạng một đoạn văn ngắn, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả.

- Về kiến thức: Nêu được các ý sau

+ Đoạn thơ trên trích trong bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên miêu tả tâm trạng ông đồ thời suy tàn.

+ Bằng các biện pháp nghệ thuật đối lập, tả cảnh ngụ tình để thể hiện niềm cảm thương trước hình ảnh ông đồ lạc lõng, trơ trọi “vẫn ngồi đấy” như bất động, lẻ loi và cô đơn khi người qua đường thờ ơ vô tình không ai nhận thấy hoặc đoán hoài tới sự tồn tại của ông.

+ Qua hai câu thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, hiểu được nỗi buồn của con người thấm sâu vào cảnh vật. Hình ảnh “lá vàng, mưa bụi” giàu giá trị tạo hình vẽ nên một bức tranh xuân lặng lẽ, âm thầm, tàn tạ với gam màu nhạt nhòa, xám xịt.

+ Khổ thơ cực tả cái cảnh thê lương của nghề viết và sự ám ảnh ngày tàn của nền nho học đồng thời thể hiện sự đồng cảm xót thương của nhà thơ trước số phận những nhà nho và một nền văn hóa bị lãng quên.

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	A	D	A	C

2. Tự luận

- Xin chữ đầu năm để cầu mong may mắn, sức khỏe, phúc lộc hay bình an là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta mỗi khi tết đến xuân về. Hình ảnh ông đồ với bút nghiên và giấy mực, chăm chút và gửi hồn cho từng nét chữ trên phố đông người qua lại như biểu tượng cho một dân tộc hiếu học, đề cao con chữ. Thế nhưng, nét văn hóa ấy dần bị đổi thay theo năm tháng, các thầy đồ ngày càng vắng bóng trong những ngày tết Nguyên đán. Chúng ta không khỏi ngậm ngùi, xót thương và suy ngẫm cho một phong tục văn hóa ngày một suy tàn. Bởi phong tục ấy gắn với cả một thời kì dài phát triển rực rỡ của nho học dân tộc.

- Không chỉ phong tục xin chữ ông đồ đầu năm ngày càng phai nhạt, hiện nay nhiều giá trị văn hóa truyền thống cũng đang đứng trước nguy cơ mai một. Đó là những hồi chuông cảnh báo về tình trạng xa rời văn hóa truyền thống trong một bộ phận giới trẻ hiện nay. Nguyên nhân là bởi sự hấp dẫn của những văn hóa du nhập từ nước ngoài hay những trò chơi điện tử, mạng xã hội. Điều ấy khiến những người trẻ không còn hiểu và tự hào về một thời kì rực rỡ của lịch sử dân tộc, của bao công sức mà thế hệ cha ông đã gìn giữ và lưu truyền. Một dân tộc không còn giữ được bản sắc văn hóa sẽ là một dân tộc dần suy tàn.

- Như vậy việc bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người trẻ chúng ta hiện nay. Việc tiếp thu có chọn lọc văn hóa ngoại quốc là điều rất cần thiết. Kho sử về văn hóa dân tộc được viết tiếp và phát triển đến đâu, chính là nhờ trái tim và khối óc của thế hệ trẻ chúng ta hôm nay cùng nhau vun đắp.

ĐỀ 2

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	B	C	C	C

2. Tự luận

Khổ 1,2 nhà thơ với ký ức của mình phác họa lên một ông đồ già viết chữ đẹp, cảnh nhộn nhịp trên đường phố Hà Nội xưa, cảnh đẹp, đường xá rộn ràng vui vẻ, tấp nập.

- Khổ 3,4 nhà thơ vẽ lại khung cảnh Hà Nội mới, gần tết nhưng không còn tấp nập, đông đúc vây quanh ông đồ nữa, ông đồ chỉ ngồi đấy, nhìn lá rơi, trời mưa bay mà chẳng hề có ai để ý

- Khổ 5 là hình ảnh thực tại, ông đồ ngày xưa chẳng còn nữa cũng chẳng còn những người xưa

- Tâm tư tác giả thay đổi theo chiều sâu tâm trạng, lúc vui vẻ nhìn đường xá tấp nập, lúc lại buồn nhìn cảnh tiêu điều, nhớ lại người cũ của tác giả. Tác giả thể hiện niềm cảm thương chân thành sâu sắc trước một lớp người đang tàn tạ (ông đồ) và nỗi nhớ cảnh cũ người xưa của tác giả.

TẬP LÀM VĂN

Hai nguồn cảm hứng tạo nên phẩm “Ông đồ” của Vũ Đình Liên là lòng thương người và niềm hoài cổ.

Suy nghĩ của em về nhận định trên.

1/Mở bài:

-Trích dẫn 2 câu thơ của Vũ Đình Liên tự ngẫm về mình:

“Lòng ta là những hang thành quách cũ

Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa”

->Một tấm lòng hoài cổ, u tịch của nhà thơ.

-Kiệt tác “Ông đồ” là sự gặp nhau của hai nguồn cảm hứng: lòng thương người và niềm hoài cổ(nhận định Hoài Thanh).

2/Thân bài:

*Lòng thương người:

-Hoài Thanh viết về Vũ Đình Liên trong Thi nhân Việt Nam :“Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa”

-Ông đồ- cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn-> trở thành đề tài trong thơ của ông.

-Lòng yêu mến, kính trọng một tài năng đã bắt đầu rơi vào quên lãng:

+Trong cảnh xuân giữa rất nhiều những vui tươi, náo nức, nhà thơ trẻ dừng lòng mình ở hình ảnh ông đồ già.

+Hình ảnh ông đồ già, mực tàu, giấy đỏ đã có phần xa lạ với phố phường đông đúc, nhộn nhịp, cảnh sắc tươi vui nhưng giọng thơ phảng phất buồn.

-Phân tích khổ 2 để thấy được sự than phục của mọi người nói chung và của tác giả nói riêng trước tài năng của ông đồ: Phân tích nghệ thuật so sánh để thấy tài năng của ông đồ. Nét vẽ của ông uyển chuyển, mềm mại, có hồn...

->Ông đồ- hình bóng tượng trưng cho giai cấp kẻ sĩ, từ trên chót vót của thứ bậc xã hội rơi xuống lề đường, ra tận hè phố để kiếm sống. Chữ thánh hiền một thời được

trân trọng, chỉ cho tặng mà không bán, giờ trở thành món hàng.

-Đây không phải là những ngày huy hoàng của ông đồ mà đã là những ngày ông đồ trở thành di tích bắt đầu đi vào tàn tạ.

*Sự cảm thông, thương xót trước “di tích tiều tụy” đã đi vào thời tàn tạ.(Phân tích khổ 3,4 để thấy hình ảnh ông đồ đã rơi vào quên lãng.

-Khổ 3: Phân tích từ “nhưng”, điệp từ “mỗi”, câu hỏi tu từ:->Những người cuối cùng trân trọng tài nghệ của ông đồ cũng không còn nữa. Khẳng định: Ông đồ- đại diện tiêu biểu của nền Nho học- đã thực sự đi vào tàn tạ. Thể hiện sự xót xa, đau đớn của tác giả.

-Khổ 4: +Nghệ thuật đối lập giữa động – tĩnh, hình ảnh “Lá vàng rơi trên giấy”: Ông đồ trầm tư, bó gối, bất động giữ dòng đời xuôi ngược. Ông đồ cô đơn, lạc lõng giữa cuộc đời. đất trời.

*Niềm hoài cổ: Phân tích, cảm nhận khổ thơ cuối cùng.

-Tứ thơ: Cảnh cũ người đâu(hoa đào còn- ông đồ mất) nhấn mạnh sự vắng bóng của ông đồ.

-Ông đồ già, ông đồ xưa: hình ảnh ông đồ đã cũ, thành quá khứ, hoài niệm thể hiện niềm hoài cổ âm thầm, sâu sắc, tâm trạng bàng khuâng, ngậm ngùi của tác giả.

-Những người muôn năm cũ: Khái quát ông đồ là cả một thế hệ nhà Nho học, lớp người đi trước, thể hiện rõ nỗi niềm của tác giả đối với cả lớp người xưa cũ, với nền nho học đã rơi vào quên lãng giữa làn gió Tây học.

-Câu hỏi tu từ:Những trăn trở băn khoăn của tác giả trước những giá trị tinh thần mà ông đồ đã đóng góp cho nền văn hóa Việt.

*Khái quát, nâng cao: Từ lòng thương một ông đồ rất cụ thể thành nỗi niềm nhớ tiếc, thương xót cả một lớp người, một thế hệ đi trước, một nền Nho học hưng thịnh, những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc: sức khái quát lớn của bài thơ.

3/Kết bài:

-Cảm xúc của em về ý nghĩa, giá trị của bài thơ.

Phân tích làm rõ cái hay của hai câu thơ sau trong bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

Gợi ý: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình – người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Ông Đồ buồn nên cảnh vật ở đây cũng nhuốm buồn. Mùa xuân nhưng lại xuất hiện hình ảnh lá vàng, lá

vàng gợi sự tàn tạ "nó lại rơi trên giấy, giấy không có người thuê viết nên cứ phơi giữa trời hứng lấy những lá vàng rơi. Mưa bụi "mưa nhỏ, lất phất ở đây tác giả không chỉ mưa xuân để tưới sức sống cho vạn vật mà... "gợi ra một tê tái, lạnh lẽo, thê lương của đất trời. Mưa không lớn nhưng nó làm con người lạnh tê tái.

"Nỗi buồn của Ông Đồ lan toả ra cả cảnh vật dường như đất trời cũng buồn cho Ông Đồ.

PHIẾU ÔN TẬP BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p>* Tác giả: Tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh 1921, quê ở 1 làng chài ven biển - Quảng Ngãi.</p> <p>- Là nhà thơ trong pt Thơ mới - chặng cuối (40 - 45).</p> <p>- Quê hương là cảm hứng lớn trong suốt đời thơ của TH.</p> <p>- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.</p>	<p>Bài thơ sáng tác năm, lúc tác giả tuổi đang là sống xa (từ ra học). Bài thơ được viết trong cảm xúc</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
	Ý nghĩa nhan đề	PTBD	Mạch cảm xúc
<p>- Các tác phẩm chính :</p> <p>+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973...</p>		<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

II.2.Tác phẩm

Chép thơ (gạch chân các từ ngữ nghệ thuật và BPTT)	Nghệ thuật chính
<p>Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>-Không gian thời gian:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>-Người dân chài:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Hình ảnh con thuyền</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

-Hình ảnh cánh bướm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>Khổ thơ cuối :</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
---	---

II, Câu hỏi ôn tập kiến thức

1. Giải nghĩa từ:

- *Tuần mã:*
- *Trai tráng:*
- *Ghe:*

2. Xác định BPTT và nêu tác dụng (3-5 câu văn)

Câu thơ	Xác định BPTT và nêu tác dụng(3-5 câu văn)
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang	
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng Rướn thân trắng bao la thâu góp gió	
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ	

	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	--

3. Bốn câu cuối của bài thơ “ Quê hương” thể hiện nỗi nhớ quê của nhà thơ. Theo em, nỗi nhớ đó có gì đặc biệt?
4. Bài thơ “ Quê hương” cho em hiểu gì về tình cảm của nhà thơ Tế Hanh với cảnh vật, cuộc sống và con người quê ông?
5. Nêu những độc đáo nghệ thuật của bài thơ “ Quê hương”

III. Đề luyện

Phần 1. Khi phải rời xa mảnh đất đầu yêu đã cùng mình gắn bó biết bao kỷ niệm vui buồn trong cuộc sống, nhà thơ Chế Lan Viên đã thốt lên đầy da diết:

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn!”

1. Nỗi niềm của người thi sĩ trong hai câu thơ trên gợi cho em nhớ tới bài thơ nào cũng nói về nỗi nhớ niềm thương quê hương mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập hai? Cho biết tên tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
2. Chép chính xác bốn câu thơ cuối trong bài thơ em vừa nêu tên.
3. Bằng một đoạn văn theo cách lập luận qui nạp khoảng 10 câu, trong đoạn có sử dụng một câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc (gạch chân), hãy phân tích khổ thơ em vừa

Phần 2: Đọc – hiểu văn bản

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi*

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

(Trích *Quê hương*, Tế Hanh, Ngữ văn 8 – Tập 2)

Câu 1: (1 điểm) Các từ **xanh, bạc, mặn** thuộc từ loại nào?

Câu 2: (1 điểm) Ở đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3: (1 điểm) Nêu nội dung của đoạn thơ.

Câu 4: Từ nội dung đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 5 đến 7 câu) về chủ đề: Tình yêu của em đối với quê hương nơi em sống

Phần 3 (5,0 điểm): Cho câu thơ:

Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng

Câu 1: Chép tiếp 5 câu thơ để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh?

Câu 2: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai? Nội dung chính của đoạn thơ đó là gì?

Câu 3: Viết đoạn văn (12 – 15 câu) trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên trong đó có sử dụng một câu cảm thán.

Phần 4 (3 điểm)

Cho đoạn thơ:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

1.- Những câu thơ trên được trích trong văn bản nào? Của ai?

- Có thể cảm nhận cái mùi nồng mặn trong nỗi nhớ quê của tác giả như thế nào?

2. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 6 câu nêu cảm nhận của em về những câu thơ trên, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định và một câu hỏi tu từ, gạch chân và chỉ rõ những câu văn đó.

3. Tình yêu quê hương đất nước luôn được bồi đắp từ những điều thật bình dị mà quen thuộc, gần gũi. Triết lý ấy em còn gặp trong những văn bản nào đã học ở chương trình Ngữ văn 6? Cho biết tên văn bản, tên tác giả.

ĐỀ NLXH.

1. Từ nỗi nhớ quê luôn thường trực trong lòng tác giả, em có suy nghĩ gì về đạo lí uống nước nhớ nguồn

“Uống nước nhớ nguồn” là một câu tục ngữ tuy súc tích, ngắn gọn nhưng lại chứa đựng một truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, nhắc nhở mỗi chúng ta lối sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ.

2. Từ đoạn thơ trên và những hiểu biết về xã hội, em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước.

3 Từ đoạn thơ trên và những hiểu biết về xã hội, em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về tình yêu lao động

ĐỀ HS GIỎI

Câu 1: (4đ) Cho 2 câu thơ sau

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

(“*Quê hương*” Tế Hanh)

- a. Từ nghe trong câu thơ được hiểu như thế nào? Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ cho ta cảm nhận gì về hình ảnh con thuyền?
- b. Đặt cạnh câu thơ : “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”, hai câu trên gợi cho em suy nghĩ gì về hình ảnh con thuyền ra khơi và hình ảnh con thuyền về bến.

Câu 2: Cảm nhận của em về những câu thơ sau:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng, bao la thâu góp gió.

(Trích “*Quê hương*” của Tế Hanh)

Câu 3: (2.0 điểm)

Hai câu thơ dưới đây, tác giả đều sử dụng biện pháp so sánh:

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.

- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.

Em thấy hai cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Bài thơ “Quê hương” được rút trong tập thơ nào của tác giả Tế Hanh?

- A. Tập thơ “Nghe ngào” (1939) sau đó được in lại trong tập “Hoa niên” (1945)
- B. Tập thơ “Gửi miền Bắc” (1955)
- C. Tập thơ “Hai nửa yêu thương” (1963)
- D. Tập thơ “Khúc ca mới” (1966)

Câu 2: Những bài thơ của Tế Hanh được biết đến nhiều nhất có đặc điểm gì?

- A. Thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc và cảm xúc dâng trào mỗi khi được sống với thiên nhiên.
- B. Thể hiện nỗi nhớ thương tha thiết đối với quê hương miền Nam và niềm khát khao Tổ quốc được thống nhất.
- C. Tình yêu quê hương miền Bắc và lòng gắn bó của tác giả đối với mảnh đất này.
- D. Ca ngợi cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân thù.

Câu 3: Nội dung của bài “Quê hương” nói lên điều gì?

- A. Đề cao giá trị của nghề đi biển của những người dân sống ở làng chài quê hương.
- B. Nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.
- C. Miêu tả vẻ đẹp của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.
- D. Vẽ lại hành trình của đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

Câu 4: Dòng nào nói đúng nhất nội dung, ý nghĩa của hai câu thơ đầu trong bài thơ Quê hương?

- A. Giới thiệu nghề nghiệp, vị trí địa lí của làng quê nhà thơ.

B. Giới thiệu vẻ đẹp của làng quê nhà thơ.

C. Miêu tả cảnh sinh hoạt của người dân làng chài.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5: Hai câu thơ ‘*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã-Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt Trường Giang*’ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Hoán dụ

B.   n dụ

C. Điệp từ

D. So sánh và nhân hóa

Câu 6: Bốn câu thơ sau nói lên điều gì?

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồn vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

A. Nỗi nhớ làng chài của người con tha hương.

B. Tâm trạng yêu đời, hăng say lao động của tác giả.

C. Tâm trạng luyện tiếc của tác giả khi không được cùng đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

D. Miêu tả những vẻ đẹp về màu sắc của biển quê hương.

2. Tự luận

Qua bài thơ “Quê hương”, em hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông.

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Quê hương của Tế Hanh gắn liền với nghề nào?

A. Làm muối

B. Đóng thuyền đi biển

C. Đánh cá biên

D. Cả ba nghề trên

Câu 2: Những bài thơ của Tế Hanh được biết đến nhiều nhất có đặc điểm gì?

A. Thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc và cảm xúc dâng trào mỗi khi được sống với thiên nhiên.

B. Thể hiện nỗi nhớ thương tha thiết đối với quê hương miền Nam và niềm khát khao Tổ quốc được thống nhất.

C. Tình yêu quê hương miền Bắc và lòng gắn bó của tác giả đối với mảnh đất này.

D. Ca ngợi cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân thù.

Câu 3: Nội dung của bài “Quê hương” nói lên điều gì?

A. Đề cao giá trị của nghề đi biển của những người dân sống ở làng chài quê hương.

B. Miêu tả vẻ đẹp của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.

C. Nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.

D. Vẽ lại hành trình của đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

Câu 4: Tế Hanh đã so sánh ‘*cánh buồm*’ với hình ảnh nào?

A. Con tuần mã

B. Mảnh hồn làng

C. Dân làng

D. Quê hương

Câu 5: Hai câu thơ ‘*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm-Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*’ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. Hoán dụ

D.   n dụ

Câu 6: Nhận định nào dưới đây nói đúng nhất tình cảm của Tế Hanh đối với cảnh vật, cuộc sống và con người ở quê hương ông ?

A. Nhớ về quê hương với những kỉ niệm buồn bã và đau xót, thương cảm.

B. Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó sâu sắc với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.

C. Gắn bó và bảo vệ cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông.

D. Cả A, B, C đều sai.

2. Tự luận

Bài thơ “Quê hương” có những đặc sắc nghệ thuật gì nổi bật?

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

ĐỀ 1. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.

ĐỀ 2. Phân tích vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.

ĐỀ 3. Có ý kiến cho rằng: *bài thơ “Quê hương” đã thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ Tế Hanh.*

Bằng hiểu biết của em về bài thơ **Quê hương**, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p>* Tác giả: Tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh 1921, quê ở 1 làng chài ven biển - Quảng Ngãi.</p> <p>- Là nhà thơ trong pt Thơ mới - chặng cuối (40 - 45).</p> <p>- Quê hương là cảm hứng lớn trong suốt đời thơ của TH.</p> <p>- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.</p> <p>- Các tác phẩm chính :</p> <p>+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973...</p>	<p>Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo</p>	<p>Bài thơ được viết theo thể thơ tự do 8 chữ, bài thơ có nhiều khổ, số dòng trong khổ không đồng đều, gieo vần linh hoạt ở tiếng cuối mỗi dòng thơ.</p>	<p>P1: 2 câu đầu -giới thiệu chung về làng quê của tác giả</p> <p>-P2:khổ 2 – cảnh đoàn thuyền ra khơi</p> <p>-P3: khổ 3 - cảnh đoàn thuyền trở về</p> <p>-P4: khổ cuối –Nỗi nhớ quê hương</p>
	Ý nghĩa nhan đề	PTBD	Mạch cảm xúc
		<p>Biểu cảm, tự sự, miêu tả</p>	<p>Giới thiệu chung ->Tái hiện cụ thể về quê hương ->Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p>

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>Bài thơ vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, nổi bật trong bức tranh đó là buwac tranh lao động, hình ảnh khỏe khoắn của người dân lành chài. Qua đó thể hiện tình cảm thiết tha với quê hương</p>	<p>- Biểu cảm kết hợp với miêu tả</p> <p>- Tính từ gợi tả, những động từ mạnh, điệp ngữ, nhân hóa, so sánh</p>

II.2.Tác phẩm

<p>Chép thơ</p> <p>(gạch chân các từ ngữ nghệ thuật và BPTT)</p>	<p>Nghệ thuật chính</p>
<p>P1: 2 câu đầu -giới thiệu chung về làng quê của tác giả</p> <p><u>Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:</u></p> <p>xung hô giới thiệu nghề nghiệp</p> <p>Nước bao vây, <u>cách biển nửa ngày sông</u></p> <p> vị trí, cách tính thời gian</p> <p>P2: khổ 2 – cảnh đoàn thuyền ra khơi</p> <p><u>Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng</u></p> <p> Không gian, thời gian, liệt kê</p> <p>Dân <u>trai tráng</u> bơi thuyền đi đánh cá.</p> <p> con người lao động khỏe khoắn</p> <p><u>Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã</u></p> <p> ĐT mạnh so sánh,</p> <p><u>Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.</u></p> <p>ĐT mạnh ĐT mạnh</p> <p>Cánh buồm giương to <u>như</u> mảnh hồn làng</p> <p> so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng</p> <p><u>Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...</u></p> <p>NT nhân hóa -> khát vọng chinh phục biển cả</p> <p>P3: khổ 3 - <u>cảnh đoàn thuyền trở về</u></p>	<p>-Hai câu thơ đầu giới thiệu khái quát về làng quê: + Làng tôi: xung hô thân mật.</p> <p>+ Vị trí: làng chài ven biển, cách tính thời gian đặc biệt: lấy thời gian đo khoảng cách</p> <p>+ Nghề nghiệp: làm nghề đánh cá, từ “vốn”: làng nghề truyền thống lâu đời.</p> <p>→ Niềm tự hào của người con xa quê.</p> <p>-Thiên nhiên cảnh vật: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng -> vô cùng đẹp trời, thuận lợi</p> <p>-Con người: những trai tráng khỏe mạnh, sức lực tràn trề</p> <p>- Các động từ mạnh “ hăng, phăng, vượt” miêu tả con thuyền rẽ sóng băng băng, khí thế dũng mãnh</p> <p>- Hình ảnh cánh buồm: NT so sánh -> nó trở thành biểu tượng của người dân làng chài.</p> <p>- NT nhân hóa “ rướn thân trắng” đã thể hiện khí thế lao động và khát vọng đi chinh phục biển của “dân trai tráng”</p> <p>-> vẻ đẹp và sức mạnh của con thuyền chính là khí thế mạnh mẽ, hào hứng của con người đi chinh phục biển cả. Đây là một bức tranh lao động trên biển vô cùng đẹp đẽ, vừa hiện thực vừa bay bổng. Phải có tình yêu quê hương tha thiết, Tế Hanh mới viết được những câu thơ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc đến thế.</p> <p>-Không gian thời gian: được miêu tả cụ thể: ngày hôm sau và trên bến đỗ.</p> <p>-Khung cảnh: các từ láy “ồn ào, tấp nập” gợi</p>

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ

Không khí tươi vui, hồ hởi

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

khỏe khoắn, đầy sức sống

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

nhân hóa

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

P4: khổ cuối – Nỗi nhớ quê hương

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

bộc lộ tình cảm trực tiếp: nỗi nhớ thường trực

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

liệt kê

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

không khí tươi vui, hồ hởi của những người dân làng chài đi đón ghe về từ sáng sớm.

-“nhờ ơn trời” là tiếng reo vui đầy sự biết ơn, cảm tạ thiên nhiên đã giúp họ thu được thành quả cao là “những con cá tươi ngon thân bạc trắng” sau một ngày lao động vất vả.

-**Người dân chài:** làn da rám nắng, khỏe khoắn đầy sức sống mang hơi thở biển khơi. Đường như vị mặn của biển cả đã thấm sâu vào cơ thể họ, vào cả tâm hồn và hơi thở họ.

- **Hình ảnh con thuyền** được nhân hóa: Như con người sau một ngày làm việc vất vả, nằm im nghỉ ngơi như đang ngẫm nghĩ. NT ẩn dụ chuyển đổi cảm giác gọi liên tưởng nó đang lắng nghe chất muối thấm dần trong từng thớ vỏ.

-> **cuộc sống lao động đầy ắp niềm vui, con người gắn bó, hòa hợp với thiên nhiên, với biển cả.**

-Nhà thơ giải bày tình cảm trực tiếp với quê hương. “luôn tưởng nhớ” là nỗi nhớ luôn thường trực trong lòng tác giả.

-Nhớ màu nước xanh của biển, màu bạc của cá, nhớ chiếc buồm vôi...trong hòa niệm của tác giả luôn nhớ cả hình ảnh thấp thoáng con thuyền rẽ sóng ra khơi

- Điệp từ “nhớ” làm cho giọng thơ thiết tha, bồi hồi.

-Tiếng thơ chính là tiếng lòng của tác giả. Vị nồng mặn của biển cũng đã thấm sâu vào tâm hồn nhà thơ.

-> **Những hình ảnh bình dị ấy cứ trở đi trở lại làm tác giả khôn nguôi nỗi nhớ quê**

<p>Tôi thấy <u>nhớ</u> cái mùi nồng mặn quá!</p> <p>Điệp từ Câu cảm thán</p>	<p>hương. Những câu thơ được viết thật giản dị nhưng cũng thật giựt cảm xúc mênh mang, sâu lắng. Đó là tình yêu quê hương tha thiết của người con xa quê.</p>
---	---

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức:

1. Giải nghĩa từ:

- **Tuần mã:** ngựa đẹp, khỏe và phi nhanh
- **Trai tráng:** trai trẻ, khỏe mạnh.
- **Ghe:** thuyền

2. Xác định BPTT và nêu tác dụng (3-5 câu văn)

Câu thơ	Xác định BPTT và nêu tác dụng(3-5 câu văn)
<p>Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã</p> <p>Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang</p>	<p>Hình ảnh so sánh con thuyền như con tuấn mã cùng 1 loạt các động từ, tính từ “nhẹ, hăng, phăng, vượt...” đã diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi. Người đọc cũng cảm nhận được sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp khỏe khoắn của dân chài. Hai câu thơ toát lên một bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.</p>
<p>Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</p> <p>Rướn thân trắng bao la thâu góp gió</p>	<p>Hình ảnh so sánh cánh buồm với mảnh hồn làng khiến cánh buồm quen thuộc bỗng trở nên lớn lao, thiêng liêng và rất thơ mộng. Tế Hanh nhận ra đó chính là biểu tượng của linh hồn làng chài. Bên cạnh đó cánh buồm còn được nhân hóa “<i>Rướn thân trắng bao la thâu góp gió</i>” đã thể hiện khí thế lao động và khát vọng đi chinh phục biển của “<i>dân trai tráng</i>”. Hình ảnh thơ bay bổng, lãng mạn đã bộc lộ tình yêu quê hương và niềm tự hào của tác giả.</p>
<p>Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm</p> <p>Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ</p>	<p>Con thuyền được nhân hóa gọi lên cuộc sống lao động vất vả mà yên vui của người dân làng chài. Sau một ngày làm việc vất vả, nó cũng muốn trở về bến nằm nghỉ ngơi và ngẫm nghĩ. Vị mặn của muối vốn được cảm nhận bằng vị giác nhưng ở đây bằng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác nó đã được cảm nhận bằng thính giác. Con thuyền như đang</p>

	lặng yên lắng nghe chất muối ngấm dần vào cơ thể mình và trở thành mạch máu trong cơ thể nó. Đó phải chăng cũng chính là sự gắn bó sâu nặng của con thuyền, của người dân làng chài với bà mẹ biển cả.
--	--

3. Bốn câu cuối của bài thơ “ Quê hương” thể hiện nỗi nhớ quê của nhà thơ. Theo em, nỗi nhớ đó có gì đặc biệt?

-> Bốn câu cuối của bài thơ “ Quê hương” thể hiện nỗi nhớ quê của người xa quê đã lâu

Vẫn là nhớ những hình ảnh quê hương nhưng là làng chài với nước xanh, cá bạc và chiếc buồm vôi. Hình ảnh thu hẹp dần để rồi đọng lại trong nỗi nhớ “ cái mùi nồng mặn” của quê hương. Đó là độc đáo của khổ thơ.

Xa quê, hương vị quê hương làng chài đầy quyến rũ chính là nhớ đến đời sống lao động của quê hương.. Nỗi nhớ ấy không ủy mị dù rất da diết, thiết tha.

4. Bài thơ “ Quê hương” cho em hiểu gì về tình cảm của nhà thơ Tế Hanh với cảnh vật, cuộc sống và con người quê ông?

-> . Bài thơ “ Quê hương” tái hiện phong cảnh, cuộc sống và con người làng chài trong nỗi nhớ của người xa quê. Tình yêu quê hương, sự gắn bó sâu sắc thấu hiểu tinh tế người và cảnh quê hương đã giúp nhà thơ thổi hồn vào cảnh vật, làm cho hình ảnh quê hương vừa chân thực vừa có vẻ đẹp khỏe khoắn đầy lãng mạn

5. Nêu những độc đáo nghệ thuật của bài thơ “ Quê hương”

-> Sự sáng tạo hình ảnh thơ: Những hình ảnh lãng mạn bay bổng nên thơ đã đưa người đọc vào những cảm xúc chân thành về quê hương. Sự sáng tạo đó không chỉ thể hiện tài năng mà còn là tấm lòng của nhà thơ với quê hương. Bức tranh làng chài tươi sáng khỏe mạnh.

-> Sử dụng nhiều BPNT: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ

III. Đề luyện

Phần 1. Gợi ý

1. Quê hương – Tế Hanh

Năm 1939, khi tác giả trọ học xa nhà tại Huế

2. Chép thơ

Nhân vật “tôi” rất kính trọng, yêu mến nhân vật “lão”

3. Viết đoạn:

- Nghệ thuật:

+ Liệt kê những sự vật đặc trưng, tiêu biểu của làng chài: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền, sóng, mùi nồng mặn...

+ Bộc lộ tình cảm trực tiếp: lòng tôi luôn tưởng nhớ, nhớ ...quá,...

- Nội dung:

+ Bộc lộ nỗi nhớ quê hương thường trực, da diết,...

+ Thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc, chân thành,...

+ Khơi gợi được tình cảm yêu quê hương trong trái tim độc giả,...

Phần 2. Đọc hiểu văn bản

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1	Các từ <i>xanh, bạc, mặn</i> thuộc từ loại tính từ	1
2	Ở đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	1
3	Nội dung đoạn thơ: Nhà thơ bày tỏ lòng yêu thương trân trọng quê hương của mình. Dù đi xa vì sự nghiệp, tác giả vẫn luôn nhớ về mảnh đất quê hương yêu dấu của mình. Nhớ màu nước biển xanh, nhớ thân cá bạc, nhớ chiếc buồm vôi, nhớ cả cảnh những chiếc thuyền rẽ sóng ra khơi và nhà thơ cảm nhận được cái mùi nồng mặn xa xăm của quê biển.	1

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
4	a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề: Tình yêu của em đối với Quê hương nơi em sống	0,25
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các phương thức biểu đạt. Có thể viết đoạn văn theo ý sau:	
	-Tình yêu quê hương được thể hiện bằng những việc làm cụ thể: tích cực trong học tập, phụ giúp cha mẹ,... - Nói được suy nghĩ chân thành, sâu sắc về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với quê hương đất nước. - Phê phán một số người chưa thực sự có tình yêu đối với quê	0,25 0,25 0,25

	<p>huong, có những biểu hiện chưa tích cực,....</p> <p>- Tình yêu quê hương là điều thực sự cần thiết ở mỗi học sinh và mọi người.</p>	0,25
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề (tình yêu của em đối quê hương).</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25

Phần 3 (5,0 điểm)

Câu 1: Chép đầy đủ đúng 5 câu để tạo thành một đoạn thơ (0,5 điểm)

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Câu 2.

- Đoạn thơ trên trích trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. (0,5 điểm)

- Nội dung chính của đoạn thơ: miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá trong một buổi sáng đẹp trời. (0,5 điểm)

Câu 3 (3,5 điểm)

a. Hình thức (1,0 điểm)

* Viết đúng hình thức đoạn văn. Đủ số câu (12 – 15 câu) (0,5 điểm)

* Có sử dụng 1 câu cảm thán, gạch chân các câu đó (0,5 điểm)

b. Về nội dung cần trình bày được các ý sau (2,5 điểm)

- Đoàn thuyền xuất phát giữa buổi bình minh trong sáng, dịu mát và rực rỡ nắng mai hồng.

- Những chàng trai miền biển khỏe mạnh, vạm vỡ hăng hái chèo ra khơi.

- Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh "hăng, phăng, vượt" cho ta thấy khí thế mạnh mẽ, dũng mãnh của con thuyền khi ra khơi.

- Hình ảnh so sánh chính xác, giàu ý nghĩa: “cánh buồm - mảnh hồn làng” làm cho hình ảnh cánh buồm trở lên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm.
- Cánh buồm được nhân hóa như một con người, nó đang rướn cao thân mình thu hết gió của đại dương đẩy con thuyền đi nhanh hơn.
- Đoạn thơ đã vẽ lên một bức tranh lao động khỏe khoắn tràn đầy sức sống thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên của người dân làng chài.

Phần 4 (3 điểm)

Học sinh nêu đúng:

1. Tên văn bản; Quê hương

Tên tác giả: Tế Hanh

* Cảm nhận “cái mùi nồng mặn” trong nỗi nhớ quê của tác giả

Đó là mùi vị đặc trưng của làng chài (Mùi của nắng, gió, cá, biển khơi...), mùi vị quê hương (mỗi gạch chân 0,5đ)

2. Viết đoạn văn:

Nội dung: tình yêu quê hương da diết được bộc lộ trực tiếp qua điệp từ “nhớ”, câu cảm thán; nhà thơ nhớ về những nét đặc trưng của quê hương, những hình ảnh được khắc sâu trở thành ấn tượng riêng của tác giả (nghệ thuật liệt kê)

Có câu phủ định, câu hỏi tu từ

3. Học sinh nêu được: văn bản *Lòng yêu nước*; tác giả Ê – ren – bua

ĐỀ NLXH.

Từ nỗi nhớ quê luôn thường trực trong lòng tác giả, em có suy nghĩ gì về đạo lí uống nước nhớ nguồn

“Uống nước nhớ nguồn” là một câu tục ngữ tuy súc tích, ngắn gọn nhưng lại chứa đựng một truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, nhắc nhở mỗi chúng ta lối sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ.

STT	Thao tác	Nội dung
	Giải thích	- “Uống nước” là sự thừa hưởng những thành quả vật chất và tinh thần. “Nhớ nguồn” thể hiện lòng biết ơn, sự tri ân, ghi nhớ những người đã giúp đỡ chúng ta được hưởng những thành quả đó.

		<p>- Cả câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” nhắc nhở mỗi người lối sống ân nghĩa, thủy chung; trân trọng và biết ơn với quá khứ, với những thế hệ đi trước.</p>
	Biểu hiện	<p>Hiện nay, trên bước đường hội nhập quốc tế, những ngày lễ truyền thống như ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày 20/11, ngày giỗ tổ Hùng Vương hay ngày Tết âm lịch,...những ngày để thế hệ hiện tại, thế hệ con cháu hướng về quá khứ, hướng về gia đình, thầy cô chưa bao giờ bị lãng quên.</p> <p>Hay những gia đình chính sách, người có công với cách mạng luôn luôn được sự quan tâm từ cộng đồng, xã hội...</p> <p>Đó đều là những hành động thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, thể hiện một tình cảm đẹp, một đạo lý đẹp của dân tộc.</p>
	Phân tích chứng minh	<p>Tại sao chúng ta phải “Uống nước nhớ nguồn”?</p> <p>- Nhỏ bé như hạt gạo, hay lớn lao như cuộc sống hòa bình, tự do chúng ta đang tận hưởng, tất cả đều bắt nguồn từ một quá trình lao động miệt mài và cả sự hi sinh máu xương, tính mạng của thế hệ đi trước. Không có điều gì tự nhiên mà có, như cây có cội, như sông có nguồn, như con người có tổ tiên, và quá khứ. Bởi vậy chúng ta phải biết quý trọng, biết ơn những người đã giúp đỡ ta, cho ta những gì ta đang có.</p> <p>- “Uống nước nhớ nguồn” giúp ta đoàn kết gắn bó và yêu thương nhau qua nhiều thế hệ.</p> <p>(Dẫn chứng: Con cháu thể hiện lòng biết ơn, tình yêu thương với ông bà cha mẹ. Vào những ngày nghỉ lễ, hay dịp Tết, dù bận rộn đến đâu cũng trở về thăm gia đình, đó là việc làm đơn giản nhưng rất có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương, lòng nhớ ơn đến các bậc sinh thành)</p> <p>- Truyền thống đạo lý tốt đẹp sẽ được gìn giữ muôn đời, và tạo nên sức mạnh của dân tộc.</p> <p>(Dẫn chứng: Trong chiến tranh, thế hệ này ngã xuống thế hệ sau tiếp nối đứng lên để bảo vệ độc lập, tự do đất nước. Và trong hòa bình, chúng ta biết trân trọng, giữ gìn cuộc sống độc lập tự do ấy, tiếp nối truyền thống ngàn đời của cha ông dành cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc)</p>

	Phê phán	<p>Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn đâu đó một số cá nhân có lối sống ích kỉ, ăn cháo đá bát, vong ân bội nghĩa, lãng quên đi quá khứ, chỉ biết hưởng thụ mà quên mất nguồn cội.</p> <p>Chúng ta đau lòng trước những tin tức như con bỏ rơi bố mẹ, đối xử không có nhân tính với bố mẹ, cô gái ngồi lên bia mộ chụp ảnh...đó đều là những hành động đáng bị lên án và phê phán.</p>
	Liên hệ bản thân	<p>- Thấm nhuần ý nghĩa của câu tục ngữ, ta thấy: "Uống nước nhớ nguồn" là phẩm chất cần có của con người. Mỗi chúng ta cần có trách nhiệm gìn giữ, vun đắp, phát huy truyền thống đạo lí tốt đẹp đó.</p> <p>- Ở lứa tuổi học sinh, chúng ta chưa làm ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội, do đó hãy bày tỏ lòng biết ơn chân thành với cha mẹ, thầy cô bằng lời nói, việc làm cụ thể của mình: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội sau này .</p>

2. Từ đoạn thơ trên và những hiểu biết về xã hội, em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước.

1. Mở đoạn: Yêu quê hương đất nước là tình cảm vô cùng thiêng liêng, đẹp đẽ

2. Thân đoạn

a. Biểu hiện

- Tình yêu quê hương đất nước không phải là những gì quá xa xôi, trừu tượng. Yêu nước là yêu chính những thân trong gia đình mình, yêu tất cả những gì gần gũi, gắn bó với mình: yêu cái cây trước cửa nhà, yêu con đường đến trường,... Biết bao nhiêu con người Việt Nam đã từng ngã xuống để bảo vệ những gì mình yêu quý và động lực chiến đấu của họ chính là xuất phát từ tình yêu đối với những gì bình dị nhất.

- Ở mỗi giai đoạn, tình yêu quê hương đất nước lại có những biểu hiện khác nhau. Ngày nay, tình yêu quê hương đất nước có thể được thể hiện bằng các hành động:

+ Tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, tôn trọng kỉ cương, kỉ luật.

+ Lựa chọn một công việc phù hợp, gắn bó và cống hiến hết mình vì công việc đó.

+ Trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì phải tận công vào mặt trận kinh tế, làm giàu cho đất nước được xem như một nhiệm vụ then chốt.

+ Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

b. Ý nghĩa

- Tình yêu quê hương đất nước khiến mỗi người sống đẹp hơn, khiến tâm hồn con người phong phú hơn.
- Tình yêu quê hương đất nước trở thành động lực khiến con người vượt qua khó khăn, thử thách để cống hiến xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước
- là sợi dây thiêng liêng gắn kết con người

c. Liên hệ bản thân: Là học sinh, tình yêu quê hương đất nước thể hiện bằng hành động cụ thể như: cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Kết đoạn: Khẳng định: Tình yêu quê hương đất nước thiêng liêng nhưng cũng bình dị, nói như nhà văn Erenbua: “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc”.

3. Suy nghĩ về tình yêu lao động

1. Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần nghị luận, ý nghĩa của lao động và yêu thích lao động.

2. Thân đoạn:

a. Giải thích khái niệm:

- Lao động là hoạt động có ý thức của con người nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người.
- Yêu thích lao động là luôn mong muốn được làm việc hết mình để góp phần tạo ra các sản phẩm phục vụ con người: “lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của niềm vui và sáng tạo” (Mác-xim Gorki).

b. Biểu hiện:

- Người yêu lao động trong văn học, thơ ca và cuộc sống thực tế (lấy dẫn chứng).
- Biểu hiện của những kẻ lười lao động là vừa thấy khó khăn mệt mỏi đã vội bỏ cuộc.

c. Ý nghĩa

- Lao động là biến mơ ước của con người thành hiện thực: Chỉ có lao động mới giúp con người thực hiện được mơ ước, đem lại niềm vui, thúc đẩy con người sáng tạo.
- Điều tốt đẹp trong cuộc sống không tự dưng mà có, không ai đem cho mà bản thân mỗi con người phải tự làm ra, tự lao động để có.
- Lao động là cơ sở để con người tồn tại, phát triển, đi từ tiến bộ này đến tiến bộ khác.

- Lao động tạo ra giá trị vật chất và tinh thần phục vụ cho đời sống con người.
- Lao động đem lại niềm vui, khơi dậy những sáng tạo, thúc đẩy cuộc sống, xã hội phát triển
- Lao động giúp con người làm chủ bản thân, thực hiện trách nhiệm, bổn phận với gia đình, đóng góp xây dựng xã hội.
- Lao động giúp con người thực sự sống tự do.

d. Phê phán lối sống lười biếng, dựa dẫm, ăn sẵn

3. Kết đoạn: khẳng định tầm quan trọng của tình yêu lao động, liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức

- + Mỗi người không ngừng phấn đấu, rèn luyện để trở thành người lao động chân chính, có ích, người lao động giỏi trong tương lai.
- + Cần có quan điểm lao động mới, có thái độ lao động tự giác, có kỹ thuật, có kỷ luật và đạt năng suất cao.
- + Chống lại thái độ lười biếng lao động, ỷ lại, không sáng tạo,...

ĐỀ HS GIỎI

Câu 1

a. Từ “Nghe” trong câu thơ là biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Nghe chất muối thấm dần trong vở”(0,5đ)

- Chỉ ra và phân tích cách sử dụng ngôn ngữ của nhà thơ về “con thuyền”

+ Ngoài nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, tác giả còn sử dụng thành công nghệ thuật nhân hóa “con thuyền”, “im” “mỏi”, “nằm”, “nghe”(0,5đ)

+ Cách cảm nhận tinh tế của tác giả, nhà thơ nhìn, nghe thấy cả những điều không hình sắc không thanh âm: Con thuyền có cả một thế giới tâm hồn phong phú và tinh tế (0,5đ)

+ Con thuyền đang lắng sâu cảm xúc của mình về biển hay chính con người làng chài đang trải nghiệm tình yêu biển (0,5 đ)

b. Nêu được suy nghĩ của con thuyền khi ra khơi và khi về bến(2đ)

Cần có ý sau:

- Khi ra khơi hình ảnh con thuyền toát lên vẻ đẹp hùng tráng, mạnh mẽ. Nghệ thuật so sánh kết hợp với nhân hóa “rướn” “thâu” góp gió, ẩn dụ “mảnh hồn làng” cho thấy con thuyền còn là biểu tượng của linh hồn làng chài(1đ)

- Khi về bến con thuyền được nhân hóa như con người: đang say sưa, mệt mỏi, lắng nghe,

cảm nhận hương vị của biển, tình yêu biển.

Nếu đặt 2 câu trên cạnh nhau ta còn thấy nghệ thuật đối lập được sử dụng (1đ)

Câu 2

* **Yêu cầu về hình thức:** Đây là bài viết ngắn yêu cầu phải có bố cục rõ ràng, phân tích cụ thể.

* **Yêu cầu về nội dung:**

- Cảm nhận được tình yêu sự gắn bó với quê hương miền biển của nhà thơ Tế Hanh trong việc khắc họa bức tranh lao động đầy hứng khởi của người dân làng chài.
- Tác giả sử dụng phép so sánh bất ngờ thú vị “ chiếc thuyền” như “con tuấn mã” và “cánh buồm” như “ mảnh hồn làng” đã tạo nên hình ảnh độc đáo, sự vật như được thổi hồn trở nên đẹp và sống động.
- Tác giả còn sử dụng phép nhân hóa đặc sắc “cánh buồm” “rướn” một hình ảnh đẹp và sống động ta như thấy chàng trai lực lưỡng đang “rướn” tấm thân vạm vỡ trước sóng gió của biển khơi.
- Một loạt động từ: hăng, phăng, vượt, giương diễn tả đầy ấn tượng khí thế hăng hái dũng mãnh của con thuyền ra khơi.

=>Việc kết hợp linh hoạt và độc đáo các biện pháp so sánh nhân hóa sử dụng các động từ mạnh đã gọi ra trước mắt người đọc một cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng nổi bật là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống của người dân làng chài.

Câu 3	Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh. Tuy nhiên mỗi câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng:	
(2.0 đ)	- So sánh con thuyền ra khơi “ <i>hăng như con tuấn mã</i> ” tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe (tuấn mã) đang phi, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi.	1.0đ
	- So sánh “ <i>Cánh buồm với mảnh hồn làng</i> ” tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài.	1.0đ

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	B	A	D	A

2. Tự luận

- Thấm đượm trong bài thơ là nỗi nhớ quê hương da diết của tác giả. Những hình ảnh đơn sơ, mộc mạc, bình dị như: chiếc thuyền, cánh bướm, mái chèo,... là những hình ảnh hết sức gần gũi và thân quen với tác giả. Những đồ vật ông chỉ cần nhớ đến đều gợi lên từng kỉ niệm tại quê nhà. Mỗi hình ảnh ông đều miêu tả với tâm thế nâng niu, lưu luyến.
- Con người trong bài thơ được nhắc đến với tình cảm yêu mến, gần gũi, sự kính trọng của một người con xa xứ luôn hướng tới quê nhà.
- Cuộc sống của những người dân chài quanh năm gắn liền với biển cả, gắn liền với chuyến ra khơi và bội thu trở về. Cuộc sống bình dị, yên ả trôi qua trên mảnh đất chài lưới thân yêu của tác giả.

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	C	B	D	B

2. Tự luận

- Giọng thơ mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm.
- Hình ảnh so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao, phép nhân hóa.
- Phép ẩn dụ, đảo trật tự từ trong câu.
- Hàng loạt động từ mạnh, tính từ, phép liệt kê.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

ĐỀ 1. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.

1. Mở bài.

- Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi, tham gia cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Đề tài quê hương xuất hiện nhiều lần trong sự nghiệp sáng tác của Tế Hanh.

- Bài thơ *Quê hương* viết năm 1938 là nỗi nhớ, là tình yêu quê hương tha thiết của Tế Hanh.

2. Thân bài.

* Hình ảnh quen thuộc của quê hương yêu dấu.

- Hiện lên qua lời giới thiệu tự nhiên, mộc mạc nhưng ẩn chứa tình cảm tự hào:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.

Dân trai tráng trong làng đi đánh cá.

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả sinh động. Hình ảnh so sánh.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã...

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Là sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Bút pháp lãng mạn đem lại chất trữ tình bay bổng cho hình tượng thơ.

- Âm hưởng khoẻ khoắn, vui tươi thể hiện khí thế lao động sôi nổi và khát vọng hạnh phúc của người lao động.

- Cảnh đoàn thuyền về bến được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết. Niềm vui hiện rõ qua hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu thơ.

- Nổi bật lên vẫn là vẻ đẹp khoẻ khoắn của những ngư dân dạn dày sóng gió đại dương.

- Bút pháp nhân hoá mang đến cho con thuyền một tâm hồn, một cuộc sống như con người, biến nó thành nhân vật không thể thiếu của quê hương

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm.

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

- Tất cả gắn kết, hoà hợp với nhau tạo nên bức tranh sinh hoạt, sống động, rực rỡ sắc màu, in đậm dấu ấn trong kí ức những người con xa quê.

* Cảm xúc của nhà thơ.

- Thể hiện gián tiếp qua lời kể, lời tả đầy yêu mến, tự hào về quê hương.
- Thể hiện trực tiếp ở khổ thơ cuối

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ...

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

- Tình yêu quê hương chân thành, tha thiết là cảm hứng chủ đạo bao trùm bài thơ.

3. Kết bài.

- Bài thơ quê hương là tấm lòng gắn bó sâu nặng của Tế Hanh với mảnh đất chôn nhau cắt rốn.
- Hình ảnh quê hương nghèo luôn hiện lên trong tâm tưởng, vừa là nguồn sức mạnh vừa là lời nhắc nhở, mời gọi những đứa con xa trở về với cội nguồn.

ĐỀ 2. Phân tích vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.

DÀN Ý

Mở bài: Giới thiệu bài thơ.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sức hấp dẫn trước hết của bài thơ là vẻ đẹp thân thương và độc đáo của bức tranh làng quê.

Thân bài:

a. Đó là vẻ đẹp của chính làng quê tác giả - một làng chài ven biển Trung Bộ. (Phân tích 2 câu thơ đầu).

b. Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn của cuộc sống và con người làng chài:

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:
 - + Hiện lên trong khung cảnh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng của buổi bình minh.
 - + Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai “phăng mái chèo” và những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.
 - + Hình ảnh cánh buồm là một sự so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nỗi niềm của người dân chài.
- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh ồn ào tấp nập trên bến đỗ là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan hoà niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.

+ Hình ảnh những chàng trai và những con thuyền sau chuyến ra khơi tạo nên một vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn với hương vị riêng biệt khó quên của làng chài.

Kết bài: - Bức tranh làng quê trong bài thơ thể hiện tình cảm trong sáng, thiết tha của Tế Hanh đối với quê hương.

- Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài VN, nên có sức hấp dẫn với mọi tâm hồn Việt.

ĐỀ 3 Có ý kiến cho rằng: *bài thơ "Quê hương" đã thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ Tế Hanh.*

Bằng hiểu biết của em về bài thơ **Quê hương**, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

a. Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh biết vận dụng các kĩ năng nghị luận để làm thành một bài tập làm văn nghị luận về một bài thơ có đầy đủ bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài theo quy định.

Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, trau chuốt, văn viết có cảm xúc chân thành, biết phân tích hình ảnh thơ để làm nổi bật vấn đề nghị luận...

*** Làm tốt các yêu cầu trên được 1.0 điểm**

b. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh cần trình bày được những nội dung sau:

Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu về tình yêu quê hương của Tế Hanh và bài thơ *Quê hương*.

Thân bài:

- Tình yêu quê hương được thể hiện qua niềm tự hào khi giới thiệu về quê hương:

+ Lời giới thiệu giản dị, mang nét riêng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian.

+ Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương.

- Tình yêu quê hương còn được thể hiện trong nỗi nhớ về cảnh sinh hoạt, cảnh lao động của người dân chài lưới:

+ Sáu câu thơ tiếp theo là cảnh "dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá" trong một "sớm mai hồng". Đây vừa là phong cảnh thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

Học sinh phân tích những hình ảnh thơ tiêu biểu, độc đáo trong đoạn thơ.

+ Đoạn thơ thứ ba là cảnh dân làng đón đoàn thuyền cá trở về. Bốn câu đầu là một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí ồn ào, tấp nập, đông vui, từ những chiếc ghe đầy cá, từ những con cá tươi ngon, từ lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên bể lặng để đoàn thuyền trở về bình yên. Bốn câu sau miêu tả người dân chài và con thuyền nằm nghỉ trên bến sau chuyến ra khơi. Qua các biện pháp nghệ thuật, sự sáng tạo độc đáo của tác giả, hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường... Qua đó thể hiện tâm hồn tinh tế, tài hoa và tình yêu quê hương tha thiết, sâu nặng của Tế Hanh.

- Tình yêu quê hương được thể hiện trực tiếp trong nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của người con khi xa cách:

+ Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị; cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp” *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*”

+ Hương vị lao động làng chài chính là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương. Nhà thơ đã cảm nhận được chất thơ trong cuộc sống lao động hàng ngày của người dân nên hình ảnh thơ tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống.

- Tế Hanh đã sáng tạo được nhiều hình ảnh thơ chân thực nhưng cũng rất đẹp, bay bổng lãng mạn. Nhà thơ đã thổi linh hồn vào những sự vật gần gũi, giản dị khiến cho các sự vật mang một vẻ đẹp, một tâm vóc bất ngờ. Từ đó, tình yêu quê hương của Tế Hanh càng trở nên tha thiết, sâu nặng hơn.

Kết bài: Khái quát, khẳng định lại vấn đề.

THAM KHẢO

Quê hương, hai tiếng vang lên thật ngọt ngào, da diết biết bao. Nó đánh thức trong mỗi con người tình yêu thương thiêng liêng, cháy bỏng với một miền quê – nơi mình sinh ra, trưởng thành. Tình yêu đó đã được hoá thân vào những bản nhạc du dương, những bức tranh tươi sắc màu và đặc biệt hoá thân vào những vần thơ chan chứa bao cảm xúc. Quê hương của nhà thơ Tế Hanh là một trong số những vần thơ như thế, những vần thơ có sức lay động lòng người, thể hiện tình yêu quê hương bất diệt.

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu với người đọc về quê hương dấu yêu của mình :

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với “nghề chài lưới”. Cách gọi “làng tôi” thật dân dã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển. Cách đo thời gian bằng không gian “nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đáo tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình, tươi đẹp. Vùng quê đó càng trở nên đẹp hơn, như một bức tranh tươi màu sự sống khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào một buổi “sớm mai hồng” :

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Cả một khung cảnh bao la của vùng biển như được tác giả tái hiện qua câu thơ : “Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”. Tất cả hiện lên ở vẻ đẹp viên mãn, tràn đầy nhất. Các tính từ “trong, nhẹ, hồng” đã tuyệt đối về đẹp của tạo hoá. Đặc biệt vẽ ra bức tranh bình yên của vùng biển rộng lớn. Đó không phải là ngày biển ào ào đông tố mà là một ngày biển lặng, sóng êm. Câu thơ ngắt nhịp 3/2/3, với âm bằng chiếm chủ yếu phải chăng thể hiện những con sóng dạt dào vỗ vào bờ ? Nổi bật lên giữa thiên nhiên đó là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống :

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

So sánh độc đáo “chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã”, giàu sức gợi tả, thể hiện sức mạnh không gì ngăn nổi của những chiếc thuyền ra khơi. Bên cạnh đó tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ, đưa các động từ, tính từ đặc tả sức mạnh lên đầu câu : “phăng mái chèo”, “mạnh mẽ vượt”, một lần nữa khẳng định những chiếc thuyền mang trên mình sức mạnh như vũ bão. Câu thơ mở ra một khung cảnh ra khơi hùng tráng, mẽ lẹ. Khung cảnh đó càng trở nên kì vĩ hơn với hình ảnh :

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Lấy cái hữu hình so sánh với cái vô hình, tác giả như muốn huyền thoại hoá, mang màu sắc linh thiêng thổi hồn vào cánh buồm. Cánh buồm là nơi chứa đựng bao ước mơ, khát vọng của người dân làng chài vì thế nó cũng giống như hồn vía của ngôi làng. Tế Hanh đã sử dụng từ ngữ miêu tả rất tinh tế : “cánh buồm giương to” chứ không phải “cánh buồm trương to”. Nếu “trương to” thì thật trần trụi, thô ráp, chỉ gọi độ rộng. Còn “giương to” vừa thể hiện sự rộng lớn vừa thể hiện xu hướng tiến về phía trước, đồng thời cũng đầy linh thiêng. Cánh buồm như kiêu hãnh hơn, mạnh mẽ hơn với hình ảnh : “Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”. Động từ “rướn” diễn tả tư thế vươn mình tiến lên được đặt đầu câu nhấn mạnh sự chủ động. Cánh buồm như vươn mình ra xa để thu hết những luồng gió, để tăng thêm sinh lực, mạnh mẽ vượt qua các con sóng lao ra khơi xa. Đoạn thơ miêu tả cảnh ra khơi chỉ gồm sáu câu nhưng đã lột tả được cái thần, cái chất của khung cảnh tráng lệ. Các câu thơ luôn kết thúc với âm mở : a, ang, o,... như mở ra một đại dương bao la, đầy hứa hẹn những mẻ cá đầy, nơi mà con thuyền đang hướng tới. Có lẽ trên văn đàn Việt Nam hiếm có cuộc ra khơi nào mà lại được miêu tả một cách hùng tráng, kì vĩ, thấm đượm chất biển như trong thơ Tế Hanh, ông đã viết về quê hương dấu yêu với cả tình yêu quê hương

tha thiết, dạt dào.

Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây. Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào, hứng khởi:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Sau một ngày ra khơi, đoàn thuyền trở về trong sự đón đợi của dân làng “khấp dân làng tấp nập đón ghe về”. Cách gọi có sự đổi thay, từ những “chiếc thuyền” chuyển sang “ghe” mang đậm tính địa phương vùng biển, người đọc hiểu rằng trong từng câu chữ đều thấm đượm một tình yêu cháy bỏng. Hình ảnh “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” báo hiệu một chuyến ra khơi tốt đẹp và càng tô thêm sức sống cho bức tranh vùng vịnh chài. Nổi bật lên trên nền bức tranh đó là những người dân chài. Tế Hanh đã chọn lọc những nét tiêu biểu, đúng chất nhất để nói về người dân quê mình. Đó là những con người khỏe khoắn, rắn rỏi với “làn da ngăm rạm nắng”, làn da đã trải qua bao sương gió. Họ là những con người lao động thực sự. Đặc biệt, nhà thơ đã nói lên nét đặc trưng của người miền biển với hình ảnh giàu sức gợi cảm : “Cả thân hình nòng thò vọt xa xăm”. Những chàng trai chài lưới hiện lên mang vẻ đẹp kì vĩ, cường tráng sánh ngang với thiên nhiên, vũ trụ. Ở họ có nét đẹp của con người đã hiên ngang chinh phục thiên nhiên. “Vọt xa xăm” là vọt vô hình, vọt của lao động miệt mài, vọt của thiên nhiên hoà lẫn với con người. Hình ảnh vừa thực mà vừa lãng mạn, đầy chất thơ. Có lẽ chất muối của biển không chỉ thấm vào những con thuyền, thấm vào những người dân chài mà đã thấm đượm cả trang thơ Tế Hanh. Hình ảnh quê hương trong dòng hồi tưởng của nhà thơ khép lại với hình ảnh bình yên : “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm – Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Dù là “bến mỏi” nhưng không gợi nên sự rã rời, mệt mỏi mà ở đó là sự nghỉ ngơi thư thái chuẩn bị cho một chuyến ra khơi lại sắp sửa.

Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ :

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

Quê hương vịnh chài yêu dấu với khung cảnh tráng lệ, với nhịp sống căng tràn mà bình yên sẽ mãi là hình ảnh in đậm trong tâm trí nhà thơ : “nước xanh”, “cá bạc”, “con thuyền rẽ sóng ra khơi” cứ chập chờn trong nỗi nhớ mơ hồ, như càng khắc sâu thêm nỗi nhớ mong da diết. Câu thơ kết là một tiếng kêu bộc lộ cảm xúc đến tận độ : “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !”. “Mùi nồng mặn” không đơn thuần là mùi của muối biển mà là vị của quê hương, vị của tình yêu, do đó mà nỗi nhớ càng khắc khoải.

Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ, lời thơ tự nhiên, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, đặc biệt lối gieo vần chân thể hiện dòng cảm xúc yêu quê hương miền man, như sóng cuộn trào của người con Quảng Ngãi Tế Hanh. Người đọc không hề bị choáng ngợp bởi những câu thơ hoa mỹ, mà bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi tình cảm chân thành đậm thấm mà nhà thơ dành cho quê hương mình. Một tình cảm thiêng liêng, sâu sắc. Những vần thơ của Tế Hanh thực sự có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả, nó đánh thức trái tim chúng ta trong tình yêu, nỗi nhớ về vùng quê thân thương, yêu dấu của chính mình. Hai tiếng “quê hương” cứ mãi vang lên trong lòng tôi, vang mãi, vang xa,...

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
<div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div>	HCST	Thể loại	Bố cục
	<div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div>	<div>.....</div> <div>.....</div>	
	Ý nghĩa nhan đề	PTBĐ	
	<div>-</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div> <div>.....</div>	<div>.....</div> <div>.....</div>	

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Chép thơ (gạch chân các từ ngữ nghệ	Nghệ thuật chính
--	-------------------------

[illegible]

.....	
	
	

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức:

1. Giải nghĩa từ:

- **Năng dào:**

- **Bấp:**

2. Nhận xét về các nghệ thuật nổi bật của bài thơ?

3. Trong bài thơ, tiếng chim Tu hú xuất hiện mấy lần, hãy chỉ ra điểm khác nhau và nêu ý nghĩa gợi lên của nó

4. Bài thơ gợi em nhớ đến bài thơ nào trong chương trình ngữ văn 8 cũng nói về cảnh tù đầy.

III. Đề luyện

Phần 1 Trong bài thơ *Bếp lửa*, nhà thơ Bằng Việt có viết:

Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

(SGK Ngữ văn 9 – tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1 (1 điểm): Đoạn thơ trên gợi em nhớ tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cũng có tiếng chim tu hú? Tác giả của văn bản đó là ai? Chép chính xác 6 câu thơ đầu của văn bản đó.

Câu 2 (1 điểm): Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói và hành động nói của câu thơ thứ hai trong đoạn thơ em vừa chép.

Câu 3 (1 điểm): Ở phần đầu và phần cuối của văn bản vừa xác định có sự lặp lại của tiếng chim tu hú. Chỉ ra sự thay đổi trong tâm trạng của nhân vật trữ tình khi nghe tiếng chim.

Câu 4 (3 điểm): Khi nhận xét về đoạn thơ em vừa chép, có ý kiến cho rằng: *Sáu câu thơ với âm hưởng da diết, náo nức đã thực sự vẽ ra một bức tranh bằng ngôn từ rất đẹp về cảnh thôn quê sinh động, tràn đầy sức sống khi hè về.*

Bằng một đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu, hãy làm sáng tỏ ý chủ đề trên, trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán (*gạch chân và chú thích rõ*).

Phần 2

“Khi con tu hú” – bài thơ được sáng tác trong nhà lao Thừa Phủ của Tố Hữu – đã thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy.

1. Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ.
2. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Ghi lại ngắn gọn (bằng cách gạch đầu dòng) một số đặc điểm của thể thơ đó.
3. Chép lại một câu cảm thán xuất hiện trong bài thơ. Việc sử dụng câu cảm thán đó có tác dụng như thế nào?

Phần 3

1. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ ***Khi con tu hú*** của nhà thơ Tố Hữu. Hoàn cảnh ấy giúp em hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cách mạng?
2. Theo em, nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện chủ đề, nội dung của tác phẩm?
3. Từ lí tưởng cách mạng cao đẹp của người thanh niên mới 20 tuổi luôn sẵn sàng cống hiến tuổi trẻ cho đất nước, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam? Bằng 1 đoạn văn nghị luận khoảng 20 dòng hãy nêu suy nghĩ của em.

Phần 4: Cho câu thơ sau:

“*Ta nghe hè dậy bên lòng*”

- a. Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thành khổ thơ?
- b. Khổ thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào? Tên tác giả?
- c. Đoạn thơ có mấy câu cảm thán? Câu cảm thán đó dùng để thực hiện hành động nói là gì?
- d. Tiếng chim tu hú ở cuối bài có ý nghĩa gì?
- e. Viết đoạn văn khoảng 8 câu theo phương thức lập luận TPH nêu cảm nhận về tâm trạng của người tù qua khổ thơ vừa chép.

Phần 5: (5 điểm) Đọc kĩ những ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ngữ liệu 1:

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu! (1)

(Dẫn theo Ngữ văn 8, tập 2, trang 19)

Ngữ liệu 2:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,

Đối thử lương tiêu nại nhược hà? (2)

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

(Dẫn theo Ngữ văn 8, tập 2, trang 37)

1. (1 điểm) Những ngữ liệu trên được trích từ các văn bản nào? Điểm gặp gỡ trong hoàn cảnh sáng tác của các văn bản đó là gì?

2. (2 điểm) Xác định kiểu câu (phân theo mục đích nói) và hành động nói được thực hiện ở câu (1) - ngữ liệu 1, câu (2) - ngữ liệu 2. Việc sử dụng các kiểu câu ấy giúp em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật trữ tình?

3. (2 điểm) Những hình ảnh nào của thiên nhiên đã tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình trong mỗi đoạn thơ trên? Từ việc hiểu hai đoạn thơ và trải nghiệm của bản thân, hãy nói về ý nghĩa của *thiên nhiên với đời sống tâm hồn con người*. (Thể hiện bằng một đoạn văn không quá ½ trang giấy thi).

Phần 6: Cho câu thơ sau:

“Ta nghe hè dậy bên lòng”

a) Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thành khổ thơ?

b) Khổ thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào? Tác giả nào?

c) Đoạn văn có mấy câu cảm thán? Câu cảm thán đó dùng để thực hiện hành động nói là gì?

d) Tiếng chim tu hú ở cuối bài có ý nghĩa gì?

e) Viết đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo hình thức tổng phân hợp nêu cảm nhận về tâm trạng người tù qua khổ thơ vừa chép.

Phần 7: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

(“*Khi con tu hú*” - Tố Hữu, SGK Ngữ văn 8 tập II, tr 19, NXBGD năm 2007)

Câu 1 (1,0 điểm): Bài thơ có đoạn thơ trên được nhà thơ Tố Hữu sáng tác trong hoàn cảnh nào? Thuộc thể thơ gì?

Câu 2 (1,5 điểm): Câu thơ thứ 2 thuộc kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 3 (1,5 điểm): Mở đầu bài thơ “*Khi con tu hú*”, nhà thơ viết “*Khi con tu hú gọi bầy*”, kết thúc bài thơ là “*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*”, theo em việc lặp lại tiếng chim tu hú như vậy có ý nghĩa gì?

Phần 8. (5 điểm): Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Bài hát “*Mùa hoa phượng nở*” của nhạc sĩ Hoàng Vân có những ca từ thật tươi vui, rộn rã: “*Tu hú kêu, tu hú kêu, hoa gạo đỏ, hoa phượng nở đầy ước mơ hy vọng. Ve, ve, ve hè về; vui, vui, vui hè về. Cây xanh xanh rợp bóng ven đường...*”

1. Lời bài hát trên cho em gợi nhớ đến văn bản nào (ghi rõ tên tác giả) đã học trong chương trình Ngữ văn 8 mà tác giả sử dụng âm thanh của tiếng tu hú để bộc lộ khát vọng tự do cháy bỏng của người tù cộng sản?

2. Chép chính xác 6 câu đầu của bài thơ em vừa nêu trên.

3. Khi nhận xét về đoạn thơ em vừa chép, một bạn học sinh viết: “*Sáu câu thơ lục bát với âm hưởng da diết, náo nức đã thực sự vẽ ra một bức tranh bằng ngôn từ rất đẹp về cảnh thôn quê sinh động, tràn đầy sức sống khi hè về.*”

Bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, hãy làm sáng tỏ ý chủ đề trên, trong đoạn có sử dụng (gạch chân) một câu cảm thán.

Phần 9. Đọc câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

Khi con tu hú gọi bầy

(*Khi con tu hú – Tố Hữu*)

- a. Trình bày hiểu biết của em về nhà thơ Tố Hữu và nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- b. Hãy chép năm câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ. Trong bài thơ *Khi con tu hú*, tác giả đã mở đầu bằng hình ảnh, âm thanh của tiếng chim tu hú. Em có nhận xét gì về cách mở đầu và kết thúc như vậy? Trong chương trình Ngữ văn 6, em đã được học một tác phẩm của tác giả Tố Hữu cũng có cách viết tương tự. Đó là tác phẩm nào?
- c. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) theo kiểu quy nạp, trong đoạn có sử dụng câu hỏi tu từ và câu phủ định để làm rõ chủ đề sau: *Sáu câu thơ đầu bài thơ Khi con tu hú đã cho ta thấy lòng thiết tha yêu cuộc sống của tác giả.*

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Ý nào nói nên đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Khi con tu hú”?

- A. Khi tác giả mới bị thực dân Pháp bắt và bị giam ở nhà lao Thừa phủ.
- B. Khi tác giả mới giác ngộ cách mạng.
- C. Khi tác giả đang bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác.
- D. Khi tác giả đã vượt ngục để trở về với cuộc sống tự do.

Câu 2. Bài thơ nào sau đây không phải là của nhà thơ Tố Hữu?

- A. Việt Bắc
- B. Đêm nay Bác không ngủ
- C. Sáng tháng năm
- D. Mẹ Suốt

Câu 3: Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa của nhan đề bài thơ “Khi con tu hú”?

- A. Gọi ra sự việc được nói đến trong bài thơ.
- B. Gọi ra tư tưởng được nói đến trong bài thơ.
- C. Gọi ra hình ảnh nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- D. Gọi ra thời điểm được nói đến trong bài thơ.

Câu 4: Nhận xét nào phù hợp với đoạn 1 của bài thơ “Khi con tu hú”?

- A. Mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn đầy sức sống.
- B. Khao khát tự do đến cháy bỏng.
- C. Bức tranh mùa hè rực rỡ.

D. Sức cảm nhận tinh tế, mãnh liệt của tâm hồn yêu đời.

Câu 5. Có thể thay thế từ "dậy" trong câu "Vườn dâm dậy tiếng ve ngân" bằng từ nào?

A. nhiều

B. rộn

C. vang

D. nước

Câu 6: ý nào nói đúng nhất tâm trạng người tù-chiến sĩ được thể hiện ở bốn câu thơ cuối trong bài thơ "Khi con tu hú"?

A. Buồn bực vì chim tu hú ngoài trời kêu

B. Nung nấu ý chí hành động để thoát khỏi chốn ngục tù

C. Uất ức, bồn chồn, khao khát tự do đến cháy bỏng

D. Mong nhớ da diết cuộc sống ngoài chốn ngục tù.

2. Tự luận

a. Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ "Khi con tu hú".

b. Vì sao tiếng tu hú kêu trong bài thơ "Khi con tu hú" lại tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ như vậy?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Bài thơ "Khi con tu hú" nằm trong tập thơ nào của tác giả Tố Hữu?

A. Từ ấy (1937-1946)

B. Việt Bắc (1946 – 1954)

C. Máu và hoa (1972 – 1977)

D. Một tiếng đờn (1979 – 1992)

Câu 2: Bài thơ "Khi con tu hú" được viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn bát cú

D. Song thất lục bát

Câu 3: Trong bài thơ “Khi con tu hú”, không gian tự do cao rộng của bức tranh thơ được thể hiện qua hình ảnh nào?

- A. Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.
- B. Vườn râm dậy tiếng ve ngân.
- C. Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.
- D. Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Câu 4: Điền cụm từ thích hợp nhất để hoàn thành câu nhận xét về cảnh mùa hè được miêu tả trong 6 câu thơ đầu của bài thơ ‘*Khi con tu hú*’:

‘Bằng tưởng tượng, nhà thơ đã khắc hoạ sinh động một bức tranh mùa hè...’

- A. tràn ngập âm thanh
- B. Có màu sắc sáng tươi
- C. ảm đạm, ủ ê
- D. náo nức âm thanh và rực rỡ sắc màu

Câu 5: Hình ảnh nào xuất hiện hai lần trong bài thơ Khi con tu hú?

- A. Lúa chiêm
- B. Trời xanh
- C. Con tu hú
- D. Nắng đào

Câu 6: ý nào nói đúng nhất tâm trạng người tù-chiến sĩ được thể hiện ở bốn câu thơ cuối trong bài thơ ‘*Khi con tu hú*’?

- A. Uất ức, bồn chồn, khao khát tự do đến cháy bỏng
- B. Nung nấu ý chí hành động để thoát khỏi chốn ngục tù
- C. Buồn bực vì chim tu hú ngoài trời kêu
- D. Mong nhớ da diết cuộc sống ngoài chốn ngục tù.

2. Tự luận

Nêu những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Khi con tu hú”?

ĐÁP ÁN ÔN TẬP THƠ CA CÁCH MẠNG

PHIẾU ÔN TẬP BÀI THƠ KHI CON TU HỨ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
Tố Hữu (1920 – 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở Thừa Thiên – Huế. Ông là nhà cách mạng, nhà thơ lớn của dân tộc.	Sáng tác tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), in trong tập “ Từ ấy”.	Thể thơ lục bát.	2 phần
	Ý nghĩa nhan đề	PTBD	+ 6 câu đầu: Cảnh trời đất vào hè trong tâm tưởng người tù cách mạng.
	- Là phần phụ của câu văn nêu thời gian. - Là một phần của câu thơ mở bài - Đặt tên bài thơ như vậy có tác dụng gợi mở, gây ấn tượng cho người đọc cũng như mở đầu cho mạch cảm xúc toàn bài	Biểu cảm kết hợp miêu tả	+ 4 câu sau: Tâm trạng người tù cách mạng.

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
Văn bản thể hiện lòng yêu cuộc sống, niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.	- Thể thơ lục bát - Giọng điệu tự nhiên, tha thiết - Nhịp thơ thay đổi linh hoạt - Biện pháp nghệ thuật đối lập, ẩn dụ

I.3. Tác phẩm

Chép thơ (gạch chân các từ ngữ nghệ thuật và BPTT)	Nghệ thuật chính
<p>Khi con tu hú gọi <u>bầy</u></p> <p>nhân hóa: vui tươi, rộn ràng</p> <p>Lúa chiêm đang <u>chín</u> trái cây <u>ngọt dần</u></p> <p>hương vị</p> <p>Vườn râm dậy tiếng <u>ve ngân</u></p> <p>Âm thanh</p> <p>Bắp rây <u>vàng</u> hạt <u>đầy</u> sân <u>nắng đào</u></p> <p>màu sắc tươi tắn, rực rỡ.</p> <p>Trời <u>xanh</u> <u>càng rộng</u> <u>càng cao</u></p> <p>Cặp quan hệ từ</p> <p>Đôi con <u>điều sáo</u> lộn nhào từng không</p> <p>Âm thanh + hình ảnh nhân hóa</p> <p>Bầu trời cao rộng</p> <p>-> Với nghệ thuật liệt kê, nhân hóa và liên tưởng, tác giả đã vẽ nên một bức tranh mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, đậm đà hương vị và tràn đầy nhựa sống.</p> <p>Ta nghe <u>hè dậy</u> bên lòng</p> <p>thôi thúc tự do</p> <p>Mà chân muốn <u>đạp tan</u> phòng, <u>hè ôi!</u></p> <p>Động từ mạnh và câu cảm thán</p> <p><u>Ngọt</u> làm sao, <u>chết uất</u> thôi</p> <p>ngọt ngọt uất ức</p> <p>Con chim tu hú ngoài trời cứ <u>kêu!</u></p>	<p>*6 câu thơ đầu: Cảnh thiên nhiên mùa hè trong tâm tưởng người tù cách mạng được cảm nhận bằng nhiều giác quan:</p> <p>- Âm thanh:</p> <p>+ Tiếng tu hú gọi bầy báo hiệu mùa hè sang với sự vui tươi, rộn ràng.</p> <p>+ Tiếng ve ngân từ những vườn cây trái</p> <p>+ Tiếng sáo diều trên đồng quê</p> <p>-Màu sắc:</p> <p>+Màu vàng của lúa chiêm đang chín, của ngô</p> <p>+Màu đỏ của trái chín, màu đỏ của nắng đào</p> <p>+ Màu xanh của bầu trời cao rộng</p> <p>-Hương vị: Hương thơm của trái chín, của lúa chín lan tỏa khắp không gian.</p> <p>- Các hình ảnh đồng lúa chín, khu vườn đầy trái chín, điều sáo lộn nhào từng không gợi sự ấm no trù phú, khoáng đạt của làng quê thanh bình</p> <p>* 4 câu thơ cuối: <u>Nỗi khát khao tự do cháy bỏng</u></p> <p>- Tiếng chim tu hú gọi trời đất vào hè càng làm bùng lên niềm khao khát tự do. Động từ mạnh “đạp tan” kết hợp câu cảm thán thể hiện rõ mong muốn phá tan cánh cửa nhà tù.</p> <p>- Cảm giác ngọt ngào, uất ức bị dồn nén lâu ngày nay bùng dậy mạnh mẽ. Tiếng kêu của chim tu hú như khắc khoải, ám</p>

Khắc khoải	ảnh, day dứt khôn nguôi.
Kết cấu đầu cuối tương ứng	-> Tâm trạng của của người thanh niên dạt dào tình yêu nước, tình yêu cuộc sống; tâm trạng của 1 chiến sĩ cách mạng khát khao được cống hiến.

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức:

1. Giải nghĩa từ:

- **Nắng đào:** nắng hồng
- **Bấp:** ngô

2. Nhận xét về các nghệ thuật nổi bật của bài thơ?

- Thể thơ lục bát giản dị thiết tha có sức truyền cảm mạnh mẽ.
- Cách ngắt nhịp thay đổi bất thường 6/2 (câu 8), kết hợp với các động từ mạnh, câu cảm thán thể hiện rõ tâm trạng của người tù CM: đau khổ, uất ức, khao khát tự do cháy bỏng.
- Sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, nhân hóa.. tạo sự sinh động, giàu hình ảnh..

3. Trong bài thơ, tiếng chim Tu hú xuất hiện mấy lần, hãy chỉ ra điểm khác nhau và nêu ý nghĩa gọi lên của nó

- Tiếng chim tu hú xuất hiện 2 lần:

+ Mở đầu bài thơ là âm thanh tu hú gọi bầy đầy vui tươi, rộn ràng đưa tác giả vào cảnh mùa hè với bầu trời tự do cao rộng và tràn đầy sức sống.

+ Kết thúc bài thơ là tiếng tu hú “kêu” khắc khoải, chua xót, đau khổ, uất ức.

-> kết cấu đầu cuối tương ứng tạo ra hiệu quả nghệ thuật đặc biệt, thể hiện rõ sự đối lập trong tâm trạng và thể hiện khát vọng tự do cháy bỏng.

4. Bài thơ gợi em nhớ đến bài thơ nào trong chương trình ngữ văn 8 cũng nói về cảnh tù đầy.

Đập đá ở Côn Lôn (Phan Châu Trinh)

III. Đề luyện

Phần 1	
Câu 1 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản: Khi con tu hú - Tác giả: Tố Hữu

	- Chép chính xác 6 câu thơ đầu (mỗi lỗi sai trừ 0,25 điểm)
Câu 2 (1 điểm)	- Kiểu câu chia theo mục đích nói: câu trần thuật - Hành động nói: trình bày
Câu 3 (1 điểm)	- Tiếng chim ở câu đầu: làm thức dậy trong nhân vật trữ tình những cảnh tượng mùa hè sống động - Tiếng chim ở câu cuối: da diết, giục giã khiến con người ngột ngạt, khát khao đập tan xiềng xích ngục tù để về với cuộc sống tự do → Tiếng chim lặp lại càng làm bùng lên khát vọng tự do cháy bỏng của nhân vật trữ tình
Câu 4 (3 điểm)	<p>* <u>Yêu cầu về hình thức</u>: đúng hình thức đoạn quy nạp, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc</p> <p>* <u>Yêu cầu tiếng Việt</u>: câu cảm thán (phải gạch chân và chú thích được)</p> <p>* <u>Yêu cầu về nội dung</u>: cần đảm bảo các ý cơ bản sau</p> <p>- Âm thanh: tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, tiếng sáo diều – những âm thanh đặc trưng của mùa hè</p> <p>- Hương vị ngọt ngào, thân thuộc của làng quê. Các phó từ “đang, dần” gợi sự vận động của cảnh vật</p> <p>- Màu sắc: bắp vàng, nắng đào – những màu sắc tươi tắn, rực rỡ</p> <p>- Hình ảnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bầu trời: các tính từ và cặp từ tăng tiến “càng... càng” nhấn mạnh không gian khoáng đạt, bao la • Hình ảnh con diều sáo tự do tung hoành <p>→ Bức tranh tràn trề nhựa sống được vẽ nên từ tình cảm thiết tha, tình yêu cuộc sống nồng nàn của tác giả</p>

Phần 2

1. Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ “Khi con tu hú”: Là một mệnh đề phụ, một lời nói nửa chừng, tạo sự chú ý cho người đọc, hướng người đọc đi vào mạch cảm xúc bài thơ.

2.

- Thể thơ lục bát

- Một số đặc điểm:

+ Là một thể thơ quen thuộc, đậm đà bản sắc dân tộc, được tạo thành bởi các cặp câu lục bát,...

+ Gieo vần bằng; tiếng cuối của câu lục hiệp với tiếng thứ sáu của câu bát, tiếng thứ sáu của câu bát hiệp với tiếng của câu lục tiếp theo; có nhiều vần trong một bài.

3. Câu cảm thán: “Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”

- Thể hiện được tâm trạng ngọt ngào, khát vọng tự do cháy bỏng của nhân vật.

Phần 3

1. Hoàn cảnh: Viết trong nhà lao Thừa Phủ, khi Tố Hữu mới bị bắt giam ở đây năm 1939.

- Vẻ đẹp tâm hồn: yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống. Niềm khát khao tự do cháy bỏng trong cảnh tù đầy.

2. Ý nghĩa nhan đề:

- Gợi mở mạch cảm xúc của toàn bài

- Chỉ một thời điểm bừng lên của thiên nhiên tạo vật. Tiếng chim tu hú là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống tung bừng, là biểu tượng của sự tự do.

=> Giúp thể hiện chủ đề: sự ngọt ngào khi bị tù túng và khát khao tự do.

3. Gợi ý viết đoạn : Suy nghĩ về lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam

1. Mở đoạn: Thanh niên phải sống có lí tưởng.

2. Thân đoạn

a. Giải thích: Thế nào là sống có lí tưởng? Lí tưởng chính là mục đích sống cao đẹp. Sống đẹp là lối sống mình vì mọi người, thể hiện bằng sự cống hiến hết mình trong học tập, trong công việc để xây dựng quê hương, đất nước.

b. Biểu hiện lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam:

+ Trong quá khứ: Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, lí tưởng sống là sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc.

+ Trong hiện tại: Lí tưởng sống là không ngừng học tập và rèn luyện nâng cao trình độ, trau dồi đạo đức để xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc.

c. Ý nghĩa

+ Người có lí tưởng sống luôn xác định được mục đích sống, luôn tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống.

+ Luôn phấn đấu vì những mục tiêu cao đẹp, có ý thức tự hoàn thiện mình, vượt qua khó khăn để thực hiện mục tiêu.

+Một xã hội, một đất nước có thể hệ trẻ biết sống có lí tưởng, đất nước ấy sẽ phát triển, xã hội sẽ tiến bộ văn minh

d. Liên hệ bản thân.

3. Khẳng định tầm quan trọng của việc sống có lí tưởng

Phần 4:

4	<p>a. Chép chính xác khổ thơ</p> <p>b. Tác phẩm “Khi con tu hú”- Tố Hữu</p> <p>c. Đoạn thơ có 2 câu cảm thán</p> <p>- HD nói: BLCX</p> <p>d. Tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ là âm thanh của tự do bên ngoài thúc giục đến da diết, khắc khoải.</p> <p>e. - Hình thức : 0.5đ</p> <p>+ Đúng kiểu đoạn văn và đảm bảo số câu</p> <p>+ Diễn đạt trôi chảy, truyền cảm</p> <p>- Nội dung : 2.5đ</p> <p>+ Giới thiệu khái quát tác giả, bài thơ, dẫn dắt vào khổ thơ.</p> <p>+ Tâm trạng của người tù CM : Đau khổ, ngột ngạt, được nhà thơ biểu đạt trực tiếp.</p> <p>+ Bốn câu thơ lục bát ngắt nhịp bất thường 6/2, 3/3, dùng 2 câu cảm thán liên tiếp cùng các ĐT mạnh, các thán từ « Ôi, thôi, làm sao » đoạn thơ trở thành tiếng kêu phẫn uất của người mất tự do.</p> <p>+ Cùng với tiếng kêu ấy là tâm trạng ngột ngạt, bức bối, muốn phá tan xiềng xích của người tù CM.</p> <p>+ Niềm khao khát tự do mãnh liệt của người tù muốn thoát ra khỏi tù ngục để trở về cuộc sống tươi đẹp tự do bên ngoài. Cảnh bên ngoài đẹp rực rỡ bao nhiêu thì người tù sục sôi trong lòng bấy nhiêu. Đó là ý chí bất khuất, kiên cường của người tù CM.</p> <p>+ Tiếng kêu của con chim tu hú là tiếng gọi tha thiết tự do, của sự sống đầy quyền rũ bên ngoài.</p>
---	--

Phần 5:

<i>Phần</i>	<i>Câu</i>	<i>Nội dung</i>
5	1	<p><i>Những ngữ liệu trên được trích từ các văn bản nào? Điểm gặp gỡ trong hoàn cảnh sáng tác của các văn bản đó là gì?</i></p> <p>- Văn bản:</p> <p>+ Ngữ liệu 1: Khi con tu hú (Tổ Hữu).</p> <p>+ Ngữ liệu 2: Vọng nguyệt- Ngắm trăng (Hồ Chí Minh)</p> <p>- Điểm gặp gỡ trong hoàn cảnh sáng tác: cả hai bài thơ đều được ra đời lúc tác giả- người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm nơi chốn ngục tù.</p>
	2	<p><i>Xác định kiểu câu (phân theo mục đích nói) và hành động nói được thực hiện ở câu (1) - ngữ liệu 1, câu (2) - ngữ liệu 2. Việc sử dụng các kiểu câu ấy giúp em cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật trữ tình?</i></p> <p><i>* Câu (1) Ngột làm sao, chết uất thôi</i></p> <p><i>Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!</i></p> <p>- Kiểu câu: cảm thán.</p> <p>- Hành động nói: bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Vẻ đẹp tâm hồn: thể hiện tâm trạng bức bối, ngột ngạt khi sống trong cảnh tù đầy. Từ đó hé mở một tâm hồn khao khát tự do mãnh liệt.</p> <p><i>* Câu (2) Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,</i></p> <p><i>Đối thử lương tiêu nại nhược hà? (2)</i></p> <p>- Kiểu câu: nghi vấn.</p> <p>- Hành động nói: bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Vẻ đẹp tâm hồn: thể hiện tâm trạng băn khoăn, bối rối khi trăng- người bạn tri kỉ- đến còn bản thân lại đang ở trong cảnh tù đầy. Từ đó hé mở một tâm hồn luôn thiết tha với thiên nhiên, với trăng.</p>
	3	<p><i>Những hình ảnh nào của thiên nhiên đã tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình trong mỗi đoạn thơ trên? Từ việc hiểu hai đoạn thơ và trải nghiệm của bản thân, hãy nói về ý nghĩa của <u>thiên nhiên với đời sống tâm hồn con người</u>. (Thể hiện bằng một đoạn văn không quá ½ trang giấy thi).</i></p>

		<p>- Hình ảnh thiên nhiên tác động đến tâm trạng của nhân vật trữ tình: tiếng chim tu hú, vầng trăng.</p> <p>- Viết đoạn văn nói về ý nghĩa của thiên nhiên với đời sống tâm hồn con người:</p> <p>A.Yêu cầu về kĩ năng: học sinh có kĩ năng dựng đoạn, không tách xuống dòng, hành văn trôi chảy, mạch lạc, tránh mắc lỗi chính tả, phương thức nghị luận, trình bày theo phương pháp qui nạp, diễn dịch hay song hành...</p> <p>B.Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>- Xây dựng được luận điểm cho đoạn văn, thấy được thiên nhiên có ý nghĩa to lớn với đời sống tâm hồn của con người. Dưới đây là một số gợi ý:</p> <p>+ Thiên nhiên là một phần của cuộc sống. Đến với thiên nhiên, ngắm nhìn một sông, một vầng trăng, một bông hoa nở, lắng nghe một tiếng chim ca, tiếng suối chảy...ta như thấy sự kì diệu của cuộc sống, thấy được niềm vui, niềm hạnh phúc, thấy ta được yêu thương thật nhiều.</p> <p>+ Cái đẹp của thiên nhiên có sức lay động. Trong những giây phút đắm mình cùng thiên nhiên ta sẽ suy ngẫm nhiều hơn, biết trân trọng hơn cuộc sống này.</p> <p><i>Cho điểm kiến thức kết hợp với kĩ năng. GV chấm linh hoạt, trân trọng những ý kiến sáng tạo, lí giải hợp lí.</i></p>
--	--	---

Phần 6

a) Chép đúng các câu thơ tiếp **(0,5 điểm)**

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu!

b) Khổ thơ vừa chép nằm trong tác phẩm Khi con tu hú (sáng tác 7/ 1939 khi Tố Hữu bị bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ - Huế) **(0,5 điểm)**

c) Đoạn thơ vừa chép có hai câu cảm thán: **(0,5 điểm)**

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

ảnh động nói: Bộc lộ cảm xúc

d) Tiếng chim tu hú kết thúc bài thơ là âm thanh của tự do bên ngoài thúc giục đến da diết, khắc khoải.....(0,5 điểm)

e) Đoạn văn khoảng 10 – 12 câu (3,0 điểm)

* Hình thức: Trình bày đúng hình thức một đoạn văn, đảm bảo số câu (10 – 12 câu), có đánh số câu (0,5 điểm)

* Nội dung: (2,5 điểm)

- Mở đoạn: Giới thiệu khái quát bài thơ, tác giả, dẫn dắt đến khổ 2: Tâm trạng bức bối, đau khổ và niềm khát khao tự do của nhà thơ.

- Thân đoạn: Nêu được các nội dung sau

+ Tâm trạng của người tù cách mạng: Đau khổ, ngột ngạt được nhà thơ biểu đạt trực tiếp

+ Bốn câu lục bát ngắt nhịp bất thường 6/2, 3/3, dùng hai câu cảm thán liên tiếp cùng với việc sử dụng các động từ mạnh: Đập tan phòng, chết uất, các thán từ”Ôi, thôi, làm sao”đoạn thơ trở thành tiếng kêu phẫn uất của người mất tự do.

+ Cùng với tiếng kêu ấy chính là tâm trạng bức bối, ngột ngạt muốn phá tan xiềng xích của người tù cách mạng

+ Niềm khát khao tự do cháy bỏng của người tù muốn thoát ra khỏi tù ngục trở về với cuộc sống tươi đẹp tự do bên ngoài. Cảnh bên ngoài đẹp bao nhiêu rực rỡ bao nhiêu thì người tù càng đau đớn sột sục bấy nhiêu. Đó là ý chí bất khuất kiên cường của người tù.

+ Tiếng kêu của con chim tu hú là tiếng gọi thiết tha của tự do, của sự sống đầy quyền rũ với người tù CM trẻ tuổi.

- Kết đoạn: Khái quát lại tâm trạng và niềm khát khao của người người tù.

Phần 7:

Phần 7	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	- Sáng tác trong hoàn cảnh: vào tháng 7/1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) khi tác giả bị bắt giam vào đây chưa lâu.	0,5
	- Thể thơ lục bát.	0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	- Kiểu câu: cảm thán.	0,5
	- Vì: Có từ ngữ cảm thán”ôi”, cuối câu kết thúc bằng dấu chấm	0,5

	than.	
	+ Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật trữ tình: đau khổ, ngột ngạt cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sống tự do.	0,5
Câu 3 (1,5 điểm)	Việc lặp lại tiếng chim tu hú có ý nghĩa: <i>Học sinh có thể có những cách diễn đạt khác nhau nhưng phải hợp lý; giám khảo tham khảo những gợi ý sau để đánh giá câu trả lời:</i>	
	- Tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng cho bài thơ.	0,25
	- Nhấn mạnh tiếng chim tu hú là tiếng gọi tha thiết của tự do, của thế giới sự sống đầy quyến rũ đối với người tù cách mạng Tố Hữu.	0,5
	- Tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ là tiếng kêu khắc khoải, hồi thúc, giục giã như thiêu đốt lòng người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi khiến cho người tù cảm thấy hết sức đau khổ, ngột ngạt, khao khát thoát khỏi cuộc sống giam cầm về với tự do, với đồng đội. Đây là tiếng gọi của tự do.	0,75

Phần 8.

Phần 8	Câu	Đáp án
(5đ)	1	• VB Khi con tu hú
	(1đ)	• Tác giả Tố Hữu
	2a	• Chép chính xác
	(1đ)	(Nếu chép sai thể thơ - 0.25đ, thiếu tác giả, tác phẩm trừ 0.25đ, chép sai từ - 0.25đ /từ).
	2b (2.5đ)	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức: Đúng mô hình đoạn văn, đi số câu, diễn đạt mạch lạc,... Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp tươi mới, khoáng đạt, tràn đầy sức sống của bức tranh thôn quê vào hè (Bức tranh trong tâm tưởng) → Thể hiện khát vọng tự do, tình yêu quê hương của người tù cộng sản trẻ tuổi.

		+ Nghệ thuật: Bút pháp miêu tả cảnh thông qua phép liệt kê (cảnh sắc, động từ, tính từ,...)
	3 (2.5đ)	• Tiếng Việt: Xác định câu cảm thán

Phần 9

a. 1,5đ

- HS trình bày được hiểu biết về tác giả Tố Hữu với các ý cơ bản như sau:

+ Năm sinh – năm mất (1920-2002)

+ Quê quán: Thừa Thiên - Huế

+ Ở Tố Hữu có sự thống nhất giữa cuộc đời CM và cuộc đời thơ

+ Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến

- HS nêu được hoàn cảnh sáng tác với các ý cơ bản như sau:

+ Sáng tác năm 1939.

+ Khi đang bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế)

1đ

0,5đ

b. 2,5đ

- Chép thuộc thơ:

+ HS chép chính xác 5 câu thơ tiếp theo

+ Chép cả câu thơ cho sẵn

1,25đ

• Sai một từ - 0,25đ

• Sai một câu - 0,25đ

- HS nêu được nhận xét về mở đầu và kết thúc bài thơ.

+ Tiếng chim tu hú xuất hiện ở đầu và cuối bài thơ

/ Đầu: Báo hiệu hè sang.

/ Cuối: Thúc giục tác giả đập tan xà lim

nhốt người, đập tan xiềng xích-> trở về cuộc sống tự do

0,5đ

➔ Kết cấu đầu cuối tương ứng (0,25đ)

Tác dụng: Bộc lộ cảm xúc của tác giả: (0,25đ)

/ Tình yêu thiên nhiên tha thiết

/ Cảm uất ngột ngạt vì bị giam cầm

/ Khát khao tự do cháy bỏng

+ Văn bản: “*Lượm*” (0,25đ)

c. 4đ

• Về nội dung đảm bảo các ý sau:

- Sáu câu thơ đầu là một bức tranh về mùa hè đẹp và sống động

+ Màu sắc rực rỡ, tươi tắn.

+ Hình ảnh đặc trưng của mùa hè...

+ Âm thanh rộn rã...

+ Hương vị..

- Một bức tranh tràn trề nhựa sống,

- Sáng tác khi tác giả đang bị giam cầm.

➔ Phải là người thiết tha yêu cuộc sống thì mới vẽ đẹp bức tranh đẹp và sống động đến như vậy **(0,5đ)**

• Hình thức:

- Có sử dụng câu hỏi tu từ **(0,5đ)** và câu phủ định **(0,5đ)** (Phải gạch chân, chú thích)
- Diễn đạt trôi chảy. Ý văn mạch lạc. Bố cục chặt chẽ.
- Đúng kiểu đoạn văn. Đủ số câu **(0,5đ)**

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	A	B	C

2. Tự luận

a. Nhan đề bài thơ:

- Là một vế phụ chỉ thời gian trong một câu => gây sự chú ý.
- Tiếng chim tu hú: tín hiệu của sự sống, mùa hè.

b. Tiếng tu hú kêu tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ vì nó gợi nhắc về mùa hè phóng khoáng, tung bừng với bao cảnh sắc quyến rũ đối lập với cảnh tù chật chội.

ĐỀ 2

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	D	C	A

2. Tự luận

- Thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên.

- Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi, chuyển đổi tinh tế, khi thì trong sáng, tươi vui, khi thì dằn vặt, u uất.
- Giọng điệu thơ tự nhiên, dạt dào cảm xúc.
- Chi tiết nghệ thuật “tiếng chim tu hú” là một sáng tạo độc đáo, giàu ý nghĩa và sức gợi, tạo điểm nhấn cho bài thơ.

KIỂM TRA MÔN NGŨ VĂN 8 HỌC KÌ II

Thời gian: 15 phút

ĐỀ 1

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Câu 1. Cho câu thơ sau: “*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*”

a. Câu thơ trên được trích trong bài thơ nào? Của ai? Sáng tác trong hoàn cảnh nào?

.....

.....

.....

.....

b. Chép chính xác khổ thơ có chứa câu thơ trên?

.....

.....

.....

.....

.....

c. Bằng 1 đoạn văn ngắn hay nêu suy nghĩ của em về cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong câu thơ trên.

Câu 2. Chép lại 1 câu thơ trong 1 bài thơ đã học của chương trình lớp 8 cũng dùng để bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình. Cho biết tên tác giả, tác phẩm và cảm xúc trong câu thơ đó là cảm xúc gì?

KIỂM TRA MÔN NGŨ VĂN 8 HỌC KÌ II

Thời gian: 15 phút

ĐỀ 2

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Câu 1. Cho câu thơ sau: “*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!!*”

a. Câu thơ trên được trích trong bài thơ nào? Của ai? Sáng tác trong hoàn cảnh nào?

.....

.....

.....

b. Chép chính xác khổ thơ có chứa câu thơ trên?

.....

.....

.....

.....

c. Bằng 1 đoạn văn ngắn hay nêu suy nghĩ của em về cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong câu thơ trên.

.....

.....

Câu 2. Chép lại 1 câu thơ trong 1 bài thơ đã học của chương trình lớp 8 cũng dùng để bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình. Cho biết tên tác giả, tác phẩm và cảm xúc trong câu thơ đó là cảm xúc gì?

ĐÁP ÁN KIỂM TRA 15 PHÚT MÔN NGŨ VĂN 8 - HỌC KÌ II

	Đề 1	Đề 2	
Câu 1	a.VB: Khi con tu hú TG:Tổ Hữu HCST: Bài thơ được sáng tác trong nhà lao Thừa phủ khi tác giả bị bắt giam vào 7/ 1939	VB: Quê Hương TG: Tế Hanh HCST: Bài thơ được sáng tác 1939, khi tác giả đang sống xa quê hương, được in trong tập Hoa niên	2đ
b	HS chép chính xác 4 câu thơ cuối bài	HS chép chính xác 4 câu thơ cuối bài	2đ
c	Gọi ý viết đoạn - Tiếng chim tu hú gọi trời đất vào hè càng làm bùng lên niềm khao khát tự do. Động từ mạnh “đập tan” kết hợp câu cảm thán thể hiện rõ mong muốn phá tan cánh cửa nhà tù. - Cảm giác ngột ngạt, uất ức bị dồn nén lâu ngày nay bùng dậy mạnh mẽ	Nhà thơ giải bày tình cảm trực tiếp với quê hương. “luôn tưởng nhớ” là nỗi nhớ luôn thường trực trong lòng tác giả. -Nhớ màu nước xanh của biển, màu bạc của cá, nhớ chiếc buồm vôi...trong hoài niệm của tác giả luôn nhớ cả hình ảnh thấp thoáng con thuyền rẽ sóng ra khơi - Điệp từ “nhớ” làm cho giọng thơ thiết tha, bồi hồi. -Tiếng thơ chính là tiếng lòng của tác giả là tình yêu quê hương tha thiết của người con xa quê.	3đ
Câu 2	- HS chép đúng 1 câu thơ: VD: <i>Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá</i>	- HS chép đúng 1 câu thơ: VD: <i>Mà chân muốn đập tan phòng, hè ôi!</i>	3đ

Bài thơ: TỨC CẢNH PÁC BÓ

Tác giả	Tác phẩm	
- (.....), tên khai sinh là	HCST	Thể loại
- Quê quán:		
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác		Bố cục
+ Là của nước Việt Nam		
+ Sau 30 năm, Bác trở về phong trào		
+ Không chỉ có sự nghiệp cách mạng, Người còn để lại quý giá, xứng đáng là một		
- Phong cách sáng tác: Thơ Bác hay viết về		
.....		
.....		
.....		

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
- Bài thơ thể hiện tinh thần	- Sử dụng thể thơ giản dị

I.2. Tác phẩm

[illegible]

	
--	-------------------------

II. Câu hỏi nhanh..

1. Giải nghĩa từ:

-Bẹ:

-Sử Đảng:

2. Tìm một Văn bản đã học cũng viết về cuộc sống của Bác từ bữa ăn, nơi ở đến công việc...cho biết tên tác giả.

3. 1 VB đã học cũng dùng cặp từ trái nghĩa “ sáng – tối” để chỉ sự đối lập. Hãy viết lại câu có sử dụng cặp từ trái nghĩa này trong VB đó.

4. Câu thơ cuối của bài: “*Cuộc đời cách mạng thật là sang*” , theo em, vì sao HCM lại có tâm trạng ấy?

III. Luyện tập

Phần 1: Có mấy cách hiểu về 3 chữ “*vẫn sẵn sàng*” trong câu thơ thứ 2 bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”? Em chọn cách nào? Vì sao?

Phần 2: Hãy tìm những điểm chung giữa bài “Tức cảnh Pác Bó” và các câu thơ dưới đây trong bài Cảnh rừng Việt bắc (1947) ? Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

....Non xanh nước biếc tha hồ dạo

Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.

Những điểm chung ấy nói lên điều gì?

Phần 3

a. Trong câu thơ thứ nhất, nếu thay đổi thành “Tối vào hang, sáng ra bờ suối” hay “ Sáng, tối ta vào suối với hang” thì ý nghĩa của bài thơ có bị ảnh hưởng không? Vì sao?

b.. Viết đoạn văn ngắn khoảng 10 câu nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh Bác Hồ trong bài thơ trên.

Phần 4 (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vườn hót chim kêu suốt cả ngày

...Non xanh nước biếc tha hồ dạo

Rượu ngọt chè tươi mặc sức say...

(Cảnh rừng Việt Bắc – Hồ Chí Minh)

1. Những lời thơ trên gợi em nhớ tới bài thơ nào đã được học trong chương trình Ngữ văn 8. Của tác giả nào? Hãy chép lại chính xác bài thơ đó. Ghi rõ thời gian sáng tác.

2. Có thể hiểu ba chữ cuối ở câu thơ thứ hai trong bài thơ em vừa chép như thế nào?

3. Dựa vào bài thơ em vừa chép, hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu để làm rõ tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của tác giả trong cuộc sống cách mạng buổi đầu đầy gian khổ, trong đó có sử dụng một câu ghép và một câu cảm thán (gạch dưới câu ghép và câu cảm thán).

Phần 5. Đọc 2 câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

Bàn đá chông chênh dịch sử đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Câu 1 (1,0 điểm): Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

Câu 2 (2,0 điểm): Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về cách dùng từ "sang" trong câu thơ trên.

ĐỀ HS GIỎI

1. Bài thơ là sự kết hợp giữa nét cổ điển và hiện đại, hãy chỉ ra điều đó?

2. So sánh điểm giống và khác nhau về thi lâm tuyền của Bác trong bài thơ Tức cảnh Pắc Bó và của Nguyễn Trãi trong Bài ca Côn Sơn.

Câu 3: Viết một đoạn văn t-p-h (khoảng 8 câu) trình bày cảm nhận của em về câu thơ cuối của bài *Tức cảnh Pác Bó*. Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghi vấn. Gạch chân và chú thích.

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: ý nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ Tức cảnh Pác Bó ?

- A. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Pháp.
- B. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động cách mạng ở Cao Bằng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.
- C. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Mỹ.
- D. Trong thời gian Bác Hồ bốn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

Câu 2: Bài thơ nào không được sáng tác theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ?

- A. Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương
- B. Sông núi nước Nam – Lí Thường Kiệt (?)
- C. Xa ngắm thác núi Lư – Lí Bạch
- D. Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan

Câu 3. Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “chông chênh” ?

- A. Không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn.
- B. ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.
- C. Cao và không có chỗ bầu vịu, luôn đu đưa, nguy hiểm.
- D. ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngả lại.

Câu 4: Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài Tức cảnh Pác Bó ?

- A. Giọng tha thiết, triu mến.
- B. Giọng vui đùa, dí dỏm.
- C. Giọng nghiêm trang, chùng mực.
- D. Giọng buồn thương, phiền muộn.

Câu 5: Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hiện qua câu thơ cuối

“Cuộc đời cách mạng thật là sang” ?

- A. Vui thích vì được sống chan hoà với thiên nhiên.
- B. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.
- C. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ
- D. Gồm cả ba ý trên.

Câu 6: Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hồ như thế nào?

- A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.
- B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.
- C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.
- D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa

2. Tự luận

a..Nêu những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” .

b. Qua bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” em hiểu thêm gì về con người Bác?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: ý nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ Tức cảnh Pác Bó ?

- A. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động cách mạng ở Cao Bằng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.
- B. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Pháp.
- C. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Mĩ.
- D. Trong thời gian Bác Hồ bốn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

Câu 2. Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó ?

- A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.
- B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.
- C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.
- D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

Câu 3: Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hiện qua câu thơ cuối

“Cuộc đời cách mạng thật là sang” ?

- A. Vui thích vì được sống chan hoà với thiên nhiên.
- B. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ

C. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

D. Gồm cả ba ý trên.

Câu 4: Trung tâm của bức tranh Pác Bó trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” là:

A. Bàn đá chông chênh.

B. Cảnh thiên nhiên với non xanh nước biếc.

C. Hình tượng người chiến sĩ Cách mạng.

D. Cả A,B,C.

Câu 5: Khi nhận xét về Bác Hồ, nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: “Trong người Bác luôn có sẵn cái thú lâm tuyền”. “Thú lâm tuyền” ở đây có nghĩa là:

A. Bác Hồ luôn yêu quý và thường hay nuôi dưỡng những con thú để bầu bạn với mình.

B. Bác luôn yêu thích thiên nhiên, sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên.

C. Đó là những con vật ở chốn núi rừng.

D. Sở thích đi săn thú của Bác Hồ.

Câu 6. Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Miêu tả và tự sự

B. Trần thuật và tự sự

C. Tự sự và biểu cảm

D. Miêu tả và biểu cảm

2. Tự luận

a. Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” mang lại giá trị nội dung nào?

b. Cái “sang” của cuộc đời Cách mạng được thể hiện như thế nào trong bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” ?

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Đề 1 : Phân tích bài thơ Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh.

Đề 2: Phân tích bài thơ “ Tức cảnh Pác Bó” của tác giả Hồ Chí Minh để làm sáng rõ ý kiến sau: “ Tức cảnh Pác Bó là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.”

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP THƠ CA CÁCH MẠNG

Bài thơ: TỨC CẢNH PÁC BÓ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm	
<p>- Hồ Chí Minh (1890- 1969), tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung</p> <p>- Quê quán: làng Kim Liên (làng Sen), xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác</p> <p>+ Là vị lãnh tụ kính yêu của nước Việt Nam</p> <p>+ Sau 30 năm bôn ba nước ngoài, Bác trở về trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước</p> <p>+ Không chỉ có sự nghiệp cách mạng, Người còn để lại một số di sản văn học quý giá, xứng đáng là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.</p> <p>- Phong cách sáng tác: Thơ Bác hay viết về thiên nhiên đất nước với tình yêu tha thiết, niềm tự hào, lời thơ nhẹ nhàng bay bổng lãng mạn.</p>	HCST	Thể loại
	<p>Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Khi đó, Người sống và làm việc trong một điều kiện hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui vẻ lạc quan. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó là một trong những tác phẩm Người sáng tác trong thời gian này.</p>	Bố cục
		<p>Thất ngôn tứ tuyệt đường luật.</p> <p>- Ba câu đầu: Cảnh sống và sinh hoạt của Bác.</p> <p>- Câu thơ cuối: Suy nghĩ, cảm xúc của Bác.</p>

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>- Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ</p>	<p>- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị</p> <p>- Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn</p>

2. Tác phẩm

Chép thơ (gạch chân từ ngữ nghệ thuật, BPTT)	Nghệ thuật chính
<p>Sáng ra bờ suối tối vào hang</p> <p>Các cặp từ trái nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: sáng > < tối + Không gian: suối > < hang + Hoạt động: ra > < vào <p>Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng</p> <p>NT liệt kê</p> <p>(nấu cháo bằng hạt ngô và rau măng lấy từ cây trúc, tre trên rừng)</p> <p>Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng</p> <div style="text-align: center;"> Từ láy công việc quan trọng. </div> <p>Cuộc đời cách mạng thật là sang</p> <p>Mục tiêu lớn nhất của Bác là cả cuộc đời dành cho CM, cho dân cho nước.</p> <p>-> Với Người, làm CM và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.</p>	<p>-Câu thơ ngắt nhịp $\frac{3}{4}$ tạo 2 vế đối sóng đôi nhịp nhàng .</p> <p>-> Nếp sống đều đặn, quy củ gắn bó hài hòa giữa con người với thiên nhiên.</p> <p>-> Tinh thần làm chủ hoàn cảnh, phong thái ung dung tự tại giữa thiên nhiên núi rừng của Bác.</p> <p>-Thức ăn hàng ngày mộc mạc giản dị, đạm bạc chỉ có các loại rau rừng.</p> <p>-Cụm từ vẫn sẵn sàng có 2 cách hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + các loại rau rừng nhiều, luôn sẵn có. +Vật chất thiếu thốn nhưng tinh thần luôn sẵn sàng <p>-Bàn đá chông chênh là trạng thái không bằng phẳng vừa gợi hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn vừa gợi liên tưởng cuộc CM còn nhiều khó khăn, trở ngại.</p> <p>-Dịch sử Đảng là công việc quan trọng, Bác dịch sử Đảng Liên Xô để lãnh đạo CM Việt Nam</p> <p>-> Hình ảnh Bác hiện lên vừa chân thực vừa uy nghi.</p> <p>-Cách nói hài hước, hóm hỉnh về cuộc sống khó khăn gian khổ.</p> <p>-Sang không phải là sang trọng, hiện đại mà đó là tinh thần lạc quan, sang vì lí tưởng, vì đời sống tâm hồn phong phú, ung dung tự tại.</p>

II.Câu hỏi nhanh..

1. Giải nghĩa từ:

-Bẹ: ngô

-Sử Đảng: đây là Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, được Bác dịch vắn tắt để làm tài liệu cho cán bộ học tập lúc đó.

2. Tìm một Văn bản đã học cũng viết về cuộc sống của Bác từ bữa ăn, nơi ở đến công việc...cho biết tên tác giả. (Đức tính giản dị của Bác Hồ - PVD).

3. 1 VB đã học cũng dùng cặp từ trái nghĩa “ sáng – tối” để chỉ sự đối lập. Hãy viết lại câu có sử dụng cặp từ trái nghĩa này trong VB đó.

Đêm tháng năm chưa nằm đã **sáng**

Ngày tháng 10 chưa cười đã **tối**

4. Câu thơ cuối của bài: “**Cuộc đời cách mạng thật là sang**” , theo em, vì sao HCM lại có tâm trạng ấy?

- *Cuộc đời c/m thật là sang* => B cho rằng c/đ c/m thật là cao đẹp. Dù phải ở trong hang tối, dù phải ăn cháo bẹ, măng rừng, dù phải làm việc trên chiếc bàn đá chông chênh, gồ ghề... nhưng được làm việc cho đất nước, cho cách mạng thì như thế là mãn nguyện, là sang trọng lắm rồi và Bác không đòi hỏi gì hơn thế. => Cái sang về tinh thần => Bác có ý chí và nghị lực vượt qua mọi gian khổ, có lòng yêu đời, yêu cuộc sống nên mới dí dỏm, hóm hỉnh, vui cười thoải mái trước mọi hoàn cảnh. Bác thích thú vì được sống chan hòa với thiên nhiên, được chiến đấu cho độc lập tự do của đất nước, hạnh phúc của dân tộc. =>: Bác vừa là một chiến sĩ vừa là một thi sĩ.

(“*Cuộc đời c/m thật là sang*” là một tứ thơ độc đáo, bất ngờ và thú vị. C/đ cách mạng thật gian nan, vất vả, cơ cực: hang tối, cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh ... nhưng đối với Bác c/đ đó thật là sang. Chữ sang kết thúc bài thơ cú thể coi là chữ thần, là nhón tự đó kết tinh, tỏa sáng tinh thần toàn bài. Một người yêu thiên nhiên, yêu đất nước là thế làm sao không vui sướng khi được hưởng thú lâm tuyền; khi được trở về sống giữa lòng đ/n yêu dấu; khi được làm 1 công việc trọng đại, thiêng liêng - cung việc mĩnh thấy yêu, thấy thích, giúp ích cho nhôn dõn, đất nước mĩnh ; khi được sống một cuộc sống tự do, tự tại? Đó là sự giàu sang về tinh thần. Qua đó đó thể hiện cốt cách tinh thần HCM luận tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp c/m)

(- Cuộc đời cách mạng thật là **sang**: + chỉ chung những người người làm c/m

+ c/đ đó hơn hẳn cuộc đời khác võ họ đó làm một cụng việc trọng đại, lớn lao, thiêng liêng, võ họ đó hi sinh cho đất nước, cho nhân dân...=> chấp nhận nhiều khó khăn, gian khổ, phải có ý chí, nghị lực, có niềm tin sắt đá thờ mới hoàn thành ...

+ thật là: từ chỉ mức độ => nhấn mạnh, khẳng định...

+ sang: sang về tinh thần, sang võ được làm cách mạng – làm một công việc có ích cho nhân nhân, cho đất nước, một công việc lớn lao, vĩ đại...)

III. Luyện tập

Phần 1: Có mấy cách hiểu về 3 chữ “*vẫn sẵn sàng*” trong câu thơ thứ 2 bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”? Em chọn cách nào? Vì sao?

Gợi ý:

Có 2 cách hiểu

+ Cách 1: Chủ thể của “sẵn sàng” là con người

-> dù phải tồn tại trong hoàn cảnh khó khăn nhưng tinh thần vẫn không vì thế mà buông xuôi, mệt mỏi mà trái lại vẫn rất tráng kiện, hăm hở trong công việc.

+ cách 2: Chủ thể của “sẵn sàng” là cháo bẹ, rau măng.

-> mọi thứ đều nhiều, dư thừa. Hiểu theo cách này trong lời thơ ẩn lên một nụ cười hóm hỉnh, đùa nghịch, vui vẻ. Nói về khó khăn bằng lời thơ như thế cho thấy bản lĩnh, khả năng chiến thắng mọi thử thách, hoàn cảnh.

Ở cách hiểu thứ 2 sự sẵn sàng của con người vẫn hiện diện nhưng là ẩn tàng trong cách nói vui đùa, hóm hỉnh. Cách hiểu này gần với phong cách Hồ Chí Minh hơn (ở Người cái bản lĩnh vững vàng của người chiến sĩ ít khi bộc lộ trực diện mà thường ẩn rất sâu trong lời thơ)

Phần 2: Hãy tìm những điểm chung giữa bài “Tức cảnh Pác Bó” và các câu thơ dưới đây trong bài Cảnh rừng Việt Bắc (1947) ? (**Dành cho Học sinh Giỏi**)

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

....Non xanh nước biếc tha hồ dạo

Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.

Những điểm chung ấy nói lên điều gì?

Gợi ý:

Cả 2 bài thơ đều cho thấy niềm vui say với vẻ đẹp của thiên nhiên với cuộc sống cách mạng gian khổ. Nhân vật trữ tình luôn có phong thái ung dung, tự tại – vừa cổ điển lại vừa hiện đại.

Hai bài thơ được sáng tác ở 2 thời điểm khác nhau nhưng có chung một vẻ đẹp cho ta thấy đó đã trở thành một đặc điểm của phong cách Hồ Chí Minh

Phần 3

a. Chép lại chính xác bài thơ “Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh.

b. + “Tôi vào hang, sáng ra bờ suối”: câu thơ kết thúc ở từ suối -> không phù hợp với hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, hơn nữa cho người đọc cảm giác nhân vật trữ tình thông dong quá -> không hợp với tâm hồn tác giả

+ “ Sáng, tôi ra vào suối với hang” : xô bồ, nói cho xong chuyện, không còn trật tự gì nữa.

c. HS tự viết đoạn

Phần 4

Phần 4	
Câu	Yêu cầu
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> * HS nêu được: - Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” (Hồ Chí Minh) - Thời gian sáng tác: tháng 2/1941 - Chép lại chính xác bài thơ.
Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> * HS nêu ngắn gọn hai cách hiểu về ba chữ cuối ở câu thơ thứ hai trong bài thơ: - Dù chỉ ăn cháo bẹ, rau măng rất khổ nhưng tinh thần vẫn sẵn sàng. - Lương thực, thực phẩm luôn đầy đủ, đầy đủ tới dư thừa, “cháo bẹ, rau măng” luôn sẵn có.
Câu 3	<ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào bài thơ vừa chép, hoàn thành một đoạn văn khoảng 10 câu để làm rõ tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng buổi đầu đầy gian khổ, trong đó có sử dụng một câu ghép và một câu cảm thán (gạch dưới câu ghép và câu cảm thán). - Hình thức: + Đúng hình thức đoạn văn, đảm bảo tính liên kết, mạch lạc, đúng ngữ pháp, chính tả... + Có sử dụng một câu ghép (gạch dưới) + Có sử dụng một câu cảm thán (gạch dưới) - Nội dung: Khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật, có lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng buổi đầu đầy gian khổ.

	<p>+ Hoàn cảnh sống của Bác Hồ ở Pác Bó hết sức gian khổ (ngủ trong hang tối, ăn uống thiếu thốn, bàn làm việc chỉ là tảng đá chông chênh...).</p> <p>+ Bác luôn ung dung, lạc quan (giọng thơ khẩu khí, nói cho vui, coi cuộc đời cách mạng là "sang" ...).</p>
--	--

Phần 5

ĐÁP ÁN	ĐIỂM
<p>Câu 1: (1,0 điểm)</p> <p>- Hai câu thơ trên trích trong văn bản Tức cảnh Pác Bó</p> <p>- Tác giả: Hồ Chí Minh</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 2 năm 1941 sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài Bác trở về nước, Người sống và làm việc ở Pác Bó (Cao Bằng) trong điều kiện hết sức gian khổ. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó ra đời trong hoàn cảnh đó.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p>Câu 2: (2,0 điểm)</p> <p>- Về kỹ năng: Học sinh viết đúng hình thức đoạn văn.</p> <p>- Về nội dung: Học sinh làm rõ một 2 ý sau đây.</p> <p>+ Cái sang ở đây là sang trọng giàu có về mặt tinh thần của người cách mạng lấy lý tưởng cứu nước làm lẽ sống, không hề bị khuất phục trước khó khăn.</p> <p>+ Đó còn là cái sang trọng của một nhà thơ luôn hòa hợp với thiên nhiên, làm chủ cuộc sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>1,5 điểm</p>

ĐỀ HS GIỎI

1. Bài thơ là sự kết hợp giữa nét cổ điển và hiện đại, hãy chỉ ra điều đó?

- Hình thức bài thơ là tứ tuyệt nhưng không còn chất quy phạm (Khai, thừa, chuyển, hợp) mà thanh điệu, giọng điệu rất tự nhiên, thỏa mái, hóm hỉnh. Tất cả toát lên tinh thần tự do, sảng khoái, lạc quan, yêu đời của con người giản dị.
- Hình ảnh nhân vật trữ tình sống giữa non cao nước thẳm giống như một ẩn sĩ vui thú lâm tuyền nhưng lại rất hiện đại. Dáng vẻ ẩn sĩ nhưng lại mang cốt cách chiến sĩ, một tinh thần lạc quan cách mạng.

2. So sánh điểm giống và khác nhau về thề lâm tuyền của Bác trong bài thơ *Tức cảnh Pắc Bó* và của Nguyễn Trãi trong *Bài ca Côn Sơn*.

Giống: Bác Hồ và Nguyễn Trãi đều là những con người lỗi lạc, xuất chúng trong hoạt động cứu nước, cứu dân; cả hai đều là những bậc chính nhân quân tử có phong thái ung dung tự tại, tâm hồn thanh cao, yêu thiên nhiên, thích hòa hợp với thiên nhiên, vui thú lâm tuyền.

Khác nhau:

+ Nguyễn Trãi về sống ở chốn lẫm tuyền, vui với núi rừng Côn Sơn và cảm thấy bất lực trước thực tế, muốn lánh đục tìm trong, tự an ủi bằng lối sống an bần lạc đạo..

+ Hồ Chí Minh chủ động đến với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên để làm cách mạng; thoải mái, lạc quan với cuộc sống đạm bạc; luôn chủ động trong mọi hoàn cảnh và tin tưởng vào tương lai.

-> Sự thích thú với đời sống cách mạng giản dị, thanh bạch hòa cùng thiên nhiên của Hồ Chí Minh đã tạo nét đặc thù trong thơ Bác. Đó cũng chính là sự kết hợp hài hòa giữa nét cổ điển và hiện đại

Câu 3: Viết một đoạn văn t-p-h (khoảng 8 câu) trình bày cảm nhận của em về câu thơ cuối của bài *Tức cảnh Pắc Bó*. Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghị vấn. Gạch chân và chú thích.

Câu 3: *Cuộc đời c/m thật là sang* => B cho rằng c/đ c/m thật là cao đẹp. Dù phải ở trong hang tối, dù phải ăn cháo bẹ, măng rừng, dù phải làm việc trên chiếc bàn đá chông chênh, gồ ghề... nhưng được làm việc cho đất nước, cho cách mạng thì như thế là mãn nguyện, là sang trọng lắm rồi và Bác không đòi hỏi gì hơn thế. => Cái sang về tinh thần => Bác có ý chí và nghị lực vượt qua mọi gian khổ, có lòng yêu đời, yêu cuộc sống nên mới dí dỏm, hóm hỉnh, vui cười thoải mái trước mọi hoàn cảnh. Bác thích thú vì được sống chan hòa với thiên nhiên, được chiến đấu cho độc lập tự do của đất nước, hạnh phúc của dân tộc. =>: Bác vừa là một chiến sĩ vừa là một thi sĩ.

(“*Cuộc đời c/m thật là sang*” là một tứ thơ độc đáo, bất ngờ và thú vị. C/đ cách mạng thật gian nan, vất vả, cơ cực: hang tối, cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh ... nhưng đối với Bác c/đ đó thật là sang. Chữ sang kết thúc bài thơ cú thể coi là chữ thần, là nhón tự đó kết tinh, tỏa sáng tinh thần toàn bài. Một người yêu thiên nhiên, yêu đất nước là thế làm sao không vui sướng khi được hưởng thú lâm tuyền; khi được trở về sống giữa lòng đ/n yêu dấu; khi được làm 1 công việc trong đại, thiêng liêng - cung việc mĩnh thấy yêu, thấy thích, giúp ích cho nhơn dñ, đất nước mĩnh ; khi được sống một cuộc sống tự do, tự tại? Đó là sự giàu sang về tinh thần. Qua đó đó thể hiện cốt cách tinh thần HCM luận tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp c/m)

(- Cuộc đời cách mạng thật là **sang**: + chỉ chung những người người làm c/m

+ c/đ đó hơn hẳn cuộc đời khác võ họ đó làm một cụng việc trọng đại, lớn lao, thiêng liêng, võ họ đó hi sinh cho đất nước, cho nhân dân...=> chấp nhận nhiều khó khăn, gian khổ, phải có ý chí, nghị lực, có niềm tin sắt đá thõ mới hoàn thành ...

+ thật là: từ chỉ mức độ => nhấn mạnh, khẳng định...

+ sang: sang về tinh thần, sang võ được làm cách mạng – làm một công việc có ích cho nhân nhân, cho đất nước, một công việc lớn lao, vĩ đại...)

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	A	B	C	C

2. Tự luận

a.

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn
- Ngôn từ sử dụng giản dị, đời thường.

b. Qua bài thơ " Tức cảnh Pác Bó ", em thấy Bác là một người giản dị (được chứng minh qua hai câu thơ "Sáng ra bờ suối, tối vào hang - Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng "). Bác cũng là người vì nước vì dân mà cống hiến hết cuộc đời cho kháng chiến nhưng vẫn lạc quan (được chứng minh qua hai câu thơ cuối).

ĐỀ 2

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	B	C	B	D

2. Tự luận

a. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ

b.- “Sang” ở đây không phải là sự sang trọng về vật chất mà là cái thoải mái tinh thần. Bác được sống giữa núi rừng, được hòa hợp với thiên nhiên cây cỏ.

- “Sang”- sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Bác luôn cảm thấy thoải mái, sang trọng và vui thích

- Chữ “sang” thể hiện niềm vui, niềm tự hào khi thực hiện được lí tưởng của Bác

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

ĐỀ BÀI: Phân tích bài thơ Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh.

1. Mở bài.

- Tức cảnh Pác bó sáng tác năm 1941 tại Cao Bằng, sau khi bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

- Bài thơ thể hiện niềm vui, niềm tin vào tương lai tươi sáng và nghị lực phi thường của Bác trong hoàn cảnh sống và làm việc vô cùng khó khăn, gian khổ ở nơi chiến khu Việt Bắc.

2. Thân bài.

* Hoàn cảnh sống và làm việc của Bác: Được miêu tả bằng bút pháp tả thực tự nhiên, mộc mạc.

- Không gian bó hẹp: Hang và suối. Quy luật làm việc đều đặn, nhịp nhàng

Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

- Nhịp thơ chậm rãi, khoan thai thể hiện tâm trạng thanh thản, làm chủ được cuộc sống của Bác. Nếp sống an nhiên, tự tại, phong thái ung dung phản ánh bản chất tốt đẹp của Bác.

- Sinh hoạt vật chất thiếu thốn: Bữa ăn hàng ngày chỉ có cháo bẹ, rau măng, cực kì kham khổ. Với tinh thần lạc quan vốn có, Bác đã chuyển hoá sự thiếu thốn thành thừa thãi, sung túc

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

- Điều kiện làm việc quásơ sài:

Bàn đá chông chênh dịch sử đảng

Bàn làm việc chỉ là một tảng đá ven suối. Chông chênh là tính từ chỉ trạng thái không chắc chắn. Bàn đá chông chênh là hình ảnh vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng cho tình thế cách mạng của nước ta và của thế giới lúc bấy giờ.

- Bác đã dùng bàn đá chông chênh để làm một công việc trọng đại, là dịch sử Đảng để góp phần xây dựng nền móng lí luận vững chắc cho sự nghiệp cách mạng.

* Cảm xúc của Bác(câu 4)

- Niềm vui, niềm tự hào thể hiện rõ qua từ ngữ, tiết tấu , âm hưởng thơ. Bác đánh giá hiện thực bằng nụ cười thâm thúy của bậc triết nhân

Cuộc đời cách mạng thật là sang!

- Mọi gian nan thiếu thốn đều như tan biến trước thái độ lạc quan tích cực của Bác. Điều thú vị là sự nghèo nàn vật chất đã được Bác biến thành sự giàu sang về mặt tinh thần.

- Từ *sang* kết tụ vẻ đẹp nội dung tư tưởng của bài thơ và vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản kiên cường Hồ Chí Minh.

3. Kết bài.

- Bài thơ *tức cảnh Pác Bó* vừa phản ánh khí phách cứng cỏi, tư thế ung dung, thư thái của một lãnh tụ cách mạng, vừa bộc lộ sự nhạy cảm, tinh tế của trái tim thi sĩ.

- Bài thơ giúp người đọc hiểu thêm về một quãng đời hoạt động cách mạng đầy gian nan, thử thách của Bác, từ đó thấm thía bài học về thái độ và quan điểm sống đúng đắn, tích cực: lấy công hiến cho dân, cho nước làm thước đo giá trị cuộc sống mỗi con người.

Đề 2: Phân tích bài thơ “ Tức cảnh Pác Bó” của tác giả Hồ Chí Minh để làm sáng rõ ý kiến sau: “ Tức cảnh Pác Bó là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.”

1, Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- Trích dẫn nhận định.

Tham khảo mở bài: Hồ Chí Minh không những là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc mà Người còn là một nhà thơ, nhà văn lớn. Bài thơ “ Tức cảnh Pác Bó” được Bác sáng tác 1941, sau ba mươi năm Bác bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác về nước, sống và hoạt động tại hang Pác Bó- Cao Bằng. Có ý kiến cho rằng: “ Tức cảnh Pác Bó là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ

trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.”

2, Thân bài:

a) Hoàn cảnh sống và làm việc của Bác: Được miêu tả bằng bút pháp tả thực tự nhiên, mộc mạc.

- Không gian bó hẹp: Hang và suối. Quy luật làm việc đều đặn, nhịp nhàng

Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

- Nhịp thơ chậm rãi, khoan thai thể hiện tâm trạng thanh thản, làm chủ được cuộc sống của Bác. Nếp sống an nhiên, tự tại, phong thái ung dung phản ánh bản chất tốt đẹp của Bác.

- Sinh hoạt vật chất thiếu thốn: Bữa ăn hàng ngày chỉ có cháo bẹ, rau măng, cực kì kham khổ. Với tinh thần lạc quan vốn có, Bác đã chuyển hoá sự thiếu thốn thành thừa thãi, sung túc

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

- Điều kiện làm việc quá sơ sài:

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

Bàn làm việc chỉ là một tảng đá ven suối. Chông chênh là tính từ chỉ trạng thái không chắc chắn. Bàn đá chông chênh là hình ảnh vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng cho tình thế cách mạng của nước ta và của thế giới lúc bấy giờ.

- Bác đã dùng bàn đá chông chênh để làm một công việc trọng đại, là dịch sử Đảng để góp phần xây dựng nền móng lí luận vững chắc cho sự nghiệp cách mạng.

b) Hình ảnh Bác trong bài thơ.

* Phong thái ung dung tự tại của Bác.

Ba câu thơ đầu vừa nói lên cuộc sống thiếu thốn gian khổ của Bác ở Pác Bó vừa thể hiện được phong thái ung dung, tự tại của Người.

+ Câu thơ thứ nhất nói về việc ở. Giọng điệu thể hiện trong câu thơ này rất thoải mái, phơi phới, cho thấy Bác sống thật ung dung, hoà điệu với nhịp sống núi rừng Sáng ra bờ suối, tối vào hang. Nhịp thơ 4/ 3 tạo thành hai vế sóng đôi, toát lên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng ra, tối vào...

+ Câu thơ thứ hai nói về việc ăn: Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng. Ở câu thơ này có thêm nét vui đùa. Bởi vì thực tế quá khó khăn mà Bác lại nói như là lương thực, thực phẩm ở đây thật đầy đủ, đầy đủ tới mức dư thừa(cháo bẹ rau măng luôn có sẵn).

+ Câu thứ ba nói về điều kiện làm việc. Bàn làm việc là tảng đá bên suối “chông chênh” mà thôi. “chông chênh” là từ láy miêu tả duy nhất của bài thơ, rất tạo hình và gợi cảm. Ba chữ dịch sử Đảng toàn văn trắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao, một tư thế uy nghi lồng lộng, giống như một tượng đài về vị lãnh tụ cách mạng Bác Hồ đang dịch Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô làm tài liệu huấn luyện cán bộ cách mạng nước nhà.

* Cái “sang” của cuộc đời cách mạng.

- Niềm vui lớn nhất của bác trong bài thơ không phải chỉ là “thú lâm tuyền” giống như những ẩn sĩ xưa mà trước hết đó là niềm vui vô hạn của người chiến sĩ yêu nước vĩ đại, sau ba mươi năm xa nước, “đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước” (thơ Chế Lan Viên), nay được trở về sống giữa lòng đất nước, yêu dấu, trực tiếp lãnh đạo cách mạng để cứu nước cứu dân.

- Bác Hồ còn rất vui vì Người tin chắc rằng, thời cơ giải phóng dân tộc đang tới gần, điều mà Bác chiến đấu suốt đời để đạt tới đang trở thành hiện thực. So với niềm vui lớn lao đó thì những gian khổ trong sinh hoạt có nghĩa lí gì, thậm chí, tất cả những hang tối, cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh..không phải là gian khổ mà đều trở thành sang trọng...

- Chữ “sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ “thần”, là “nhấn tự” đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần toàn bài.

3, Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận

Tóm lại, “Tức cảnh Pác Bó là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.” Đọc, học bài thơ, ta hiểu hơn về một quãng đời hoạt động của Bác Hồ kính yêu. Chúng ta càng trân trọng và biết ơn Người nhiều hơn...

PHIẾU ÔN TẬP BÀI THƠ NGẮM TRĂNG

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm	
<p>- (.....), tên khai sinh là</p> <p>- Quê quán:</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Là của nước Việt Nam</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Sau 30 năm, Bác trở về phong trào</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Không chỉ có sự nghiệp cách mạng, Người còn để lại quý giá, xứng đáng là một</p> <p>- Phong cách sáng tác: Thơ Bác hay viết về</p>	<p>HCST</p>	<p>Thể loại</p>
		<p>.....</p> <p>.....</p>
		<p>Bố cục</p>
		<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật

[illegible]

<p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--------------	--

II. 1 số câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Trả lời nhanh:

- Bài thơ Ngắm trăng được trích từ tác phẩm nào? Tác phẩm được viết bằng chữ gì?
- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác có gì giống và khác so với các thi nhân xưa?
- Trước cảnh đẹp đêm trăng, Bác Hồ đã có tâm trạng như thế nào?

2. Mở đầu bài thơ *Ngắm trăng* là “ngục trung”, kết thúc là “thi gia”.

Chi tiết này nói lên điều gì?

3. Sự hoán đổi vị trí giữa người và trăng ở hai câu thơ kết bài có ý nghĩa gì?

4. Trong nguyên tác bài thơ *Ngắm trăng*, *Bác Hồ* có đặt nhan đề bài thơ là *Vọng nguyệt*. Nhan đề này có gì đặc biệt?

5. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Ngắm trăng* có gì đặc biệt? Trong hoàn cảnh đó, người đọc có thể thấy được tâm trạng của tác giả như thế nào?

6.. Từ "thi gia" (nhà thơ) mà tác giả sử dụng trong bài thơ có gì đặc biệt ?

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ).

7. Có ý kiến cho rằng *Ngắm trăng* là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng *Hồ Chí Minh*. Em có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?

ĐỀ ĐỌC HIỂU

Phần 1: (5,0 điểm)

Ngắm trăng

Trong tù không rượu cũng không hoa,

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh)

1. Trình bày hoàn cảnh ra đời bài thơ.
2. Câu thứ hai trong nguyên tác: "Đối thử lương tiêu nại nhược hà?" có gì khác về kiểu câu so với bản dịch thơ? Sự khác nhau đó có ý nghĩa như thế nào?
3. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét: "Thơ Bác đầy trăng". Hãy kể tên một bài thơ khác của Bác có hình ảnh trăng.
4. Viết đoạn văn khoảng (8 đến 10 câu) theo lối diễn dịch phân tích hai câu cuối bài "Ngắm trăng" để làm rõ mối giao hòa thâm lặng mà tha thiết giữa người và trăng.

Phần 2: Chép thuộc lòng bài thơ "Ngắm trăng" (Phần dịch thơ) của chủ tịch Hồ Chí Minh và trả lời những câu hỏi sau:

1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?
2. Nêu nội dung, nghệ thuật của bài thơ?
3. Từ bài thơ "Ngắm trăng" của Bác, chúng ta học tập được ở Bác tinh thần lạc quan, chủ động trong mọi hoàn cảnh. Vậy, em có nhớ hiện nay chúng ta đang tiếp tục thực hiện cuộc vận động nào để học theo gương Bác Hồ, hãy chép lại đúng tên cuộc vận động đó.

Phần 3: Khép lại bài thơ *Ngắm trăng*, Hồ Chí Minh viết:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

1. Chép lại chính xác hai câu thơ đầu của bản dịch thơ bài *Ngắm trăng*.
2. Xét theo mục đích nói, câu "Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?" của bản dịch nghĩa thuộc kiểu câu gì, thực hiện hành động nói nào? Hành động nói đó được thực hiện theo cách trực tiếp hay gián tiếp? Việc sử dụng câu theo mục đích nói như vậy góp phần gợi tả cảm giác, tâm trạng của Bác như thế nào?

3. Kể tên hai bài thơ của Bác mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 cũng có hình ảnh của trăng.

Phần 4. Cho câu thơ sau: *Trong tù không rượu cũng không hoa*

1. Chép nối tiếp các câu còn lại để hoàn chỉnh bài thơ.
2. Bài thơ em vừa chép trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác tập thơ.
3. Khai triển ý câu chủ đề sau thành một đoạn văn tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 10 câu, trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ).

Bài thơ đã thể hiện tình yêu trăng, yêu thiên nhiên của tác giả.

ĐỀ NLXH

Qua những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chương trình Ngữ văn THCS, điểm nổi bật dễ nhận thấy là sự tự tin, phong thái ung dung tự tại giúp Bác vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Dựa vào những hiểu biết về thực tế cuộc sống của bản thân, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về vai trò của sự tự tin trong cuộc sống.

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tập thơ Nhật kí trong tù được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?

- A. Trong hoàn cảnh Bác Hồ đang hoạt động cách mạng ở Pháp.
- B. Trong hoàn cảnh Bác Hồ bị giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây (Trung Quốc).
- C. Trong thời gian Bác Hồ ở Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.
- D. Trong thời gian Bác Hồ ở Hà Nội để lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Mĩ.

Câu 2: Mục đích của Bác Hồ khi viết tập thơ “Nhật kí trong tù” là gì?

- A. Để tuyên truyền cách mạng, vận động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia cách mạng.
- B. Để giác ngộ cho các tầng lớp thanh niên, nâng cao trình độ hoạt động cách mạng cho họ.

C. Đề lên án sự cai trị áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở nước ta, kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

D. Đề giải khuây trong những ngày ở tù.

Câu 3: Câu “Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ?” là kiểu câu gì ?

A. Câu trần thuật C. Câu cầu khiến

B. Câu nghi vấn D. Cả A, B, C đều sai

Câu 4: Dòng nào dưới đây nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ trước cảnh đẹp ở bài thơ Ngắm trăng ?

A. Xao xuyến, bồi rối C. Buồn bã, chán nản

B. Mừng rỡ, niềm nở D. Bất bình, giận dữ

Câu 5: Câu thơ cuối Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ?

A. So sánh C. ẩn dụ

B. Điệp từ D. Nhân hoá

Câu 6: Nhận định nào nói đúng nhất hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ Ngắm trăng ?

A. Một con người có khả năng nhìn xa trông rộng.

B. Một con người có bản lĩnh cách mạng kiên cường.

C. Một con người yêu thiên nhiên và luôn lạc quan.

D. Một con người giàu lòng yêu thương.

2. Tự luận

Em hãy chỉ ra chất thép và chất trữ tình trong bài thơ “Ngắm trăng”.

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Nhật kí trong tù được sáng tác bằng chữ gì ?

A. Chữ Hán C. Chữ quốc ngữ

B. Chữ Nôm D. Chữ Pháp

Câu 2: Tập thơ “Nhật kí trong tù” gồm bao nhiêu bài thơ và phần lớn được viết theo thể thơ nào?

- A. Gồm 143 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ tứ tuyệt.
- B. Gồm 133 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ tứ tuyệt.
- C. Gồm 134 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ song thất lục bát.
- D. Gồm 135 bài – được viết chủ yếu theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 9: Dòng nào nói đúng nhất hoàn cảnh ngắm trăng của Bác Hồ trong bài thơ “Ngắm trăng” ?

- A. Trong khi đang đàm đạo việc quân trên thuyền.
- B. Trong đêm không ngủ vì lo lắng cho vận mệnh đất nước.
- C. Trong nhà tù thiếu thốn không rượu cũng không hoa.
- D. Trên đường đi hieu quanh từ nhà tù này sang nhà tù khác.

Câu 4: Hai câu thơ “Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt – Nguyệt tòng song khích khán thi gia” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ?

- A. ẩn dụ C. So sánh
- B. Hoán dụ D. Đối xứng

Câu 5: Trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Bác "Ngắm trăng" chủ yếu vì :

- A. Bác buồn khi bị giam cầm tù đầy
- B. Bác không ngủ được
- C. Bác yêu thiên nhiên, yêu trăng
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 6: Nhận định nào nói đúng nhất hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ Ngắm trăng ?

- A. Một con người có khả năng nhìn xa trông rộng.
- B. Một con người yêu thiên nhiên và luôn lạc quan.
- C. Một con người có bản lĩnh cách mạng kiên cường.
- D. Một con người giàu lòng yêu thương.

2. Tự luận

Em hãy chỉ ra chất thép và chất trữ tình trong bài thơ “Ngắm trăng”.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Bài thơ *Ngắm trăng* cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.

ĐỀ HSG

1. Trong bài đề từ trên trang bìa tập “Nhật kí trong tù”, Hồ Chí Minh viết:

“Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao”

Phân tích bài thơ “**Ngắm trăng**” trích trong “Nhật kí trong tù” để làm sáng tỏ ý chính của hai câu thơ trên.

2. Có thể nhận thấy một đặc điểm tiêu biểu ở phong cách thơ của Hồ Chí Minh là: “Trong thơ của Người cảnh và tình luôn đan xen, hoà quyện lẫn nhau, tả cảnh để bộc lộ tình”.

Em hãy phân tích bài thơ “Cảnh khuya”, “Rằm tháng riêng”, và những bài thơ đã học và đọc về thơ Bác để làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP BÀI THƠ NGẮM TRẮNG

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm	
<p>- Hồ Chí Minh (1890- 1969), tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung</p> <p>- Quê quán: làng Kim Liên (làng Sen), xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác</p> <p>+ Là vị lãnh tụ kính yêu của nước VN</p> <p>+ Sau 30 năm bôn ba nước ngoài, Bác trở về trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước</p> <p>+ Không chỉ có sự nghiệp cách mạng, Người còn để lại một số di sản văn học quý giá, xứng đáng là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.</p> <p>- Phong cách sáng tác: Thơ Bác hay viết về thiên nhiên đất nước với tình yêu tha thiết, niềm tự hào, lời thơ nhẹ nhàng bay bổng lắng mạn</p>	HCST	Thể loại
	<p>Tháng 8/1942, HCM từ Pác Bó bí mật sang Trung Quốc để tranh thủ viện trợ quốc tế. Người bị bắt giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch. Trong thời gian này Người đã viết tập thơ Nhật kí trong tù trong đó có bài thơ Ngắm Trăng</p>	<p>Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt đường luật.</p>
		<p>Bố cục</p> <p>- Phần 1: 2 câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác</p> <p>- Phần 2: 2 câu sau: Sự giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ và trăng</p> <p>3. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt đường luật.</p>

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>Bài thơ Ngắm trăng là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù CM HCM. Người ngắm trăng trong hoàn cảnh tù đầy, thiếu thốn. Nhưng vượt lên sự khó khăn, khổ cực là phong thái ung dung và lạc quan của Bác.</p>	<p>- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị</p> <p>- Hình ảnh thơ trong sáng, đẹp đẽ</p> <p>- Ngôn ngữ lắng mạn</p> <p>- Màu sắc cổ điển và hiện đại song hành</p>

I.3. Tác phẩm

→	Tư thế ngắm trăng của HCM thể hiện tình yêu thiên nhiên của một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại bất chấp ngục tù tàn bạo. Đó chính là chất thép HCM.
---	--

II. 1 số câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Trả lời nhanh:

- Bài thơ Ngắm trăng được trích từ tác phẩm nào? Tác phẩm được viết bằng chữ gì?
- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác có gì giống và khác so với các thi nhân xưa?

Giống: Người xưa và HCM đều yêu trăng và tràn đầy cảm hứng trước vầng trăng, coi trăng như 1 người bạn tri âm, tri kỉ.

Khác: + Người xưa ngắm trăng khi thư nhàn, thanh thoi. Lúc thường trăng đó còn bày thêm rượu và hoa để việc thưởng trăng thêm đẹp.

+ Còn HCM ngắm trăng qua song sắt nhà tù, khi những điều kiện vật chất tối thiểu cũng không có được.

- Trước cảnh đẹp đêm trăng, Bác Hồ đã có tâm trạng như thế nào?

2. Bài tập 1: Mở đầu bài thơ *Ngắm trăng* là “ngục trung”, kết thúc là “thi gia”. Chi tiết này nói lên điều gì?

Gợi ý:

Ngục trung là trong hoàn cảnh tù đầy. Lẽ thường “ngục trung” phải gắn với tù nhân nhưng kết thúc bài thơ người đọc lại bắt gặp hình ảnh của thi nhân. Một thi nhân ngay trong hoàn cảnh ngục tù. Đây chính là nét độc đáo khác thường của bài thơ. Có ngục tù, nhưng dường như không có tù nhân. Điều này cho thấy bản lĩnh của chủ tịch Hồ Chí Minh ; luôn đứng cao hơn hoàn cảnh. Ngục tù có thể giam cầm thân thể Bác, song tâm hồn Bác luôn tự do tuyệt đối.

Bài tập 3 (*): Sự hoán đổi vị trí giữa người và trăng ở hai câu thơ kết bài có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

Ở câu thơ thứ 3 trăng là vẻ đẹp mà con người hướng tới chiêm ngưỡng một cách say mê.

- Sự hoán đổi vị trí như vậy khiến cho con người trở thành đối tượng chiêm ngưỡng của trăng. Con người trở thành cái đẹp tỏa sáng. Cái đẹp ấy rực rỡ đến mức cái đẹp của thế giới tự nhiên cũng phải say mê chiêm ngưỡng.

- Như thế người và trăng là sự sóng đôi của cái đẹp. Hai cái đẹp đó cùng đối diện và tỏa sáng bên nhau tạo thành sự cộng hưởng. Ngục tù lúc này lại trở thành nơi gặp gỡ - tương giao tỏa sáng của cái đẹp.

4. Trong nguyên tác bài thơ *Ngắm trăng*, *Bác Hồ* có đặt nhan đề bài thơ là *Vọng nguyệt*. Nhan đề này có gì đặc biệt?

Gợi ý làm bài:

- "Vọng" là từ nhiều nghĩa: nhìn xa, trông xa, trông đợi, mong ngóng; có tiếng tăm.

- Theo cấu tứ và mạch cảm xúc của bài thơ thì *Vọng nguyệt* thể hiện tình cảm khao khát của người tù hướng đến người bạn tri âm, tri kỷ của mình (trăng).

5. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ Ngắm trăng có gì đặc biệt? Trong hoàn cảnh đó, người đọc có thể thấy được tâm trạng của tác giả như thế nào?

Gợi ý làm bài:

- Xưa nay, thi nhân khi gặp cảnh trăng đẹp sẽ mang rượu ra, ngồi dưới ánh trăng thư thái uống rượu, thưởng hoa, ngắm trăng, làm thơ. Đây được coi là thú vui tao nhã, đầy lãng mạn và thi vị.

- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác:

+ Thời gian: nửa đêm

+ Không gian: trong tù, nơi chỉ có bốn bức tường tối tăm và xiềng xích.

+ Điều kiện: "vô tửu diệc vô hoa" (*không rượu cũng không hoa*)

→ Hoàn cảnh đặc biệt thiếu thốn, gian khổ, ở cái nơi mà người ta chỉ có thể nghĩ đến cái chết, sự tra tấn nhưng dường như Bác quên đi hoàn cảnh và thân phận tù nhân của mình mà thoải mái, ung dung ngắm trăng, làm thơ.

- Tâm trạng của Bác trước cảnh "*khó hững hờ*"

+ Câu thơ thứ hai là một câu hỏi tu từ, thể hiện tâm trạng rối bời, xao xuyến trước cảnh đẹp ngoài song sắt.

+ Trước cảnh đẹp như vậy nhưng Bác lại không có rượu để đáp lại tình tứ của ánh trăng, điều này lại càng thêm bối rối hơn.

6. Từ "thi gia" (nhà thơ) mà tác giả sử dụng trong bài thơ có gì đặc biệt ?

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ).

Gợi ý làm bài:

Tác giả trong hoàn cảnh ngục tù, khó khăn, gian khổ nhưng khi gặp gỡ với vầng trăng, cảm nhận vẻ đẹp của vầng trăng và thiên nhiên tươi đẹp thì những rung động mạnh mẽ

trong tâm hồn vẫn ủa về. Đó là những rung cảm của một nghệ sĩ, của một nhà thơ. Chính vì vậy, tác giả đã kết thúc bài thơ bằng câu thơ “Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”.

7. Có ý kiến cho rằng *Ngắm trăng là một cuộc vượt ngục tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh*. Em có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?

Gợi ý làm bài:

Học sinh lí giải ý kiến của mình dựa trên các gợi ý sau:

- Vượt ngục tinh thần: tuy thân thể vẫn bị giam giữ trong chốn lao tù nhưng tinh thần của Bác không bị giam cầm, không bị những nỗi âu lo, muộn phiền giam hãm. Người vẫn bộc lộ một tâm hồn nghệ sĩ bay bổng.

- Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh ngục tù, điều kiện thiếu thốn (không rượu, không hoa).

- Sự giao hòa của người và trăng.

ĐỀ ĐỌC HIỂU

Phần 1:

Phần 1	Yêu cầu cần đạt	Điểm
1	- Hoàn cảnh ra đời: Trong thời gian Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, giải tới giải lui qua các nhà giam tại tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).	0,5 đ
2	<ul style="list-style-type: none"> - ”Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?” có gì khác về kiểu câu so với bản dịch thơ + Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?: Câu nghi vấn. + Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ: Câu trần thuật. - Ý nghĩa sự khác nhau đó: <ul style="list-style-type: none"> + Câu nghi vấn: Bộc lộ cảm xúc bối rối, xao xuyến của Bác trước cảnh trăng đẹp. + Câu trần thuật: Trình bày. (Cảm xúc bối rối, xao xuyến của Bác trước cảnh trăng đẹp bị giảm bớt.) 	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
3	<ul style="list-style-type: none"> Kể tên một bài thơ khác của Bác có hình ảnh trăng: Cảnh khuya hoặc Rằm tháng giêng, Tin thắng trận... 	0,5 đ

4	<p>• Viết đoạn văn khoảng (8 đến 10 câu) diễn dịch phân tích hai câu cuối bài "Ngắm trăng" để làm rõ mối giao hòa thâm lặng mà tha thiết giữa người và trăng.</p> <p>1. - Hình thức: (1,0 đ)</p> <p>+ Đúng đoạn diễn dịch, độ dài theo yêu cầu.</p> <p>+ Diễn đạt mạch lạc, đúng chính tả, ngữ pháp.</p> <p>2. - Nội dung: (2,0 đ) Tình yêu thiên nhiên qua mối giao hoà thâm lặng mà tha thiết giữa người và trăng (Nghệ thuật đối, nhân hoá).</p> <p>3. - Học sinh phân tích được 1 ý gạch chân cho 1,5 điểm.</p> <p>- Đáp án khác so với thống nhất sáng nay, học sinh chỉ cần nêu được tình cảm của Bác với thiên nhiên thể hiện qua mối giao hòa thâm lặng, tha thiết giữa người và trăng</p>	<p>1,0 đ</p> <p>3,0 đ</p>
---	--	---------------------------

Phần 2: Chép thuộc lòng bài thơ "Ngắm trăng" (Phần dịch thơ) của chủ tịch Hồ Chí Minh và trả lời những câu hỏi sau:

GỢI Ý

Chép thuộc lòng bài thơ "Ngắm trăng" của chủ tịch Hồ Chí Minh (0,5 đ)

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,

Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

1. Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. (0,25 đ)

2. Nội dung bài thơ: Tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. (0.5 đ)

Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, lời thơ giản dị, ý thơ hàm súc. (0,5đ)

3. Cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". (0.25 đ)

Phần 3:

GỢI Ý

Phần 3	1 (1đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Chép chính xác hai dòng thơ đầu của bản dịch thơ - Nếu HS chép 2 dòng thơ đầu của bản phiên âm, dịch nghĩa - Chép sai 1-2 từ/câu: trừ 0,25đ, chép thieeys 1 câu hoặc sai từ 3 từ/ câu: trừ 0,5 	
	2 (1,5đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu: Nghi vấn - Hành động nói: bộc lộ cảm xúc - Cách thực hiện: Gián tiếp - Cảm giác, tâm trạng: xốn xang, bối rối của một tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên 	
	3 (0,5đ)	Hai bài thơ: Cảnh khuya, Rằm tháng riêng (Nguyên tiêu)	

Phần 4 (7 điểm)

1. HS chép nối tiếp 3 câu thơ để hoàn thành bài thơ **1đ**
 2. Trích trong tập “Nhật kí trong tù”. **0,5đ**
 - Tác giả: Hồ Chí Minh **0,5đ**
 - Hoàn cảnh sáng tác **1đ**
 3. **Viết đoạn văn**
 - Hình thức: Đúng cấu trúc, số câu, diễn đạt lưu loát **0,5đ**
 - Sử dụng câu cảm thán, gạch chân và chỉ rõ **0,5đ**
- Nội dung: Nắm được cách phân tích thơ, đặc biệt là một bài thơ dịch. HS cần bám vào nghệ thuật để phân tích, nếu cần có thể so sánh với bản phiên âm. Cụ thể:
- + Nghệ thuật: Điệp từ “không” -> Hoàn cảnh ngắm trăng -> Tình yêu trăng
 - + Câu hỏi tu từ -> Sự bối rối của thi nhân -> Tình yêu trăng
 - + Nghệ thuật đối -> Trăng yêu người cũng như người yêu trăng
 - + Nghệ thuật nhân hóa -> Trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ **3đ**

ĐỀ NLXH

Qua những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chương trình Ngữ văn THCS, điểm nổi bật dễ nhận thấy là sự tự tin, phong thái ung dung tự tại giúp Bác vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Dựa vào những hiểu biết về thực tế cuộc sống của bản thân, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về vai trò của sự tự tin trong cuộc sống.

GỢI Ý

- Hình thức: Đúng mô hình đoạn, đúng phương thức, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc.
- Nội dung: HS cơ bản thể hiện ý kiến của mình theo các bước sau:
 - + Giải thích khái niệm: sự tự tin?
 - + Biểu hiện cụ thể và ý nghĩa của sự tự tin trong cuộc sống
 - + Biểu hiện trái chiều của sự tự tin và hậu quả
 - + Liên hệ thực tế và biện pháp rèn luyện sự tự tin
- Lưu ý: Giáo viên chỉ cho điểm tối đa khi học sinh biết lập luận kết hợp đưa dẫn chứng, bình luận để làm nổi bật ý chủ đề.

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	B	A	D	C

2. Tự luận

- Chất thép:

+ Trong bài không được thể hiện trực tiếp, không nói chuyện thép, không lên giọng thép mà chỉ được nhắc đến và hiểu qua những lời hồn nhiên, bông đùa.

+ Tư thế ung dung trong cảnh ngục tù, đó là tinh thần thép vượt lên trên mọi gian khổ của nhà tù

- Chất trữ tình

+ Tình yêu thiên nhiên, sự giao hòa với thiên nhiên: hình ảnh trăng, hoa.

+ Nhân vật trữ tình là người lãng mạn: dù ở trong tù nhưng vẫn có mong muốn uống rượu, ngắm trăng, thưởng hoa...

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	C	D	C	B

2. Tự luận

- Chất thép:

+ Trong bài không được thể hiện trực tiếp, không nói chuyện thép, không lên giọng thép mà chỉ được nhắc đến và hiểu qua những lời hồn nhiên, bông đùa.

+ Tư thế ung dung trong cảnh ngục tù, đó là tinh thần thép vượt lên trên mọi gian khổ của nhà tù

- Chất trữ tình

+ Tình yêu thiên nhiên, sự giao hòa với thiên nhiên: hình ảnh trăng, hoa.

+ Nhân vật trữ tình là người lãng mạn: dù ở trong tù nhưng vẫn có mong muốn uống rượu, ngắm trăng, thưởng hoa...

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Bài thơ *Ngắm trăng* cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.

Ý	Nội dung
	<p>Bài thơ <i>Ngắm trăng</i> cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.</p> <p>Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.</p>
1	<p>Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về tập <i>Nhật kí trong tù</i> và Bác Hồ.</p>

	- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và bài thơ <i>Ngắm trăng</i> .
2	<p>Thân bài:</p> <p>Ý khái quát: Bác Hồ đã viết nhiều bài thơ về trăng. Trong số đó, bài <i>Ngắm trăng (Vọng nguyệt)</i> là một trong những bài thơ viết về trăng trong tập <i>Nhật kí trong tù</i>; bài thơ mang phong vị Đường thi, được nhiều người yêu thích. Nguyên tác bằng chữ Hán, đây là bản dịch bài thơ: Ngắm trăng</p> <p style="text-align: center;">Trong tù không rượu cũng không hoa Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ. Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ, Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.</p> <p>- Vọng nguyệt (hay đối nguyệt, khán minh nguyệt) là một đề tài phổ biến trong thơ xưa. Thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp thường mang rượu uống trước hoa để thưởng trăng, người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi, tâm hồn thư thái; nhưng ở đây, Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh thật đặc biệt: trong ngục tù ...</p> <p style="text-align: center;"><i>Trong tù không rượu cũng không hoa</i></p> <p>- Trước cảnh đêm trăng đẹp, Bác khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn, và lấy làm tiếc vì không có rượu và hoa - điều đó cho thấy người tù không hề vương bận bởi vật chất tầm thường, tâm hồn vẫn tự do, ung dung, vẫn thèm được tận hưởng ánh trăng đẹp, có tình yêu thiên nhiên đến say mê:</p> <p style="text-align: center;"><i>Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ</i></p> <p>- Từ phòng giam tăm tối, Bác hướng tới vầng trăng, nhìn về ánh sáng, tâm hồn thêm thư thái. Song sắt nhà tù không thể nào ngăn cách được người tù và vầng trăng vì người tù là một thi nhân, một chiến sĩ tuy “thân thể ở trong lao” nhưng “tinh thần ở ngoài lao” - đây là một cuộc <i>vượt ngục</i> bằng tinh thần của Bác ...</p> <p>Câu thứ tư nói về vầng trăng: trăng được nhân hóa như một người bạn tri âm, tri kỉ từ viễn xứ đến chốn ngục tù tăm tối thăm Bác. Trăng và Bác tri ngộ “đối diện đàm tâm”, hai câu 3 và 4 được cấu trúc đăng đối tạo nên sự cân xứng hài hoà giữa người và trăng:</p> <p style="text-align: right;"><i>Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.</i></p> <p>- Ta thấy: “<i>Nhân . . . nguyệt</i>” rồi lại “<i>nguyệt ... thi gia</i>” ở hai đầu câu thơ và cái</p>

song sắt nhà tù chấn ở giữa. Khoảnh khắc giao cảm giữa thiên nhiên và con người xuất hiện một sự hóa thân kỳ diệu: *tù nhân* đã biến thành *thi gia*. Lời thơ đẹp đầy ý vị. Nó biểu hiện một tư thế ngẩng thẳng hiếm thấy. Tư thế ấy chính là phong thái ung dung, tự tại, lạc quan yêu đời, yêu tự do của Bác ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm ...

HS có thể mở rộng, nâng cao:

- Bác không chỉ ngẩng thẳng trong tù. Bác còn có biết bao vần thơ đặc sắc nói về trăng và niềm vui ngẩng thẳng: Ngẩng thẳng trung thu, ngẩng thẳng ngàn Việt Bắc, đi thuyền ngẩng thẳng,... thơ Bác đầy trăng: “Trăng vào cửa sổ đòi thơ...”, “... Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền...”, “Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo...” Trăng tròn, trăng sáng... xuất hiện trong thơ Bác vì Bác là một nhà thơ giàu tình yêu thiên nhiên, vì Bác là một chiến sĩ cách mạng giàu tình yêu đất nước quê hương ...

ĐỀ HSG

Câu 1. Trong bài đề từ trên trang bìa tập “Nhật kí trong tù”, Hồ Chí Minh viết:

“Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao”

Phân tích bài thơ “**Ngẩng thẳng**” trích trong “Nhật kí trong tù” để làm sáng tỏ ý chính của hai câu thơ trên.

GỢI Ý

*** Yêu cầu chung:**

- + Kiểu bài: Phân tích tác phẩm kết hợp với chứng minh
- + Nội dung: Phân tích bài thơ “Ngẩng thẳng” để thấy được mặc dù bị giam cầm về thể xác nhưng song sắt nhà tù không thể giam hãm được tinh thần của người tù- người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

*** Yêu cầu cụ thể:**

a- Mở bài (0,5 điểm)

- Giới thiệu khái quát về Hồ Chí Minh và tập thơ “Nhật kí trong tù”

- Một trong những vẻ đẹp về nội dung của tập nhật kí đồng thời cũng là vẻ đẹp của con người Hồ Chí Minh là sự vượt ngục về tinh thần, điều đó thể hiện rõ ngay từ lời đề từ mở đầu tập nhật kí (Trích dẫn 2 câu thơ trong bài đề từ) và được thể hiện cụ thể, sinh động trong bài thơ “Ngắm trăng”.

b- Thân bài (5,0 điểm)

1- Giải thích nội dung ý nghĩa hai câu thơ trong bài đề từ tập nhật kí (1,0 điểm)

Là lời khẳng định mặc dù bị giam hãm trong tù ngục nhưng song sắt nhà tù chỉ giam cầm được thể xác chứ không giam hãm được tinh thần của người tù- người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh

2- Chứng minh nội dung ý thơ qua bài thơ “Ngắm trăng” (4,0 điểm)

Bài thơ “Ngắm trăng” là một trong những bài thơ tiêu biểu thể hiện rõ nhất cho lời khẳng định “Thân thể.....ngoài lao”

* Hai câu đầu:

+ Hoàn cảnh ngắm trăng của người tù hết sức đặc biệt: mất tự do về thân thể (trong tù), thiếu “rượu”, “hoa” những thứ không thể thiếu khi thưởng nguyệt của các thi nhân xưa. Điệp ngữ “không” khẳng định sự thiếu thốn trong cảnh ngục tù đầy.

+ Tuy nhiên, trước đêm trăng đẹp tâm hồn thi sĩ đã bồi hồi, xúc động, xốn xang

Câu hỏi tu từ “Đối thử lương tiêu nại nhược hà” biểu hiện tâm trạng của Bác trước cảnh đẹp đêm trăng.

* Hai câu cuối:

+ Vượt lên trên cảnh ngộ, những thiếu thốn của chốn lao tù, Bác mở rộng hồn mình để cảm nhận vẻ đẹp của đêm trăng

-Biện pháp đối ngữ (nhân- minh nguyệt, nguyệt- thi gia) , nghệ thuật nhân hóa, cách sử dụng từ “khán” thay cho “vọng” ở nhan đề thể hiện mối quan hệ bạn bè tri âm, tri kỉ giữa trăng với người tù.

+ Sự giao hòa giữa Bác với vàng trăng biểu thị tình yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan, sự tự do nội tại cao độ, khát vọng tự do, là cuộc vượt ngục bằng tinh thần của Bác.

+ Mở đầu bài thơ là hình ảnh người tù nhưng kết thúc bài thơ chỉ có hình ảnh “thi gia”, kẻ thù chỉ có thể giam cầm thân thể Bác chứ không giam hãm được tâm hồn Bác đúng như Bác đã từng viết “Thân thể.....ngoài lao”

c-Kết bài (0,5 điểm)

- Bài thơ “Ngắm trăng” thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, bản lĩnh, ý chí, nghị lực của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh lao tù- đó là biểu hiện của “chất thép” sáng ngời trong thơ của Người.

Câu 2: . Có thể nhận thấy một đặc điểm tiêu biểu ở phong cách thơ của Hồ Chí Minh là: “Trong thơ của Người cảnh và tình luôn đan xen, hoà quyện lẫn nhau, tả cảnh để bộc lộ tình”.

Em hãy phân tích bài thơ “Cảnh khuya”, “Rằm tháng riêng”, và những bài thơ đã học và đọc về thơ Bác để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Gợi ý: Đảm bảo các yêu cầu sau: 1, Xác định yêu cầu:

- Thể loại: phát biểu cảm nghĩ về nhân vật kết hợp với lập luận chứng minh
- Nội dung: Cảm nhận về đẹp tâm hồn của lão Hạc. 2, Hình thức: (1 điểm) Đảm bảo yêu cầu sau:
- Bố cục: 3 phần mở bài, thân bài, kết bài
- Hành văn mạch lạc, rõ ràng, không sai lỗi chính tả. 3, Nội dung: (4 điểm) Đảm bảo các phần sau:

A/ Phần mở bài: (0,5 điểm) Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Khái quát phẩm chất (về đẹp tâm hồn) của nhân vật.

B/ Thân bài: (3 điểm) Đảm bảo 3 ý sau:

- * Ý 1: lão Hạc người nông dân nghèo, lương thiện mà bất hạnh.
 - Tài sản duy nhất của lão: Có ba sào vườn, một túp lều, con chó vàng
 - Vợ chết, cảnh gà trống nuôi con
 - Tuổi già sống quạnh hưu, ốm đau, hoa màu mất sạch do bão, làng mất nghề vé sợi, lão không có việc làm, giá gạo đắt, bán cậu vàng, tìm cho mình cảnh giải thoát.
 - * Ý 2: lão Hạc con người giàu lòng nhân hậu.
 - Đối với con trai.
 - Đối với con vật đặc biệt là cậu vàng.
 - * Ý 3: lão Hạc, con người trong sạch, giàu lòng tự trọng.
 - Nghèo nhưng vẫn giữ cho mình trong sạch không theo gót Binh Tư để có ăn.
 - Từ chối sự giúp đỡ của ông giáo.
 - Bất đắc dĩ phải bán chó lão dẫn vật lương tâm.
 - Gửi tiền làm ma khỏi liên lụy đến xóm làng.
 - * Nghệ thuật: Miêu tả tâm lý nhân vật qua ngoại hình và nội tâm, cách kể chuyện xen lẫn triết lý sâu sắc.
- C/ Kết bài:** (0,5 điểm)
- Khẳng định lại cảm nghĩ.
 - Đánh giá sự thành công của tác phẩm.

THAM KHẢO

Phân tích bài thơ

I. Dàn ý

1. Mở bài

- Vài nét về tác giả Hồ Chí Minh với tư cách là một người nghệ sĩ

- Ngắm trăng là bài thơ thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù đầy

2. Thân bài

a. Hoàn cảnh ngắm trăng của thi sĩ (2 câu thơ đầu)

- Đây là hai câu thơ thất ngôn trong bài thơ tứ tuyệt

- Cách ngắt nhịp: 4/3

- Luật: bằng (chữ thứ 2 của câu thứ nhất)

- “Trong tù không rượu cũng không hoa”: Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh đặc biệt: trong tù và thiếu thốn nhiều thứ.

⇒ Việc kể ra hoàn cảnh ngay trong câu thơ đầu không hẳn nhằm mục đích kêu than hay kể khổ mà để lí giải cho tâm trạng bồn chồn của người thi sĩ.

- Trước sự khó khăn thiếu thốn ấy Bác vẫn hướng tới trăng bởi Người yêu trăng và có sự lạc quan hướng đến điểm sáng trong tâm hồn để vượt qua cảnh ngộ ngặt nghèo.

- “Khó hững hờ” – trước cảnh đẹp dễ trong lòng không thể nào hững hờ, không thể bỏ lỡ

⇒ Người luôn vượt qua khó khăn hướng tới ánh sáng, vẫn luôn xôn xang trước cái đẹp dù cho trong hoàn cảnh nào.

b. Sự giao hòa giữa người nghệ sĩ và trăng (2 câu thơ cuối)

- “Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt”: Người và trăng đối nhau qua khung cửa nhà tù ⇒ bộc lộ chất thép trong tâm hồn, vẫn bất chấp song sắt trước mặt để ngắm trăng

- Nhân hóa “nguyệt tòng song khích khán thi gia”- thể hiện trăng cũng giống như con người, cũng vượt qua song sắt nhà tù để tìm ngắm nhà thơ. Đây chính là sự hóa thân kì diệu, là giây phút thăng hoa tỏa sáng của tâm hồn nhà thơ, cho thấy sự giao thoa giữa người và trăng.

⇒ Nghệ thuật hết sức cân chỉnh ⇒ Sức mạnh tinh thần kì diệu, phong thái ung dung của người chiến sĩ Cách mạng.

⇒ Đặc điểm thơ Đường là chọn miêu tả những khoảnh khắc dồn nén của đời sống, đó thường sẽ là những khoảnh khắc đặc biệt trong cả tâm trạng và bên ngoài hiện thực. Thông qua một khoảnh khắc ngắm trăng của thi sĩ, thể hiện cốt cách thanh cao vượt khỏi tù đầy hướng về tương lai tốt đẹp.

3. Kết bài

- Giá trị nghệ thuật làm nên thành công của văn bản.

- Bài thơ cho chúng ta hiểu sâu sắc hơn cốt cách thanh cao của người chiến sĩ cách mạng.

II. Bài Văn mẫu

Sinh thời, Bác Hồ luôn chú tâm chăm lo cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, Người không có ham muốn trở thành một nhà thơ nhưng như đã có lần Bác viết:

“Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng ngồi trong ngục biết làm sao đây?”

Hoàn cảnh “rối rã” khiến Người đến với thơ ca như một kì duyên. Trong những năm tháng bị giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch, Bác đã có một bài thơ thật hay: “Vọng nguyệt”.

“Ngục trung vô tửu diệc vô hoa

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia”

Bài thơ được dịch là “Ngắm trăng”:

"Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”

Thi đề của bài thơ là “Vọng nguyệt” - “Ngắm trăng”. Người xưa ngắm trăng trên những lầu vọng nguyệt, những vườn hoa với bạn hiền, túi thơ, chén rượu.. Nhưng nay, Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh thật đặc biệt:

“Trong tù không rượu cũng không hoa”

Câu thơ hé mở bao điều bất ngờ. Người ngắm trăng là một người tù không có tự do “trong tù”. Trong hoàn cảnh ấy, con người thường chỉ quay quắt với cái đói, cái đau và sự hận thù. Nhưng Hồ Chí Minh với tấm lòng yêu thiên nhiên tha thiết, Người lại hướng đến ánh trăng trong sáng, dịu hiền. Chẳng những vậy, chốn ngục tù tăm tối ấy “không rượu cũng không hoa”. Từ “diệc” trong nguyên văn chữ Hán (nghĩa là “cũng”) nhấn mạnh những thiếu thốn, khó khăn trong điều kiện “ngắm trăng” của Bác.

Không tự do, không rượu, không hoa nhưng “Đối thử lương tiêu nại nhược hà?” - Đối diện với ánh trăng sáng ta biết làm sao đây? Nguyên văn chữ Hán là một câu hỏi đầy bối rối, đầy băn khoăn của tâm hồn thi nhân trước vẻ đẹp trong sáng, tròn đầy của ánh trăng. Không có những điều kiện vật chất tối thiểu, không có cả tự do nhưng ở Hồ Chí Minh đã có một cuộc “vượt ngục tinh thần” vô cùng độc đáo như Bác đã từng tâm sự:

“Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao”

Thê xác bị giam cầm nhưng tâm hồn Bác vẫn bay bổng với thiên nhiên. Điều đó được lí giải bởi tình yêu của Bác đối với thiên nhiên và còn bởi một tinh thần “thép” không bị khuất phục bởi cái xấu, cái ác. Trăng trong sáng, lòng người cũng trong sáng nên giữa trăng và người đã có sự giao hòa tuyệt vời:

“Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia”

Bản dịch thơ:

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”

Trong bản nguyên tác chữ Hán, nhà thơ sử dụng phép đối giữa hai câu thơ “nhân” - “nguyệt”, “hương” - “tòng”, “song tiền” - “song khích”, “minh nguyệt” - “thi gia”. Điều đó thể hiện sự đồng điệu, giao hòa giữa người và trăng để trăng và người giống như đôi bạn tri âm tri kỉ. “Nhân” đã chẳng quản ngại cảnh lao tù mà “hương song tiền khán minh nguyệt”. Trong tiếng Hán, “khán” có nghĩa là xem, là thưởng thức. Đáp lại tấm lòng của người tù - thi nhân, vầng trăng cũng “tòng song khích khán thi gia”. Trong tiếng Hán, “tòng” là theo; trăng theo song cửa mà vào nhà lao “khán” thi gia. Đó là một cảm nhận vô cùng độc đáo. Vầng trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ, là niềm khát vọng muôn đời của các thi nhân. Vậy mà nay, trăng lên mình qua song cửa hẹp, đặt chân vào chốn lao tù ảm uớt hơi hám để chiêm ngưỡng nhà thơ hay chính là tâm hồn nhà thơ vậy. Điều đó đã khẳng định vẻ đẹp trong con người Hồ Chí Minh.

“Vọng nguyệt” ra đời trong những năm 1942 - 1943 khi Bác Hồ bị giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bài thơ thể hiện phong thái ung dung, coi thường hiểm nguy gian khổ của Bác. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, Người cũng hướng đến thiên nhiên bộc lộ tấm lòng ưu ái rộng mở với thiên nhiên. Đó là một trong những biểu hiện quan trọng của tinh thần thép Hồ Chí Minh.

“Vọng nguyệt” không chỉ là một bài thơ tả cảnh đơn thuần. Thi phẩm còn là một bức tranh chân dung tinh thần tự họa của Hồ Chí Minh. Và như thế, bài thơ thực sự là một thi phẩm đáng trân trọng trong kho tàng thi ca Việt Nam.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: CHIẾU DỜI ĐÔ

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại Khái niệm thể loại
<p>- (974-1028) tức</p> <p>- Quê quán: Là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã, huyện, tỉnh)</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:</p> <p>+ Ông là người, có lớn, lập được</p> <p>+ Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ</p> <p>+ Khi Lê Ngọa mất ông được tôn lên lấy niên hiệu là</p> <p>- Phong cách sáng tác: Sáng tác của ông chủ yếu là đề ban bố, thể hiện lớn lao có ảnh hưởng đến</p>		<p>- Kiểu VB:</p>
	PTBD	Bố cục
		<p>-</p> <p>-</p> <p>-</p>

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<p>- Chiếu dời đô là</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Việc dời đô của Lí Công Uẩn là một, sau 1000 năm Thăng Long, Hà Nội đã trở thành</p>	<p>- Kết cấu.... phần chặt chẽ</p> <p>- Giọng văn</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Tác giả lựa chọn ngôn ngữ có tính nhưng không dùng hình thức</p>

.....	- Chiều dài đô đã nói đúng của nhân dân, có kết hợp , cách giàu sức thuyết phục.
-------	--

II. Nội dung

CHIỀU DÀI ĐÔ			
1.Lí do đòi đô cũ	Trung Quốc	- Nhà Thương - lần đòi đô => => Đất nước	- Sử dụng nghệ thuật - Đưa ra dẫn chứng trong là , giàu sức - Lí Công Uẩn “.....” khi nghĩ về ngăn ngừa của nhà
	Việt Nam	Nhà Đinh, Lê theo ý “.....” ở => Triều đại không	
	=> Đòi đô là việc làm, không thể không		
2. Lợi thế của thành Đại La	Về lịch sử		- Đại La “” là chốn
	Vị trí địa lý		- Xứng đáng là
	Địa thế		
	Văn hóa		

			
	=> Thể hiện tầm nhìn		
3. Quyết định của nhà vua	Hình thức đưa ra quyết định	Đưa ra mệnh lệnh nhưng không phải - Kết thúc bài chiếu, Lí Công Uẩn đưa ra các quần thần trong triều	- Lời văn tạo nên sự - Có tính
	Ý nghĩa	Bày tỏ khát vọng bằng cách để mọi người hiểu - Tỏ ý quần thần, vua – tôi	
4. Sự kết hợp giữa lí và tình	Về lí	Nêu làm tiền đề, làm cho lí lẽ - Soi sáng tiền đề ấy vào 2 triều đại Đinh Lê để thấy rằng - Cuối cùng đưa ra sự lựa chọn là nơi tốt nhất để làm	
	Về Tình	Chiếu là của vua nhưng lại mang tính - Nhà vua bày tỏ mọi người bằng cách hỏi - Hình thức văn xuôi dàn xếp nhiều câu mang sắc thái biểu cảm	
	Tạo tính cho văn bản		

II. LUYỆN TẬP

Phần 1. Giải nghĩa các từ sau:

-Phồn thịnh:

-Thắng địa:

-Thế rồng cuộn hổ ngồi:

-Trọng yếu:

Phần 2: Cho đoạn văn sau:

“Huống chi thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm của trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đứng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi phải chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”

Câu 1 (1 điểm): Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm đó?

Câu 2 (1 điểm): Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn văn trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?

Câu 3 (1 điểm):

a. Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói của hai câu sau: (1) *“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.* (2) *Các khanh nghĩ thế nào?”*

b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?

Câu 4 (3 điểm): Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, làm sáng tỏ nhận định:

“Đại La là thắng địa, xứng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”, trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán (gạch chân và chú thích rõ).

Phần 3: Cho đoạn trích sau

... *“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”*

1. Các câu trên trích trong văn bản nào? Của ai? Trình bày hiểu biết về thể loại của văn bản.

2. Xét theo mục đích nói, các câu trên thuộc kiểu câu gì? Vì sao em biết?

3. Dựa vào văn bản chứa đoạn trích trên, khai triển ý câu chủ đề sau thành một đoạn văn tổng – phân – hợp khoảng 10 câu, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định, một câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ):

Văn bản có sức thuyết phục lớn vì có sự kết hợp giữa lí và tình.

Phần 4. Cho đoạn trích:

“...Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. (1) Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. (2)

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. (3) Các khanh nghĩ thế nào? (4)”

(Theo Ngữ văn lớp 8, tập 2, Nxb Giáo dục 2017, tr.49)

- 1, Những câu văn trên được trích từ văn bản nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời văn bản đó.
- 2, Giải nghĩa từ **“thắng địa”** trong câu văn số (1). Tác giả dùng từ **“thắng địa”** để chỉ địa danh nào? Việc lựa chọn mảnh đất này để **“định chỗ ở”** thể hiện mong muốn, khát vọng gì của tác giả?
- 3, Xét theo mục đích nói, câu văn số (4) trong đoạn trích thuộc kiểu câu nào? Vì sao kết thúc văn bản, tác giả lại sử dụng kiểu câu này?
- 4, Một bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã học ở chương trình Ngữ văn 8 cũng có câu thơ sử dụng kiểu câu theo mục đích nói được nhắc tới ở câu hỏi số 3. Hãy chép lại chính xác câu thơ đó và cho biết tên bài thơ.

Phần 5. Cho đoạn trích:

“...Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: ở nơi vào trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đứng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa” ...

(Trích Ngữ văn 8, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

1. Những câu văn trên được trích từ văn bản nào? Cho biết phương thức biểu đạt chính và thể loại VB đó.
2. Đặt một câu trần thuật để nêu ngắn gọn nội dung của văn bản chứa những câu văn trên.
3. Dựa vào đoạn trích đã cho, viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định và một câu cảm thán (gạch chân, chú thích) để làm rõ sự sáng suốt của Lí Công Uẩn trong việc nhìn ra những lợi thế của thành Đại La và thuyết phục bằng những lời lẽ có lí, có tình.
4. Giải nghĩa từ **“thắng địa”**. Vì sao kinh đô Hoa Lư ở thời kỳ đầu của nhà Đinh lại được coi là **“thắng địa”** cho mục tiêu giữ nước.

Phần 6. Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Việc dời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định phần nào với tới sự phát triển tương lai của đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi *“trung tâm của trời đất”*, một nơi có thể *“rồng cuộn hổ ngồi”*. Nhà vua rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi *“đã đứng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”*. Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lởm chởm mà là *“địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng”*. Thật cảm động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc: *“Dân khỏi chịu cảnh ngập lụt”*. Nơi đây dân sẽ được hưởng no ấm thái bình vì *“muôn vật cũng rất mực tốt tươi...”*. Nhà vua đánh giá kinh đô mới *“Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”*. Chính vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn: *“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”*.”

(Nguồn Internet)

Câu 1: Đoạn trích trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập II? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?

Câu 2: Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?

Câu 3:

a. Xác định kiểu câu của **hai** câu sau: (1) *“Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.”* (2) *Các khanh nghĩ thế nào?”*.

b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?

Câu 4: Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là *“một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân”*.

ĐỀ NLXH

Dựa vào kiến thức về văn bản, đặc biệt là những hiểu biết từ đời sống xã hội, viết một đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch khoảng một trang giấy thi, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định, một câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ) làm sáng tỏ ý kiến sau: *Lắng nghe những góp ý xác đáng của người khác cũng là một cách để mỗi chúng ta trở nên tiến bộ, trưởng thành.*

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Chiều dài đô được viết theo phương thức biểu đạt chính nào ?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Thuyết minh
- D. Lập luận

Câu 2: Tên kinh đô cũ của hai triều Đinh, Lê là gì ?

- A. Huế
- B. Cổ Loa
- C. Hoa Lư
- D. Thăng Long

Câu 3: ý nghĩa của từ phong tục là gì ?

- A. Thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ của một dân tộc, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- B. Thói quen và tục lệ lành mạnh đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo.
- C. Những thói quen, tục lệ lạc hậu được truyền lại từ trước đến nay.
- D. Những suy nghĩ và nếp sống của một lớp người nào đó.

Câu 4: Từ nào có thể thay thế từ “mưu toan” trong cụm từ “mưu toan nghiệp lớn” ?

- A. mưu sinh
- B. âm mưu
- C. mưu hại
- D. mưu tính

Câu 5: Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu: ‘Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi’?

- A. Nhấn mạnh cảnh điêu đứng của nhân dân ta dưới thời Đinh, Lê.
- B. Khẳng định việc đóng đô ở vùng núi Hoa Lư của hai nhà Đinh, Lê là không còn thích hợp.
- C. Phủ định công lao của hai triều Đinh, Lê.
- D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 6: Câu văn nào dưới đây trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của Lí Công Uẩn ?

- A. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

B. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

C. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mình mà tự ý chuyển dời?

D. Thật là chốn tụ hội trọng yếu cuat bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án						

2. Tự luận

a. Chỉ ra trình tự lập luận của văn bản “Chiếu dời đô”.

b. Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Chiếu dời đô được sáng tác năm nào ?

- A. 1010
B. 958
C. 1789
D. 1858

Câu 2: Tên nước ta ở thời nhà Lí là gì ?

- A. Đại Cồ Việt
B. Đại Việt
C. Vạn Xuân
D. Việt Nam

Câu 3: ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu ?

- A. Giải bày tình cảm của người viết.
B. Kêu gọi, cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.
C. Miêu tả phong cảnh, kể sự việc.
D. Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

Câu 4: Câu nào diễn tả đúng nghĩa của từ “thăng địa” trong “Chiếu dời đô”?

- A. Là nơi cao ráo, thoáng mát
B. Là nơi có phong cảnh và địa thế đẹp

C. Là nơi có sông ngòi bao quanh

D. Là nơi núi non hiểm trở

Câu 5: Câu văn nào dưới đây trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của Lí Công Uẩn ?

A. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mình mà tự ý chuyển dời?

B. Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

C. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

D. Thật là chốn tụ hội trọng yếu cuat bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Câu 6: Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu: ‘Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi’?

A. Nhấn mạnh cảnh điêu đứng của nhân dân ta dưới thời Đinh, Lê.

B. Phủ định công lao của hai triều Đinh, Lê.

C. Khẳng định việc đóng đô ở vùng núi Hoa Lư của hai nhà Đinh, Lê là không còn thích hợp.

D. Cả A, B và C đều sai.

2. Tự luận

Chứng minh “Chiếu dời đô” có sức thuyết phục lớn bởi có sự kết hợp giữa lí và tình.

* Gợi ý

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án A	B	D	B	C	C	

2. Tự luận

Trình tự lập luận cho việc cần thiết phải dời đô:

- Nêu sử sách bên Trung Quốc làm tiền đề, làm chỗ dựa cho lý lẽ.

- Soi tiền đề vào thực tế của hai triều đại Đinh, Lê để chỉ rõ thực tế ấy không còn thích hợp với sự phát triển của đất nước, cần thiết phải dời đô.

- Đi tới kết luận: Khẳng định thành Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm Kinh Đô.

Đây là lời ban bố mệnh lệnh nhưng lại có những đoạn bày tỏ nỗi lòng, có những lời như đối thoại, trao đổi. Ví như "Trẫm rất đau xót về việc đó", đặc biệt là hai câu cuối bài chiếu tại tính chất đối thoại và trao đổi chứ không phải là tính chất đơn thoại, một chiều của người trên ban bố cho kẻ dưới. Và vì thế, lời văn tạo nên sự đồng cảm sâu sắc giữa mệnh lệnh của vua với thần dân, ai ai cũng xúc động.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Đề 1. Phân tích tư tưởng yêu nước trong bài *Chiếu dời đô*.

Đề 2. Có ý kiến cho rằng: *Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn có sức thuyết phục lớn là bởi có sự kết hợp giữa lí và tình.*

Bằng những hiểu biết về tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: CHIẾU DỜI ĐÔ

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại Khái niệm thể loại
<ul style="list-style-type: none"> - Lí Công Uẩn (974-1028) tức Lí Thái Tổ - Quê quán: Là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác: <ul style="list-style-type: none"> + Ông là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công + Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ + Khi Lê Ngọa mất ông được tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên. - Phong cách sáng tác: Sáng tác của ông chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao có ảnh hưởng đến vận nước 	Năm 1010, Lí Công Uẩn viết bài chiếu này để bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La	Chiếu là thể văn nghị luận cổ do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. Chiếu có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi; được công bố và đón nhận một cách trang trọng. - Kiểu VB: Nghị luận
	PTBD	Bố cục
	Nghị Luận, biểu cảm, tự sự, miêu tả.	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Từ “Xưa nhà Thương” đến “không thể không dời đổi”: Đưa ra những lí do, cơ sở của việc dời đô. - Phần 2: “Huống gì” đến “muôn đời”: Những lí do chọn Đại La làm kinh đô - Phần 3: Còn lại: Thông báo quyết định dời đô

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<ul style="list-style-type: none"> - Chiếu dời đô là áng văn xuôi cổ độc đáo và đặc sắc. Nó phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự lập, tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. - Việc dời đô của Lí Công Uẩn là một kì tích với đất nước, sau 1000 năm Thăng Long, Hà Nội đã trở thành một trung tâm kinh tế, quốc phòng, văn hóa lớn của cả nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết cấu 3 phần chặt chẽ - Giọng văn trang trọng thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của tác giả về vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước. - Tác giả lựa chọn ngôn ngữ có tính tâm tình, đối thoại, nhà vua đưa ra quyết định nhưng không dùng hình thức mệnh lệnh. - Chiếu dời đô đã nói đúng ý nguyện của nhân dân, có kết hợp hài hòa giữa lí và tình, cách lập luận giàu sức thuyết phục.

II. Nội dung

CHIỀU DỜI ĐÔ			
1.Lí do dời đô cũ	Trung Quốc	Nhà Thương 5 lần dời đô - Nhà Chu 3 lần dời đô => Mưu toan nghiệp lớn => Đất nước phồn vinh	- Sử dụng nghệ thuật liệt kê, tương phản, đối lập. - Đưa ra dẫn chứng trong lịch sử là sự thật hiển nhiên, giàu sức thuyết phục. - Lí Công Uẩn “đau xót” khi nghĩ về số phận ngắn ngủi của nhà Đinh Lê.
	Việt Nam	Nhà Đinh, Lê theo ý riêng mình “đóng yên đô thành” ở Hoa Lư => Triều đại không lâu bền, số phận ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi	
	=> Dời đô là việc làm cấp bách, không thể không dời đổi		
2. Lợi thế của thành Đại La	Về lịch sử	Là kinh đô cũ của Cao Vương	- Đại La “ là thắng địa ” là chốn hội tụ trọng yếu của 4 phương đất nước - Xứng đáng là kinh đô bậc nhất của Đế Vương muôn đời
	Vị trí địa lý	Ở nơi trung tâm trời đất, mở ra 4 hướng nam, bắc, đông, tây; có núi có sông	
	Địa thế	Đẹp, hùng vĩ; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi, lại hiện hướng nhìn sông đưa núi, địa thế rộng mà bằng; đất cao mà thoáng	
	Văn hóa	1 vùng đất lý tưởng cho dân cư, không ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú, tốt tươi	
	=> Thể hiện tầm nhìn chiến lược của Lí Công Uẩn, một cái nhìn toàn diện và sâu sắc. Sau 1000 năm, Hà Nội đã trở thành 1 thủ đô hòa bình, trung tâm chính trị - văn hóa của cả nước càng khẳng định mục đích dời đô của Lí Công Uẩn “ mưu toan nghiệp lớn” , tính kế muôn đời cho con cháu		
3. Quyết định của nhà vua	Hình thức đưa ra quyết định	Đưa ra mệnh lệnh nhưng không phải hình thức mệnh lệnh - Kết thúc bài chiếu, Lí Công Uẩn đưa ra câu hỏi các quần thần trong triều	- Lời văn tạo nên sự đồng cảm sâu sắc giữa mệnh lệnh của vua với thần dân, ai cũng xúc động - Có tính thuyết phục cao; thấu tình
	Ý nghĩa	Bày tỏ khát vọng dời đô bằng cách đối thoại để mọi người hiểu	

		nỗi lòng của mình. - Tỏ ý tôn trọng quần thần, bình đẳng vua – tôi	đạt lý
4. Sự kết hợp giữa lí và tình	Về lí	Nêu sử sách làm tiền đề, làm chỗ dựa cho lí lẽ - Soi sáng tiền đề ấy vào thực tế 2 triều đại Đinh Lê để thấy rằng việc dời đô là tất yếu, để phát triển đất nước. - Cuối cùng đưa ra sự lựa chọn Đại La là nơi tốt nhất để làm kinh đô mới.	
	Về Tình	Chiếu là mệnh lệnh của vua nhưng ngôn từ lại mang tính đối thoại, tâm tình - Nhà vua bày tỏ thái độ tôn trọng mọi người bằng cách hỏi ý kiến - Hình thức văn xuôi dàn xếp nhiều câu mang sắc thái biểu cảm	
	Tạo tính thuyết phục cho văn bản		

II. LUYỆN TẬP

Phần 1. Giải nghĩa các từ sau:

-Phồn thịnh: ở trạng thái phát triển tốt đẹp, dồi dào, sung túc.

-Thắng địa: Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp.

-Thế rồng cuộn hổ ngồi: thế đất giống hình rồng cuộn, hổ ngồi, được coi là thế đất đẹp, sẽ phát triển thịnh vượng.

-Trọng yếu: Hết sức quan trọng, có tính cơ bản, mấu chốt.

Phần 2

CÂU	NỘI DUNG ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Phần 2		6 điểm
Câu 1 <i>(1 điểm)</i>	- Văn bản: Chiếu dời đô	0.25 đ
	- Tác giả: Lí Công Uẩn	0.25 đ
	- Hoàn cảnh ra đời: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư ra	0.5 đ

	thành Đại La.	
Câu 2 (1 điểm)	<p>Tác phẩm <i>Chiếu dời đô</i> ra đời có ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất. - Phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. 	<p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p>
Câu 3 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - “<i>Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.</i>” <p>→ Câu trần thuật; hành động trình bày (nêu ý kiến).</p> <ul style="list-style-type: none"> - “<i>Các khanh nghĩ thế nào?</i>” <p>→ Câu nghi vấn; hành động hỏi.</p>	<p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p>
Câu 4 (3 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> * <u>Yêu cầu về hình thức</u>: đúng hình thức đoạn văn diễn dịch, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc * <u>Yêu cầu tiếng Việt</u>: câu cảm thán (<i>phải gạch chân và chú thích được</i>) * <u>Yêu cầu về nội dung</u>: cần đảm bảo các ý cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> “<i>Đại La là thắng địa, xứng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời</i>” - Vị trí địa lí: ở trung tâm đất nước, mở ra bốn hướng nam, bắc, tây, đông; “được cái thế rồng cuộn hổ ngồi”, “lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”. - Về địa thế: “Rộng mà bằng”, “đất đai cao mà thoáng”, tránh được cảnh ngập lụt. - Về vị thế chính trị, văn hoá: Là đầu mối giao lưu, “Chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương”, là mảnh đất hưng thịnh “Muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”. <p>→ Thực tiễn lịch sử gần một nghìn năm qua đã cho thấy sự tiên đoán và khẳng định của vua Lí Thái Tổ về kinh đô Thăng Long là hoàn toàn đúng đắn.</p>	<p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p>

Phần 3

1. – Trích trong văn bản “Chiếu dời đô”- Tác giả Lý Công Uân

- HS nêu đúng khái niệm về thể Chiếu (theo nội dung SGK)

2. – “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.” → Câu trần thuật

Đặc điểm hình thức và chức năng: kết thúc bằng dấu chấm, dùng để nêu ý kiến, mong muốn.

- “Các khanh nghĩ thế nào?” → Câu nghi vấn

Đặc điểm hình thức và chức năng: kết thúc bằng dấu chấm hỏi, dùng để bày tỏ tình cảm.

3. HS viết đúng số câu, đảm bảo hình thức đoạn văn, chỉnh ý câu chủ đề thành câu chủ đề rõ ràng.

- Đoạn văn có sử dụng một câu phủ định, một câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ)

- Về nội dung cần chứng minh cơ bản hai ý sau để làm sáng tỏ ý câu chủ đề:

Phần 4

1. - Tác phẩm “Chiếu dời đô”, của Lý Công Uẩn (0,5đx2)

- HCST: 1010, khi ông định rời Hoa Lư ra Đại La (0,25đx2)

2. - Thắng địa: vùng đất đẹp, có vị trí địa lí thuận lợi... (0,5đ)

- Nói về Đại La (0,25đ)

- Khát vọng xây dựng một đất nước độc lập, hùng cường, thịnh vượng (0,5đ)

3. Câu 4: Câu nghi vấn (0,25đ)

- Tác dụng: Dùng để hỏi, bộc lộ thái độ tôn trọng của vua đối với quần thần (0,25đx2)

4. HS kể được bài thơ, chép đúng câu thơ có sử dụng kiểu câu nghi vấn (0,25đx2)

Phần 5

Phần	Câu	Đáp án
5 (7đ)	1 (1,5đ)	- Văn bản: Chiếu dời đô - PTBD: Nghị luận - Thể loại: Chiếu
	2 (1,0đ)	- Đặt đúng câu trần thuật - Nội dung: + Khát vọng về một đất nước độc lập thống nhất + Khí phách (ý chí tự lực, tự cường) của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh

		<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu HS đặt câu trần thuật đúng yêu cầu, không phù hợp ND: không cho điểm - HS viết đúng nội dung, sai kiểu câu: Cho điểm nội dung - HS nêu nội dung: lí do đời đô, lợi thế của Đại La: 0,25đ - HS thiếu dấu chấm: trừ 0,25đ
3 (4đ)	<p>*Hình thức (1đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng cấu trúc (mở đoạn: 0,25đ, kết đoạn: 0,25đ) - Đủ số câu. - Trình bày sạch sẽ, không sai chính tả, lập luận chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy... <p>* Tiếng Việt (1đ)</p> <p>Có sử dụng câu phủ định và câu cảm thán (gạch chân, gọi tên)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS không gạch chân các câu: không cho điểm - HS gạch chân, không chú thích: 0,5đ <p>* Nội dung (2đ) HS cơ bản làm rõ các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng suốt trong việc nhìn ra những lợi thế của thành Đại La + Lịch sử: kinh đô cũ của Cao Vương + Vị trí địa lý: trọng tâm của trời đất, mở ra bốn hướng + Địa thế, địa hình: rồng cuộn hổ ngồi, có núi sông, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoáng => Dân cư không chịu cảnh ngập lụt, muôn vật phong phú, tốt tươi... - Sáng suốt trong việc thuyết phục bằng những lí lẽ có lí, có tình + Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, liệt kê những dẫn chứng sắc bén, liệt kê những dẫn chứng xác đáng + Tình cảm chân thành: sự lo lắng của nhà vua cho vận mệnh đất nước, nhân dân. 	
4	- Thẳng địa: chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp	

	(0.5đ)	- Giải thích: địa thế núi rừng hiểm trở, thích hợp cho phòng thủ, chiến đấu khi thế và lực của nhà Đinh chưa đủ mạnh
--	--------	--

Phần 6

1	Đoạn trích trên gọi em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập II? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?
	- Chiếu dời đô - Lí Công Uẩn - Thời điểm ra đời: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010)
2	Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?
	Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ? - Tác phẩm <i>Chiếu dời đô</i> ra đời có ý nghĩa phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất. - Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.
3	a. Xác định kiểu câu của hai câu sau: (1) “ <i>Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.</i> ”(2) <i>Các khanh nghĩ thế nào?</i> ”.
	b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào? Xác định kiểu câu của các câu sau: - “ <i>Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.</i> ” + Câu trần thuật hành động trình bày (nêu ý kiến). - <i>Các khanh nghĩ thế nào?</i> ” -> Câu nghi vấn + hành động hỏi.
4	Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “<i>một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân</i>”.
	- HS có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt (nghị luận, biểu cảm) miễn thể hiện được những cảm nhận về những điểm nổi bật về tác giả- nhà vua Lí Công Uẩn: + Là một người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. + Lí Công Uẩn đã lập nên một triều đại nhà Lý lẫy lừng và dưới sự trị vì của vua Lí Công Uẩn đã đưa đất nước ta phát triển lớn mạnh ...khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt. + Một vị vua anh minh, sáng suốt, có tầm nhìn xa rộng ... + Một người yêu nước thương dân, có tinh thần dân chủ...

ĐỀ NLXH

Dựa vào kiến thức về văn bản, đặc biệt là những hiểu biết từ đời sống xã hội, viết một đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch khoảng một trang giấy thi, trong đoạn có sử dụng một câu phủ định, một câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ) làm sáng tỏ ý kiến sau: *Lắng nghe những góp ý xác đáng của người khác cũng là một cách để mỗi chúng ta trở nên tiến bộ, trưởng thành.*

* Hình thức: (1đ)

- Viết đúng hình thức đoạn văn, đúng phương thức, diễn đạt mạch lạc

***. Nội dung: (4đ)**

- Giải thích rõ khái niệm: “biết lắng nghe, trưởng thành, tiến bộ.” **(0,5đ)**

- Trình bày khái quát tác dụng của hiểu biết, lắng nghe... sẽ giúp con người rèn luyện, trau dồi, tu dưỡng bản thân để từ đó tiến bộ, trưởng thành. HS lấy các dẫn chứng từ văn bản + từ thực tế cuộc sống -> Khẳng định tính đúng đắn của việc biết lắng nghe để thay đổi theo hướng tích cực là quá trình tự hoàn thiện bản thân. **(1,5đ)**

- Nêu biểu hiện và hậu quả của việc báo thù, trì trệ, không chịu lắng nghe, không chịu thay đổi. => bộc lộ thái độ phê phán với biểu hiện trái chiều. **(1đ)**

- Liên hệ bản thân, thực tiễn xã hội và đưa ra giải pháp, lời kêu gọi **(1đ)**

* GV chỉ cho điểm tuyệt đối khi bài viết có nội dung sâu sắc, thuyết phục bởi cách lập luận chặt chẽ với hệ thống dẫn chứng tiêu biểu, có chọn lọc, các lý lẽ sắc sảo và có ý kiến riêng độc đáo, chính xác.

c. Yêu cầu tiếng Việt (1đ)

HS xác định, gọi tên câu:

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC**ĐỀ 1****1. Trắc nghiệm**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	D	B	A

2. Tự luận

a. Trình tự lập luận:

- Đưa ra những lí do, cơ sở của việc dời đô.
- Những lí do chọn Đại La làm kinh đô.
- Thông báo quyết định dời đô.

b.- Vùng Hoa Lư là vùng núi hiểm trở, khi đất nước còn chưa ổn định phát triển thì đây là nơi chiến lược phòng thủ.

- Đến thời nhà Lí, Lí Công Uẩn giám dời đô ra vùng đồng bằng chứng tỏ nhà Lí đã có đủ thực lực để xây dựng đất nước, phát triển kinh tế. Có thể trấn an dân chúng, chống lại giặc ngoại xâm.

1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	B	C	C

2. Tự luận

Trình tự lập luận cho việc cần thiết phải dời đô:

- Nêu sử sách bên Trung Quốc làm tiền đề, làm chỗ dựa cho lý lẽ.
- Soi tiền đề vào thực tế của hai triều đại Đinh, Lê để chỉ rõ thực tế ấy không còn thích hợp với sự phát triển của đất nước, cần thiết phải dời đô.
- Đi tới kết luận: Khẳng định thành Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm Kinh Đô.

Đây là lời ban bố mệnh lệnh nhưng lại có những đoạn bày tỏ nỗi lòng, có những lời như đối thoại, trao đổi. Ví như "Trẫm rất đau xót về việc đó", đặc biệt là hai câu cuối bài chiếu tại tính chất đối thoại và trao đổi chứ không phải là tính chất đơn thoại, một chiều của người trên ban bố cho kẻ dưới. Và vì thế, lời văn tạo nên sự đồng cảm sâu sắc giữa mệnh lệnh của vua với thần dân, ai ai cũng xúc động.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Đề 1. Phân tích tư tưởng yêu nước trong bài *Chiếu dời đô*.

a. Mở bài: + Giới thiệu bài Chiếu dời đô của Lí Thái Tổ.

+ Khẳng định bài chiếu là một bài văn sáng ngời tư tưởng yêu nước.

b. Thân bài: Biểu hiện của tư tưởng yêu nước trong bài chiếu.

1. Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị.

+ Thể hiện ở mục đích của việc rời đô.

+ Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.

2. Khí phách của một dân tộc độc lập tự cường:

+ Thống nhất giang sơn về một mối.

+ Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với Trung Hoa.

+ Niềm tin vào tương lai muôn đời của đất nước.

c. Kết bài: + Khẳng định tư tưởng yêu nước của bài chiếu.

+ Nêu ý nghĩa và vị trí của bài chiếu.

Đề 2. Có ý kiến cho rằng: *Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn có sức thuyết phục lớn là bởi có sự kết hợp giữa lí và tình.*

Bằng những hiểu biết về tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

A, Yêu cầu: Bài có thể có những cách tổ chức luận điểm khác nhau nhưng phải đúng kiểu bài văn nghị luận. Làm sáng tỏ yêu cầu thông qua hệ thống lý lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các ý cơ bản sau:

Về nội dung: làm rõ sức thuyết phục của lí: dẫn chứng từ những bài học thực tế trong lịch sử, hạn chế của đất Hoa Lư khiến việc dời đô là tất yếu, những lợi thế không thể phủ nhận của Đại La; sức thuyết phục của tình là tình cảm chân thành, tấm lòng vì nước, vì dân của vua...

Về hình thức:

- HS biết cách làm bài văn nghị luận, có bố cục rõ ràng, luận điểm, luận cứ được tổ chức logic, khoa học

+ Biết vận dụng các thao tác nghị luận đã học để làm rõ nội dung

+ Kết hợp nhuần nhuyễn lý lẽ và dẫn chứng, kết hợp nghị luận với biểu cảm...

+ Diễn đạt lưu loát, có sự liên kết giữa các câu, các ý; văn viết có hình ảnh, giàu cảm xúc.

3. Biểu điểm:

- Điểm 5: Đạt được tất cả các yêu cầu trên, có sự sáng tạo, hấp dẫn

- Điểm 4: Về cơ bản đáp ứng được những yêu cầu trên. Bài viết hay. Có thể mắc vài lỗi nhưng không làm ảnh hưởng, sai lạc nội dung yêu cầu của đề

- Điểm 3: Bài viết khá hay, đúng định hướng, đảm bảo khá tốt yêu cầu của đề, có sức thuyết phục, có thể mắc một vài lỗi không lớn và không sai yêu cầu

- Điểm 2: Đáp ứng được gần một nửa yêu cầu ở trên

- Điểm 1: Bài làm quá sơ sài, gần như không đáp ứng được các yêu cầu ở trên

Lưu ý: - GV căn cứ các mức điểm trên để xác định các mức điểm còn lại

- Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần, lẻ đến 0,25, không làm tròn số

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

(Trích:

) - Tác giả :

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài cáo
.	- Thể loại: - Kiểu VB: - PTBD: - YNNĐ:		

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

Chép văn bản (gạch chân các từ ngữ nghệ thuật ; BPTT)	Nghệ thuật chính
Tùng nghe	* Hai câu đầu:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân	- Tư tưởng nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho Giáo: đạo lí, cách ứng xử, quan hệ con người với nhau
Quân điều phạt trước lo trừ bạo.	- 2 câu thơ đầu khái quát tư tưởng nhân nghĩa của NT là và
Như nước Đại Việt ta từ trước	+ yên dân:
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,	+ Điều phạt:
Núi sông bờ cõi đã chia,	+ Trừ bạo:
	
	
	...
	-> NT gắn liền yêu nước với chống

<p>Phong tục Bắc Nam cũng khác.</p> <p>Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,</p> <p>Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,</p> <p>Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,</p> <p>Xong hào kiệt đời nào cũng có.</p>	<p>....., đây là tư tưởng tiến bộ: lấy dân làm gốc.</p> <p>* 8 câu tiếp:</p> <p>.....</p> <p>-Nếu ở Nam quốc sơn hà, Lý Thường Kiệt mới nói đến chủ quyền đất nước ở lãnh thổ riêng, có vua đứng đầu thì Nguyễn Trãi đã khẳng định điều đó toàn diện hơn:</p> <p>+ Nước Đại Việt là của</p> <p>+ Có</p> <p>+ Có</p> <p>+ Có</p> <p>+ Đồng thời khẳng định truyền thống, bề dày, có mang sức mạnh và tầm vóc đánh tan</p> <p>+ Sử dụng hàng loạt các từ ngữ thể hiện sự hiển nhiên, vốn có:</p> <p>+Phép các triều đại: “.....” đặt song song với “.....” để so sánh đối chiếu với các triều đại lớn của Hơn nữa cụm từ “.....” khẳng định nước Đại Việt với nước Trung Hoa lớn mạnh.</p> <p>➔ Với 8 câu thơ khác nhau, giọng điệu , NT đã thể hiện sự ý thức độc lập toàn diện của dân tộc và bộc lộ</p> <p>*6 câu thơ cuối:</p> <p>.....</p> <p>-Từ “Vậy nên” tạo theo quan hệ giữa phần..... với phần</p> <p>+ Các tướng giặc bại trận:</p> <p>+ Các địa danh thắng trận của ta:</p> <p>.....</p> <p>+ sử dụng kết cấu: Tham công nên, thích lớn phải đã thể hiện rõ quan điểm</p> <p>+ Sử dụng các từ: đã nêu lên số phận thảm hại của các tướng giặc.</p> <p>➔ Với nghệ thuật, cách lập luận , dẫn chứng được ghi chép trong lịch sử theo đã khẳng định sức mạnh của và thể hiện niềm</p>
---	--

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

a.Đại Việt:

b.Bắc Nam:

c.Hào kiệt:

d.Văn hiến:

e.Nhân nghĩa:.....

2.Hãy xác định vị trí của đoạn trích và ý nghĩa của đoạn văn này đối với toàn bộ bài cáo.

3.Trong hai câu đầu, tác giả nêu lên tư tưởng gì? Phân tích để nêu bật nội dung của tư tưởng đó.

4. Tính chất của một bản Tuyên ngôn độc lập được thể hiện ở những phương diện nào trong đoạn văn này? Theo em trong đó phương diện nào là quan trọng nhất? Vì sao?

5. Hãy chứng minh sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn trong đoạn văn này.

6.So sánh với bài “**Sông núi nước Nam**” để thấy những nét mới và sâu sắc trong tư tưởng của Nguyễn Trãi thể hiện qua đoạn trích “**Nước Đại Việt ta**”

Phần III Luyện tập:

Phần 1: Trong văn bản **Nước Đại Việt ta**, Nguyễn Trãi đã viết:

“Từng nghe:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.”*

(SGK Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1 (1 điểm): Hãy chép 8 câu tiếp theo để hoàn thành phần đầu của văn bản và cho biết phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2 (1 điểm): Trong hai câu đầu của văn bản, Nguyễn Trãi đã nêu lên tư tưởng gì? Phân tích ngắn gọn để làm rõ nội dung của tư tưởng đó.

Câu 3 (2 điểm): Từ văn bản trên và hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước.

Phần 2

“Từng nghe:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.”*

Trích Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi

Em hãy đọc kỹ đoạn trích trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Văn bản *Bình Ngô đại cáo* được viết trong hoàn cảnh nào ?

Câu 2: Giải nghĩa từ: *nhân nghĩa*.

Câu 3: Qua hai câu “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì ?

Câu 4: Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã đưa ra những yếu tố nào ?

Câu 5: Nêu ý nghĩa của đoạn trích *Nước Đại Việt ta*.

Câu 6: Phân tích sự tiếp nối và phát triển về ý thức dân tộc trong đoạn trích *Nước Đại Việt ta* so với bài *Sông núi nước Nam*?

Sự kế thừa phát triển về ý thức dân tộc trong đoạn trích *Nước Đại Việt ta* so với bài *Sông núi nước Nam*?

HỌC SINH GIỎI

Trên cơ sở so sánh với bài thơ “*Sông núi nước Nam*”. Em hãy chỉ ra sự tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích “*Nước đại Việt ta*”(Trích “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi)

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

(Trích Bình Ngô Đại Cáo) - Tác giả : Nguyễn Trãi

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài cáo
Đầu năm 1428, sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô Đại cáo để tuyên bố độc lập chủ quyền dân tộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Cáo - Kiểu VB: Nghị luận - PTBD: Nghị luận, biểu cảm, tự sự, miêu tả. - YNNĐ: Bản tuyên ngôn lớn tuyên bố về sự nghiệp dẹp giặc Ngô đem lại bình yên cho đất nước. 	Cáo là thể văn nghị luận cổ thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả của một sự nghiệp để mọi người cùng biết. Cáo thường được viết bằng văn biền ngẫu, lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén, kết cấu chặt chẽ.	Gồm 4 phần: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu luận đề chính nghĩa, vạch tội ác kẻ thù. + Kể lại quá trình kháng chiến đi đến thắng lợi + Tuyên bố hòa bình + Khẳng định sự nghiệp chính nghĩa - Đoạn trích nằm ở phần đầu của tác phẩm.

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn, đoạn trích Nước Đại Việt ta có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định phải thất bại.	<ul style="list-style-type: none"> -Viết theo thể văn biền ngẫu - Phép đối, liệt kê, từ ngữ khẳng định - Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, lời văn trang trọng tự hào.

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

Chép văn bản (gạch chân các từ ngữ nghệ thuật ; BPTT)	Nghệ thuật chính
<p>Từng nghe</p> <p>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Đạo đức quan trọng dân Nho giáo bình an</p> <p>Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Kẻ có tội trước tiên phải trừng trị</p>	<p>*Hai câu đầu: Tư tưởng nhân nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tư tưởng nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho Giáo: đạo lí, cách ứng xử, quan hệ con người với nhau - 2 câu thơ đầu khái quát tư tưởng nhân nghĩa của NT là yên dân và trừ bạo + yên dân: người dân Đại Việt được ấm no, hạnh phúc + Điếu phạt: vì dân mà trừng phạt kẻ có tội + Trừ bạo: Tiêu diệt kẻ tàn ác là giặc Minh xâm lược để bảo vệ dân lành -> NT gắn liền yêu nước với chống quan xâm lược, đây là tư tưởng tiên bộ: lấy dân làm gốc.

<p>Như nước Đại Việt ta <u>từ trước</u> đã có từ lâu đời Vốn xưng nền văn hiến đã lâu, truyền thống văn hóa lâu đời, tốt đẹp Núi sông bờ cõi đã chia, ranh giới lãnh thổ, chủ quyền rõ ràng Phong tục Bắc Nam cũng khác. có phong tục riêng Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập, NT liệt kê, đối: có bề dày lịch sử Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương, có vua, có chế độ chính trị riêng Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, Xong hào kiệt đời nào cũng có. anh hùng</p> <p>Vậy nên: chuyển ý, nhân quả Lưu Cung tham công nên thất bại Tướng giặc hậu quả Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong, Tướng giặc hậu quả Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô, Địa danh hậu quả Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã. địa danh thắng lợi Việc xưa xem xét Chứng cứ còn ghi.</p>	<p>* 8 câu tiếp: Chân lí độc lập chủ quyền của dân tộc: -Nếu ở Nam quốc sơn hà, Lý Thường Kiệt mới nói đến chủ quyền đất nước ở lãnh thổ riêng, có vua đứng đầu thì Nguyễn Trãi đã khẳng định điều đó toàn diện hơn: + Nước Đại Việt là của dân tộc Đại Việt + Có nền văn hiến lâu đời + Có núi sông bờ cõi và chế độ chủ quyền riêng + Có phong tục tập quán riêng làm nên bản sắc văn hóa + Đồng thời khẳng định truyền thống, bề dày lịch sử, có anh hùng hào kiệt mang sức mạnh và tầm vóc đánh tan mọi kẻ thù xâm lược + Sử dụng hàng loạt các từ ngữ thể hiện sự hiển nhiên, vốn có: từ trước, đã lâu, đã chia, vốn xưng, cũng có... + Phép liệt kê các triều đại: “Triệu, Đinh, Lí, Trần” đặt song song với “Hán, Đường, Tống, Nguyên” để so sánh đối chiếu ta với các triều đại lớn của Trung Quốc. Hơn nữa cụm từ “xưng đế” khẳng định nước Đại Việt ngang hàng với nước Trung Hoa lớn mạnh. ➔ Với 8 câu thơ dài ngắn khác nhau, giọng điệu hào sảng, NT đã thể hiện sự ý thức độc lập toàn diện của dân tộc và bộc lộ niềm tự hào dân tộc sâu sắc</p> <p>* 6 câu thơ cuối: Sức mạnh của nhân nghĩa, sức mạnh của dân tộc. -Từ “Vậy nên” tạo mối liên hệ chặt chẽ theo quan hệ nhân – quả giữa phần 2 với phần 3 + Các tướng giặc bại trận: Lưu Cung, Toa Đô, Ô Mã + Các địa danh thắng trận của ta: Cửa Hàm Tử, sông Bạch Đằng. + sử dụng kết cấu nhân quả: Tham công nên thất bại, thích lớn phải tiêu vong đã thể hiện rõ quan điểm ác giả ác báo. + Sử dụng các từ: bắt sống, giết tươi đã nêu lên số phận thảm hại của các tướng giặc. ➔ Với nghệ thuật liệt kê, cách lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể được ghi chép trong lịch sử theo thời gian đã khẳng định sức mạnh của nhân nghĩa và thể hiện niềm tự hào dân tộc</p>
---	---

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

a. **Đại Việt:** tên nước ta thời vua Lí Thánh Tông

b. **Bắc Nam:** Ở đây Bắc chỉ Trung Quốc, Nam chỉ nước ta.

c.Hào kiệt: người có tài cao, chí lớn hơn người.

d.Văn hiến: truyền thống lâu đời và tốt đẹp/

e.Nhân nghĩa: khái niệm đạo đức của Nho giáo, về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người nhau.

Bài 2. Đoạn văn trên đây thuộc phần đầu của bài cáo. Đây là phần nêu lên luận đề chính nghĩa và tư tưởng cốt lõi xuyên suốt toàn bộ bài. Nếu thiếu phần này, kết cấu của bài sẽ bị phá vỡ và các phần sau sẽ trở nên chông chênh, thiếu sức thuyết phục vì bài cáo thiếu một tiền đề tư tưởng vững chắc.

Bài 3. Trong hai câu đầu, tác giả nêu lên tư tưởng nhân nghĩa. Cốt lõi của tư tưởng ấy là Yên dân và trừ bạo. Yên dân là làm cho dân được an hưởng thái bình, hạnh phúc. Đó chính là mục đích lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và cũng chính là lý tưởng lớn nhất trong cuộc đời Nguyễn Trãi. Muốn yên dân thì phải trừ bạo. Như vậy, nếu yên dân là mục đích thì trừ bạo là phương cách hành động. Đặt trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, ta thấy, trừ bạo là trừ quân Minh xâm lược, yên dân là vì hạnh phúc của người dân Đại Việt đang bị kẻ thù đầy đoạ. đây là nét mới trong tư tưởng Nguyễn Trãi: Trong quan niệm của nho giáo, nhân nghĩa chủ yếu nói đến mối quan hệ giữa người với người. Nguyễn Trãi đã nâng tư tưởng nhân nghĩa lên một tầm cao mới: Mối quan hệ giữa dân tộc này và dân tộc khác, giữa cá nhân và dân tộc.

Bài 4. Các phương diện đã được Nguyễn Trãi nói đến.

– **Nền văn hiến lâu đời**(Vốn xưng nền văn hiến đã lâu)

– **Cương vực, lãnh thổ** (Núi sông bờ cõi đã chia)

– **Phong tục tập quán** (Phong tục Bắc Nam cũng khác)

– **Lịch sử và truyền thống giữ quyền độc lập** (Từ triệu, Đinh... xưng đế một phương).

Đây là những phương diện cơ bản nhất xác định quyền độc lập, tự chủ của một dân tộc.

Bài 5:

Mở bài

+ Giới thiệu tác phẩm Bình Ngô đại cáo.

+ Giới thiệu luận đề : Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp giữa lí lẽ và thực tế.

Thân bài

1. Nêu nội dung chính của đoạn trích: tư tưởng nhân nghĩa và chân lí về chủ quyền độc lập của dân tộc.

2. Chứng minh: hai chân lí trên đã được khẳng định bằng cách kết hợp giữa lí lẽ và thực tế.

a.Tư tưởng nhân nghĩa được nêu lên bằng một lí lẽ mới mẻ và giàu sức thuyết phục.

b.Chủ quyền độc lập của dân tộc Đại Việt được khẳng định bằng một lí lẽ chặt chẽ, thể hiện một quan niệm sâu sắc và toàn diện về quốc gia dân tộc, tràn đầy niềm tự hào dân tộc.

c. Dùng những dẫn chứng thực tế lịch sử cụ thể và xác đáng để khẳng định sức mạnh của chân lí, của chính nghĩa.

Kết bài: đánh giá ý nghĩa của đoạn văn.**Bài 6. Nét mới của Nguyễn Trãi**

– Quan niệm về quốc gia, dân tộc hoàn chỉnh hơn. Trong Sông núi nước Nam, tác giả mới nói đến hai yếu tố: Lãnh thổ và chủ quyền : còn trong Nước Đại Việt ta, Nguyễn Trãi bổ sung thêm ba yếu tố: văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử dân tộc.

– Sự sâu sắc thể hiện ở chỗ Nguyễn Trãi khẳng định văn hiến và truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất khẳng định sự tồn tại bền vững của một quốc gia độc lập

III, Luyện tập

Phần 1		4 điểm
Câu 1 (1 điểm)	- Chép chính xác 8 câu tiếp theo (<i>Mỗi lỗi sai trừ 0.25 đ</i>) - Phương thức biểu đạt: nghị luận	0.5 đ 0.5 đ
Câu 2 (1 điểm)	- Tư tưởng của văn bản: nhân nghĩa - Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> • Cốt lõi của tư tưởng là “<i>yên dân</i>” và “<i>trừ bạo</i>” • Muốn cho dân được hưởng thái bình thì phải diệt trừ trừ quân Minh xâm lược • Tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với quốc gia, dân tộc 	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ
Câu 3 (2 điểm)	* <u>Về hình thức</u> : biết lựa chọn phương thức biểu đạt phù hợp; trình tự mạch lạc, diễn đạt trôi chảy, không sai lỗi ngữ pháp * <u>Về nội dung</u> : đảm bảo các ý cơ bản - Giải thích lòng yêu nước: là thứ tình cảm thiêng liêng, là sự tôn trọng, tôn thờ, ghi khắc trong tim đối với đất nước mà mình đang sinh sống - Bàn luận: biểu hiện của lòng yêu nước? Ý nghĩa của lòng yêu nước? (<i>dẫn chứng</i>) - Bài học: nhận thức về giá trị của lòng yêu nước, hành động cụ thể...	0.5 đ 1 đ 0.5 đ

Phần 2	
1.	Văn bản <i>Bình Ngô đại cáo</i> do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo, được công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428), sau khi quân ta đại thắng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược
2.	<i>Nhân nghĩa</i> : là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau.
3.	Qua hai câu “ <i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo</i> ”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là: lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc; trừ giặc Minh xâm lược, bảo vệ đất nước để yên dân.
4.	Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã đưa ra những yếu tố: Nước ta có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục tập quán, lịch sử và chủ quyền riêng, có truyền thống lịch sử vẻ vang ->- Với những yếu tố căn bản này, tác giả đã đưa ra một khái niệm hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc đó là nền văn hiến lâu đời, đó là phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng
5.	Nêu ý nghĩa của đoạn trích <i>Nước Đại Việt ta</i> : Đoạn trích có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử vẻ vang; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.

- a. Yêu cầu chung
- Nghị luận văn học
 - Cần vận dụng kiến thức về văn học, tập làm văn để phân tích sự tiếp nối của ý thức dân tộc từ bài “*Sông núi nước Nam*” đến “*Nước Đại Việt ta*”.

b. Yêu cầu cụ thể

* Mở bài:

- Dẫn dắt
- Nêu vấn đề nghị luận

* Thân bài (8đ)

- 2 văn bản đều thể hiện chung một khát vọng, độc lập tự do của đất nước.

Đó là những lời khẳng định danh thép đồng dạng về chủ quyền dân tộc vì vậy mà hai văn bản trên mới được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất và thứ hai của dân tộc.

- Mặc dù đều có chung một tư tưởng thể nhưng ý thức dân tộc, quan niệm về quốc gia của mỗi tác giả lại không hoàn toàn giống nhau.

+ Văn bản “*Nam quốc sơn hà*” ra đời ở thế kỷ XI trong cuộc kháng chiến chống quân Tống. Bài thơ đã khẳng định chủ quyền qua hai yếu tố là: Chủ quyền và lãnh thổ (*Học sinh chỉ ra và phân tích, từ “để” thể hiện lòng từ tôn, tự hào dân tộc*).

+ Văn bản “*Nước Đại Việt ta*” ngoài hai yếu tố trên còn bổ sung thêm các yếu tố: Văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử, anh hùng hào kiệt. Đó là một quan niệm đầy đủ, hoàn chỉnh về quốc gia dân tộc (Chú ý phân tích hai yếu tố cốt lõi lịch sử văn hiến).

+ Điều đó thể hiện sự kế thừa và phát triển về ý thức dân tộc Đại Việt từ thế kỷ thứ XI đến thế kỷ thứ XV.

* **Kết bài (1đ)**

- Khẳng định tư tưởng về dân tộc đã có sự tiếp nối và phát triển.
- Có sự liên hệ về tiếp nối trong giai đoạn hiện nay

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: HỊCH TƯỞNG SĨ

Tác giả: *Trần Quốc Tuấn*

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài Hịch
	- Thể loại: - Kiểu VB: - PTBD:	.	

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
----------------	------------------------

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Tóm tắt

Hịch tướng sĩ là một áng văn chính luận xuất sắc nhằm kêu gọi, khích lệ tinh thần yêu nước, lòng tự tôn, tự trọng và ý chí chống giặc ngoại xâm của các tướng sĩ. Mở đầu bài hịch, Trần Quốc Tuấn nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách. Tiếp theo Ngài tố cáo sự hống hách và tội ác của kẻ thù để khơi dậy lòng căm thù giặc của tướng sĩ. Ngài còn nói lên mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ đồng thời Ngài phân tích phải trái, đúng sai, định hướng hàng ngũ quân sĩ và khẳng định những hành động nên làm.

I. 3 Phân tích

Hịch tướng sĩ là một tác phẩm biểu hiện chân thành và sâu sắc nhất tấm lòng yêu nước, nỗi lo cho vận mệnh đất nước của tác giả

1. Nêu gương sáng của trung thần nghĩa sĩ trong sử sách	- Các gương trung thần nghĩa sĩ hi sinh vì chủ: Kỉ Tín, Do Vũ, Dự Nhượng, Kính Đức, Mông Kha, Cốt Đãi Ngột Lang...	"Làm nổi bật tinh thần quên mình vì chủ, vì vua, vì nước."	
2. Tình hình đất nước hiện tại, nỗi lòng của chủ	a. Tình hình đất nước hiện tại	- Tội ác và sự ngang ngược của giặc: Đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, thu bạc vàng...	Nghệ thuật: - Ngôn từ gợi hình, gợi cảm: Nghênh ngang, uốn lưỡi - Để lộ tả sự ngang ngược và tội ác tham tàn của giặc, đồng thời bày tỏ thái độ căm thù, khinh bỉ cực độ, tác giả đã dùng lối nói hình ảnh so

tướng		"Bạo ngược, tham lam, vô đạo.	<p>sánh, ẩn dụ:</p> <p>+ - Hình ảnh ẩn dụ: lưỡi cú diều, thồn dê chó, <i>hổ đói</i>, ...</p> <p>+ Các hình ảnh được đặt trong thể đối sánh để tỏ rõ thái độ căm thù, khinh bỉ: uốn lưỡi <i>cú diều</i> – si mắng <i>triều đình</i>, đem <i>thân dê chó</i> – bắt nạt <i>tể phụ</i>.</p> <p>– Tổ cáo tội ác của giặc, tác giả đã khơi gợi lòng tự trọng dân tộc, khắc sâu lòng căm thù ngoại xâm ở tướng sĩ.</p>
	b. Nỗi lòng chủ tướng	<p>- Được thể hiện rõ nét qua phần điệp với những câu văn biền ngẫu gọn đối xứng cân chỉnh : “Ta thường tới bữa quên ăn...ta cũng cam lòng”</p>	<p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Dựng nhiều dấu phẩy và dấu chấm phẩy</p> <p>+ Nhiều động từ chỉ trạng và hành động mãnh liệt như:</p> <p>Quên ăn, vỗ gối, xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu...</p> <p>+ Giọng văn thống thiết, tình cảm</p> <p>⇒ Tác dụng:</p> <p>+ Cực tả niềm uất hận dâng lên trong lòng người chủ tướng</p> <p>+ Khơi gợi sự đồng cảm ở người đọc, người</p>
3. Chủ tướng phê phán biểu hiện sai lầm trong hàng ngũ quân sĩ,	a. Phê phán sai lầm của tướng sĩ	<p>- Phê phán hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước.</p> <p>- Ham thú vui tầm thường: chơi gà, cờ bạc, săn bắn, rượu ngon...</p>	<p>Sau khi nêu mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động nên làm nhằm thức tỉnh sự tự ý thức, trách nhiệm, tự nhìn nhận lại mình để điều chỉnh suy nghĩ cũng như hành động của tướng sĩ.</p> <p>Khi phê phán hay khẳng định, tác giả đều tập trung vào vấn đề đề cao tinh thần cảnh giác, chăm lo rèn luyện để chiến thắng</p>

bộc lộ nỗi lòng mình và kêu gọi tướng sĩ			kẻ thù xâm lược. Bởi vì, bài hịch này dù trực tiếp là nhằm khích lệ tiến sĩ học tập cuốn <i>Binh thư yếu lược</i> do chính Trần Quốc Tuấn biên soạn, nhưng mục đích cao nhất chính là kêu gọi tinh thần yêu nước quyết chiến quyết thắng với ngoại xâm. => Thái độ phê phán dứt khoát
	b. Nỗi lòng người chủ tướng	- Khuyên: + Biết lo xa + Tăng cường võ nghệ	⇒ Chống giặc ngoại xâm. - Chủ tướng để khích lệ tinh thần trung quân ái quốc - Cùng cảnh ngộ: khích lệ lòng ơn nghĩa, thủy chung của người chung hoàn cảnh.
		- Thể hiện thái độ:	+ Khuyên răn, bày tỏ thiệt hơn + Nghiêm khắc cảnh báo + Mỉa mai, chế giễu
	c. Kêu gọi tướng sĩ	- Vạch rõ ranh giới giữa hai con đường chính và tà ⇒ kêu gọi, khích lệ tinh thần tướng sĩ	
Ý nghĩa	- Khẳng định thành công về mặt nội dung và nghệ thuật của văn bản - Văn bản là biểu hiện sâu sắc nhất tấm lòng yêu nước của một vị chủ tướng có tâm, suốt đời tận tụy vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.		

I.4. Hoàn thành bảng sau

Dẫn chứng	Nghệ thuật	Tác dụng
<i>“Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc, để</i>		– Bộ mặt của quân giặc được phơi bày bằng những sự việc trong thực tế : đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, thu vàng bạc, vét của kho có hạn... – Để lột tả sự ngang ngược và tội ác tham tàn của giặc, đồng thời bày tỏ thái độ căm thù, khinh bỉ cực độ, tác giả đã dùng lối nói hình ảnh so sánh, ẩn dụ: + Hình ảnh chỉ quân giặc: <i>lưỡi cú</i>

<p><i>vết của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau !“</i></p>		<p><i>diều, thân dê chó, hổ đói,...</i></p> <p>+ Các hình ảnh được đặt trong thể đối sánh để tỏ rõ thái độ căm thù, khinh bỉ: uốn lưỡi <i>cú diều</i>– sĩ mắng <i>triều đình</i>, đem <i>thân dê chó</i> – bắt nạt <i>tể phụ</i>.</p> <p>– Tố cáo tội ác của giặc, tác giả đã khơi gợi lòng tự trọng dân tộc, khắc sâu lòng căm thù ngoại xâm ở tướng sĩ.</p>
<p><i>“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”</i></p>		<p>– Nỗi đau trước cảnh nước mất nhà tan được diễn tả thống thiết: quên ăn, mất ngủ, lòng đau như dao cắt, nước mắt đầm đìa. Uất hận trào dâng đến cực điểm khi tác giả bộc lộ thái độ của mình đối với kẻ thù: <i>chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù</i>.</p> <p>– Vị tướng đã tự xác định một tinh thần hi sinh hết mình cho đất nước: <i>Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng</i>.</p> <p>– Qua đoạn văn này, hình tượng người anh hùng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước được khắc họa rõ nét. Những lời tâm huyết, gan ruột của vị tướng có sức lay động mạnh mẽ, truyền cho tướng sĩ tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sục sôi và một thái độ xả thân, chấp nhận hi sinh vì non sông xã tắc.</p>
<p><i>“Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, (...) lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười.” , “Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên...”</i></p>		<p>– Khi muốn bày tỏ ân tình hay khuyên răn thiết hơn, tác giả lấy giọng gần gũi, chân tình của người cùng chung cảnh ngộ</p>

II. Đề luyện

Phần 1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“... Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dầu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bừa con dúi, việc quân cơ trăm sự ích chi ; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù ; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất ; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khôn ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên ; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui vẻ phỏng có được không? ...”

(Trích Ngữ Văn 8, tập 2 – NXB GD Việt Nam 2016)

1. Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

2. Xác định nội dung của đoạn văn bản trên.

3. Xác định kiểu câu của các câu (1), (2) và (4) trong đoạn văn. Xác định mục đích nói của các câu đó.

4. Khát vọng đánh thắng giặc ngoại xâm, giành độc lập – tự do cho Tổ quốc của vị chủ tướng trong đoạn văn trên đã trở thành hiện thực. Nhưng từ khát vọng, ước mơ đến hiện thực ấy là cả một chặng đường dài. Viết một đoạn văn khoảng 20 dòng để nêu lên suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước

5. Từ lời kêu gọi binh sĩ hết lòng đánh giặc để bảo vệ đất nước của Trần Quốc Tuấn, em có suy nghĩ gì về sức mạnh của tinh thần đoàn kết

Phần 2 _Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình. đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa , để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc , để vợ vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói , sao cho khỏi tai vạ về sau!”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?

Câu 2: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Điều đó khơi gợi điều gì ở tướng sĩ?

Câu 4: Hai câu: *Ngó thấy sứ giặc ... vờ vết của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!*” thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 5: Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên.

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Cho đoạn văn sau:

“Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất iệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiện Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vết của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau”

Đọc kỹ đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau đây

Câu 1: Đại từ “Ta” trong đoạn văn trên chỉ ai?

- A. Trần Thán Tông B. Trần Nhân Tông
C. Trần Quang Khải D. Trần Quốc Tuấn

Câu 2: “Giặc” trong đoạn trích trên là giặc nào?

- A. Hán B. Tống
C. Đường D. Nguyên

Câu 3: Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

- A. ột tả tội ác và sự ngang ngược của giặc
B. Thể hiện tấm lòng yêu nước sâu sắc của tác giả
C. Đất nước ta đang trong thời loạn lạc, gian nan
D. Quân giặc giống như hổ đói

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả
C. Nghị luận D. Biểu cảm

Câu 5: Đoạn văn trên có kết hợp yếu tố biểu cảm không?

- A. Có B. Không

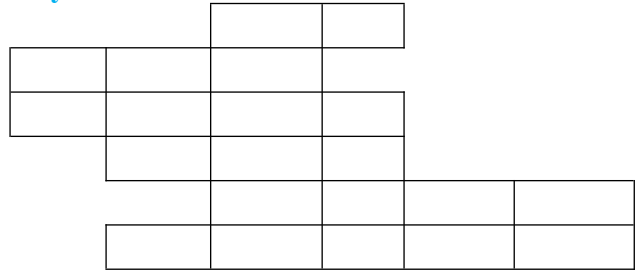
Câu 6: Hãy hoàn chỉnh câu sau để có nhận định đúng về vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

Yếu tố biểu cảm giúp v ăn nghị luận.....

Câu 7: Đoạn văn trên được viết theo thể văn gì?

- A. Văn xuôi B. Văn biến ngẫu C. Văn vắn

Câu 8: Hãy điền chữ cái thích hợp vào ô trống (tính cả thanh) sao cho những chữ hàng dọc tạo thành một trường từ vựng, còn những chữ hàng ngang là những từ thuộc trường từ vựng đó (những chữ hàng ngang tìm trong đoạn trích)



Câu 9: Câu “Thật khác nào thịt nuôi hổ đói, sao khỏi để tai vạ về sau” thuộc kiểu câu nào?

- A. Câu trần thuật
C. Câu nghi vấn

- B. Câu cảm thán
D. Câu cầu khiến

Câu 10: Đoạn trích trên có mấy câu ghép?

- A. Không có
C. 1 câu

- B. 2 câu
D. 3 câu

ĐỀ 2

Câu 1. Người ta thường viết lịch khi nào?

- A. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.
C. Khi đất nước phồn vinh.
chiến tranh.

- B. Khi đất nước thanh bình.
D. Khi đất nước vừa kết thúc

Câu 2. Ý nào nói đúng nhất các chức năng của thể lịch?

- A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.
nghịệp.

- B. Dùng để công bố kết quả một sự

- C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.

- D. Dùng để, cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

Câu 3. Trần Quốc Tuấn sáng tác *Hịch tướng sĩ* khi nào?

- A. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257).
B. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285)
C. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ ba (1287)
D. Sau khi chiến thắng quân Mông- Nguyên lần thứ hai.

Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp gì khi nêu gương các bậc trung thần nghĩa sĩ ở phần mở đầu?

- A. So sánh.
D. Nhân hoá.

- B. Liệt kê.

- C. Cường điệu.

Câu 5. Lí do nào khiến tác giả nêu gương đời trước và đương thời?

- A. Để tăng sức thuyết phục đối với các tì tướng.

- B. Để cho dẫn chứng nêu ra được đầy đủ.

- C. Để các tì tướng phải xem xét lại mình.

- D. Để chứng tỏ mình là người thông hiểu văn chương, sử sách.

Câu 6. Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

- A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giờ tay không mà chịu thua giặc...

C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên.

D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

Câu 7. Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì?

A. Hành động đề cao bài học cảnh giác. B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.

C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: "*Bình thư yếu lược*".

D. Gồm cả A, B và C.

Câu 8. Trong *Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn đã kết hợp linh hoạt nhiều giọng điệu khác nhau. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Câu 9: Hãy hoàn chỉnh câu sau để có nhận định đúng về vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

Yếu tố biểu cảm giúp v ăn nghị luận.....

Câu 10: Hãy điền chữ cái thích hợp vào ô trống (tính cả thanh) sao cho những chữ hàng dọc tạo thành một trường từ vựng, còn những chữ hàng ngang là những từ thuộc trường từ vựng đó (những chữ hàng ngang tìm trong đoạn trích)

CÂU HỎI LIÊN HỆ

Nêu những nét chung được thể hiện trong các văn bản: **Chiếu dời đô** của Lí Công Uẩn; **Hịch tướng sĩ** của Trần Quốc Tuấn và **Nước đại Việt ta** (Trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi)

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Từ lời kêu gọi binh sĩ hết lòng đánh giặc để bảo vệ đất nước của Trần Quốc Tuấn, em có suy nghĩ gì về sức mạnh của tinh thần đoàn kết

HỌC SINH GIỎI

1. Phân tích đoạn trích sau trong bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn: “Huống chi ta cùng các ngươi sinh ra phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan.

Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uôn lưỡi cú diều mà sĩ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất iệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà vợ bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi ể tai vạ về sau

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”.

2. Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua “**Chiếu dời đô**”(Lý Công Uẩn); “**Hịch tướng sĩ**”(Trần Quốc Tuấn) và “**Nước Đại Việt ta**”(Trích “**Bình Ngô Đại cáo**” – Nguyễn Trãi).

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: HỊCH TƯỚNG SĨ

Tác giả: *Trần Quốc Tuấn*

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài Hịch
Trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2(1285), Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc bảo vệ đất nước	- Thể loại: Hịch - Kiểu VB: Nghị luận - PTBD: Nghị luận, biểu cảm, miêu tả, tự sự.	Hịch là thể văn nghị luận ngày xưa do vua chúa, thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động thuyết phục kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, khích lệ tinh thần của người nghe. Hịch thường được viết theo thể văn biền ngẫu.	Một bài Hịch thường kết cấu theo 3 phần: P1: nêu nguyên lí đạo đức hay chính trị làm cơ sở P2: Nêu thực trạng(luận tội kẻ thù) P3. Phần cuối: Nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<p>P1: từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong lịch sử để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước.</p> <p>P2. Huống chi... vui lòng: lên án sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù, lòng căm thù giặc</p> <p>P3. Các người... có được không?: Sự gắn bó ân tình giữa chủ và tướng. Phân tích phải trái đúng sai; vạch ra đường hướng hành động đúng, hứa hẹn tương lai</p> <p>P4. Nay ta chọn binh pháp... hết: nêu ra việc trước mắt phải làm và kết thúc bằng những lời khích lệ binh sĩ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ rõ ràng, luận cứ chính xác. - Sử dụng cách lập luận linh hoạt, nghệ thuật đối lập giữa cái đúng và cái sai, lợi ích và hậu quả để tăng tính thuyết phục. - Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc.

Tóm tắt

Hịch tướng sĩ là một áng văn chính luận xuất sắc nhằm kêu gọi, khích lệ tinh thần yêu nước, lòng tự tôn, tự trọng và ý chí chống giặc ngoại xâm của các tướng sĩ. Mở đầu bài hịch, Trần Quốc Tuấn nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách. Tiếp theo Ngài tố cáo sự hống hách và tội ác của kẻ thù để khơi dậy lòng căm thù giặc của tướng sĩ. Ngài còn nói lên mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ đồng thời Ngài phân tích phải trái, đúng sai, định hướng hàng ngũ quân sĩ và khẳng định những hành động nên làm.

I.4. Hoàn thành bảng sau

Dẫn chứng	Nghệ thuật	Tác dụng

<p>“Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau !”</p>		
<p>“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”</p>		
<p>“Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, (...) lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười.” , “Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái áp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên...”</p>		

II. Đề luyện

Phần 1. Đáp án và Thang điểm

- Đoạn trích được trích trong Hịch tướng sĩ. Tác giả: Trần Quốc Tuấn (0,5 điểm)

- Tác giả sáng tác trước khi cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên lần thứ hai (1285) nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn “Binh thư yếu lược” do ông biên soạn (0,5 điểm)

2. Chỉ ra hậu quả nếu để giặc ngoại xâm chiếm chiếm bờ cõi: Ta bị lệ thuộc, mất nước (0,5 điểm)

3.Hs cần xác định đúng kiểu câu và mục đích nói của mỗi câu

Câu (1): Kiểu câu trần thuật, hành động trình bày, phê phán thói hưởng lạc của tướng sĩ (0,5 điểm)

Câu (2): Câu cảm thán, hành động bộc lộ cảm xúc, thể hiện thái độ đau xót của tác giả trước cảnh đất nước bị giặc xâm chiếm (0,5 điểm)

Câu (3): Câu nghi vấn, hành động bộc lộ cảm xúc nhằm khơi gợi sự đồng cảm của tướng sĩ (0,5 điểm)

4. Học sinh trình bày, diễn đạt theo cách của riêng mình nhưng phải đảm bảo các nội dung:

a. Mở đoạn: Yêu quê hương đất nước là tình cảm vô cùng thiêng liêng, đẹp đẽ

b. Thân đoạn

* Biểu hiện

- Tình yêu quê hương đất nước không phải là những gì quá xa xôi, trừu tượng. Yêu nước là yêu chính những thân trong gia đình mình, yêu tất cả những gì gần gũi, gắn bó với mình: yêu cái cây trước cửa nhà, yêu con đường đến trường,... Biết bao nhiêu con người Việt Nam đã từng ngã xuống để bảo vệ những gì mình yêu quý và động lực chiến đấu của họ chính là xuất phát từ tình yêu đối với những gì bình dị nhất.

- Ở mỗi giai đoạn, tình yêu quê hương đất nước lại có những biểu hiện khác nhau. Ngày nay, tình yêu quê hương đất nước có thể được thể hiện bằng các hành động:

+ Tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, tôn trọng kỉ cương, kỉ luật.

+ Lựa chọn một công việc phù hợp, gắn bó và cống hiến hết mình vì công việc đó.

+ Trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì phải tận công vào mặt trận kinh tế, làm giàu cho đất nước được xem như một nhiệm vụ then chốt.

+ Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

* Ý nghĩa

- Tình yêu quê hương đất nước khiến mỗi người sống đẹp hơn, khiến tâm hồn con người phong phú hơn.
- Tình yêu quê hương đất nước trở thành động lực khiến con người vượt qua khó khăn, thử thách để cống hiến xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước
- là sợi dây thiêng liêng gắn kết con người

c. Liên hệ bản thân: Là học sinh, tình yêu quê hương đất nước thể hiện bằng hành động cụ thể như: cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

c. Kết đoạn: Khẳng định: Tình yêu quê hương đất nước thiêng liêng nhưng cũng bình dị, nói như nhà văn Erenbua: “Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc”.

Phần 2:**Câu 1:**

- Đoạn văn trên trích trong văn bản : Hịch tướng sĩ
- Tác giả: Trần Quốc Tuấn

Câu 2: PTBD chính: Tự sự

Câu 3:

- Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:
 - + Kẻ thù tham lam, tàn bạo: ngang ngược đi lại nghênh ngang ngoài đường, đòi ngọc lụa, thu vàng bạc
 - + Hành động xúc phạm danh dự đất nước: "*lưỡi cú diều*", "*thân dê chó*" - sứ Nguyên để "*xi mắng triều đình*", "*bắt nạt tể phụ*".
- Đoạn văn tố cáo tội ác giặc đã khơi gợi được lòng căm thù giặc, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của tướng sĩ.

Câu 4:

- Câu 1: câu trần thuật - Hành động nói: Trình bày
- Câu 2: câu cảm thán – Hành động nói: Bộc lộ cảm xúc

Câu 5:

- Hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên là: Ẩn dụ và so sánh

ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC**ĐỀ 1****I. Phần trắc nghiệm**

Mỗi câu trả lời đúng được

Câu	1	2	3	4	5	7	9	10
ĐA	D	D	A	C	A	B	B	A

Câu 6: Yếu tố biểu cảm giúp văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục lớn hơn vì nó tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc (người nghe)

Câu 8: Chữ hàng dọc (lần lượt từ trên xuống dưới) DANH TỪ Chữ cái hàng ngang (lần lượt từ trên xuống, từ trái qua phải)

		D	Ê		
L	U	A			
V	À	N	G		
	C	H	Ó		
		T	H	I	T
Đ	Ừ	Ơ	N	G	

ĐỀ 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	A	D	B	B	A	A	D	A

Câu 9: Yếu tố biểu cảm giúp văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục lớn hơn vì nó tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc (người nghe)

Câu 10: Chữ hàng dọc (lần lượt từ trên xuống dưới) DANH TỪ Chữ cái hàng ngang (lần lượt từ trên xuống, từ trái qua phải)

		D	Ê		
L	U	A			
V	À	N	G		
	C	H	Ó		
		T	H	I	T
Đ	Ừ	Ơ	N	G	

CÂU HỎI LIÊN HỆ

Nêu những nét chung được thể hiện trong các văn bản: **Chiếu dời đô** của Lí Công Uẩn; **Hịch tướng sĩ** của Trần Quốc Tuấn và **Nước đại Việt ta** (Trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi)

Gợi ý

* Nét chung:

- Là những áng văn chính luận mang ý nghĩa lịch sử đặc biệt, gắn liền với các sự kiện trọng đại trong lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...
- Cả 3 tác giả đều là những nhân vật lịch sử chói ngời tuổi tên...
- Cả 3 tác phẩm đều là kết tinh của tinh thần yêu nước, ý chí của cả dân tộc trong những thời đại oanh liệt.
- Cả 3 TP đều nêu bật ý thức về chủ quyền dân tộc, đều toát lên lời khẳng định nền độc lập của dân tộc...

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Nghị luận xã hội về đoàn kết

1. Mở đoạn: vấn đề nghị luận: Đoàn kết luôn có sức mạnh to lớn

2. Thân đoạn:

a) Đoàn kết là gì?

Đoàn kết là sự tập hợp, gắn kết sức lực, tinh thần để tạo thành sức mạnh to lớn...

b) Những biểu hiện của tinh thần đoàn kết:

- Trong xã hội:

+ Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. (Hào khí Đông A trong kháng chiến nhà Trần vua tôi từ già đến trẻ đồng lòng giết giặc Nguyên; kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ... miền Bắc chi viện cho miền Nam sức người, sức của... non sông qui về một dải)

+ Hiện tại xây dựng đất nước thống nhất bộ máy lãnh đạo từ trên xuống dưới... đất nước ngày càng đổi mới, văn minh, phát triển.

- Trong gia đình: gắn kết các thành viên, yêu thương...

- Trong học tập: gắn kết thành tập thể giáo viên, học sinh vững mạnh dạy tốt, học tốt... trong một lớp học tinh thần đoàn kết lại càng rõ (thực hiện nội quy, quy định trường lớp, yêu thương, giúp đỡ nhau trong học tập, cùng phấn đấu xây dựng chi đội mạnh)...

c) Vì sao phải đoàn kết (bàn luận mở rộng)

- Có những việc lớn, khó khăn cần phải hợp tác (tinh thần, sức lực) để tạo ra sức mạnh.

- Dẫn ra lời dạy của Hồ Chí Minh (muốn thắng lợi thì mỗi người phải dựa vào lực lượng của số đông, tức là tập thể, của xã hội. Riêng lẻ từng cá nhân thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không thể tồn tại được. Để sống còn con người phải sản xuất mới có ăn, có mặc. Sản xuất cũng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Cá nhân không đứng riêng lẻ mà phải hòa mình vào tập thể, vào xã hội).

- Thể hiện tinh thần, trách nhiệm của cá nhân với tập thể.

- Hình thành thói quen, nhân cách biết cách hợp, lắng nghe trong công việc, trong cuộc sống.

- Phê phán những kẻ sống thực dụng, ích kỉ cá nhân thiếu tinh thần hợp tác, đoàn kết; những kẻ ỉ lại, dựa dẫm vào tập thể.

d) Liên hệ bản thân:

3. Kết đoạn: Chốt lại vấn đề (Đoàn kết tạo ra sức mạnh và trong bất kể xã hội, giai đoạn lịch sử nào)

HỌC SINH GIỎI

1

A. Yêu cầu:

1. Kỹ năng:

- Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học
- Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm, sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.
- Bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, mạch lạc.
- Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,...

2. Nội dung:

1 làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI → XV): “**Chiếu dời đô**”(Lý Công Uẩn); “**Hịch tướng sĩ**”(Trần Quốc Tuấn) và “**Nước Đại Việt ta**”(Trích “**Bình Ngô Đại cáo**”– Nguyễn Trãi).

(*) Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau:

*** Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam
- Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong “**Chiếu dời đô**”(Lý Công Uẩn); “**Hịch tướng sĩ**”(Trần Quốc Tuấn) và “**Nước Đại Việt ta**”(Trích “**Bình Ngô Đại cáo**”– Nguyễn Trãi).

*** Thân bài:**

Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong “**Chiếu dời đô**”; “**Hịch tướng sĩ**”; “**Nước Đại Việt ta**” là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.

a) Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm

thắng địa ở thế kỷ XI (**Chiếu dời đô**).

- Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:
 - + Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.
 - + Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.
- Khí phách của một dân tộc tự cường:
 - + Thống nhất giang sơn về một mối.
 - + Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.
 - + Niềm tin vào tương lai bền vững muôn đời của đất nước.
- b) Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế kỷ XIII (**Hịch tướng sĩ**).
 - lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc: Ý chí xả thân cứu nước...
 - Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:
 - + Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.
 - + Quyết tâm đánh giặc Mông – Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc.
- c) Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt (**Nước Đại Việt ta**)
 - Nêu cao tư tưởng “nhân nghĩa” vì dân trừ bạo....
 - Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:
 - + Có nền văn hiến lâu đời.
 - + Có cương vực lãnh thổ riêng.
 - + Có phong tục tập quán riêng.
 - + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.
 - + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.

Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược lập nên bao chiến công oanh liệt,....

* Kết bài:

- Khẳng định vấn đề...
- Suy nghĩ của bản thân...

B. Tiêu chuẩn cho điểm:

- Những bài viết đạt xuất sắc các yêu cầu trên, cảm xúc chân thành. Đạt 10 điểm
- Đáp ứng những yêu cầu trên, có thể còn vài sai sót nhỏ. 8 - 9đ
- Đáp ứng cơ bản những yêu cầu trên. Bố cục rõ ràng, diễn đạt tương đối lưu loát. Còn lúng túng trong việc vận dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm, mắc vài lỗi về chính tả. 6 - 7đ
- Bài làm có nội dung nhìn chung tỏ ra hiểu đề. Xây dựng hệ thống luận điểm chưa đầy đủ hoặc thiếu mạch lạc, diễn đạt còn dài dòng, lặp ý, một số chỗ còn lủng củng. 4 - 5đ
- Sai một số nội dung cơ bản, lập luận chưa chặt chẽ, rời rạc các ý, mắc một số lỗi về chính tả hoặc diễn đạt. 1 - 3đ

Câu 2. Bài nêu được các yêu cầu cơ bản sau:

- + Giới thiệu khái quát tác phẩm, tác giả, vị trí đoạn trích
- + Thúc tỉnh tinh thần trách nhiệm và ý thức dân tộc của tướng sĩ.
- Chỉ rõ tình hình của dân tộc.

- Vạch trần tội ác của kẻ thù
- Sử dụng câu văn biến ngẫu, từ ngữ có giá trị miêu tả, biểu cảm.
- + Tác giả trực tiếp bày tỏ nỗi lòng mình:
 - Sự đau đớn và căm thù mãnh liệt.
 - Ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc ngoại xâm.
 - Dùng biện pháp tư từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hóa
- + Đánh giá ý nghĩa của đoạn trích đối với tác phẩm.

Nêu rõ suy nghĩ của bản thân.

Cách cho điểm:

- Điểm 5-6: HS trình bày đầy đủ các yêu cầu cơ bản trên, dẫn dắt rõ ràng, mạch lạc, bố cục chặt chẽ, chữ đẹp.
- Điểm 3-4: Có đủ nội dung nhưng chưa mạch lạc, bố cục chưa rõ, còn sai lỗi chính tả.
- Điểm 1-2: Nội dung còn sơ sài, diễn đạt chưa mạch lạc, chưa thể hiện bố cục một bài văn, sai nhiều lỗi chính tả.

* **Lưu ý:** Người chấm có thể căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm đến 0,25đ. Nên trân trọng những bài viết có tính sáng tạo để có thể cho điểm tối đa.

THAM KHẢO

Năm 1285, Thoát Hoan mang 50 vạn quân sang xâm lược nước ta. Trước đó, tại Hội nghị quân sự Bình Than, Trần Quốc Tuấn được vua nhà Trần trao trọng trách "Tiết chế thống lĩnh ". Ông đã viết “Hịch tướng sĩ” kêu gọi ba quân nâng cao cảnh giác, học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ, sẵn sàng chiến đấu đánh thắng quân xâm lược phương Bắc. Có thể xem "Hịch tướng sĩ" là một văn kiện lịch sử trọng đại hàm chứa tình cảm yêu nước và khí phách anh hùng, đồng thời mang tính nghệ thuật độc đáo, xứng đáng là một kiệt tác trong nền văn học cổ Việt Nam. Vì thế khi nhận xét về tác phẩm này có ý kiến cho rằng "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn là văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng. Đó là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông .

LDD1: *“Hịch tướng sĩ” là tiếng nói của vị Thống soái sục sôi nhiệt huyết.* Cái lo buồn, nỗi căm giận, niềm khao khát của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong bài hịch sục sôi một bầu máu nóng. Mối quan hệ của vị Quốc công với tướng sĩ là mối quan hệ "chủ - tớ" nhưng chứa chan tình nghĩa, đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử có nhau: "... lúc mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười".

Trước sự hoành hành của sứ giặc, trước họa xâm lăng của đế quốc Nguyên - Mông, ông mang một tâm trạng cay đắng, thao thức suốt những đêm dài. Tâm trạng ấy của ông là cả một bầu nhiệt huyết sôi sục: *"Huống chi, ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lười cú điều mà sĩ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau".*

Bằng một nhãn quan chính trị sâu sắc, cảnh giác, vị Tiết chế đã vạch trần dã tâm của bọn bành trướng phương Bắc muốn biến nước ta thành quận huyện của chúng, lên án hành động vơ vét của kho, "đòi ngọc lụa " "thu bạc vàng " để thỏa lòng tham không cùng của lũ sứ giặc Mông Cổ. Ông nhắc tướng sĩ không được khoan tay, ngồi nhìn giặc lấn tới, vì như thế "Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau"

Phần cuối bài hịch, là lời khuyên răn, trách cứ tướng sĩ về việc học tập binh thư cũng sục sôi nhiệt huyết sáng ngời đạo "thần - chủ " và lập trường "nghịch thù". Giọng văn hùng hồn, trang nghiêm, cảm hóa lòng người sâu sắc: *"Nếu các người biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù"*

LĐ2 "Hịch tướng sĩ" còn là một tác phẩm tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng được thể hiện ở thái độ căm thù giặc, quan niệm sống và chết, nô lệ và tự do, v..v... Ở khía cạnh nào, biểu hiện nào, tác giả cũng biểu lộ một chí khí anh hùng, lắm liệt và quyết chiến quyết thắng!

Với lũ giặc Nguyên - Mông thì quyết không thể dung tha! Hiện tại chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù thì đau đớn vô cùng: "tối bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa". Với lũ giặc Nguyên - Mông, tướng sĩ chỉ có một quyết tâm, một hành động, một ý chí: "Dẫu cho thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

Vì Tổ quốc Đại Việt muôn quý nghìn yêu mà tướng sĩ chỉ có một con đường, một hành động "huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên khiến cho người giỏi như Bàng

Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai...".

Vì Tổ quốc Đại Việt nên không thể mất cảnh giác và chiến bại, để đến nỗi "ta cùng các người sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào" không những thế "ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.."

Vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc mà quyết tâm đánh thắng giặc Nguyên - Mông để "tông miếu ... được muôn đời tế lễ ", "tổ tông... được thờ cúng quanh năm ", để tên họ tướng sĩ "sử sách lưu thơm". "Hịch tướng sĩ" truyền đến ba quân khí thế, tinh thần quyết chiến quyết thắng, biến thành sức mạnh sát Thát đưa đến những thắng lợi, những chiến công giòn giã: "Chương Dương cướp giáo giặc - Hàm Tử bắt quân thù (Trần Quang Khải) bảo toàn sơn hà xã tắc.

LD3: Có thể nói "Hịch tướng sĩ" là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông. Thế kỉ XII, XIII trên một vùng địa lý mệnh mông, hàng chục quốc gia, hàng trăm thành trì từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam, từ Trung Á tới sông Vônga,... đã bị vó ngựa quân xâm lược Mông cổ giày xéo, nghiền nát. Một nhà thơ Ác-mê-ni trong thế kỉ XIII đã viết: *"Không còn một dòng suối, một con sông nào*

không tràn đầy nước mắt chúng ta;

Không còn một ngọn núi, một cánh đồng nào

không bị quân Tác-ta giày xéo".

Quân Tác-ta là đoàn kị binh của đế quốc Mông Cổ. Thế mà, cả ba lần, giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta đều bị đại bại thảm hại. Quân dân Đại Việt đã đoàn kết một lòng, từ vua tới tướng sĩ đều nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng. Vai trò của Trần Quốc Tuấn là cực kì to lớn: "Tiếng thơm đồn mãi - Bia miệng không mòn" (Đẳng giang phú).

Các tướng sĩ đời Trần có một số là anh hùng - thi sĩ như Trần Quang Khải, Phi Ngũ Lão, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông cũng là những vua anh hùng - thi sĩ. Thơ văn của họ chứa chan tinh thần yêu nước:

- "Xã tắc hai phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

(Trần Nhân Tông)

"Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu"

Các bài thơ này đều tiêu biểu cho "Hào khí Đông A". Nhưng như đã phân tích ở trên, nội dung và tác dụng to lớn và sâu sắc của "Hịch tướng sĩ" nó xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất thời đại chống Nguyên Mông.

"Hịch tướng sĩ" cùng với các chiến công như Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng- đã gắn liền với tên tuổi vị anh hùng Trần Quốc Tuấn, làm sáng ngời sử sách. Nó khúc tráng ca chống xâm lăng. Nó tiêu biểu cho khí phách anh hùng, tư thế hiên ngang, lẫm liệt của đất nước và con người Đại Việt.

Sống trong tư thế hiên ngang! Biết nhìn xa trông rộng, cảnh giác trước âm mưu thâm độc của mọi kẻ thù! Chết vinh còn hơn sống nhục trong kiếp ngựa trâu! v..v... Đó là những tư tưởng lớn nhất, bài học sâu sắc nhất mà Trần Quốc Tuấn muốn bày tỏ với tướng sĩ, với nhân dân ta, với mỗi con người Việt Nam trong mọi thời đại qua "Hịch tướng sĩ".

Trong bài "Bạch Đằng giang phú", Trương Hán Siêu đã viết: trận Bạch Đằng mà đại thắng - Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn". "Thế giặc nhàn" là thế giặc dễ đánh thắng! Đó là một câu nói bất hủ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - người anh hùng vĩ đại của dân tộc ta.

Đã trải qua hơn 800 năm nhưng "Hịch tướng sĩ" mãi là bài ca yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Đó là áng văn chính luận, hùng hồn đanh thép, sục sôi nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thi mang sức mạnh của muôn vạn hùng binh. Mỗi lần đọc lại tác phẩm, lòng em lại có cảm xúc tự hào về truyền thống cha ông, truyền thống yêu nước quật cường, khí phách hiên ngang lừng lẫy.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC

(Luận Học Pháp - La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp)

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài tấu
	-Thể loại: -Kiểu VB: -PTBD:		

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
.....	

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC			
1. Mục đích chân chính cho việc học	Câu châm ngôn: “Ngọc không mài ...không hiểu rõ đạo”	Nghệ thuật	
	Học là để mọi người		
2. Phê phán lối học lệch lạc,	- Ông than phiền:“.....” - Học để có	Hậu quả: + Chúa	

	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Tác giả sự coi thường “không còn biết đến ”</p> <p>.....”</p>	<p>+ Nước</p> <p>Cách nói</p> <p>.....,</p> <p>lo lắng cho</p> <p>.....</p>	Nghệ thuật
3. Phương pháp học tập đúng đắn	<p>..... mà đi học; mở rộngở phủ,, mọi người đều được</p> <p>- Học theo</p> <p>- Học từ</p> <p>- Phương pháp học:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>=> Niềm thay đổi</p> <p>.....rất đẹp và, mục tiêu lớn nhất là</p> <p>...</p> <p>.....</p>	
<p>=> Nguyễn Thiếp là</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>			

II. Luyện tập

Phần 1 .Đọc kĩ đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

a, Đoạn văn được trích trong văn bản nào ? Của ai ?

Nêu hiểu biết của em về thể loại của văn bản

b, Câu văn cuối đoạn thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ?

c, Viết 1 đoạn văn tổng phân hợp từ 8 – 10 câu nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc có phương pháp học tập đúng đắn ngay từ khi còn là học sinh đối với việc phát triển tương lai, đất nước, hôm nay và mai sau.

Phần 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo.” Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nên chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chứa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.”

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản? Tác giả là ai?

Câu 2. Xác định thể loại văn bản.

Câu 3. Câu “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.” thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn trên.

Câu 4. Trong đoạn văn trên, tác giả có bàn đến mục đích chân chính của việc học. Em hiểu mục đích đó là gì?

Phần 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nên chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chứa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy”.

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản? tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác văn bản ấy?

Câu 2. Mục đích của việc học được tác giả nêu trong đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Kiểu hành động nói nào được thực hiện trong câu: *Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nên chính học đã bị thất truyền.*

Câu 4: Em hiểu thế nào là lối học hình thức? Cho biết tác hại của lối học ấy.

CÂU HỎI LIÊN HỆ

1. Tác giả « Bàn về phép học » nêu mục đích của việc học là học làm người. Em có đồng ý với quan niệm đó không ? Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay thì cần phải học những gì và học như thế nào ?

2. Viết một đoạn văn (từ 8 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về mục đích việc học của chính mình hôm nay.

3. M.Go-rơ-ki nói: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”

Em hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.

4. Trình bày các luận điểm trong bài “**Bàn luận về phép học**” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, từ đó nêu suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa học và hành.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC

(**Luận Học Pháp** - La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp)

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Khái niệm thể loại	Kết cấu bài tấu
Trích trong bài tấu Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung *- 1791	- Thể loại : Tấu - Kiểu VB : Nghị luận - PTBD : Nghị luận, biểu cảm	Tấu là 1 loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị Tấu có thể viết bằng văn xuôi, văn biền ngẫu, văn vần	Phần 1: Từ đầu...tệ hại ấy -> mục đích chân chính của việc học Phần 2: tiếp theo...bỏ qua: phê phán các cách học sai lầm, bàn về việc học Phần 3: còn lại -> tác dụng của việc học

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Với cách lập luận chặt chẽ, bài “ Bàn luận về phép học” giúp ta hiểu được mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có trí thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp học đúng đắn, học cho rộng nhưng phải nắm chỏ gọn, học đi đôi với hành	Có luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, lời văn khúc chiết thể hiện tấm lòng của một trí thức với đất nước. Sử dụng cách lập luận đối lập giữa cái đúng và cái sai, lợi ích và hậu quả để tăng tính thuyết phục.

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC		
1. Mục đích chân chính cho việc	Câu châm ngôn: “Ngọc không mài ...không hiểu rõ	

học	đạo”	Nghệ thuật so sánh để hiểu, thuyết phục	
	Học là để biết rõ đạo, đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người		
2. Phê phán lối học lệch lạc,	<ul style="list-style-type: none"> - Ông than phiền: “nền chính học đã bị thất truyền” - Học để có danh tiếng; cầu danh lợi, được trọng vọng, học hình thức... - Tác giả phê phán sự coi thường đạo lí “không còn biết đến tam cương ngũ thường” 	Hậu quả: + Chúa tâm thường, thần nịnh hót + Nước mất nhà tan Cách nói ôn hòa, trầm tĩnh mà sâu sắc, lo lắng cho đất nước	
3. Phương pháp học tập đúng đắn	Tùy đâu tiện đấy mà đi học; mở rộng trường lớp ở phủ, huyện, trường tư, mọi người đều được đi học <ul style="list-style-type: none"> - Học theo Chu Tử - Học từ thấp đến cao - Phương pháp học: học rộng rồi tóm lược cho gọn, học đi đôi với hành “theo điều học mà làm” 	=> Niềm mong ước thay đổi phương pháp học rất đẹp và chân thành, mục tiêu lớn nhất là mong nhà nước vững yên	Nghệ thuật đối lập; lập luận chặt chẽ thuyết phục.
=> Nguyễn Thiếp là một vị quân thần không những giỏi có tài mà còn có đức, biết đi trước thời đại bỏ qua những trào lưu học lấy bổng lộc để thấy rõ được những tác dụng chân chính của việc học			

III. Luyện tập

Phần 1		4 điểm
Câu 1 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: tấu - Đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> • Văn thư của bề tôi, quần thần gửi lên vua chúa • Trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị • Được viết bằng văn xuôi, văn vãn, văn biền ngẫu 	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ
Câu 2 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu: câu trần thuật - Hành động nói: trình bày, nêu ý kiến 	0.5 đ 0.5 đ

Câu 3 (2 điểm)	* <u>Về hình thức</u> : biết lựa chọn phương thức biểu đạt phù hợp; trình tự mạch lạc, diễn đạt trôi chảy, không sai lỗi ngữ pháp	0.5 đ
	* <u>Về nội dung</u> : đảm bảo các ý cơ bản - Giải thích: học – lĩnh hội tri thức; hành – vận dụng tri thức đã lĩnh hội → “ <i>theo điều học mà làm</i> ” – học đi đôi với hành	1 đ
	- Bàn luận: vai trò của việc học? Vai trò của việc thực hành? Sự tác động qua lại của việc học và hành - Bài học: ý thức mối quan hệ gắn bó giữa học và hành; hành động cụ thể...	0.5 đ

Phần 2:

Câu 1	Đoạn trích trên trích trong văn bản: Bàn luận về phép học. Tác giả: Nguyễn Thiếp
Câu 2	Thể loại: Tấu
Câu 3:	- Câu “ <i>Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.</i> ” là câu phủ định. - Biện pháp tu từ so sánh cụ thể với hình ảnh so sánh và hình ảnh được so sánh: người không học (<i>không biết đạo</i>) như ngọc không mài (<i>không sáng</i>)
Câu 4:	- Mục đích chân chính của việc học là học để làm người. Mục đích chân chính của việc học: - Học để biết rõ đạo, để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải học để cầu danh lợi.

Phần 3:

Câu 1	- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Bàn luận về phép học. - Tác giả: Nguyễn Thiếp - Hoàn cảnh sáng tác: Nguyễn Thiếp làm quan một thời gian dưới triều Lê rồi về dạy học. Khi Quang Trung xây dựng đất nước đã viết thư mời ông giúp dân giúp nước về mặt văn hóa giáo dục, vì vậy tháng 8 năm 1771, Nguyễn Thiếp đã dâng lên vua bản tấu này
Câu 2	- Mục đích của việc học được tác giả nêu trong đoạn trích là để biết rõ đạo, tức là hiểu lẽ đối xử giữa con người với con người
Câu 3:	Kiểu hành động nói nào được thực hiện trong câu: <i>Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. là kiểu hành động trình bày.</i>

Câu 4:	<p>- Lối học hình thức là lối học thuộc lòng, học vẹt, học mà không hiểu, học trong sách vở mà không gắn với thực tiễn, học nhưng không đi đôi với hành</p> <p>- Tác hại của lối học ấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có danh mà không thực chất + Những người học hình thức sẽ không bao giờ có được sự thành công lâu dài + Kéo theo hệ lụy như gian dối, không trung thực
---------------	---

CÂU HỎI LIÊN HỆ

Câu 1

->Đây là quan niệm đúng đắn. Nhưng để làm người trong mỗi thời đại có những nội dung và những yêu cầu không hoàn toàn giống nhau.

Học để làm người trong thời đại này bao gồm nhiều mặt :

- + tri thức cơ bản và hiện đại về hiểu lĩnh vực
- + năng lực tư duy sáng tạo
- + kĩ năng sống và kĩ năng hoạt động giao tiếp.

Học phải đi đôi với hành, vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn

Câu 2

	Viết đoạn văn (từ 7- 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về mục đích việc học của chính mình hôm nay.
	<i>a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn</i>
	<i>b. Xác định đúng vấn đề:</i> mục đích việc học của chính mình hôm nay
	<i>c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:</i> vận dụng tốt các thao tác viết đoạn.
	<i>d. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề.
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

Câu 3

	M.Go-rơ-ki nói: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Em hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. - Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Giải thích và chứng minh ý kiến của M.Go-rơ-ki: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”.</p> <hr/> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một số gợi ý định hướng cho việc chấm bài:</i></p> <p><i>* Mở bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về vai trò, tầm quan trọng của sách đối với cuộc sống của con người hôm nay. - Trích dẫn câu nói của M.Go-rơ-ki. <p><i>* Thân bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Sách là gì? + Sách là một trong những thành tựu văn minh kì diệu của con người về mọi phương diện. + Sách ghi lại những hiểu biết, những phát minh của con người từ xưa đến nay trên mọi phương diện. + Sách mở ra những chân trời mới: mở rộng sự hiểu biết về thế giới tự nhiên và vũ trụ, về loài người, về các dân tộc... - Chứng minh vai trò của sách trong đời sống: + Sách cung cấp tri thức về khoa học và kĩ thuật, văn hóa, lịch sử, địa lí,... (dẫn chứng). + Sách đưa ra khám phá tri thức của toàn nhân loại, của các dân tộc khác nhau trên toàn thế giới... (dẫn chứng). + Sách giúp ta rèn luyện nhân cách, nuôi dưỡng khát vọng, ước mơ,... (dẫn chứng). - Cần có thái độ đúng đối với sách và việc đọc sách: + Tạo thói quen lựa chọn sách, hứng thú đọc và học theo sách những nội dung tốt. + Học những điều hay trong sách bên cạnh việc học trong thực tế. <p><i>* Kết bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sách. - Thái độ của bản thân đối với việc đọc sách. <hr/> <p><i>d. Sáng tạo:</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ.</p> <hr/> <p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>
--	--

Câu 4

*Yêu cầu:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau:

a. Mở bài:

Giới thiệu La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và bài tấu Bàn luận về phép học gửi lên vua Quang Trung của ông.

b.Thân bài:

***Tóm tắt những luận điểm trong bài Bàn luận về phép học của Nguyễn Thiếp:**

-Mục đích chân chính của việc học: Học là để làm người.

-Phê phán những quan điểm sai trái trong học tập: Lỗi học hình thức mà mục đích là cầu danh lợi

-Khẳng định muốn học tốt phải có phương pháp: Học cơ bản, học từ thấp tới cao, đặc biệt học phải đi đôi với hành..

***Suy nghĩ về mối quan hệ giữa học và hành:** (*Kết hợp nghị luận*)

-Học và hành có mối quan hệ mật thiết với nhau.

-Học là lĩnh hội tri thức để áp dụng vào thực tế.

-Kết hợp học và hành, không nên xem nhẹ mặt này, đề cao mặt kia.

-Xác định đúng đắn mục đích của việc học: Học để có kiến thức, tránh lối học chay, hình thức.

-Không ngừng bổ sung, nâng cao hiểu biết...

-Có phương pháp học đúng đắn...

c. Kết bài:

- Bài Bàn luận về phép học của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp đến nay vẫn là chân lý giúp ta hiểu hơn về mục đích học và phương pháp học...

THAM KHẢO

Phân tích bài Bàn luận về phép học của Nguyễn Thiếp

Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ, người đương thời kính trọng gọi là La Sơn Phu Tử, quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn (nay thuộc huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Thiếp là người “thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu”, từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê nhưng sau đó từ quan về dạy học. Chính vì gắn bó với công việc dạy học cho nên Nguyễn Thiếp hiểu ra mục đích thật sự của việc học. Có thể nói bài bàn luận về phép học của Nguyễn Thiếp không chỉ để lại cho những người thời địa ấy những bài học quý giá mà còn để lại cho chúng ta những người thế hệ ngày nay và mai sau.

Bàn luận về phép học là một phần trong bản tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung. Trong bài này tác giả của chúng ta đã nêu rõ quan điểm của mình về mục đích thật sự của việc học đó là đạo đức, là tri thức, để góp phần hưng thịnh cho đất nước.

Trước hết chúng ta hãy cùng nhau đi tìm hiểu về thể loại tấu trong văn học Việt Nam. Tấu là một loại văn bản của quan lại hoặc của thần dân trình lên vua chúa để trình bày một ý kiến, đề nghị nào đó có liên quan đến chính sách cai trị hoặc các vấn đề quan trọng của triều đình, quốc gia. Cùng dạng với loại văn bản này còn có nghị, biểu, khải, sớ... Tấu có thể được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, theo hình thức văn xuôi hay văn biền ngẫu.

Mở đầu đoạn trích tác giả nêu lên câu châm ngôn để cho thấy được mục đích chân chính của việc học là gì “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học”. Theo đó chúng ta sẽ đi tìm hiểu hai luận điểm chính là bàn luận về mục đích của việc học và tác dụng của việc học.

Với mục đích của việc học tác giả đưa ra câu nói trên. Đó là cách so sánh vô cùng hay và hấp dẫn. việc học giống như là mài ngọc thành đồ vật vậy, con người không học thì cũng không thể thành người được. Đó là cả một quá trình dài đầy gian khổ và thách thức nhưng mục đích chính mà việc học đặt ra là để hoàn thiện con người. Sự hoàn thiện đó bao gồm

trước hết là đạo đức và sau đó là tri thức. Việc học vốn mang một ý nghĩa cao quý : “Biết rõ đạo”. Tức là học để biết cách làm người, học để sống tốt, cư xử đúng chuẩn mực. “Ngọc không mài, không thành đồ vật“, con người không học hành, tu dưỡng thì chẳng thành được con người có khả năng làm việc tốt, giúp ích cho đời. Dưới thể chế phong kiến theo Nho giáo xưa, học hành, thi cử còn là con đường trực tiếp dẫn đến chốn quan trường, là cơ hội để một đấng nam nhi góp sức mình cho đất nước. như vậy có thể thấy việc học rất quan trọng đặc biệt là trong xã hội phong kiến xưa. Học tập là một quy luật tất yếu trong cuộc sống. Kẻ đi học là học luân thường đạo lý để làm người. Đạo học ngày trước lấy rèn luyện đạo đức làm chính, đó là những cách cư xử trong tam cương ngũ thường ngày xưa.

Chính vì thế tác giả nhấn mạnh vào việc học là rất cần thiết. Con người mà không học thì giống như ngọc không mài không thành đồ vật và không thể thành người hoàn thiện được. những truyền thống quý báu như Tiên học lễ hậu học văn được kế thừa từ những bàn luận của Nguyễn Thiếp.

Đặc biệt tác giả đã lấy việc học để chứng minh trong thực tế, từ đó nêu lên những sai trái tiêu cực trong đường lối giáo dục đương thời sẽ gây ra những hậu to lớn cho toàn dân tộc. tác giả nêu lên nền học chính của chúng ta đã bị mất từ lâu thay vào đó là lối học mau hòng danh lợi. Như vậy thì chúa tằm thường mà thần thì nịnh hót, nước mất nhà tan là lẽ đương nhiên. Học mà chỉ chú ý đến bổng lộc không chú ý đến nội dung của cái mình đang học thì làm sao có thể tiếp thu được những kiến thức trong nội dung ấy. Học chỉ biết đề hưởng vinh hoa phú quý ra làm quan chứ không quan tâm đến nội dung thì đó là sai lệch. Nhưng đó lại chính là thực trạng của nền giáo dục đương thời. Những kẻ học hành như vậy, nếu có ra làm quan thì cũng chỉ là những viên quan dốt nát, hỏi làm sao có thể lo đời giúp nước? Tác hại của lối học lệch lạc, sai trái đó gây tác hại nghiêm trọng và lâu dài vì những kẻ bất tài thường hay xu nịnh, luôn lộng để được thăng quan tiến chức, dần dần trở thành lũ sâu mọt, chỉ biết vinh thân phì gia mà quên đi lợi ích chung của đất nước, dân tộc. Và lối học ấy ngày nay ta gọi là học vẹt, học chỉ để đi thi, thi xong là quên hết chẳng có tác dụng gì.

Không chỉ đưa mục đích chân chính cũng như tác dụng thực sự của việc học đối với hưng thịnh đất nước mà Nguyễn Thiếp còn khuyên vua Quang Trung mở hình thức học phổ biến hơn. Làm thế nào để tất cả mọi người đều ý thức được việc học và có thể học ở bất kì đâu : “Thầy trò của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cự triều, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học”.

Về trình tự học cũng như ta học chứ vậy, phải đi từ thấp tới cao từ nhỏ tới lớn. phải biết được những chữ cái có tổng bằng thì mới mong học được thành những chữ ghép vào với nhau “Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”. Có thể hiểu rằng muốn học rộng thì trước tiên phải học được những cái cơ sở cái nền tảng thì mới có thể mong làm cho kiến thức của mình sâu rộng và giúp ích cho đất nước được. không những thế tác giả chỉ ra việc học và việc hành phải đi đôi gắn kết với nhau, học trước rồi hành sau không thể bỏ được nếu muốn học thành tài.

Cuối cùng tác giả khẳng định tác dụng to lớn và lâu dài của việc học đối với mỗi cá nhân và cho toan đất nước. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua. Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị. Phương pháp học tập tốt sẽ là tiền đề để tạo ra những người có đức có tài giúp cho đất nước hưng thịnh. Người học giỏi mà có đạo đức thì cũng góp phần làm cho đất nước hưng thịnh.

Như vậy có thể thấy Nguyễn Thiếp đã đem đến cho chúng ta một tầm hiểu biết mới về phép học. Mặc dù là bản tấu nhưng chúng ta cũng thấy được tác giả luôn giữ thái độ chân thành cung kính với vua Quang Trung chứ không phải lên mặt. qua đây chúng ta thấy Nguyễn Thiếp là một vị quân thần không những giỏi có tài mà còn có đức, biết đi trước thời

đại bỏ qua những trào lưu học lấy bông lộc để thấy rõ được những tác dụng chân chính của việc học. Đặc biệt sau bài này chung ta có thể áp dụng vào sự nghiệp học hành ngày nay.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: THUẾ MÁU

Tác giả : Nguyễn Ái Quốc

I.1.Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBD	Ý nghĩa nhan đề	Kết cấu VB
	-Thể loại: -Kiểu VB: -PTBD:		

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
.....	

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

THUẾ MÁU		
1.Chiến tranh và người bán xú	+ Trước chiến tranh: người dân bản địa bị coi khinh, chà đạp, đối xử như súc vật, ngu si, bần thiêu...	- Xoáy sâu và sự đối lập giữa thời kì: Trước chiến tranh và sau chiến tranh⇒ Làm nổi bật, tố cáo thủ
	+ Khi chiến tranh vừa mới xảy ra: Các nhà cầm quyền bắt đầu	

	<p>ngọt ngào, âu yếm, tăng bốc người dân thuộc địa lên tận mây xanh ⇒ phản ánh sự mâu thuẫn, vạch trần bộ mặt thâm hiểm giả dối của bọn thực dân</p> <p>+ Sự thật: người dân bản địa phải làm công cụ đỡ đạn cho chúng, nộp thuế máu cho bọn thực dân, xa vợ con, từ biệt quê hương để dấn thân vào chiến trường</p>	<p>đoạnlừa bịp của thực dân Pháp</p> <p>⇒ Từ ngữ miêu tả chân thực ⇒ sự sục sôi căm thù với dã tâm độc ác của bọn đế quốc xảo trá, niềm thương cảm xót xa, đau đớn cho số phận của người dân các nước thuộc địa</p>
2.Chế độ lính tình nguyện	<p>* Các thủ đoạn, mảnh khốc của bọn thực dân</p>	<p>- Các thủ đoạn vũ lực, mảnh khốc vô lí để bắt ép người dân Đông Dương đi lính và vợ vệt của cải của họ:</p> <p>+ Chúng mở cuộc lùng ráp, vây bắt và cưỡng chế bằng vũ lực để ép người dân đi lính</p> <p>+ Chúng dùng mảnh khốc trần lột của cải của người dân bằng luận điệu: muốn không đi lính thì xì tiền ra.</p> <p>+ Khi bị bắt, chúng trói, xích, đánh đập như súc vật, sẵn sàng đàn áp dã man nếu họ chống đối.</p> <p>⇒ Vô nhân đạo, không từ một thủ đoạn tàn ác, coi mạng người như cỏ rác.</p> <p>- Giọng điệu xảo trá, đáng khinh khi chúng nói “các bạn đã tấp nập đầu quân...; không ngần ngại rời bỏ quê hương...”.</p>
	<p>* Phản ứng của người dân</p>	<p>- Tìm mọi cách để trốn thoát khỏi vòng vây của bọn thực dân</p> <p>- Sẵn sàng làm cho mình nhiễm những căn bệnh nặng nhất để không phải đi nhưng cuối cùng vẫn bị chúng bóc lột, vợ vệt không từ thủ đoạn.</p> <p>⇒ Họ không hề tình nguyện như lời phủ toàn quyền Đông Dương đã công bố trước toàn thế giới.</p>
3.Kết quả của sự hi sinh	<p>-Số phận bị thảm của những người lính thuộc địa sau khi kết thúc chiến tranh:</p>	<p>⇒ Lời tố cáo thẳng thắn, quyết liệt của tác giả trước những tội ác của bọn thực dân, thái độ mỉa mai, châm biếm</p>

	<p>+ Tưởng rằng khi trở về sẽ được thưởng xứng đáng nhưng họ đột ngột bị chính quyền ném đá lại là những người bản thủ</p> <p>+ Đối với những thương binh và gia đình sĩ tử, chính quyền đền bù thật khéo léo và có lợi bằng cách cung cấp cho họ môn bài bán lẻ thuốc phiện</p>	đến cực độ trước sự gian xảo, bỉ ổi của chúng.
4. Nghệ thuật	<p>- Văn bản nghị luận với những luận điểm, luận cứ sắc sảo, chân thực, logic</p> <p>- Sử dụng những hình ảnh giàu giá trị biểu cảm</p> <p>- Giọng điệu khi mỉa mai châm biếm, khi chua xót uất hận.</p>	

II. Luyện tập

Phần 1: Cho đoạn văn:

Nếu quả thật người An Nam phản khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”?

a, Nêu xuất xứ của văn bản có chứa đoạn trích trên

b, Em hiểu gì về nhan đề “Thuế máu”

c, Xét theo mục đích nói, những câu văn trong đoạn thuộc kiểu câu gì? Hành động nói được thực hiện trong những câu văn ấy theo cách trực tiếp hay gián tiếp? Đó là hành động gì?

d, Trong những văn bản ở chương trình ngữ văn 8 cũng sử dụng kiểu câu giống đoạn trích trên. Chép 1 câu trong số đó và nêu tác giả, tác phẩm

e, Em có nhận xét gì nếu câu đầu trong đoạn trích trên có cách lựa chọn trật tự như sau: “Nếu quả thật người An Nam phản khởi đi lính đến thế, tại sao có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn, lại có cảnh tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ.

Phần Cho đoạn trích

“Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bản thủ, những tên “An-nam-mít” bản thủ, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”. Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy [...]”.

Câu 1 (1 điểm): Đoạn trích trên rút ra từ văn bản nào? Nêu xuất xứ của văn bản đó.

Câu 2 (1 điểm): Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản.

Câu 3 (1 điểm): So sánh thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm: trước chiến tranh và khi xảy ra chiến tranh. Việc so sánh thái độ của các quan cai trị thực dân như vậy có tác dụng gì?

Câu 4 (3 điểm): Viết đoạn văn quy nạp khoảng 9 – 12 câu nêu cảm nhận của em về số phận của nhân dân thuộc địa trong phần I của văn bản trên. Trong đoạn có sử dụng 1 câu nghi vấn (gạch chân và chú thích rõ).

Phần 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ, v.v...trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước: “ Các anh đã bảo vệ tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!” đó sao? ”.

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

Câu 2: Xác định PTBD chính của văn bản

Câu 3: Em hãy cho biết nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 4: Câu “Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?” Thuộc kiểu câu gì? Hành động nói là gì?

Câu 5: Hãy viết đoạn văn làm sáng tỏ câu chủ đề sau: “Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của Thuế Máu là nghệ thuật châm biếm, trào phúng sắc sảo.”

HỌC SINH GIỎI

Văn bản “Thuế máu” là một thứ thuế đó man nhất, tàn bạo nhất của chính quyền thực dân đối với các nước thuộc địa, đồng thời thể hiện tâm lũng của Nguyễn i Quốc.

Dựa vào sự hiểu biết của em về văn bản ấy, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

TẬP LÀM VĂN

DÀN Ý PHÂN TÍCH BÀI THUẾ MÁU CỦA HỒ CHÍ MINH

A. Mở bài:

“Thuế máu” là văn bản nghị luận sắc bén, nổi tiếng của Nguyễn Ái Quốc với nghệ thuật trào phúng sắc sảo, vạch trần sự ác độc, thủ đoạn tàn bạo của thực dân Pháp với người dân thuộc địa trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 1.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Chiến tranh và người bản xứ

** Giọng điệu của bọn thực dân*

- + Trước chiến tranh thế giới lần 1, chúng cay nghiệt, khinh thường người dân thuộc địa bằng những cái tên “bọn da đen bản thiu”, hay bọn “An-nam-mít”, bọn chỉ biết “kéo xe tay và ăn đòn”.
- + Sau khi chiến tranh xảy ra, bọn thực dân bất ngờ thay đổi chóng mặt, chúng gọi người dân thuộc địa là “con yêu”, là “bạn hiền”, ngợi ca và phong cho họ là những “chiến sĩ tự do bảo vệ công lí”.
- + Tại sao có sự thay đổi như vậy? Vì sau khi chiến tranh xảy ra, bọn thực dân muốn dùng dân thuộc địa để giúp chúng bành trướng và chết thay cho chúng

** Số phận của người dân thuộc địa*

- Trên chiến trường tàn khốc: họ buộc phải xa gia đình, xa quê hương, người phơi thây ngoài chiến trường, kẻ chết khi vượt biển, bỏ xác tại nơi hoang vu, bị tàn sát không thương tiếc...
- Ở hậu phương, họ bị bọn thực dân bóc lột, vắt kiệt sức trong các xưởng thuốc súng, bị nhiễm khí độc đến nỗi “khạc ra từng miếng phổi”.

⇒ Số phận thảm thương, bế tắc của những người dân thuộc địa.

Luận điểm 2: Chế độ lính tình nguyện

** Các thủ đoạn, mánh khéo của bọn thực dân*

- Các thủ đoạn vũ lực, mánh khéo vô lí để bắt ép người dân Đông Dương đi lính và vợ vét của cải của họ:
- + Chúng mở cuộc lùng ráp, vây bắt và cưỡng chế bằng vũ lực để ép người dân đi lính
- + Chúng dùng mánh khéo trấn lột của cải của người dân bằng luận điệu: muốn không đi lính thì xì tiền ra.
- + Khi bị bắt, chúng trói, xích, đánh đập như súc vật, sẵn sàng đàn áp dã man nếu họ chống đối.

⇒ Vô nhân đạo, không từ một thủ đoạn tàn ác, coi mạng người như cỏ rác.

- Giọng điệu xảo trá, đáng khinh khi chúng nói “các bạn đã tấp nập đầu quân...; không ngần ngại rời bỏ quê hương...”.

** Phản ứng của người dân*

- Tìm mọi cách để trốn thoát khỏi vòng vây của bọn thực dân
 - Sẵn sàng làm cho mình nhiễm những căn bệnh nặng nhất để không phải đi nhưng cuối cùng vẫn bị chúng bóc lột, vợ vét không từ thủ đoạn.
- ⇒ Họ không hề tình nguyện như lời phủ toàn quyền Đông Dương đã công bố trước toàn thế giới.

Luận điểm 3: Kết quả của sự hi sinh

- Một loạt các câu nghi vấn nhưng không hề có mục đích hỏi mà tác giả đang muốn khẳng định, vạch trần bộ mặt tráo trở, tàn nhẫn, xảo trá, vô nhân đạo, bỉ ổi của bọn thực dân Pháp đối với những người dân Việt Nam

+ Chúng thẳng thường tuyên bố: “Các anh đã bảo về Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ chúng tôi không cần các anh nữa, rút đi.”

+ Chúng thậm chí còn ra sức vơ vét, gieo rắc vào đất nước ta những tệ nạn chết người.

⇒ Lời tố cáo thẳng thắn, quyết liệt của tác giả trước những tội ác của bọn thực dân, thái độ mỉa mai, châm biếm đến cực độ trước sự gian xảo, bỉ ổi của chúng.

Luận điểm 4: Nghệ thuật

- Văn bản nghị luận với những luận điểm, luận cứ sắc sảo, chân thực, logic

- Sử dụng những hình ảnh giàu giá trị biểu cảm

- Giọng điệu khi mỉa mai châm biếm, khi chua xót uất hận.

C. Kết bài:

Văn bản “Thuế máu” nói riêng và “Bản án chế độ thực dân Pháp” nói chung chính là nhát dao sắc bén của Nguyễn Ái Quốc, đâm thẳng vào “tim đen” của bọn thực dân và sự đau khổ của người dân các nước thuộc địa.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: THUẾ MÁU

Tác giả : Nguyễn Ái Quốc

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại + PTBĐ	Ý nghĩa nhan đề	Kết cấu VB
“ Bản án chế độ thực dân Pháp” là tác phẩm được viết bằng chữ Pháp, gồm 2 phần 12 chương, xuất bản tại Pa	-Thể loại: Nghị luận -Kiểu VB: Nghị luận -PTBĐ: Nghị	Trên thực tế không có thứ thuế này, cách đặt tên như vậy là nhằm phản ánh một thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn của chế độ thực dân ở các nước	Phần 1: Chiến tranh và người bản xứ Phần 2: Chế độ lính tình nguyện Phần 3: Kết quả của sự hi sinh

ri(1925), tại Hà nội (1946). Đoạn trích “Thuế máu” nằm ở chương I của tác phẩm	luận, biểu cảm, tự sự, miêu tả	thuộc địa: biến người dân nơi đây thành vật hi sinh của cuộc chiến tranh phi nghĩa. - Bộc lộ trực tiếp qquan điểm phê phán, tố cáo của NAQ	->Bố cục theo trình tự thời gian, tác giả giúp người đọc thấy rõ bản chất độc ác tàn nhẫn của thực dân đồng thời cho thấy số phận thảm thương của những người dân.
---	--------------------------------	---	--

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Tác giả đã vạch trần sự thật bằng những tư liệu phong phú, vừa mang tính chất châm biếm, trào phúng, giàu tính biểu cảm và sức mạnh tố cáo. Với taams lòng của của người yêu nước, 1 người cộng sản, tác giả đã khách quan trong từng sự việc nhưng ta vẫn thấy trong các câu văn ứ trào cảm hờn, chứa chan lòng thương cảm, tố cáo mạnh mẽ chính quyền thực dân đã bóc lột “thuế máu” của người dân nghèo thuộc địa trong cá cuộc chiến tranh tàn khốc-> tất cả làm thành mục đích chiến đấu mãnh liệt của văn chương NAQ_HCM	-Nghệ thuật châm biếm đả kích sâu sắc -Xây dựng các hình ảnh sinh động giàu tính biểu cảm và có sức mạnh tố cáo. -Giọng điệu mỉa mai, giễu cợt, đả kích -Cách lập luận chặt chẽ, minh chứng rõ ràng bằng các số liệu -Sử dụng nghệ thuật đối lập, liệt kê -Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm chặt chẽ

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

THUẾ MÁU		
1.Chiến tranh và người bản xứ	<p>+ Trước chiến tranh:vdân bản địa bị coi khinh, chà đạp, đối xử như súc vật, ngu si, bẩn thỉu...</p> <p>+ Khi chiến tranh vừa mới xảy ra: Các nhà cầm quyền bắt đầu ngọt ngào, âu yếm, tặng bốc người dân thuộc địa lên tận mây xanh => phản ánh sự mâu thuẫn, vạch trần bộ mặt thâm hiểm giả dối của bọn thực dân</p> <p>+ Sự thật: người dân bản địa phải làm công cụ đỡ đạn cho chúng, nộp thuế máu cho bọn thực dân, xa vợ con, từ biệt quê hương để dấn thân vào chiến trường</p>	<p>-Xoáy sâu và sự đối lập giữa thời kì: Trước chiến tranh và sau chiến tranh=> Làm nổi bật, tố cáo thủ đoạnlừa bịp của thực dân Pháp</p> <p>=>Từ ngữ miêu tả chân thực => sự sục sôi căm thù với dã tâm độc ác của bọn đế quốc xảo trá, niềm thương cảm xót xa, đau đớn cho số phận của người dân các nước thuộc địa</p>
2.Chế độ lính tình nguyện	* Các thủ đoạn, mảnh khốc của bọn thực dân	<p>- Các thủ đoạn vũ lực, mảnh khốc vô lí để bắt ép người dân Đông Dương đi lính và vơ vét của cải của họ:</p> <p>+ Chúng mở cuộc lùng ráp, vây bắt</p>

		<p>và cưỡng chế bằng vũ lực để ép người dân đi lính</p> <p>+ Chúng dùng mảnh khốe trần lột của cải của người dân bằng luận điệu: muốn không đi lính thì xì tiền ra.</p> <p>+ Khi bị bắt, chúng trói, xích, đánh đập như súc vật, sẵn sàng đàn áp dã man nếu họ chống đối.</p> <p>⇒ Vô nhân đạo, không từ một thủ đoạn tàn ác, coi mạng người như cỏ rác.</p> <p>- Giọng điệu xảo trá, đáng khinh khi chúng nói “các bạn đã tấp nập đầu quân...; không ngần ngại rời bỏ quê hương...”.</p>
	* Phản ứng của người dân	<p>- Tìm mọi cách để trốn thoát khỏi vòng vây của bọn thực dân</p> <p>- Sẵn sàng làm cho mình nhiễm những căn bệnh nặng nhất để không phải đi nhưng cuối cùng vẫn bị chúng bóc lột, vơ vét không từ thủ đoạn.</p> <p>⇒ Họ không hề tình nguyện như lời phủ toàn quyền Đông Dương đã công bố trước toàn thế giới.</p>
3. Kết quả của sự hi sinh	<p>- Số phận bị thảm của những người lính thuộc địa sau khi kết thúc chiến tranh:</p> <p>+ Tưởng rằng khi trở về sẽ được thưởng xứng đáng nhưng họ đột ngột bị chính quyền ném đá lại là những người bản thủ</p> <p>+ Đối với những thương binh và gia đình sĩ tử, chính quyền đền bù thật khéo léo và có lợi bằng cách cung cấp cho họ môn bài bán lẻ thuốc phiện</p>	<p>⇒ Lời tố cáo thẳng thắn, quyết liệt của tác giả trước những tội ác của bọn thực dân, thái độ mỉa mai, châm biếm đến cực độ trước sự gian xảo, bỉ ổi của chúng.</p>
4. Nghệ thuật	<p>- Văn bản nghị luận với những luận điểm, luận cứ sắc sảo, chân thực, logic</p> <p>- Sử dụng những hình ảnh giàu giá trị biểu cảm</p> <p>- Giọng điệu khi mỉa mai châm biếm, khi chua xót uất hận.</p>	

II. Luyện tập

Phần 1: HS tự làm

Phần 2:

CÂU	NỘI DUNG ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Phần 2		6 điểm
Câu 1 (1 điểm)	- Văn bản: Thuế máu - Xuất xứ: trích <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i> , xuất bản lần đầu tiên tại Pa-ri năm 1925	0.5 đ 0.5 đ
Câu 2 (1 điểm)	Ý nghĩa nhan đề: - Thuế máu là loại thuế được trả bằng xương máu, mạng sống của nhân dân thuộc địa - Nhan đề gọi lên số phận nhân dân thuộc địa và tội ác của chính quyền thực dân	0.5 đ 0.5 đ
Câu 3 (1 điểm)	- Thái độ trước chiến tranh: bị xem như giống người hạ đẳng - Thái độ khi có chiến tranh: được tâng bốc để biến thành vật hi sinh - Tác dụng của việc so sánh: <ul style="list-style-type: none"> Thấy được thủ đoạn bỉ ổi của chính quyền thực dân Thấy được số phận bi thảm của nhân dân thuộc địa 	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ
Câu 4 (3 điểm)	* <u>Yêu cầu về hình thức</u> : đúng hình thức đoạn quy nạp, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc * <u>Yêu cầu tiếng Việt</u> : câu nghi vấn (<i>phải gạch chân và chú thích được</i>) * <u>Yêu cầu về nội dung</u> : cần đảm bảo các ý cơ bản sau - Trước khi chiến tranh xảy ra: người bản xứ bị đối xử tàn tệ - Khi chiến tranh xảy ra: họ được các quan cai trị tung hô - Sự thật đằng sau những lời tung hô: người bản xứ phải bỏ mạng trên những chiến trường xa xôi → Nhân dân thuộc địa trở thành vật hi sinh cho người Pháp	0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 1 đ

Phần 3

1.	- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Thuế máu - Tác giả: Nguyễn Ái Quốc - Hoàn cảnh sáng tác văn bản: Văn bản được viết bằng tiếng Pháp vào khoảng những năm 1921-1925, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1925 tại Pháp, ở Việt Nam vào năm 1946
2.	PTBD: Biểu cảm
3.	Ý nghĩa nhan đề :“ Thuế máu” : - Thuế máu- nhan đề bóc trần luận điệu khai hóa, bảo hộ của thực dân Pháp. - Người dân thuộc địa phải gánh chịu nhiều thứ thuế bất công vô lí. Song có lẽ một thứ thuế tàn nhẫn, phũ phàng nhất là bị bóc lột xương máu, mạng sống.

	<p>Thuế máu là cách gọi của NAQ. Cái tên thuế máu gọi lên số phận thảm thương của người dân thuộc địa, bao hàm lòng căm phẫn, thái độ mỉa mai đối với tội ác đáng ghê tởm của chính quyền thực dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề độc đáo, có giá trị tố cáo tội ác của thực dân Pháp - Câu <i>Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?</i> thuộc kiểu câu nghi vấn - Hành động nói là khẳng định
4.	<p>Mở đoạn: Khẳng định nhận định “<i>Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của Thuế Máu là nghệ thuật châm biếm, trào phúng sắc sảo</i>”</p> <p>Triển khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một hệ thống hình ảnh sinh động, giàu tính biểu cảm và sức mạnh tố cáo, các thủ pháp nghệ thuật tương phản để vạch trần giọng lưỡi, thủ đoạn bịp bợm của bọn thực dân trong việc bắt nô lệ “bản xứ” làm bia đỡ đạn. (<i>hình ảnh được xây dựng đều có tính xác thực, phản ánh chính xác tình trạng thực tế...Các hình ảnh vừa mang tính chất châm biếm, trào phúng sắc sảo và xót xa..</i>) - Ngôn từ mang màu sắc trào phúng châm biếm sắc sảo như: “Chiến tranh vui tươi”, “lập tức họ biến thành...”, “được phong cho cái danh hiệu tối cao”.... khiến cho giọng văn châm biếm trở nên sâu cay, mỉa mai. - Giọng điệu trào phúng đặc sắc(<i>giọng điệu giễu cợt, mỉa mai, nhắc lại những mỉa từ, danh hiệu hào nhoáng mà chính quyền thực dân khoác cho người lính thuộc địa để đả kích bản chất lừa bịp, trơ trẽn. Sử dụng thành công giọng điệu giễu nhại, nghệ thuật phản bác...</i>) - Nghệ thuật lập luận: miêu tả kết hợp với bình luận để châm biếm cái “<i>Thuế máu</i>” của bọn thực dân. Nêu lên những con số, những sự thực, đặc biệt tạo nên những lời văn, giọng văn chua cay để vạch trần, lên án những hình thức bóc lột dã man nhất của thực dân Pháp... <p>Kết đoạn: Kết luận chính nghệ thuật châm biếm, trào phúng đã góp phần không nhỏ làm nên thành công của tác phẩm</p>

HỌC SINH GIỎI

Yêu cầu: Học sinh cần xác định rõ về thể loại và phương thức làm bài đúng.

- Thể loại chứng minh.

- Nội dung:

a. àm sống tử”Thuế máu”là thứ thuế đó man, tàn bạo của chính quyền thực dân.

Dựa vào ba phần của văn bản:

+ Thủ đoạn phỉnh nịnh của bọn thực dân để mộ lính ở các nước thuộc địa (trước và khi có chiến tranh).

+ Thủ đoạn dùng vũ lực để bắt lính.

+ Sự bạc đãi, trơ trẽn của bọn thực dân sau khi kết thúc chiến tranh.

b. Tầm lũng của tọc gia Nguyễn i Quốc:

+ Vạch trần sự thực vớ tầm lũng của một người yêu nước.

+ ời vẫn có vẻ khách quan nhưng vẫn chứa sự căm hờn, sự thương cảm.

THAM KHẢO

Bản án chế độ thực dân Pháp của lãnh tụ cách mạng Nguyễn Ái Quốc được viết bằng tiếng Pháp, xuất bản tại Pa-ri năm 1925 và xuất bản lần đầu tiên ở Việt Nam năm 1946. Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục có tựa đề Gửi thanh niên Việt Nam, nội dung tố cáo và kết án tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân Pháp trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đồng thời phản ánh tình cảnh tủi nhục khôn cùng của người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới. Từ đó, bước đầu tác giả vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn để các dân tộc tự giải phóng, giành quyền độc lập.

Thuế máu là chương đầu tiên của Bản án chế độ thực dân Pháp, ở chương này, tác giả tập trung vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa và các thủ đoạn tàn bạo của thực dân Pháp trong việc dùng người dân thuộc địa làm vật hi sinh trong các cuộc chiến tranh thảm khốc để mang lại quyền lợi cho nước Pháp. Lợi dụng xương máu của những con người nghèo khổ để làm giàu, đó là một trong những tội ác ghê tởm nhất của chủ nghĩa thực dân.

Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất xấu xa ấy bằng những lập luận chặt chẽ và tư liệu phong phú, xác thực, nhiều hình ảnh giàu giá trị biểu cảm. Giọng điệu chung của bài văn là vừa kết án đanh thép vừa mỉa mai chua chát, vừa thông cảm, xót thương.

Cái tên Thuế máu bao hàm nhiều ý nghĩa. Nó gợi lên số phận bi thảm của người dân thuộc địa, đồng thời biểu lộ thái độ căm phẫn trước tội ác ghê tởm của chính quyền thực dân. Người dân thuộc địa phải gánh chịu nhiều thứ thuế bất công, vô lí, song có lẽ một trong những thứ thuế tàn ác, dã man nhất là thứ thuế thu bằng xương máu và tính mạng của họ.

Trình tự và cách đặt tên các phần trong chương Thuế máu cũng hàm ý bóc trần các chính sách lừa bịp để bóc lột người dân thuộc địa đến tận xương tủy của chính quyền thực dân cai trị. Từ Chiến tranh và người bản xứ đến Chế độ lính tình nguyện rồi Kết quả của sự hi sinh, qua các phần tiếp nối nhau như thế, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước phơi bày bản chất "ăn thịt người" của bè lũ thực dân.

Phần một: Chiến tranh và người bản xứ

Ở phần này, tác giả nêu bật sự đối lập trong thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm: trước khi xảy ra chiến tranh và khi chiến tranh vừa bùng nổ.

Trước chiến tranh, người dân thuộc địa bị bọn thực dân cai trị coi là giống người hạ đẳng, ngang hàng với súc vật: "... họ chỉ là những tên da đen bản thiêu, là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do"".

Tác giả đưa ra hai thái độ trái ngược hoàn toàn ấy nhằm tố cáo thủ đoạn lừa bịp bỉ ổi của chính quyền thực dân trong việc biến dân thuộc địa thành vật hi sinh. Luận điệu bịp bợm tro trên của chúng được Nguyễn Ái Quốc nhắc lại với dụng ý châm biếm và đả kích sâu cay.

Số phận bi thảm của người dân thuộc địa trong cuộc chiến tranh phi nghĩa được tác giả miêu tả rất cụ thể: "... họ phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng ... chiến trường châu Âu".

Tác giả đã kể ra bao cái chết thảm thương của người lính thuộc địa trên khắp các chiến trường miền Nam nước Pháp bằng giọng văn trào lộng nhưng chất chứa cảm xúc xót xa, ngậm ngùi: "Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ..."

Nhiều người dân thuộc địa tuy không phải ra trận nhưng ở hậu phương, họ bị bắt buộc làm công việc rất nguy hiểm là chế tạo vũ khí phục vụ chiến tranh: "Làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy".

Tác giả đã nêu ra một con số khủng khiếp về số người bản xứ đã bỏ mình trên đất Pháp trong mấy năm chiến tranh thế giới thứ nhất: "Tổng cộng có bảy mươi vạn người ... đất nước mình nữa".

Phần hai: Chế độ lính tình nguyện

Ở phần này, tác giả vạch trần các mảnh khốc và thủ đoạn bắt lính của bọn thực dân. Có thật là người dân thuộc địa tình nguyện hiến dâng xương máu cho "nước mẹ Đại Pháp" như lời lẽ bịp bợm của bọn cầm quyền hay không? Tác giả kể rằng:

"Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: Dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương ... "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra"."

Chúng sẵn sàng trói, xích, nhốt người ta như nhốt súc vật và đàn áp dã man nếu như dám chống đối. Tác giả đã kể ra sự thực phũ phàng là người dân thuộc địa chỉ có hai con đường: hoặc trốn tránh hoặc phải xì tiền ra. Thậm chí họ còn tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những căn bệnh nặng nhất để khỏi phải đi lính.

Trong khi làm những điều độc ác như đã kể trên, chính quyền thực dân vẫn không ngừng rêu rao về tinh thần tình nguyện đầu quân của người dân thuộc địa. Lời tuyên bố trịnh trọng của phủ toàn quyền Đông Dương chỉ làm bộc lộ rõ thêm thủ đoạn lừa bịp tro trên ấy: "Ấy thế mà trong một bản báo cáo ... hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ""

Tác giả mỉa mai chua chát luận điệu dối trá ấy bằng những câu hỏi tu từ:

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sắng đầu quân "tập nập" và "không ngần ngại"?

Trong phần Chế độ lính tình nguyện, tác giả đã đưa ra hàng loạt dẫn chứng thực tế đối lập hoàn toàn với luận điệu bịp bợm của bọn thực dân cầm quyền để lột trần bản chất tham lam và tàn bạo của chúng trong chính sách cai trị đối với người dân thuộc địa.

Phần ba: Kết quả của sự hi sinh

Kết quả sự hi sinh của người lính thuộc địa trong các cuộc chiến tranh và cách đối xử của chính quyền thực dân sau khi đã bóc lột xương máu họ đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh, chỉ tiết tiêu biểu có sức tố cáo rất lớn: "Khi đại bác đã ngáy thịch đen, thịch vàng rồi, ... không cần đến các anh nữa, cút đi!" đó sao?"

Mĩa mai thay, khi chiến tranh vừa chấm dứt thì các lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền cũng tự dưng im bặt (!) Những người lính từng được tặng bốc bằng bao lời lẽ hoa mỹ thì bây giờ mặc nhiên trở lại "giống người bản thỉu" như trước đây.

Đối với người dân thuộc địa, sự hi sinh cho chính nghĩa và công lí như lời rêu rao đối trá của lũ thực dân chẳng hề mang lại lợi ích gì cho họ bởi chế độ bản xứ là chế độ không hề biết đến chính nghĩa và công lí.

Bộ mặt trá trở của chính quyền thực dân bộc lộ trắng trợn qua những hành động vô nhân đạo: tước đoạt hết của cải mà người lính thuộc địa mua sắm được, đánh đập họ vô cớ, đối xử với họ thô bỉ như đối với súc vật. Sau chiến tranh, người dân thuộc địa trở về vị trí hèn hạ ban đầu: "Thế là những "cựu binh" ... không biết gì đến chính nghĩa và công lí cả."

Ba phần của chương Thuế máu được sắp xếp theo trình tự thời gian trước, trong và sau khi xảy ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 – 1918. Với cách sắp xếp này, bộ mặt giả nhân giả nghĩa và bản chất độc ác của chính quyền thực dân Pháp xung quanh việc bóc lột xương máu được phơi bày toàn diện, triệt để. Mặt khác, thân phận thảm thương của người dân nô lệ các xứ thuộc địa cũng được phản ánh một cách chân thực và sinh động.

Nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo của ngòi bút Nguyễn Ái Quốc thể hiện chủ yếu qua hệ thống hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu, những từ ngữ giàu khả năng gợi tả, gợi cảm và chất chứa sức mạnh tố cáo tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân.

Ngôn ngữ tác phẩm mang màu sắc trào phúng rất rõ nét. Những từ mỉa mai như; "con yêu", "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do", "lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế", "lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế", "vật liệu biết nói..." vừa phơi bày bản chất dã man của chủ nghĩa thực dân, vừa tô đậm số phận bi thảm của người dân thuộc địa.

Tác giả sử dụng rất thành công nghệ thuật gây ông đập lưng ông bằng cách nhắc lại những mỉa mai, danh hiệu hào nhoáng mà chính quyền thực dân khoác cho người lính thuộc địa để bóc trần bản chất lừa bịp vô liêm sỉ của chúng. Tác giả dùng liên tiếp các câu hỏi tu từ để phơi bày sự thật trái ngược với lời lẽ bịp bợm của bọn cầm quyền. Các câu chuyện, các sự kiện, con số được nêu ra đều lấy từ thực tế nên không thể chối cãi. Để tăng tính thuyết phục của lí lẽ, khi cần, tác giả còn dẫn ra ý kiến của người khác hay của chính đối tượng bị đả kích.

Từ hệ thống hình ảnh và giọng điệu chung của tác phẩm, người đọc nhận ra thái độ yêu ghét rõ ràng của tác giả: căm phẫn chính quyền thực dân tàn ác và xót xa thương cảm cho thân phận người dân nô lệ của các nước thuộc địa bị bóc lột đến cả xương máu, tính mạng.

Đoạn trích Thuế máu của tác giả Nguyễn Ái Quốc đã giúp người đọc hiểu được bản chất độc ác, dã man và bộ mặt giả nhân giả nghĩa của chính quyền thực dân Pháp qua việc dùng người dân các xứ thuộc địa làm vật hi sinh để bảo vệ quyền lợi của chúng trong các cuộc chiến tranh tàn khốc. Tác phẩm cũng chứng minh Nguyễn Ái Quốc là một cây bút chính luận xuất sắc trong văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐI BỘ NGOẠI DU

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Kết cấu VB
<ul style="list-style-type: none"> - Ru-xô (1712-1778) tên khai sinh là Jean-Jacques Rousseau - Quê quán: Nhà văn người Pháp - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác: + Ông là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động cách mạng xã hội Pháp + Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng như Giuyl-ly, Nàng Hê-lô-i-dơ mới, Ê-min hay về giáo dục... 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trích trong quyển V - quyển cuối cùng của tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục, xuất bản năm 1762, bài viết bày tỏ quan điểm muốn ngoại du học hỏi cần phải đi bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Khổ 1: Đi bộ ngoại du rất thoải mái, được tự do thưởng ngoạn - Đoạn 2: Khổ 2: Đi bộ ngoại du trau dồi kiến thức, tăng sự hiểu biết về thiên nhiên, cuộc đời - Đoạn 3: Khổ 3: Đi bộ ngoại du rèn luyện sức khỏe, tinh thần cho con người

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản là minh chứng cho những tác dụng mà đi bộ mang lại cho con người, muốn ngoại du cần phải đi bộ. Qua đó, thể hiện Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản có cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ và dẫn chứng sinh động

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

ĐI BỘ NGOẠI DU

1. Đi bộ ngao du được tự do thường ngoạn	Lợi ích đầu tiên của việc đi bộ ngao du, đó là được đi một cách tự do, theo sở thích của bản thân mình mà không phải lệ thuộc, phụ thuộc vào kì ai, bất kì điều gì.	+ “thích dừng lúc nào thì dừng... muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy”
		+ “quan sát khắp nơi”
		+ đi bất cứ đâu mình thích
		+ “chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã xe trạm...”
	⇒ Những dẫn chứng, luận cứ được đưa ra lần lượt, logic, rõ ràng, không rườm rà, lòng vòng. ⇒ Đi bộ ngao du giúp ta có thể thoải mái, tự do điều khiển mọi thứ theo sở thích của mình, tự do thưởng ngoạn bất kì nơi nào ta thấy có hứng thú. Chính điều đó sẽ khiến ta trưởng thành hơn, chín chắn hơn và nhìn mọi thứ xung quanh một cách toàn diện, chủ quan.	
2.Đi bộ ngao du giúp đầu óc linh hoạt hơn, sáng suốt hơn	- Tác giả đưa ra những “nhân chứng” có thật, đó là các nhà khoa học, bác họ + Những nhà triết gia đi bộ ⇒ Xem xét tài nguyên trái đất phô bày phong phú c nổi tiếng như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go.	
	+ Những người yêu mến nông nghiệp đi bộ ⇒ Muốn biết các sản vật... và cách thức trồng trọt + Người có chút ít hứng thú với tự nhiên học ⇒ Xem xét khoảnh đất, hoa lá, hóa thạch - Sự đối lập giữa phòng sưu tập của vua chúa và của Ê-min + Phòng sưu tập của các vua chúa toàn những đồ linh tinh	
	⇒ Tiếp tục đưa ra những dẫn chứng xác thực, mang tính thuyết phục cao, tác giả một lần nữa khẳng định kiến thức thực tế có giá trị hơn nhiều những đồ đặc trưng bày trong một căn phòng kín mà những con người bảo thủ vẫn gọi là “phòng sưu tập”. Qua đó khích lệ mọi người mở mang kiến thức thực tế, tăng cường trải nghiệm, kĩ năng bằng cách đi bộ ngao du.	
3. Đi bộ ngao du không chỉ làm con người mở mang đầu óc mà còn giúp tinh thần	+ những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt >< những người đi bộ, kết quả là “mơ màng, buồn bã, cái kỉnh hoặc đau khổ” >< “vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả”.	- Để chứng minh luận điểm này, tác giả đã dùng phép so sánh: - Một loạt các từ ngữ gợi cảm thể hiện tâm trạng của chính tác giả: “hân hoan biết bao”, “ngon lành thế!”, “thích thú biết bao”, “ngủ ngon giấc biết bao”. Tâm trạng của tác giả nhưng lại dùng ngôi kể “ta” vừa thể hiện cái nhìn chủ
	+ Đi bộ ngao du khi trở về trải nghiệm nhiên mọi thứ tưởng	

sáng khoái, vui vẻ.	như vô cùng bình thường, giản dị lại khiến ta cảm thấy nhớ thương, thích thú và hài lòng.	quan, vừa có ý nghĩa như một lời khuyên, một trải nghiệm đầy thú vị mà “tôi” muốn chia sẻ cho tất cả mọi người.
Nghệ thuật	- Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ sinh động kết hợp với thực tiễn kinh nghiệm mà tác giả đã tích lũy được.	
	- Sự linh hoạt trong ngôi kể, khi “tôi”, khi “ta” càng làm tăng sức thuyết phục cho bài viết.	
	- Giọng điệu nhẹ nhàng, pha chút hóm hỉnh, không khô khan mà như tâm sự, hồi tưởng.	

Phần 1: Đọc đoạn trích sau:

Ta chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn lối đi có sẵn hay con đường thuận tiện.

a, Xác định tác giả, tác phẩm

b, Bảng 1 câu văn nêu chủ đề của văn bản

c, 2 câu văn biến có phải câu phủ định không, vì sao ?

d, Xét về mục đích nói, câu văn (2) thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ? Nêu cách thực hiện hành động nói

e, Việc tác giả đưa ra lí lẽ này nhằm mục đích gì ?

f, Viết 1 đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy kiểm tra, nêu suy nghĩ của em về việc đi bộ của tác giả các hoạt động ngoại khóa của thanh niên hiện nay.

Phần 2 (6 điểm): Cho đoạn văn sau:

“Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kinh hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế!”

(SGK Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1 (1 điểm): Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của tác giả nào? Nêu chủ đề của đoạn văn trên.

Câu 2 (1 điểm): Xét về mục đích nói, câu “*Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà!*” thuộc kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 3 (1 điểm): Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những cách xưng hô nào? Các cách xưng hô đó có tác dụng thế nào trong lập luận?

Câu 4 (3 điểm): Viết đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ những lợi ích của việc đi bộ được tác giả nêu ra trong văn bản trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu phủ định (*gạch chân và chú thích rõ*).

Phần 3. Cho đoạn văn sau:

“Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kinh hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế!”

(SGK Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của tác giả nào? Nêu chủ đề của đoạn văn trên.

Câu 2: Xét về mục đích nói, câu “*Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà!*” thuộc kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 3: Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những cách xưng hô nào? Các cách xưng hô đó có tác dụng thế nào trong lập luận?

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ những lợi ích của việc đi bộ được tác giả nêu ra trong văn bản trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu phủ định (*gạch chân và chú thích rõ*).

Phần 4. Cho đoạn văn:

Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét, Pla-tông và Pi-ta-go. Tôi khó lòng hiểu nổi một triết gia có thể quyết định ngao du cách khác mà không xem xét những tài nguyên mình giẫm chân lên và trái đất phô bày phong phú ra trước mắt. Ai là người yêu mến nông nghiệp chút ít mà lại không muốn biết các sản vật đặc trưng cho khí hậu những nơi mình đi qua và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy? Ai là người có chút hứng thú với tự nhiên học mà lại có thể quyết định đi ngang một khoảnh đất mà không xem xét nó, một lèn đá mà không ghè vài mẫu, những quả núi mà không sưu tập hoa lá, những hòn sỏi.

Câu 1: Cho biết đoạn trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 3: Em có suy nghĩ gì về nhan đề văn bản?

Câu 4: Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) về ích lợi của việc đi bộ ngao du, trong đó có sử dụng: câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán thích hợp.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐI BỘ NGOA DU

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Kết cấu VB
<ul style="list-style-type: none"> - Ru-xô (1712-1778) tên khai sinh là Jean-Jacques Rousseau - Quê quán: Nhà văn người Pháp - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác: <ul style="list-style-type: none"> + Ông là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động cách mạng xã hội Pháp + Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng như Giuyl-i, Nàng Hê-lô-i-dơ mới, Ê-min hay về giáo dục... 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trích trong quyển V - quyển cuối cùng của tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục, xuất bản năm 1762, bài viết bày tỏ quan điểm muốn ngao du học hỏi cần phải đi bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: Khổ 1: Đi bộ ngao du rất thoải mái, được tự do thưởng ngoạn - Đoạn 2: Khổ 2: Đi bộ ngao du trau dồi kiến thức, tăng sự hiểu biết về thiên nhiên, cuộc đời - Đoạn 3: Khổ 3: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe, tinh thần cho con người

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản là minh chứng cho những tác dụng mà đi bộ mang lại cho con người, muốn ngao du cần phải đi bộ. Qua đó, thể hiện Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản có cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ và dẫn chứng sinh động

I.3. Hệ thống nội dung kiến thức

ĐI BỘ NGOA DU		
1. Đi bộ ngao du được tự do thưởng ngoạn	Lợi ích đầu tiên của việc đi bộ ngao du, đó là được đi một cách tự do, theo sở thích của bản thân mình mà không phải lệ thuộc, phụ thuộc vào kì ai, bất kì điều gì.	+ “thích dừng lúc nào thì dừng... muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy”
		+ “quan sát khắp nơi”
		+ đi bất cứ đâu mình thích
		+ “chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã xe trạm...”
	⇒ Những dẫn chứng, luận cứ được đưa ra lần lượt, logic, rõ ràng, không rườm rà, lòng vòng.	

	⇒ Đi bộ ngao du giúp ta có thể thoải mái, tự do điều khiển mọi thứ theo sở thích của mình, tự do thưởng ngoạn bất kì nơi nào ta thấy có hứng thú. Chính điều đó sẽ khiến ta trưởng thành hơn, chín chắn hơn và nhìn mọi thứ xung quanh một cách toàn diện, chủ quan.	
2. Đi bộ ngao du giúp đầu óc linh hoạt hơn, sáng suốt hơn	- Tác giả đưa ra những “nhân chứng” có thật, đó là các nhà khoa học, bác họ + Những nhà triết gia đi bộ ⇒ Xem xét tài nguyên trái đất phô bày phong phú c nổi tiếng như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go.	
	+ Những người yêu mến nông nghiệp đi bộ ⇒ Muốn biết các sản vật... và cách thức trồng trọt + Người có chút ít hứng thú với tự nhiên học ⇒ Xem xét khoảnh đất, hoa lá, hóa thạch - Sự đối lập giữa phòng sưu tập của vua chúa và của Ê-min + Phòng sưu tập của các vua chúa toàn những đồ linh tinh	
	⇒ Tiếp tục đưa ra những dẫn chứng xác thực, mang tính thuyết phục cao, tác giả một lần nữa khẳng định kiến thức thực tế có giá trị hơn nhiều những đồ đặc trưng bày trong một căn phòng kín mà những con người bảo thủ vẫn gọi là “phòng sưu tập”. Qua đó khích lệ mọi người mở mang kiến thức thực tế, tăng cường trải nghiệm, kĩ năng bằng cách đi bộ ngao du.	
3. Đi bộ ngao du không chỉ làm con người mở mang đầu óc mà còn giúp tinh thần sảng khoái, vui vẻ.	+ những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt >< những người đi bộ, kết quả là “mơ màng, buồn bã, cúi gập hoặc đau khổ” >< “vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả”.	- Để chứng minh luận điểm này, tác giả đã dùng phép so sánh: - Một loạt các từ ngữ gợi cảm thể hiện tâm trạng của chính tác giả: “hân hoan biết bao”, “ngon lành thế!”, “thích thú biết bao”, “ngủ ngon giấc biết bao”. Tâm trạng của tác giả nhưng lại dùng ngôi kể “ta” vừa thể hiện cái nhìn chủ quan, vừa có ý nghĩa như một lời khuyên, một trải nghiệm đầy thú vị mà “tôi” muốn chia sẻ cho tất cả mọi người.
	+ Đi bộ ngao du khi trở về với niềm nhiên mọi thứ tưởng như vô cùng bình thường, giản dị lại khiến ta cảm thấy nhớ thương, thích thú và hài lòng.	
Nghệ thuật	- Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ sinh động kết hợp với thực tiễn kinh nghiệm mà tác giả đã tích lũy được.	
	- Sự linh hoạt trong ngôi kể, khi “tôi”, khi “ta” càng làm tăng sức thuyết phục cho bài viết.	
	- Giọng điệu nhẹ nhàng, pha chút hóm hỉnh, không khô khan mà như tâm sự, hồi tưởng.	

II. LUYỆN TẬP

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM

Phần 2		6 điểm
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản: Đi bộ ngao du - Tác giả: Ru – xô - Chủ đề của đoạn: Vai trò của đi bộ đối với sức khỏe và tinh thần con người 	0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ
Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu chia theo mục đích nói: câu cảm thán - Lí giải: có từ ngữ cảm thán “<i>biết bao</i>” và dấu chấm than ở cuối câu bộc lộ cảm xúc 	0.5 đ 0.5 đ
Câu 3	<ul style="list-style-type: none"> - Các cách xưng hô trong đoạn: <i>tôi, ta</i> - Tác dụng: xen kẽ giữa lí luận chung với những trải nghiệm riêng nên lập luận trở nên sinh động 	0.5 đ 0.5 đ
Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> * <u>Yêu cầu về hình thức</u>: đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc * <u>Yêu cầu tiếng Việt</u>: câu phủ định (<i>phải gạch chân và chú thích được</i>) * <u>Yêu cầu về nội dung</u>: cần đảm bảo các ý cơ bản sau - Khi đi bộ, ta hoàn toàn tự do, tùy theo ý thích của mình, không hề bị lệ thuộc vào bất cứ ai, bất cứ điều gì (<i>dẫn chứng</i>) - Đi bộ sẽ được trau dồi kiến thức về tất cả các lĩnh vực (<i>dẫn chứng</i>) - Đi bộ giúp tăng cường sức khỏe, tính khí trở nên hòa đồng và vui vẻ hơn (<i>dẫn chứng</i>) 	0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 1 đ 0.5 đ

Phần 3

Câu 1	Đoạn trên trích trong văn bản <i>Đi bộ ngao du</i> - Tác giả: Ru-xô. Chủ đề của đoạn: Vai trò của đi bộ đối với sức khỏe và tinh thần con người.
Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu chia theo mục đích nói: câu cảm thán - Vì có từ ngữ cảm thán “<i>biết bao</i>” và dấu chấm than ở cuối câu bộc lộ cảm xúc
Câu 3	Các cách xưng hô trong đoạn: <i>tôi, ta</i> Tác dụng: xen kẽ giữa lí luận chung với những trải nghiệm riêng nên lập luận trở nên sinh động
Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> * <u>Yêu cầu về hình thức</u>: đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc Sử dụng: câu phủ định (<i>phải gạch chân và chú thích được</i>) * <u>Yêu cầu về nội dung</u>: cần đảm bảo các ý cơ bản sau - Khi đi bộ, ta hoàn toàn tự do, tùy theo ý thích của mình, không hề bị lệ thuộc vào bất cứ ai, bất cứ điều gì (<i>dẫn chứng</i>) - Đi bộ sẽ được trau dồi kiến thức về tất cả các lĩnh vực (<i>dẫn chứng</i>)

Phần 4

Câu 1	Đoạn trên trích trong văn bản <i>Đi bộ ngao du</i> - Tác giả: Ru-xô.
Câu 2	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Nghị luận
Câu 3	<p>Nhan đề có ý nghĩa thực tế, giúp học sinh hiểu biết thêm những lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ ngao du thể hiện cái nhìn nhân sinh và tiến bộ của tác giả về con người trong phạm trù triết học: đề cao con người, đấu tranh để có một nền giáo dục dân chủ tự do cho con người. - Đi bộ ngao du đem đến cho con người những thú vị trong khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh để mở mang tri thức, phát triển nhân cách. - Đi bộ ngao du làm cho con người thêm dồi dào sức khỏe, lạc quan hơn, yêu đời hơn; biết sống, trân trọng cuộc sống, yêu cuộc đời hơn! - Đi bộ ngao du là một bằng chứng sinh động về sự khám phá cuộc sống muôn màu muôn vẻ một cách tích cực và có giá trị nhất.
Câu 4	<p>a. Hình thức Viết đúng hình thức đoạn văn(khoảng 10 dòng), trong đó có sử dụng: câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán thích hợp.</p> <p>b. Về nội dung: ích lợi của việc đi bộ ngao du</p> <p><i>Tham khảo:</i></p> <p>Đi bộ là một môn thể thao mang lại rất nhiều lợi ích cho con người. Khi đi bộ, ta hoàn toàn được tự do, tùy theo thích của mình, không hề bị lệ thuộc vào bất cứ ai, bất cứ cái gì. Điều chủ động nhất là ta thích đi đâu thì đi, dừng lúc nào thì dừng hay hoạt động nhiều ít thế nào là tùy ở ta. Không những thế, ta có thể quan sát khắp nơi, có thể ngắm những gì mà ta yêu thích: “Quay sang phải, sang trái, ta xem tất cả những gì ta thấy hay hay. Bất cứ đâu ta thích, ta lưu lại đây, lúc nào chán, ta bỏ đi luôn.” Chính bởi ta hoàn toàn không bị bất cứ thứ gì ràng buộc như con đường, phương tiện hay bất cứ ai. Vậy tại sao chúng ta không đi nhỉ? Đi bộ còn mang lại một lợi ích không kém phần quan trọng và quý giá cho những ai tham gia môn thể thao này đó chính là tăng cường sức khỏe, tính khí trở nên hoà đồng, vui vẻ hơn. Và đi bộ cũng rất tốt cho những ai có những căn bệnh như tim, mạch, cao huyết áp, ... Đặc biệt, đi bộ còn giúp ta có cảm giác khoan khoái, hài lòng với tất cả, không còn thấy buồn bã, cáu kỉnh. Ôi, thú vị biết bao! Sau mỗi lần đi bộ, ta ăn cảm thấy ngon miệng hơn, ngủ ngon hơn và sâu giấc hơn. Bên cạnh đó, đi bộ không gây tốn kém lại rất dễ thực hiện, thế nên mọi lứa tuổi đều có thể dễ dàng tham gia môn thể thao này. Cũng chính vì vậy, mặc dù ngày nay có rất nhiều môn thể thao mới xuất hiện, hay và hấp dẫn nhưng đi bộ vẫn được mọi người lựa chọn và yêu thích nhất.</p>

THAM KHẢO

Ê-min hay bàn về giáo dục là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Ru-xô. Tác phẩm được sáng tác năm 1762, nói về vấn đề giáo dục thể lực và trí tuệ con người. Đoạn

trích *Đi bộ ngao du* được trích từ cuốn thứ 5 khi E-min đã khôn lớn, trưởng thành. Với đoạn trích này, tác giả muốn khẳng định đi bộ có ý nghĩa, vai trò vô cùng lớn đối với mỗi chúng ta.

Văn bản *Đi bộ ngao du* nêu lên vấn đề chính là lợi ích của việc đi bộ. Để làm sáng tỏ luận điểm này, người viết đã đưa ra ba lập luận lớn: đi bộ đem lại cho chúng ta sự tự do, đi bộ cũng là dịp giúp con người trau dồi tri thức và cuối cùng đi bộ làm cho ta thêm phần khỏe mạnh. Và ở mỗi lập luận này ông đã đưa ra những dẫn chứng hết sức phong phú và thuyết phục.

Trước hết đi bộ đem đến cho chúng ta sự tự do, thoải mái, mà khi đi ngựa sẽ không bao giờ chúng ta cảm nhận được điều đó: *“Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy ... ta quay sang phải, sang trái...”*. Quả thực đi bộ đem đến cho ta tất cả sự chủ động, giải phóng con người, khiến ta không phụ thuộc vào bất cứ điều gì. Giọng văn trong đoạn hừng khởi, tràn đầy năng lượng, giúp người đọc tin tưởng hơn nữa vào những lợi ích của việc đi bộ. *“Tôi đi bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đây”, “Tôi chẳng phụ thuộc vào con ngựa hay gã phụ trạm” “Tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ”...* Sự tự do chấp cánh cho con người thỏa mãn mọi nhu cầu mong muốn của mình.

Không chỉ đem đến sự tự do, thoải mái, đi bộ còn cung cấp cho chúng ta nguồn tri thức dồi dào, phong phú. Để chứng minh luận điểm này, ông đã lấy những dẫn chứng từ thực tiễn cuộc sống. Những nhà khoa học nổi tiếng thế giới như Ta-lét, Pla-tôn,... đều dùng đi bộ để quan sát, tìm tòi và khám phá thế giới. Đi bộ còn giúp ta khám phá những đặc sản nông nghiệp, sưu tập những viên đá, hòn sỏi, xem xét các giống cây trồng,... cả thế giới bao la kia sẽ được ta chiếm lĩnh qua những hành trình đi bộ đầy lí thú. Đặc biệt, tác giả có lối so sánh rất thú vị để khẳng định tính chính xác của những lí lẽ: ông so sánh phòng khách của những nhà tự nhiên học cũng chẳng thể phong phú bằng phòng sưu tập của Ê-min, hơn thế, họ sưu tập mà chẳng hề có ý niệm về những thứ mà mình đang trưng bày. Với phép so sánh đầy sức thuyết phục ấy càng củng cố hơn nữa niềm tin cho người đọc về công dụng của việc đi bộ.

Cuối cùng đi bộ đem lại sức khỏe cho con người. Không chỉ sức khỏe được tăng cường mà tính khí còn trở nên hoạt bát, vui vẻ, còn điều gì tuyệt vời hơn thế. Ở đây tác giả tiếp tục sử dụng biện pháp so sánh, nhưng người đi xe thường buồn bã, cái kính còn như Ê-min tung tăng trên đôi chân của mình lại luôn vui vẻ, khoan khoái.

Với cách viết thâm trầm, giản dị, giọng văn thay đổi linh hoạt, tác giả đã cho thấy rõ những lợi ích, vai trò to lớn của việc đi bộ. Đi bộ là cách tốt nhất để con người phát triển toàn diện cả về thể lực và trí lực. Bài văn tuy đã ra đời hàng thế kỉ nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa và giá trị của nó.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU NGHI VẤN

I. Lí thuyết:

1. Đặc điểm hình thức	2. Chức năng
.....	- Dùng để
.....	- Dùng để
.....	- Dùng để
.....	- Dùng để
.....	
.....	

II, Luyện tập

Bài 1: Xác định chức năng của các câu nghi vấn trong các trường hợp sau

Câu Nghi Vấn	Hình thức và Chức Năng
1, Bạn đi thư viện cùng mình được không ?	
2, Hôm nay thời tiết thế nào ?	
3, Chẳng phải trời đang mưa đó sao ?	
4, Em có đi học ngay không thì bảo ?	
5, Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ ?	

Bài 2: Xác định các câu nghi vấn trong các trường hợp sau ? Viết 1 đoạn văn 5 câu nêu dụng ý của tác giả khi sử dụng câu nghi vấn đó.

a, Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mỗi đứng uống ánh trăng tan ?

b, Ngục trug vô tửu diệc vô hoa

Đôi thủ lương tiêu nại nhược hà ?

Bài 3: Cho 2 câu thơ sau:

Bàn đá chông chênh lịch sử Đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

a, 2 câu thơ trên nằm trong bài thơ nào ? Cho biết tên tác giả.

b, Em hiểu thế nào về từ chông chênh ?

c, Bằng 1 đoạn văn từ 6-8 câu nêu cảm nhận của em về 2 câu thơ trên. Trong đoạn có sử dụng 1 câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc.

Bài 4 (3.0 điểm):

1. Xác định các câu nghi vấn và nêu chức năng của chúng trong các đoạn trích sau:

a) *Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*

(Lão Hạc/Nam Cao)

b) *Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:*

- Hồng! Mà có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mà không?

(*Những ngày thơ ấu*/Nguyễn Hồng)

Bài 5. Xác định câu nghi vấn trong các đoạn sau. Những câu nghi vấn đó được dùng làm gì?

Hỡi ơi Lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng, lão cũng có thể làm liều như ai hết. Một người như thế ấy!. Một người đã khóc vì trót lừa một con chó! Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng. Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

Bài 6. Đọc đoạn văn:

“ Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thăng thót và vui sướng, rồi trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia(1). Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi

đây, trên đỉnh đồi cao này?

(Hai cây phong – Ai-ma-Tốp) (Hai cây phong – Ai-ma-Tốp)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu (1) rồi gọi tên.
2. Tìm các từ tượng thanh có trong đoạn văn.
3. Xác định các phương thức biểu đạt được kết hợp trong đoạn văn.
4. Trong đoạn văn trên có câu nào là câu nghi vấn.

Bài 7 : Đọc kĩ đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi:

... (1)*Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mào cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dầu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bần con dúi, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được dầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai.* (2)*Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!* (3)*Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khôn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng bại trận.* (4)*Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?*

- 1- Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Của ai? Nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- 2- Ghi lại nội dung của đoạn văn bằng một câu hoàn chỉnh.
- 3- Xác định kiểu câu của các câu (1), (2), (4) trong đoạn và cho biết mục đích nói của các câu đó.
- 4- Khát vọng đánh thắng giặc ngoại xâm, giành độc lập – tự do cho Tổ quốc của vị chủ tướng trong đoạn văn trên đã trở thành hiện thực. Nhưng từ khát vọng, ước mơ đến hiện thực ấy là cả một chặng đường dài. Hãy viết một đoạn văn (khoảng nửa trang giấy thi) để chia sẻ với bạn bè về khát vọng, ước mơ của em và cả những dự định để biến ước mơ ấy trở thành hiện thực.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU NGHI VẤN

I.Lí thuyết:

1.Đặc điểm hình thức	2. Chức năng
-Có từ nghi vấn: ai, gì, nào, sao...hoặc có từ hay (nối các vế có quan hệ lựa chọn)	- Dùng để hỏi - Dùng để cầu khiến - Dùng để khẳng định, phủ định

- Kết thúc bằng dấu(?)	- Dùng để đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc => có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu gạch ngang
--------------------------	--

II, Luyện tập

Bài 1: Xác định chức năng của các câu nghi vấn trong các trường hợp sau

Câu Nghi Vấn	Chức Năng
1, Bạn đi thư viện cùng mình được không ?	- Có từ nghi vấn: không; có dấu ? - Dùng để cầu khiến
2, Hôm nay thời tiết thế nào ?	- Có từ nghi vấn: nào; có dấu ? - Dùng để hỏi
3, Chẳng phải trời đang mưa đó sao ?	- Có từ nghi vấn: không; sao ? - Dùng để khẳng định
4, Em có đi học ngay không thì bảo ?	- Có từ nghi vấn: không; có dấu ? - Dùng để đe dọa
5, Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ ?	- Có từ nghi vấn: đâu ; có dấu ? - Dùng để bộc lộ cảm xúc

Bài 2: Xác định các câu nghi vấn trong các trường hợp sau ? Viết 1 đoạn văn 5 câu nêu dụng ý của tác giả khi sử dụng câu nghi vấn đó.

a, Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mỗi đứng uống ánh trăng tan ? -> câu nghi vấn

b, Ngục trug vô tửu diệp vô hoa

Đôi thử lương tiêu nại nhược hà ? -> câu nghi vấn

Bài 3: GV hướng dẫn HS làm

a. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó của HCM

b. Chông chênh là từ láy miêu tả trạng thái không vững chắc của chiếc bàn nhưng cũng có thể hiểu là con đường cách mạng còn đang gặp nhiều khó khăn

c. HS tự viết

Bài 4 (3,0 điểm)

1) Câu nghi vấn:

- “Con ngêi ®,ng kÝnh Êy b©y giê cũng theo gõt Binh T ®Ó cũ ñn ?” (0,5đ)

→ Chức năng: bộc lộ cảm xúc. (0,5 đ)

- “Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?” (0,5 đ)

→ Chức năng: hỏi. (0,5 đ)

Bài 5

Các câu nghi vấn: (0,5điểm)

+ Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?

- Các câu nghi vấn trên dùng để: (0,5 điểm)

+ Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên).

Bài 6

1.- Tôi// lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim// đập rộn ràng vì thăng thót và vui sướng, rồi trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôi //cố hình dung ra những miền xa lạ kia.

=> - Tôi: CN1

lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào: VN1

- Tim: CN2

đập rộn ràng vì thăng thót và vui sướng: VN2

- Tôi: CN3

cố hình dung ra những miền xa lạ kia: VN3

- Vế 1 và vế 2 có quan hệ : đồng thời

vế 2 với vế 3 có quan hệ: bổ sung

2.Các từ tượng thanh có trong đoạn văn là: rì rào, rộn ràng, xào xạc

3. Phương thức biểu đạt trong đoạn văn là tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

4.Thuở ấy có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người trồng hai cây phong trên đồi này?(2)

Người vô danh ấy có đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã áp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này? (3)

Bài 7

1 (1.0 điểm)	HS trả lời được: - Đoạn văn trích từ:” <i>Hịch tướng sĩ</i> ” - Tác giả: Trần Quốc Tuấn - Hoàn cảnh ra đời: Vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên lần thứ hai (1285), nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn” <i>Binh thư</i>
---	---

	<i>yếu lược</i> ”do chính ông biên soạn
2 (0.5 điểm)	- Nội dung đoạn văn: Chỉ ra cái hậu quả của giặc ngoại xâm. <i>(Nếu HS chỉ nêu được nội dung, chưa viết thành câu – 0.25 điểm)</i>
3 (1.5 điểm)	- HS xác định đúng kiểu câu và mục đích nói của mỗi câu được 0.5 điểm. Cụ thể: + Câu 1: Kiểu câu trần thuật; hành động trình bày nhằm phê phán thói hưởng lạc của các tướng sĩ + Câu 2: Kiểu câu cảm thán; hành động bộc lộ cảm xúc thể hiện thái độ đau đớn, xót xa của tác giả + Câu 4: Kiểu câu nghi vấn; hành động bộc lộ cảm xúc nhằm khơi gợi sự đồng cảm của các tướng sĩ
4 (2.0 điểm)	Học sinh trình bày suy nghĩ riêng của mình theo yêu cầu của đề, nhưng phải đạt được những nội dung cơ bản sau: - Từ tư tưởng của Hịch tướng sĩ để thấy rằng không thể làm nên điều gì lớn lao nếu không có khát vọng. - Nêu ước mơ của cá nhân - Từ ước mơ bày tỏ được thái độ trách nhiệm. * Hình thức: đoạn văn hướng đến đối tượng bạn bè, đảm bảo độ dài, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc

THAM KHẢO

Khác với các câu đưa ra yêu cầu, quyết định là **câu cầu khiến**, **câu cảm thán**, câu nghi vấn là dạng câu hỏi về một sự vật, hiện tượng, sự việc diễn ra trong đời sống. Trong bài viết này mình sẽ hướng dẫn cách sử dụng loại câu hỏi này trong chương trình ngữ văn lớp 8 nha.

Định nghĩa câu nghi vấn

Câu nghi vấn là loại câu hỏi với mục đích là hỏi những điều mình không biết, đang thắc mắc hoặc nghi vấn để tìm ra câu trả lời. Cùng với **câu trần thuật** thì câu nghi vấn thường xuyên được sử dụng trong giao tiếp và văn học, tiểu thuyết.

Thường sử dụng các từ như sao vậy, như thế nào, ở đâu, ra sao, bao nhiêu, bấy nhiêu, rồi, hả, sao... Cuối câu nghi vấn thường sử dụng dấu chấm hỏi.

Ví dụ:

- Nhà em có bao nhiêu người?
- Hôm nay Bạn Trâm Anh vắng học hả Nam?

- Con có biết cuốn sách văn học bỏ ở đâu không?
- Những đặc điểm chính trong câu nghi vấn

Thường thì câu nghi vấn có các đặc điểm gồm:

- Nó dùng để đặt câu hỏi hoặc câu cảm thán giúp giải quyết một vấn đề nhất định.
- Cuối câu là dấu chấm hỏi.
- Chỉ xuất hiện trong giao tiếp, tiểu thuyết văn chương, không thường dùng trong văn bản, hợp đồng.
- Cuối câu nghi vấn là các từ, cụm từ gồm: rồi, sao, ra sao, sao vậy....

Những chức năng chính trong câu nghi vấn

Là loại câu mang nhiều tính năng và ý nghĩa nhất, về tổng thể có những nghĩa gồm:

Chức năng hỏi hay thắc mắc một vấn đề

Là chức năng quan trọng và dễ nhận biết nhất khi gặp hay sử dụng. Kiến thức là vô hạn nên chúng ta ai cũng có những vấn đề không thể tự mình giải đáp và tự tìm hiểu được.

Ví dụ:

Câu ca dao Việt Nam có đoạn:

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà ?

Chức năng khẳng định sự việc, hành động

Nó dùng để khẳng định sự việc, hành động đó không phải do mình làm hay chắc chắn sẽ thực hiện trong thời gian sắp tới.

Ví dụ: Trích đoạn trong tác phẩm Tắt Đèn của Ngô Tất tổ có đoạn:

“Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nữa, nên mới lòi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bê tiền sưu của nhà nước đâu? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”

Câu nghi vấn “ Chứ cháu có dám bỏ bê tiền sưu của nhà nước đâu?” Ý nói trong thời gian sắp tới Chị Dậu sẽ trả tiền sưu cho nhà nước.

Câu nghi vấn còn có chức năng là câu cầu khiến

Đôi khi ý nghĩa là câu cầu khiến nhưng về hình thức là câu nghi vấn. Nó giúp người viết mô tả được vấn đề đó quan trọng, nhưng đang thắc mắc.

Ví dụ: Đoạn văn trong tiểu thuyết Tắt Đèn có câu “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đây à? Nộp tiền sưu! Mau!”.

“Còn sống đây à?” Vừa có nghĩa hỏi người đàn ông đó vẫn còn sống không, vừa là câu cầu khiến.

Chức năng phủ định

Chức năng phủ định hay nghi vấn rất giống nhau và dễ gây nhầm lẫn. Phủ định ở đây là phản bác hay loại bỏ ý kiến mà người khác đưa ra và nghi ngờ sự thật về câu nói đó.

Ví dụ: “ Nam hôm nay tại sao con không đến lớp học thêm, tại sao mẹ lại hỏi con như vậy?”

Khi mẹ hỏi lý do Nam không đến trường thì Nam đã phủ định ý kiến của mẹ và hỏi ngược lại.

Chức năng biểu lộ cảm xúc

Thường sử dụng những cảm xúc như vui, buồn, đau khổ, hờn ghen, nhớ thương... Và được dùng nhiều trong văn xuôi hay truyện ngắn.

Ví dụ: Trích đoạn tác phẩm Trong Lòng Mẹ của Nguyên Hồng có đoạn:

“ Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi của con mà con người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa! Mẹ xa con, mẹ có biết không?”

Câu” Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế?” có nghĩa vừa thắc mắc tại sao mẹ đi lâu như vậy và còn bộc lộ cảm xúc nhớ thương mẹ.

Kết luận: Câu nghi vấn là dạng câu quan trọng giúp lời văn, câu chuyện hấp dẫn và thu hút sự tò mò của người đọc.

PHIẾU ÔN TẬP CÂU TRẦN THUẬT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Đặc điểm hình thức	<ul style="list-style-type: none"> - Đây là kiểu câu và được dùng nhất trong giao tiếp. - Câu trần thuật không có của các kiểu câu - Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng - Đôi khi nó được kết thúc bằng dấu hoặc dấu
2. Chức năng:	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng chính dùng để - Ngoài ra còn dùng để(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)
a. Chức năng dùng để kể:	<p><i>Em buộc con dao díp vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thủy lại “vỗ trang” cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thủy không chịu đựng nổi.</i></p> <p style="text-align: right;">(Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: có cuối câu - đã kể về
b. Chức năng dùng để thông báo:	<p><i>An nói với Hoàng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng mai lớp mình sẽ được nghỉ học đấy. - Đặc điểm hình thức: Có dấu (.) cuối câu - Đây là cuộc giữa An và Hoàng . An muốn thông báo với Hoàng
c. Chức năng dùng để nhận định	<p><i>Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương: không bao giờ ta thương...</i></p> <p style="text-align: right;">(Lão Hạc – Nam Cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: Có cuối câu, - Câu nói nhằm nhận định:
d. Chức năng dùng để miêu tả	<p><i>Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng. Đôi cánh tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy</i></p>

	<p><i>làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.</i></p> <p>- Đặc điểm hình thức: cuối câu</p> <p>- Dùng để miêu tả:</p>
e. Chức năng dùng để yêu cầu, đề nghị	<p style="text-align: center;">NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG</p> <p><i>1. Kính trọng, lễ phép với thầy cô, cán bộ CNV. Giúp đỡ bạn bè trong học tập và rèn luyện hạnh kiểm.</i></p> <p><i>2. Thuộc bài và làm bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên bộ môn trước khi lên lớp.</i></p> <p><i>3. Có ý thức bảo vệ tài sản chung của nhà trường, giữ gìn vệ sinh và cảnh quang môi trường XANH - SẠCH - ĐẸP.</i></p> <p><i>4. Tuyệt đối không uống rượu bia, hút thuốc lá và dùng các chất kích thích khác</i></p> <p>- Đặc điểm hình thức: cuối câu,</p> <p>- Dùng để yêu cầu, đề nghị đối với học sinh trong nhà trường</p>
f. Chức năng dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc	<p><i>Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi.</i></p> <p style="text-align: right;">(Bài học đường đời đầu tiên – Tô Hoài)</p> <p>- Đặc điểm hình thức: Có dấu cuối câu</p> <p>- Bộc lộ thái độ</p>

II. LUYỆN TẬP

Bài 1: Nêu tác dụng của những câu trần thuật dưới đây:

- (1) Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mả xuống.
- (2) Mỏ Cốc như cái dùi sắt chọc xuyên cả đất.
- (3) Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá.
- (4) Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì nó luôn bị chính nó bôi bẩn.
- (5) Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.
- (6) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con.
- (7) Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng, Hà Nội, được khởi công xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm, do kiến trúc sư nổi tiếng Người Pháp ép – phen thiết kế.

Bài 2: Những câu trần thuật in đậm dưới đây dùng để làm gì?

- a. Thôi em chào cô ở lại. Chào tất cả các bạn, tôi đi.
- b. Thôi tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Bài 3. Chuyển những câu sau thành câu trần thuật mà mục đích trực tiếp của mỗi câu, về cơ bản, vẫn giữ được.

Mẫu : Anh uống nước đi! - (Tôi) mời anh uống nước.

- Anh đóng cửa sổ lại đi!
- Ông giáo hút thuốc đi !
- Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão ?

Bài 4: Đặt câu trần thuật dùng để:

- Miêu tả một loài hoa
- Kể về một việc nào đó
- Thông báo ngày mai cả lớp được đi du lịch
- Nhờ vả ai đó
- Khen ngợi một bạn chữ đẹp

Bài 5. Đọc hiểu

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4

Đối với vi trùng, chúng ta có kháng sinh là vũ khí hỗ trợ đắc lực cho hệ miễn dịch của cơ thể. Song với virus, toàn bộ gánh nặng đều được đặt lên vai hệ miễn dịch. Điều này giải thích, tại sao virus corona gây chết người ở người lớn tuổi, có bệnh mãn tính nhiều hơn. Tất nhiên, vẫn còn hai bí ẩn: nó gây chết nam giới nhiều hơn, và trẻ em - người có hệ miễn dịch chưa phát triển tốt - lại ít bị nhiễm hơn.

Như vậy, trong đại dịch do virus corona gây ra lần này, vũ khí tối thượng mà chúng ta có là hệ miễn dịch của chính mình. Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta. Còn khi nó đã xâm nhập rồi, chỉ có hệ miễn dịch mới cứu được chúng ta.

Muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh, cần ăn uống đủ chất, đủ vitamin, tập luyện thể thao. Đặc biệt, lối sống vui vẻ, lạc quan giúp hệ miễn dịch rất nhiều.

(Trích bài *Cái giá của khẩu trang*, Bác sĩ Võ Xuân Sơn trên báo vnexpressnet, 5/2/2020)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?
- Câu: “*Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta*” xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì?
- Theo tác giả muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh, ta cần phải làm gì?

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP CÂU TRẦN THUẬT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Đặc điểm hình thức	<ul style="list-style-type: none"> - Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp. - Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán - Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm (.) - Đôi khi nó được kết thúc bằng dấu chấm than (!) hoặc dấu chấm lửng
------------------------------	--

	(...)
2. Chức năng:	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng chính dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả... - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)
a. Chức năng dùng để kể:	<p><i>Em buộc con dao díp vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thủy lại “vỗ trang” cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thủy không chịu đựng nổi.</i></p> <p>(Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: có dấu (.) cuối câu - Người anh đã kể về kỉ niệm của hai anh em gắn liền với hai con búp bê.
b. Chức năng dùng để thông báo:	<p><i>An nói với Hoàng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sáng mai lớp mình sẽ được nghỉ học đấy.</i> - Đặc điểm hình thức: Có dấu (.) cuối câu - Đây là cuộc trò chuyện giữa An và Hoàng . An muốn thông báo với Hoàng ngày mai được nghỉ học
c. Chức năng dùng để nhận định	<p><i>Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương: không bao giờ ta thương...</i></p> <p>(Lão Hạc – Nam Cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: Có dấu (.) cuối câu, - Câu nói nhằm nhận định: Phải tìm hiểu những người xung quanh ta thì mới thấy hết được phẩm chất của họ.
d. Chức năng dùng để miêu tả	<p><i>Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng. Đôi cánh tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: Có dấu (.) cuối câu - Dùng để miêu tả: hình dáng của Dế Mèn
e. Chức năng dùng để yêu cầu, đề nghị	<p>NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kính trọng, lễ phép với thầy cô, cán bộ CNV. Giúp đỡ bạn bè trong học tập và rèn luyện hạnh kiểm. 2. Thuộc bài và làm bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên bộ môn trước khi lên lớp.

	<p>3. Có ý thức bảo vệ tài sản chung của nhà trường, giữ gìn vệ sinh và cảnh quang môi trường XANH - SẠCH - ĐẸP.</p> <p>4. Tuyệt đối không uống rượu bia, hút thuốc lá và dùng các chất kích thích khác....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: Có dấu (.) cuối câu, - Dùng để yêu cầu, đề nghị đối với học sinh trong nhà trường
f. Chức năng dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc	<p>Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi.</p> <p>(Bài học đường đời đầu tiên – Tô Hoài)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm hình thức: Có dấu (!) và dấu (.) cuối câu - Bộc lộ thái độ ăn năn, hối hận của Dế Mèn

II. LUYỆN TẬP

Bài 1: Nêu tác dụng của những câu trần thuật dưới đây:

Hướng dẫn làm bài

- (1): Kể
- (2): Miêu tả
- (3): Miêu tả
- (4): Kể (Giới thiệu)
- (5): Miêu tả (Nhận xét)
- (6): Thông báo (Tuyên bố)
- (7): Kể (Giới thiệu)

Bài 2: Những câu trần thuật in đậm dưới đây dùng để làm gì?

Hướng dẫn làm bài

- a. Chào
- b. Khuyên răn

Bài 3: Chuyển những câu sau thành câu trần thuật mà mục đích trực tiếp của mỗi câu, về cơ bản, vẫn giữ được.

Hướng dẫn làm bài

<i>Câu</i>	<i>Câu trần thuật</i>
Anh đóng cửa sổ lại đi!	Anh đóng cửa sổ lại giúp tôi.
Ông giáo hút trước đi !	Mời ông giáo hút thuốc.
Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão ?	Nhà mình có sung sướng gì đâu mà giúp lão được.

Bài 4: Đặt câu trần thuật dùng để:

Hướng dẫn làm bài

<i>Yêu cầu</i>	<i>Câu trần thuật</i>
Miêu tả một loài hoa	Bông hồng kia màu sắc sặc sỡ.
Kể về một việc nào đó	Hôm qua, lớp tôi vừa đi cắm trại.
Thông báo ngày mai cả lớp được đi du lịch	Mai lớp mình sẽ đi du lịch ở Ao Vua nhé.
Nhờ vả ai đó	Giải giúp tôi bài này.
Khen ngợi một bạn chữ đẹp	Chữ cậu đẹp.

Bài 5. Đọc hiểu

	Phân đọc - hiểu
a	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận
b	Xét kiểu câu theo phân chia mục đích nói, câu: “ <i>Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta</i> ” thuộc kiểu câu trần thuật
c	Theo tác giả muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh: - Cần ăn uống đủ chất, đủ vitamin - Tập luyện thể thao. - Đặc biệt, lối sống vui vẻ, lạc quan giúp hệ miễn dịch rất nhiều

THAM KHẢO

Trong chương trình ngữ văn lớp 8, chúng ta được học và làm quen với nhiều dạng câu sử dụng cho văn viết như câu phủ định, câu cảm thán, câu cầu khiến... Một trong những loại câu hay được sử dụng để mô tả câu chuyện là câu trần thuật.

Định nghĩa câu trần thuật

Câu trần thuật là loại câu được sử dụng để kể lại một câu chuyện, mô tả, tường thuật, trình bày, khai báo, thông báo hay nêu định một việc, câu chuyện, hoạt động, thái độ và tính chất trong thực tế. Trong văn viết thì câu trần thuật nên viết theo đúng thực tế những gì mình nhìn thấy được, còn trong văn nói thì giọng điệu bình thường và kết thúc câu nên sử dụng dấu chấm.

Những đặc điểm chính câu trần thuật

Để sử dụng câu trần thuật đúng lúc, đúng hoàn cảnh chúng ta cần nắm vững những đặc điểm chính sau:

- Nên sử dụng câu trần thuật để mô tả, tường thuật hay trình bày một sự việc, câu chuyện hay bản khai toàn bộ những sự việc mà mình đã chứng kiến qua trực tiếp.

Không nên nghe từ nhiều nguồn khác nhau mà áp dụng vào câu trần thuật sẽ ảnh hưởng đến kết quả.

- Câu trần thuật không có nhiều đặc điểm về hình thức như các loại câu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán.
- Kết thúc câu trần thuật thường sử dụng dấu chấm, trong một số trường hợp để nhấn mạnh ý nghĩa câu nói có thể sử dụng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

Những chức năng chính câu trần thuật

Câu trần thuật có một số tính năng chính đặc trưng sau:

- Câu trần thuật thường không có dấu hiệu giúp người dùng nhận biết, vì vậy nên đọc kỹ đoạn văn để phân tích và đưa ra kết luận. Dấu hiệu đơn giản nhất là cuối câu trần thuật thường dùng dấu chấm.
- Là loại câu được sử dụng phổ biến nhất trong văn xuôi, văn viết, tiểu thuyết hay văn dài...
- Chức năng chính của câu trần thuật là kể hay tường thuật lại câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Câu chuyện này là có thật và được kể lại có thể khác nhau tùy vào người viết khi nhìn nhận vấn đề khác nhau.
- Nó còn dùng để yêu cầu, bộc lộ cảm xúc của người viết về một sự việc.

Ví dụ sử dụng câu trần thuật trong văn học và thực tế

Trong văn học và giao tiếp câu trần thuật được sử dụng nhiều nhất trong các loại câu vì nó thực tế, dễ sử dụng và dễ nghe, dễ hiểu.

Ví dụ trong giao tiếp

Ví dụ 1: Hôm qua trời mưa nên con đường gần nhà em bị ngập nước.

Dễ dàng nhận thấy câu nói trên là tường thuật câu chuyện về thời tiết, mà cụ thể là hôm qua trời mưa nên con đường bị ngập nước.

Ví dụ 2: Cha tôi là công nhân xây dựng

Người nói muốn mô tả cha của mình có nghề nghiệp là một công nhân xây dựng.

Ví dụ trong văn học

Ví dụ 1: “Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

Câu trần thuật này có ý nghĩa là mô tả và bày tỏ lòng yêu nước và tự hào dân tộc và nhắc nhở thế hệ trẻ nên biết ơn các bậc anh hùng của dân tộc Việt.

Ví dụ 2: “Ôi Tào Khê! Nước Tào Khê làm đá mòn đấy! Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thủy của ta!”

Nhiều người hay nhầm câu trên là câu cảm thán nhưng thật ra nó là câu trần thuật có nghĩa là mô tả về tào khê.

Kết luận: Câu trần thuật là dạng câu quan trọng, được sử dụng nhiều trong soạn văn và viết văn nghị luận.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU CẢM THÁN

I. Lí thuyết:

1. Đặc điểm hình thức	2. Chức năng

II, Luyện tập:

Bài 1: Cho biết cảm xúc của người nói, người viết trong những câu văn, câu thơ sau là gì ?

Câu văn / thơ	Đặc điểm hình thức	Cảm xúc
1, Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu		
2, Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam		
3, Hỡi ơi. Lão Hạc !		
4, Chà ! ...		
5, Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!		

Bài 2: Xác định câu cảm thán trong các trường hợp sau ? Viết 3-5 câu văn nêu suy nghĩ của em về cảm xúc của nhân vật trữ tình.

a, Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi.

b, Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

Bài 3: Cho 2 câu thơ sau:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia

- 2 câu thơ trên trích trong văn bản nào, thuộc tác phẩm nào, của ai?
- Chép lại 2 câu dịch thơ tương ứng.
- Bằng một đoạn văn 6-8 câu nêu cảm nhận của em về 2 câu thơ trên. Trong đoạn có sử dụng 1 câu cảm thán.

Bài 4. Đọc đoạn thơ sau và hoàn thành các yêu cầu bên dưới:

*Nhà gác đơn sơ một góc vườn
Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn
Giường mây, chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.*

(Thăm côi Bác xưa – Tố Hữu)

- Đoạn thơ trên gợi cho em nhớ đến bài thơ nào mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cũng nói về nếp sinh hoạt của Bác? Tác giả là ai?
- Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.
- Đặt một câu cảm thán bày tỏ tình cảm của em đối với Bác Hồ.
- Từ nội dung đoạn thơ trên, bản thân em sẽ làm gì để học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Nêu 2 hành động cụ thể).

Bài 5: Đọc hiểu văn bản

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nhà thơ phản ánh rất thành công nỗi bất bình sâu sắc và niềm khao khát tự do mãnh liệt của chúa sơn lâm trước thực tại tù túng, ngột ngạt. Bút pháp khoa trương của tác giả đã đạt tới độ thần diệu. Trong cảnh giam cầm, hổ chỉ còn biết gửi hồn về chốn nước non hùng vĩ, giang sơn của giống hùm thiêng ngự trị tự ngàn xưa. Bất bình với hiện tại nhưng không thể thoát khỏi xích xiềng nô lệ vị chúa tể sơn lâm đầy uy vũ ngày nào giờ đành buông xuôi, tự an ủi mình bằng những giấc mộng ngàn to lớn trong quăng đời tù túng còn lại. Một nỗi buồn tê tái thấm đẫm tâm hồn. Than ôi! Quá khứ hào hùng oanh liệt giờ chỉ còn hiện lên trong giấc mộng! Tự đáy lòng vị chúa tể rừng xanh bật thốt lên tiếng than ai oán: Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ôi!

- a. Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?
- b. Em hãy chép nguyên văn bốn câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy?
- c. “*Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!*” thuộc kiểu câu gì? Nó được dùng để làm gì?
- d. Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em, thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình?

Bài 6: Cho câu thơ sau:

“Ta nghe hè dậy bên lòng”

- a) Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thành khổ thơ?
- b) Khổ thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào? Tác giả nào?
- c) Đoạn thơ có mấy câu cảm thán? Câu cảm thán đó dùng để thực hiện hành động nói là gì?
- d) Tiếng chim tu hú ở cuối bài có ý nghĩa gì?
- e) Viết đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo hình thức tổng phân hợp nêu cảm nhận về tâm trạng người tù qua khổ thơ vừa chép.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**CÂU CẢM THÁN****I.Lí thuyết:**

1.Đặc điểm hình thức	2. Chức năng
Là câu có từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ơi, biết bao, xiết bao,... Thường kết thúc bằng dấu (!)	Dùng để bộc lộ trực tiếp của người nói, người viết

II, Luyện tập:

Bài 1: Cho biết cảm xúc của người nói, người viết trong những câu văn, câu thơ sau là gì ?

Câu văn / thơ	Đặc điểm hình thức	Cảm xúc
1, Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu	- có từ cảm thán: than ôi - có dấu !	Tiếc nuối, đau xót khi quá khứ vàng son đã qua
2, Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam	- có từ cảm thán: ôi - có dấu !	Ngỡ ngàng, xúc động của tác giả khi đứng trước Lăng Bác
3, Hỡi ơi. Lão Hạc !	- có từ cảm thán: Hỡi ôi - có dấu !	Đau xót, thương tiếc cho 1 kiếp người
4, Chà ! ...	- có từ cảm thán: chà - có dấu !	Ngạc nhiên, vui vẻ, hạnh phúc trước ánh sáng kì diệu của ánh lửa diêm
5, Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!	- có từ cảm thán: quá - có dấu !	Nỗi nhớ quê da diết trong lòng người con xa quê

Bài 2: Xác định câu cảm thán trong các trường hợp sau ? Viết 3-5 câu văn nêu suy nghĩ của em về cảm xúc của nhân vật trữ tình.

a, Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi.

b, Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

Bài 3: Cho 2 câu thơ sau:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia

a. 2 câu thơ trên trích trong văn Vọng nguyệt, thuộc tác phẩm Nhật kí trong tù, của HCM

b. Chép lại 2 câu dịch thơ tương ứng:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

c. Bằng một đoạn văn 6-8 câu nêu cảm nhận của em về 2 câu thơ trên. Trong đoạn có sử dụng 1 câu cảm thán.

Bài 4

a	Đoạn thơ trên gợi cho em nhớ đến bài thơ nào mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cũng nói về nếp sinh hoạt của Bác? Tác giả là ai?
	- Bài thơ gợi em nhớ tới bài thơ: Tức cảnh Pác Bó – Hồ Chí Minh
b	Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.
	- Nội dung: đoạn thơ nói về nếp sống thanh bạch, giản dị của Bác với những đồ dùng đơn sơ, mộc mạc trong căn nhà sàn nhỏ.
c	Đặt một câu cảm thán bày tỏ tình cảm của em đối với Bác Hồ.
	- Bác đã ra đi hơn nửa thế kỉ rồi mà con dân Việt Nam vẫn nhớ Bác xiết bao!
d	Từ nội dung đoạn thơ trên, bản thân em sẽ làm gì để học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Nêu 2 hành động cụ thể).
	Gợi ý: Để làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cần: - Ra sức học tập và tu dưỡng đạo đức ngay từ bây giờ. - Nhân ái, vị tha, khoan dung và luôn sẵn sàng giúp đỡ khi mọi người gặp khó khăn.

Bài 5

a	Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?
	Bài thơ Nhớ rừng của tác giả Thế Lữ
b	Em hãy chép nguyên văn bốn câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy?

	Chép nguyên văn 4 câu thơ trong bài Nhớ rừng
c	“ <i>Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!</i> ” thuộc kiểu câu gì? Nó được dùng để làm gì?
	Kiểu câu: cảm thán Chức năng: Bộc lộ cảm xúc
d	Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em, thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình?
	Vì: + tâm trạng ngọt ngào, uất ức, tủi túng + nỗi chán ghét thực tại + niềm khát khao tự do - HS thể hiện lòng yêu nước (bằng nhiều cách khác nhau): học tốt, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền của tổ quốc,..... Tùy vào cách diễn đạt, trình bày của HS mà GV cho điểm phù hợp với khả năng các em

Bài 6:**a) Chép đúng các câu thơ tiếp (0,5 điểm)**

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu!

b) Khổ thơ vừa chép nằm trong tác phẩm Khi con tu hú (sáng tác 7/ 1939 khi Tố Hữu bị bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ - Huế) (0,5 điểm)**c) Đoạn thơ vừa chép có hai câu cảm thán: (0,5 điểm)**

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!
Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu!

hành động nói: Bộc lộ cảm xúc

d) Tiếng chim tu hú kết thúc bài thơ là âm thanh của tự do bên ngoài thúc giục đến da diết, khắc khoải.....(0,5 điểm)**e) Đoạn văn khoảng 10 – 12 câu (3,0 điểm)**

* Hình thức: Trình bày đúng hình thức một đoạn văn, đảm bảo số câu (10 – 12 câu), có đánh số câu **(0,5 điểm)**

* Nội dung: **(2,5 điểm)**

- Mở đoạn: Giới thiệu khái quát bài thơ, tác giả, dẫn dắt đến khổ 2: Tâm trạng bức bối, đau khổ và niềm khát khao tự do của nhà thơ.

- Thân đoạn: Nêu được các nội dung sau

+ Tâm trạng của người tù cách mạng: Đau khổ, ngọt ngào được nhà thơ biểu đạt trực tiếp

+ Bốn câu lục bát ngắt nhịp bất thường 6/2, 3/3, dùng hai câu cảm thán liên tiếp cùng với việc sử dụng các động từ mạnh: Đạp tan phòng, chết uất, các thán từ “Ôi, thôi, làm sao” đoạn thơ trở thành tiếng kêu phẫn uất của người mất tự do.

+ Cùng với tiếng kêu ấy chính là tâm trạng bức bối, ngọt ngào muốn phá tan xiềng xích của người tù cách mạng

+ Niềm khát khao tự do cháy bỏng của người tù muốn thoát ra khỏi tù ngục trở về với

cuộc sống tươi đẹp tự do bên ngoài. Cảnh bên ngoài đẹp bao nhiêu rực rỡ bao nhiêu thì người tù càng đau đớn sôi sục bấy nhiêu. Đó là ý chí bất khuất kiên cường của người tù.
 + Tiếng kêu của con chim tu hú là tiếng gọi thiết tha của tự do, của sự sống đầy quyền rũ với người tù CM trẻ tuổi.
 - Kết đoạn: Khái quát lại tâm trạng và niềm khát khao của người người tù.

THAM KHẢO

Khi để mô tả, bộc lộ cảm xúc hay nhấn mạnh ý nghĩa câu nói cho người đọc, người nghe chúng ta thường sử dụng câu cảm thán. Loại câu này chỉ sử dụng trong những trường hợp cụ thể và không dùng nhiều như **câu trần thuật**.

Định nghĩa câu cảm thán

Câu cảm thán là loại câu dùng để mô tả, biểu lộ cảm xúc mà người viết, người nói muốn bày tỏ như đau buồn, giận dữ, phấn khích, vui vẻ, phẫn nộ, ngạc nhiên, chua xót, kích động.... Và kết thúc câu cảm thán thường sử dụng dấu chấm than để nhấn mạnh ý kiến đó.

Những dấu hiệu nhận biết câu cảm thán

- Những câu có các dấu hiệu dưới đây giúp bạn nhận biết đó là câu cảm thán gồm:
- Khi xuất hiện các từ, cụm từ như than ôi, chao ôi, ôi, chao, hỡi ơi, ông ơi, bà ơi, con ơi, quá, lắm...
- Khi kết thúc câu là dấu chấm than.
- Đôi khi có thể không phải những dấu hiệu trên cũng có thể là câu cảm thán, tùy vào câu chuyện và cách sử dụng kiểu liên kết câu của tác giả.

Những chức năng chính câu cảm thán

- Không phải bất kỳ trường hợp nào ta cũng sử dụng câu cảm thán được, vì nếu sử dụng không đúng mục đích sẽ ảnh hưởng đến ý nghĩa và mức độ nghiêm trọng của câu chuyện, lời nói đó.
- Câu cảm thán dùng để nói lên ý kiến cá nhân của người viết, người đọc mà ý kiến đó mang nghĩa bộc lộ cảm xúc thật về sự vật, sự việc đó.
- Nó giúp người đọc hiểu được những câu nói, lời văn đó là cảm xúc và cao trào của bài văn.
- Dùng để cảm ơn người khác về sự giúp đỡ lớn lao hay không thể diễn tả hết ý nghĩa của câu nói.
- Dùng để bộc lộ nỗi buồn khi thất bại hoặc mất đi một điều quý giá nhất mà ta có.
- Để nói lên điều bất ngờ mà mình gặp qua trong cuộc sống.
- Lưu ý khi viết văn bản, hợp đồng thì không nên sử dụng câu cảm thán.

Ví dụ sử dụng câu cảm thán

Để giúp các bạn có cái nhìn tổng quát về câu cảm thán, mình sẽ cho nhiều ví dụ về loại câu này trong giao tiếp và trong thơ văn. Và cần lưu ý câu cảm thán với **câu cầu khiến** tương đối giống nhau về cách sử dụng.

Ví dụ câu cảm thán trong giao tiếp

Ví dụ 1: Anh hai vẽ bức tranh phong cảnh đẹp quá!

Câu trên có nghĩa là bộc lộ cảm xúc khi thấy một bức tranh đẹp.

Ví dụ 2: Than ôi! bệnh corona làm ảnh hưởng cha con mất việc rồi.

Biểu lộ nỗi buồn khi người cha, người chồng bị mất việc làm.

Hoặc câu nói “ toang thật rồi ông giáo ạ!” là một trong 12 câu nói hot nhất mạng xã hội 2019 là một câu cảm thán.

Ví dụ trong văn học

Một đoạn trong bài thơ Tổ Quốc của Tố Hữu có viết:

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!

Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt.

Nói lên vẻ đẹp thiên nhiên của tổ quốc như rừng cọ, đồi chè và đồng xanh.

Kết luận: Câu cảm thán giúp người viết, người nói biểu lộ cảm xúc hay tâm trạng của mình cho người nghe, người đọc.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT CÂU PHỦ ĐỊNH

I, Lý thuyết

Đặc điểm hình thức	Chức năng
- Là câu	- -

II, Luyện tập

Bài 1: Xác định chức năng của các câu phủ định sau

STT	Câu phủ định	Dấu hiệu	Chức năng
1	Hôm nay trời không mưa.		
2	Dải nước đen giả suối chẳng thông dòng.		
3	Ông đồ vẫn ngồi đó Qua đường không ai hay.		
4	Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.		
5			

Bài 2: Chuyển các câu sau thành câu phủ định mà vẫn giữ nguyên ý

- Hôm qua, mẹ ở nhà.
- Trong giờ Toán, Hoa rất trật tự.
- Cô ấy rất đẹp.
- Anh ấy đi xe cẩn thận

Bài 3: Phân tích giá trị của những từ phủ định trong các ví dụ sau:

- Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gọi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

(Tràng Giang – Huy Cận)

- Đêm nào, anh chẳng nhớ em.
- Chờ mãi anh sang anh chả sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng nhờ nhàng!

(Mưa xuân – Nguyễn Bính)

- Mình em làm lủi trên đường về
Có ngấn gì đâu một dải đê!

(Mưa xuân – Nguyễn Bính)

- Nào đâu những đêm vàng...
... ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt.

(Nhớ rừng - Thế Lữ)

- Mẹ làm sao nhớ nổi

Cái thằng con đến ngồi nghỉ bên thềm
 Khi đêm về thường lẫn vào đêm
 Khi trời sáng lẫn vào đồng đội

(*Mẹ chẳng thể nào nhớ nổi chúng con đâu – Dương Hữu Ly*)

Bài 4: Xác định câu phủ định trong các trường hợp sau. Viết 1 đoạn văn từ 3-5 câu nêu dụng ý của tác giả khi sử dụng câu phủ định đó.

a, Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.

b, Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi.

Bài 5: Cho các câu thơ sau: Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

a, 2 câu thơ trên nằm trong bài thơ nào, của ai ?

b, Em hiểu thế nào về cụm từ “ vẫn sẵn sàng”

c, Bằng 1 đoạn văn 6-8 câu hãy nêu cảm nhận của em về 2 câu thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu phủ định.

Đáp án PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU PHỦ ĐỊNH

I, Lý thuyết

Đặc điểm hình thức	Chức năng
<ul style="list-style-type: none"> - Là câu có chứa các từ phủ định: không, chưa, chẳng, không phải (là), chẳng phải (là), đâu (có), ... - Kết thúc bằng dấu chấm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (phủ định miêu tả) - Phản bác 1 ý kiến, 1 nhận định (phủ định bác bỏ)

II, Luyện tập

Bài 1: Xác định chức năng của các câu phủ định sau

STT	Câu phủ định	Dấu hiệu	Chức năng
1	Hôm nay trời không mưa.	Từ phủ định : không	phủ định miêu tả

2	Dải nước đen giả suối chẳng thông dòng.	Từ phủ định : chẳng	
3	Ông đồ vẫn ngồi đó Qua đường không ai hay.	Từ phủ định : không	
4	Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.	Từ phủ định : không	
5			

Bài 2**Hướng dẫn làm bài**

<i>Câu</i>	<i>Câu phủ định</i>
a. Hôm qua, mẹ ở nhà.	Hôm qua, mẹ không đi đâu cả.
b. Trong giờ Toán, Hoa rất trật tự.	Trong giờ Toán, Hoa không nói chuyện riêng.
c. Cô ấy rất đẹp.	Cô ấy không xấu.
d. Anh ấy đi xe cẩn thận	Anh ấy đi xe không ẩu.

Bài 3:**Hướng dẫn làm bài**

- Phủ định không đồ, không cầu
- Khẳng định nỗi nhớ của chàng trai với cô gái
- Lời giận hờn dịu dàng
- Lời trách cứ, giận hờn
- Sự tiếc nuối tha thiết.
- Đây không phải lời trách cứ mà là lời yêu thương của con: muốn nhưng mẹ không thể.

Bài 4: Xác định câu phủ định trong các trường hợp sau. Viết 1 đoạn văn từ 3-5 câu nêu dụng ý của tác giả khi sử dụng câu phủ định đó.

a, Trong tù không rượu cũng không hoa -> câu phủ định

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.

b, Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi. -> câu phủ định

Bài 5: Gợi ý:

a. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó của HCM

b. Cụm từ “vẫn sẵn sàng” có 2 cách hiểu:

+ bẹ, rau nhiều luôn sẵn có

+ Bác luôn sẵn sàng đón nhận thực phẩm từ thiên nhiên.

c. HS tự viết

THAM KHẢO

Khi hỏi hoặc trả lời một vấn đề, sự việc, câu chuyện thì chúng ta sử dụng nhiều loại câu có nghĩa khác nhau. Như câu khẳng định, câu hỏi, câu cảm thán và một trong những câu được sử dụng nhiều là câu phủ định. Trong seri hướng dẫn học ngữ văn 8 mình sẽ giới thiệu cách sử dụng câu phủ định nha.

Khái niệm câu phủ định

Câu phủ định là loại câu có nghĩa phản bác, không đồng ý, phản đối một ý kiến, sự việc, câu chuyện nào đó. Ở đây nó chỉ mang nghĩa là phủ định với ý kiến người khác đưa ra, không xác định ý kiến mình phủ định có thật chính xác không. Những từ gồm “không, chẳng, chả, chưa, không phải, đâu có phải (là), đâu (có)... là cách giúp bạn nhận biết câu phủ định chính xác nhất.

Ví dụ: Trâm Anh chưa làm xong bài tập hoặc Hôm nay Trâm Anh đâu có đi học.

Những tính năng chính câu phủ định

Chỉ một vài tính huống hay trường hợp mà ta lựa chọn nên sử dụng câu phủ định sao cho thích hợp nhất.

Dùng để thông báo, xác định

Thông báo, xác định không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó mà bạn chắc chắn là nó sai hoặc không hợp lý. Nó còn gọi là câu phủ định miêu tả. Loại này thường được sử dụng nhất và dễ nhận biết nhất.

Ví dụ: Chiều nay trời không mưa hoặc hôm nay trời chưa mưa.

Dùng để phản bác

Phản bác một ý kiến, một nhận định từ cá nhân hay tổ chức. Nó còn gọi là câu phủ định bác bỏ. Ví dụ trong một cuộc họp, thảo luận nhóm một người đề xuất ý kiến thì sẽ có nhiều người phản bác, đưa ra ý kiến ngược lại...

Ví dụ: Một đoạn trò chuyện ngắn về cách dùng câu phủ định để phản bác

Tối nay Lan đi xem phim với Tấn không?

Tối nay Lan không đi được vì có hẹn rồi.

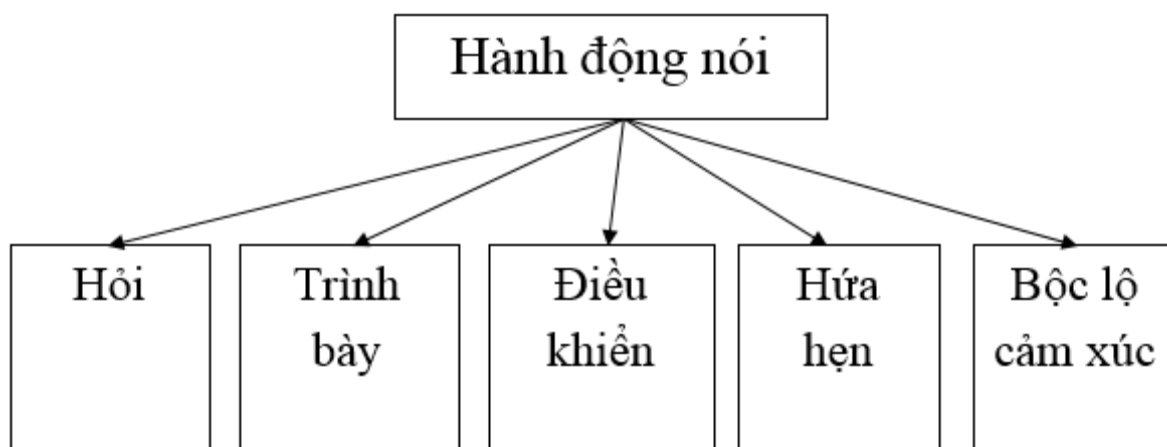
Câu phủ định bác bỏ, phản bác bao giờ cũng xuất hiện sau một ý kiến, một nhận xét đã được đưa ra từ trước. Vì vậy, câu phủ định bác bỏ không bao giờ đứng ở vị trí mở đầu đoạn văn.

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ nhiều khi không được thể hiện ra một cách rõ ràng qua hình thức hoặc dấu hiệu. Trong những trường hợp như vậy, cần dựa vào hoàn cảnh để xác định đâu là câu phủ định miêu tả hay là câu phủ định bác bỏ cho chính xác nhất.

Kết luận: Người dùng nên cẩn thận khi sử dụng câu phủ định hợp lý nhất, vì các nhận định sai dễ gây hiểu lầm không mong muốn.

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Định nghĩa	Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.
2. Một số kiểu hành động nói thường gặp	<ul style="list-style-type: none">- Hỏi- Trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến...)- Điều khiển (câu khiến, đe dọa, thách thức, ...)- Hứa hẹn.- Bộc lộ cảm xúc.
3. Cách thực hiện hành động nói:	<ul style="list-style-type: none">- Cách dùng trực tiếp (Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó).- Cách dùng gián tiếp (hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính không phù hợp với hành động đó).



II. LUYỆN TẬP

Bài 1. Dựa vào đâu mà người ta đặt tên cho các kiểu hành động nói? Chỉ ra hành động nói trong đoạn văn sau: “Nếu vậy, rồi đây sau khi giặt giã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết ra bài hịch này để các ngươi biết bụng ta.” (*Hịch tướng sĩ- Trần Quốc Tuấn*)

Bài 2

Cho câu thơ sau:”Ta nghe hè dậy bên lòng...”

- Hãy chép tiếp câu thơ còn lại để hoàn thành khổ thơ?
- Khổ thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào? tác giả nào?
- Đoạn văn có mấy câu cảm thán? Câu cảm thán đó dùng để thực hiện hành động nói là gì?
- Tiếng chim tu hú ở cuối bài có ý nghĩa gì?

Bài 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...”Lão Hạc ơi (1)! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt (2)! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão (3). Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão (4). Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn:”Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”(5)”.

(Trích”Lão Hạc”- Nam Cao.)

Cho biết mỗi câu (2), (3), (4), (5) trong đoạn văn thực hiện hành động nói nào?

Bài 4. Xác định kiểu câu chia theo mục đích nói đối với các câu trong đoạn văn sau:”Về nghỉ ngơi hiện ra sắc mặt con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha: (1)

- Sáng ngày người ta đâm u có đau lắm không? (2)

Chị Dậu gạt nước mắt: (3)

- Không đau con ạ! (4)”.

(Ngô Tất Tố - Tắt đèn)

Bài 5

a) Hành động nói là gì? Có mấy cách thực hiện hành động nói?

b) Câu văn sau đây thuộc kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào? Thực hiện hành động nói gì?

- *Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau...*

(Khánh Hoài)

Bài 6

1. *Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?*

a. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

-Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

– Hồng! **Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?**

c. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

– **(1) Mày trói ngay chồng bà đi, (2) bà cho mày xem!**

d. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Dế Choắt lên mà than rằng:

– **Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này!**

e. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

– **Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu.**

g. Có người khẽ nói:

Bẩm, để có khi dê vỡ!

Bài 7. Đặt câu để thực hiện:

- Một hành động thuộc nhóm trình bày;
- Một hành động thuộc nhóm điều khiển;
- Hành động hỏi;
- Một hành động thuộc nhóm hứa hẹn;
- Một hành động thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc;

Bài 8. Những câu sau đây dùng để thực hiện hành động nói nào? Xác định kiểu câu thực hiện Hành động nói?

- a. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.
- b. (1) Kính chào nữ hoàng. (2) Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?
- c. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!
- d. Cảm ơn cụ, (nhà cháu đã tinh táo như thường).

Bài 9. Các hành động nói ở những câu sau được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp?

- a. (Thằng kia!) (1) Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? (2) Nộp tiền sưu! (3) Mau!
- b. (1) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. (2) Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-đát và Lo-ren... (3) Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. (4) Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. (5) Thầy mong các con hết sức chú ý.

III. PHIẾU BÀI TẬP HÀNH ĐỘNG NÓI

BT1. Xác định hành động nói của các câu theo bảng sau:

STT	Câu	Hành động nói
1	Vào mùa cà phê nở hoa, Tây Nguyên đẹp hơn.	
2	Ôi, cảnh đẹp quá!	
3	Đã chụp được kiểu ảnh nào chưa?	
4	Lần sau, cậu phải chuẩn bị chu đáo hơn lần này.	
5	Cầm giúp tớ cái máy quay này được không?	

6	<i>Có nhanh tay lên không thì bảo?</i>	
7	<i>Tớ sẽ về ngay nếu cậu cứ cao giọng với tớ.</i>	
8	<i>Đừng bỏ đi nhé!</i>	
9	<i>Cậu phải hứa với tớ sẽ không bao giờ gắt gỏng.</i>	
10	<i>Tớ xin hứa.</i>	

BT2. Các câu sau đây thể hiện các hành động nói: phủ định, khẳng định, khuyên, đe dọa, bộc lộ cảm xúc. Hãy xác định kiểu hành động nói thể hiện trong từng câu:

a. *Bao giờ chạch để ngọn đa*

Sáo để dưới nước thì ta lấy mình.

b. *Nó giết mày đấy! Mày có biết không?*

c. *Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*

d. *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

e. *Con người muốn sống, con ơi*

Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

BT3. Trong những câu nghi vấn sau, câu nào dùng để điều khiển?

a. *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

Ta say môi đứng uống anh trăng tan?

b. *Người thuê viết nay đâu?*

c. *Nhưng lại dâng này đã, về làm gì vội?*

d. *Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?*

BT4. Hãy sắp xếp các câu ở BT1 vào bảng tổng hợp sau:

STT	Kiểu câu phân loại theo mục đích nói	Hành động nói được thực hiện	Cách dùng
1			
2			
3			

4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

BT5. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

(1) Một người hỏi nhà hiền triết:

(2) Cái gì nên nhớ và cái gì nên quên?

(3) Nhà hiền triết trả lời:

(4) Nếu mọi người làm điều tốt cho anh thì anh nên nhớ. Còn nếu anh làm điều tốt cho mọi người thì anh nên quên.

(Theo: Truyện ngụ ngôn lòng danh thế giới)

a. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

b. Xác định các kiểu câu phân chia theo mục đích nói cho các câu trên.

c. Xác định cách thực hiện hành động nói của các câu trên?

d. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 8 câu) nói lên bài học rút ra từ câu chuyện trên?

BT6. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những mơ ước rõ rệt nhất trong lứa tuổi học trò — lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dần vặt bạn mỗi ngày. Nếu vậy, sao bạn không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ? Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn. Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức...

(Theo Phạm Lữ Ân, “Nếu biết trăm năm là hữu hạn”, NXB Hội Nhà văn)

1. Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? Nội dung của đoạn trích là gì?
2. Cho câu: “Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn.”
 - a) Xét theo mục đích nói, câu văn trên thuộc kiểu câu gì?
 - b) Câu văn trên thực hiện hành động nói nào?
3. Từ đoạn trích đã cho kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 1 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của ước mơ đối với tuổi học trò**.

THAM KHẢO

Hành động nói

Hành động nói là gì

Theo định nghĩa chính xác biên soạn trong SGK **khái niệm hành động nói** là các hành động thực hiện bằng lời nói thể hiện mục đích nhất định.

Mỗi hành động nói để có mục đích riêng, dựa vào đó có thể phân ra có nhiều kiểu hành động nói khác nhau.

Ví dụ:

“Dần buông chị ra đi con” – hành động cầu khiến của chị Dậu nói với cái Dần buông chị ra.

“Nếu Dần không buông chị ra, chóc nữa ông Lí vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy” – hành động của chị Dậu nói với cái Dần mang mục đích đe dọa, nhằm để cái Dần sợ và buông chị ra.

Các kiểu hành động nói

– Dựa vào mục đích nói mà phân chia ra các kiểu hành động nói. Tên gọi của các kiểu cũng đặt theo mục đích nói. Ví dụ mục đích nói là hứa hẹn điều gì đó thì đặt là hành động hứa hẹn.

– Các kiểu hành động nói thường gặp như: hành động nhằm để hỏi, trình bày (báo tin, kể, tả, giới thiệu...), điều khiển, cầu khiến (đe dọa, thách thức...), hứa hẹn hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc (vui, buồn, giận dữ, ngạc nhiên, hào hứng...)

+ Hành động hỏi: là hành động của người hỏi với mục đích muốn được cung cấp tin tức hoặc biểu thị thái độ từ người nghe.

Ví dụ: Bạn đã khỏe hẳn chưa?

+ Hành động điều khiển: là hành động sai khiến của người nói muốn người nghe thực hiện một hành động nào đó.

Ví dụ: Buổi trưa hôm nay thật là nắng, mình quên mang ô, cậu đi mua ô và nước nhé!

+ Hành động hứa hẹn: là hành động mà người nói tự mình ràng buộc thực hiện một hành động nào đó với người nghe.

Ví dụ: Con ráng học cho tốt nha, được điểm 10 mẹ cho con đi sở thú chơi.

+ Hành động trình bày (kể, miêu tả, báo tin...): là hành động của người nói mà qua những lí lẽ, ý nghĩ của mình người nghe hiểu và tin tưởng.

+ Hành động bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, giận dữ...): là hành động của người nói thông qua ngôn ngữ, cử chỉ, bộc lộ những tâm trạng, cảm xúc của mình với người nghe.

– Các kiểu câu có thể nhận ra bằng hình thức cấu tạo như dấu câu, từ ngữ đặc trưng, chức năng của các kiểu câu. Ví dụ: Bạn đã khỏe chưa ? (hành động hỏi).

Trong giao tiếp đối thoại 2 người, xét về hành động nói thường chỉ quan tâm đến vai trò của người nói, tạm bỏ đi vai trò của người nghe.

Ví dụ về hành động nói

-Trong tác phẩm “Thạch Sanh”, mỗi câu nói của Lý Thông đều mang một mục đích nhất định.

+ Hành động nói đe dọa của Lý Thông đối với Thạch Sanh: “Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết”

+ Hành động cầu khiến, Lý Thông yêu cầu Thạch Sanh phải trốn ngay đi:” Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn ngay đi”

+ Hành động hứa hẹn sẽ lo liệu mọi chuyện cho Thạch Sanh của Lý Thông: “Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”

– Trong tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, hành động nói của các nhân vật cũng gắn liền với những mục đích nhất định:

+ Cái Tí hỏi chị Dậu “Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?” – Đây là hành động nói mang mục đích hỏi của cái Tí. Nó muốn biết bữa cơm sau nó ăn ở đâu.

+ Chị Dậu nói với cái Tí là “Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài” – Hành động nói của chị Dậu mang mục đích trình bày. Chị cho cái Tí biết bữa cơm sau nó ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

+ “U nhất định bán con đây ư? U không cho con ở nhà nữa ư” – ” Khốn nạn thân con thế này ! Trời ơi!” – Đây là hành động nói của cái Tí: nó muốn biết tại sao lại bị bán đi và không được ở nhà. Sau đó là bộc lộ cảm xúc tuyệt vọng khi biết mình sẽ bị bán.

ĐÁP ÁN HÀNH ĐỘNG NÓI

II. LUYỆN TẬP

Bài 1 (1.5đ)	Người ta dựa vào mục đích của hành động nói mà đặt tên cho nó.	0.5đ
	Câu 1: Hành động hỏi.	0.5đ
	Câu 2: Hành động trình bày.	0.5đ

Bài 2

Câu	Nội dung	Điểm
a.	Câu thơ tiếp Ta nghe hè dậy bên lòng Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi! Ngột làm sao, chết uất thôi Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu!	0.5
b.	- Khổ thơ vừa chép nằm trong tác phẩm Khi con tu hú – Tố Hữu	0.25
c.	- Đoạn thơ vừa chép có hai câu cảm thán: + Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi! + Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu! - Hành động nói: Bộc lộ cảm xúc	0.5 0.25
d.	- Tiếng chim tu hú kết thúc bài thơ là âm thanh của tự do bên ngoài thúc giục đến da diết, khắc khoải...	0.5

Bài 3: Mỗi ý trả lời đúng được 0,5 điểm:

- Câu (2), (3) thực hiện hành động điều khiển.
- Câu (3), (4) thực hiện hành động hứa hẹn.

Bài 4.

Câu 1: Câu trần thuật (0.5 đ)

Câu 2: Câu nghi vấn (0.5 đ)

Câu 3: Câu trần thuật (0.5 đ)

Câu 4: Câu phủ định (0.5 đ)

Bài 5

a) Hành động nói là gì? Có mấy cách thực hiện hành động nói?

b) Câu văn sau đây thuộc kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào? Thực hiện hành động nói gì?

- Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngòai cách xa nhau...

(Khánh Hoài)

Phần	Nội dung	Điểm
a)	Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục	0.5

	đích nhất định.	
	Có 2 cách thực hiện hành động nói: - Thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp); - Thực hiện bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp).	0.5
b)	- Câu văn thuộc kiểu câu cầu khiến.	0.5
	- Thực hiện hành động điều khiển.	0.5

Bài 6 Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?

a. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

-Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

– Hồng! **Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?**

c. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

– (1) Mày trói ngay chồng bà đi, (2) bà cho mày xem!

d. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Đế Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này!

e. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

– Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu.

g. Có người khẽ nói:

Bẩm, dễ có khi dê vỡ!

Gợi ý

a. hành động mời – thuộc nhóm điều khiển.

b. hành động hỏi

c. (1) hành động thách thức – thuộc nhóm điều khiển.

(2) hành động đe dọa – thuộc nhóm hứa hẹn.

d. hành động ân hận – thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc.

e. hành động hứa – thuộc nhóm hứa hẹn.

g. hành động cảnh báo – thuộc nhóm trình bày.

Bài 7. HS tự đặt câu

Bài 8. Những câu sau đây dùng để thực hiện hành động nói nào? Xác định kiểu câu thực hiện Hành động nói?

- a. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.
- b. (1) Kính chào nữ hoàng. (2) Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?
- c. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!
- d. Cảm ơn cụ, (nhà cháu đã tỉnh táo như thường).

Câu	Hành động nói	Cách thực hiện
a.	Hứa hẹn (cam đoan)	dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói.
b.(1)	Bộc lộ cảm xúc (chào)	dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói.
b.(2)	Hỏi	dùng câu nghi vấn trực tiếp
c.	Điều khiển(van)	dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói.
d.	Bộc lộ cảm xúc (cảm ơn)	dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói

Bài 9. HS tiến hành các bước sau:

- Xác định kiểu câu phân loại theo mục đích nói và mục đích trực tiếp của chúng.
- Xác định mục đích sử dụng thực tế của từng câu.
- Đối chiếu kết quả của hai bước trên với nhau để trả lời.

Các hành động nói và cách thực hiện ở các câu đã cho được xác định như sau:

Câu	Hành động nói	Cách thực hiện
a (1)	trình bày	dùng câu nghi vấn gián tiếp
a (2)	điều khiển	dùng câu cầu khiến trực tiếp
a (3)	điều khiển	dùng câu cầu khiến trực tiếp

b (1)	trình bày	dùng câu trần thuật trực tiếp
b (2)	trình bày	dùng câu trần thuật trực tiếp
b (3)	trình bày	dùng câu trần thuật trực tiếp
b (4)	trình bày	dùng câu trần thuật trực tiếp
b (5)	điều khiển	dùng câu trần thuật gián tiếp

III. ĐÁP ÁN PHIẾU BÀI TẬP HÀNH ĐỘNG NÓI

BT1. Xác định hành động nói của các câu theo bảng sau:

STT	Câu	Hành động nói
1	Vào mùa cà phê nở hoa, Tây Nguyên đẹp hơn.	Trình bày, nhận xét
2	Ôi, cảnh đẹp quá!	BLCX
3	Đã chụp được kiểu ảnh nào chưa?	Hỏi
4	Lần sau, cậu phải chuẩn bị chu đáo hơn lần này.	Điều khiển- khuyên
5	Cầm giúp tớ cái máy quay này được không?	Điều khiển- Đề nghị
6	Có nhanh tay lên không thì bảo?	Điều khiển- Ra lệnh
7	Tớ sẽ về ngay nếu cậu cứ cao giọng với tớ.	Điều khiển- Dè dọa
8	Đừng bỏ đi nhé!	Điều khiển- Đề nghị
9	Cậu phải hứa với tớ sẽ không bao giờ gắt gỏng.	Điều khiển- yêu cầu
10	Tớ xin hứa.	Hứa hẹn

BT2. Các câu đã cho thể hiện những hành động nói sau:

- HĐ phủ định(trình bày).
- HĐ đe dọa (điều khiển).
- HĐ khẳng định (trình bày).
- HĐ bộc lộ cảm xúc.

e. HĐ khuyên bảo (điều khiển).

BT4.

STT	Kiểu câu phân loại theo mục đích nói	Hành động nói được thực hiện	Cách dùng
1	Trần thuật	Trình bày	Trực tiếp
2	Cảm thán	BLCX	Trực tiếp
3	Nghi vấn	Hỏi	Trực tiếp
4	Cầu khiến	Điều khiển	Trực tiếp
5	Nghi vấn	Đề nghị	Gián tiếp
6	Nghi vấn	Điều khiển	Gián tiếp
7	Trần thuật	Đe dọa- điều khiển	Gián tiếp
8	Cầu khiến	Đề nghị- điều khiển	Trực tiếp
9	Cầu khiến	Yêu cầu- đề nghị	Trực tiếp
10	Trần thuật	Hứa hẹn	Gián tiếp

BT5.

1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?
	- Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên: tự sự.
2	Xác định các kiểu câu phân chia theo mục đích nói cho các câu trên.
	- Câu (1): Trần thuật. - Câu (2): Nghi vấn. - Câu (3): Trần thuật. - Câu (4): Cầu khiến.
3	Xác định cách thực hiện hành động nói của các câu trên?
	Cách thực hiện hành động nói của các câu trên: - Câu (2): Hỏi. - Câu (4): Khuyên bảo.
4	Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 8 câu) nói lên bài học rút ra từ câu chuyện trên?
	- Về kĩ năng: + Viết bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí. + Đoạn văn có lập luận thuyết phục, không mắc lỗi diễn đạt. - Về kiến thức: Hiểu ý nghĩa câu chuyện và trình bày ý kiến một cách thuyết phục. Có thể tham khảo một số ý sau: + Ý nghĩa: Truyện giáo dục con người về thái độ sống đúng đắn qua các tình huống

giả định mà con người thường gặp: *cho và nhận, làm ơn và được giúp đỡ*. Lời nói của nhà hiền triết có hai ý: nhắc nhở về sự biết ơn, nhận điều tốt từ người khác không thể không ghi nhớ; nhắc nhở khi làm ơn, làm điều tốt cho người khác thì phải trong sáng, vô tư, không vụ lợi.

+ Bàn bạc: Truyện nói rất chính xác bản chất của lòng biết ơn và làm điều tốt.

+ Bài học nhận thức và hành động: hướng đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống; sẵn sàng giúp đỡ người không may và sống với thái độ biết ơn.

BT6.

Câu	Gợi ý trả lời
1	- Phương thức: nghị luận - Nội dung: mỗi người đều có ước mơ riêng đừng để ai đánh cắp, chi phối ước mơ của mình
2	- Kiểu câu: trần thuật - Mục đích nói: trình bày
3	<i>Hình thức:</i> Đảm bảo dài 1 trang giấy, đúng bố cục 3 phần, trình bày mạch lạc
	<i>Nội dung:</i>
	- Giải thích: ước mơ (những điều tốt đẹp mà ta mong muốn, khát khao đạt được); tuổi học trò (lứa tuổi đi đang đi học, hồn nhiên, nhiều mộng tưởng)
	- Ý nghĩa của ước mơ đối với tuổi học trò: ở hiện tại (động lực học tập), ở tương lai (là mục đích sống). Không có ước mơ sẽ thấy tẻ nhạt, nhàm chán hoặc quá mơ mộng sẽ ảo tưởng, thất vọng. HS trình bày các ý nghĩa này phải có dẫn chứng xác đáng.
	- Liên hệ bản thân: cần nuôi dưỡng ước mơ mỗi ngày (dù lớn hay nhỏ), có hành động nỗ lực cụ thể hóa giấc mơ.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

HỘI THOẠI

Vai xã hội và lượt lời trong hội thoại; ý nghĩa của việc ứng xử đúng vai, điều chỉnh thái độ giao tiếp:	1. Khái niệm vai xã hội trong hội thoại:	<p>- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.</p> <p>- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:</p> <p>+ Quan hệ trên – dưới hay ngang hàng (<i>theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội</i>);</p> <p>+ Quan hệ thân – sơ (<i>theo mức độ quen biết, thân tình</i>).</p>
	2. Chọn cách nói cho phù hợp với vai thoại.	Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp
	3. Lượt lời trong hội thoại:	<p>- Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.</p> <p>- Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.</p> <p>- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ</p>

II. Luyện tập

Bài 1. Trắc nghiệm

Câu 1: Vai xã hội trong hội thoại là gì?

- A. Là vai vế của mỗi người trong gia đình
- B. Là vị trí, chỗ đứng của mỗi người trong gia đình
- C. Là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại
- D. Là cương vị, cấp bậc của một người trong cơ quan, xã hội

Câu 2: Trong hội thoại, người có vai xã hội thấp phải có thái độ ứng xử với người có vai xã hội cao như thế nào ?

- A. Ngưỡng mộ
- C. Sùng kính

B. Kính trọng D. Thân mật

Câu 3: Một người cha nói chuyện với một người con về công việc gia đình. Trong cuộc hội thoại đó, quan hệ giữa hai người là quan hệ gì ?

- A. Quan hệ gia đình C. Quan hệ tuổi tác
B. Quan hệ chức vụ xã hội D. Quan hệ họ hàng

Câu 4: Một người cha là giám đốc công ty nói chuyện với một người con là trưởng phòng tài vụ của công ty đó về tài khoản của công ty. Khi đó quan hệ giữa họ là quan hệ gì ?

- A. Quan hệ gia đình C. Quan hệ tuổi tác
B. Quan hệ chức vụ xã hội D. Quan hệ bạn bè đồng nghiệp

Câu 5: Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội nào?

- A. Quan hệ trên dưới hay ngang hàng
B. Quan hệ thân sơ
C. Quan hệ đồng nghiệp
D. Cả A và B đều đúng

Câu 6: Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều vì vậy mỗi người khi tham gia hội thoại cần chú ý điều gì?

- A. Cần xác định đúng vai hội thoại để chọn cách nói cho phù hợp.
B. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.
C. Sử dụng từ ngữ thân mật để nói
D. Sử dụng từ ngữ trang trọng để nói.

Câu 7: Lược lời trong hội thoại là gì?

- A. Số người nói chuyện
B. Số từ ngữ mỗi người nói
C. Số lần mỗi người nói
D. Số câu mỗi người nói

Câu 8: Thế nào là hành vi cướp lời (xét theo cách hiểu về lược lời) ?

- A. Nói tranh lược lời của người khác.

- B. Nói khi người khác đã kết thúc lời của người đó.
- C. Nói khi người khác chưa kết thúc lời của người đó.
- D. Nói xen vào khi người khác không yêu cầu.

Câu 9: Trong một buổi thảo luận ở lớp học, cô giáo yêu cầu học sinh A phát biểu ý kiến về một vấn đề. Học sinh A chưa kịp trình bày ý kiến của mình thì học sinh B đã vội vàng đưa ra những suy nghĩ về vấn đề đó. Trong lĩnh vực hội thoại, hành vi đó của B được gọi là hành vi gì?

- A. Nói leo. C. Nói tranh.
- B. im lặng. D. Nói hỗn

Câu 10: Để giữ lịch sự trong hội thoại, chúng ta cần làm gì?

- A. Cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh, cắt lời hoặc chêm vào lời của người khác.
- B. Nhất thiết phải đáp lại tất cả những câu người khác hỏi khi giao tiếp.
- C. Chỉ cần im lặng.
- D. Cả A,B,C đều đúng.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	C	B	A	B	D	A	C	A	C	A

Bài 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

Anh Mịch nhăn nhó, nói:

- (1) Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị kéo ông ấy đánh chết.

Ông lí cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dọ:

- (2) Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình, thì lần này đến lượt mày rồi.

- (3) Cẩn cở con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghị ghét con, cả nhà con khổ.

- (4) Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à ?

- (5) Đối với ông Nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con chết đói.

- (6) Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm. Đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.
- (7) Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.
- (8) Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cổ lại, đừng kêu.

(Nguyễn Công Hoan, Tinh thần thể dục)

- a. Quan hệ giữa các nhân vật trong các cuộc hội thoại trên là quan hệ gì ?
- b. Trong cuộc hội thoại trên, những lời thoại nào là của anh Mịch ?
- c. Thái độ của anh Mịch đối với ông lí trưởng là gì ?
- d. Thái độ của lí trưởng đối với anh Mịch trong cuộc hội thoại trên như thế nào?

Gợi ý

- a. Quan hệ giữa người có chức trách và người dân thường.
- b. Lời thoại số 1, 3, 5, 7
- c. Thái độ quy lụy
- d. Không quan tâm, đe nẹt , quát tháo

Bài 3. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

Thầy nó bảo:

- (1) Hôm nay mày phải xuống chợ một tí đi , con ạ.
- (2) Mua bán gì mà đi chợ?
- (3) Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ.
- (4) Chào ! ... Về chuyện !
- (5) Sao lại về chuyện ? Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tì một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chị:

- (6) Lêu lêu ! Lêu lêu! Có người sắp được đi lấy chồng ... lêu lêu!...

Dần khoắm mặt, lờm em. Người cha sợ con gái xấu hổ, củng vào đầu con trai một cái và mắng nó:

- (7) im thằng này! ... Để cho người ta dặn nó. Mua độ hai xu chè...

- (8) Rầy hai xu, hàng chè không bán thì sao...

Dần kêu lên thế và cổ cười to để cho khỏi thẹn.

(Nam Cao, Một đám cưới)

- Có mấy nhân vật tham gia trong cuộc hội thoại trên?
- Quan hệ của những người tham gia cuộc hội thoại trên là quan hệ gì?
- Trong cuộc hội thoại trên, có lần nào Dần "im lặng" khi đến lượt lời của mình hay không?
- Trong cuộc hội thoại trên, Dần đã cướp lời của cha khi nào?

Gợi ý

- Có 3 nhân vật tham gia trong cuộc hội thoại.
- Quan hệ gia đình.
- Có
- Dần đã cướp lời của cha khi Dần thực hiện lượt lời số (8)

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

I.Lí thuyết:

1.Đặc điểm hình thức	2. Cách sắp xếp trật tự từ trong câu
.....	- Trật tự từ trong câu có thể :

II. Luyện tập

Bài tập 1: Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi

- a) Vì không phát huy những đức tính tốt đẹp của người xưa vì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.

- Lỗi sai:.....

- Sửa lại:.....

- b) Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.

- Lỗi sai:.....

- Sửa lại:.....

- c) "Lão Hạc", "Bước đường cùng" và "Tắt đèn" đã giúp chúng ta nhớ lại bối cảnh đất nước trước 1945.

- Lỗi sai:.....

- Sửa lại:.....

Bài 2: Nêu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ trong các câu sau đây

- a. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước

.....

- b. Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi

.....

- c. Sột soạt gió trêu tà áo biếc

Trên giàn thiên lí bóng xuân sang

.....

- d. Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

.....

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

I. Lí thuyết:

1. Đặc điểm hình thức	2. Cách sắp xếp trật tự từ trong câu
Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói, người viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp phù hợp với yêu cầu giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Trật tự từ trong câu có thể : + thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm(như thứ bậc quan trọng của sự vật, thứ tự trước sau của hoạt động, trình tự quan sát của người nói.) + Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. + Liên kết câu với các câu khác trong VB Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói

II. Luyện tập

Bài tập 1: Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi

- a) Vì không phát huy những đức tính tốt đẹp của người xưa vì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó
- b) Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.
- c) "Lão Hạc", "Bước đường cùng" và "Tắt đèn" đã giúp chúng ta nhớ lại bối cảnh đất nước trước 1945.

Sửa lỗi:

- a. Bỏ cặp quan hệ từ "vì...nên" và viết lại đầy đủ là "Không phát huy những đức tính tốt đẹp của người xưa, người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó."
- b) Thay "thanh niên nói chung" bằng "thể thao nói chung". Viết đầy đủ sẽ có: Trong thể thao nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.
- c) Thay "Lão Hạc, Bước đường cùng và Ngô Tất Tố" là "Lão Hạc, Bước đường cùng và Tắt đèn" hoặc "Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố".

Bài 2: Nêu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ trong các câu sau đây

Gợi ý:

- a. Thể hiện thứ tự trước sau của sự vật, hiện tượng
- b. Đưa “thể của nó”, “hình của nó” lên trước chủ ngữ nhằm nhấn mạnh tâm trạng đau buồn, bất lực của lão Hạc khi nhắc lại chuyện anh con trai đi đồn điền cao su. Trật tự này tạo nên giọng điệu gây ấn tượng thu hút sự chú ý vào đề tài muốn nói đến
- c. Đặt từ “sột soạt” lên trước cụm chủ vị nhấn mạnh sự chuyển mình của trạng thái sự vật trước bước đi của thời gian
- d. Đảo vị trí vị ngữ trước chủ ngữ nhằm nhấn mạnh ý để tạo nhịp điệu, gieo vần; nhấn mạnh sự thừa thớt, hoang vắng, gợi lên một cách cụ thể, sinh động dáng vẻ của con người và cảnh vật

ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**KỸ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI****A. DÀN Ý CHUNG VỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI:****1. Yêu cầu đối với học sinh:**

- Có khả năng độc lập, có kiến thức về đời sống, dám trình bày chính kiến của mình.
- Cần huy động các nguồn kiến thức từ sách vở, đời sống, trải nghiệm bản thân...

2. Các dạng đề: (có 3 dạng đề).

- Nghị luận về tư tưởng đạo lý.
- Nghị luận về hiện tượng đời sống.
- Nghị luận xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

NGHỊ LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ	NGHỊ LUẬN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG
<ul style="list-style-type: none"> – Bàn về lĩnh vực, tư tưởng, đạo lý, lối sống có ý nghĩa quan trọng đối với con người, cuộc sống. – Hiểu rộng hơn là bàn về: <ul style="list-style-type: none"> • Những truyền thống tốt đẹp trong lối sống con người Việt Nam. • Tư tưởng con người. 	<ul style="list-style-type: none"> – Bàn về hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội đáng khen, đáng chê hay đáng suy nghĩ. – Bàn những vấn đề bức xúc đang đặt ra trong đời sống hiện tại. <ul style="list-style-type: none"> • Vấn đề có tính thời sự. • Vấn đề được dư luận xã hội quan tâm.

- Mỗi quan hệ giữa con người trong gia đình, xã hội.

I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

<i>Bố cục</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thao tác chủ yếu</i>
MỞ BÀI	<ul style="list-style-type: none"> – Dẫn dắt vấn đề. – Nêu vấn đề cần nghị luận (luận đề) 	→ Viết một đoạn văn.
THÂN BÀI	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học. – Các khía cạnh, biểu hiện vấn đề xã hội mà tác phẩm đặt ra (<i>Vấn đề xã hội ý kiến đặt ra đúng, sai thế nào? Nó có ý nghĩa với cuộc sống hiện nay không?</i>). – Ý kiến đó như thế nào? Nhất là đối với cuộc sống hôm nay. 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích. – Phân tích. – Bình luận. – Phân tích.
KẾT LUẬN	<ul style="list-style-type: none"> – Khẳng định ý kiến bản thân về hiện tượng đó. – Nêu suy nghĩ của bản thân với vấn đề đó. 	→ Viết một đoạn văn.

II. Sơ đồ cấu trúc bài văn NLXH về một hiện tượng đời sống tiêu cực

Mở bài	Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề	Dẫn dắt từ hiện thực đời sống
	Nêu hiện tượng	Ghi lại hiện tượng đặt ra trong đề bài (có thể là một tình huống, một câu hỏi)
Thân bài	Giải thích hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách hiểu về hiện tượng - Đánh giá hiện tượng: Tiêu cực
	Bàn luận	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng - Tác hại/Nguyên nhân - Giải pháp ngăn chặn hiện tượng
	Bài học nhận thức và hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học nhận thức: Khẳng định hiện tượng xấu, cần phê phán, bị loại trừ - Bài học hành động: Rút ra hành động cụ thể cho bản thân
Kết bài	Kết thúc vấn đề	Khẳng định ý nghĩa, tính thời sự của hiện tượng đối với xã hội

***Lưu ý:** Tùy vào từng ý kiến, quan điểm và yêu cầu của đề bài mà người viết vận dụng LINH HOẠT kết cấu trên

BT: Hãy viết một đoạn văn khoảng 7 - 10 câu) nêu suy nghĩ của em về nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ bao ni lông và ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hiện nay. Trong đoạn văn có sử dụng trợ từ (gạch chân trợ từ)

- Dẫn ra hiện trạng việc sử dụng túi nilon, cũng như thái độ, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn kém.

- Nêu tác hại của túi nilon: + Tàn phá hệ sinh thái

+ Lâu tiêu hủy; Gây tổn hại sức khỏe

- Ý thức bảo vệ môi trường bằng hành động

+ Sử dụng các chất liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường

+ Hạn chế sử dụng túi nilon, không xả thải túi nilon ra môi trường

+ Nâng cao ý thức cho mọi người trong việc bảo vệ môi trường sống

III. Sơ đồ cấu trúc bài văn NLXH về một hiện tượng đời sống tích cực

Mở bài	Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề	Dẫn dắt từ hiện thực đời sống
	Nêu hiện tượng	Ghi lại câu nói đặt ra trong đề bài
Thân bài	Giải thích hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách hiểu về hiện tượng - Đánh giá hiện tượng: Tích cực
	Bàn luận	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu biểu hiện của hiện tượng - Tác dụng/ Ý nghĩa - Mở rộng, phản đề
	Bài học nhận thức và hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học nhận thức: Khẳng định tính nhân văn của hiện tượng - Bài học hành động: Rút ra hành động cụ thể cho bản thân
Kết bài	Kết thúc vấn đề	Khẳng định ý nghĩa, tính thời sự của hiện tượng đối với thời đại

IV. Sơ đồ cấu trúc bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lý dưới dạng cho hai quan điểm đối lập nhau

Mở bài	Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề	Dẫn dắt từ hiện thực đời sống hoặc câu
--------	----------------------------	--

		thơ, câu danh ngôn có nội dung GẦN với tư tưởng
	Nêu tư tưởng đạo lý	Ghi lại 2 ý kiến đặt ra trong đề bài
Thân bài	Giải thích tư tưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý kiến 1 - Giải thích ý kiến 2 - Nội dung 2 ý kiến
	Bàn luận	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn về ý kiến 1: Lý giải ý kiến - Bàn về ý kiến 2: Lý giải ý kiến - So sánh 2 ý kiến: Giống, khác nhau và đưa ra cách hiểu vấn đề đúng đắn nhất
	Bài học nhận thức và hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học nhận thức: Khẳng định ý kiến quan điểm đúng đắn - Bài học hành động: Rút ra hành động cụ thể cho bản thân
Kết bài	Kết thúc vấn đề	Khẳng định ý nghĩa, giá trị tư tưởng đối với thời đại

***Lưu ý:** Tùy vào từng ý kiến, quan điểm và yêu cầu của đề bài mà người viết vận dụng LINH HOẠT kết cấu trên

V. Sơ đồ cấu trúc bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lý dưới dạng câu hỏi cho 1 vấn đề, 1 câu danh ngôn

Mở bài	Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề	Dẫn dắt từ hiện thực đời sống hoặc câu thơ, câu danh ngôn có nội dung GẦN với tư tưởng
	Nêu tư tưởng đạo lý	Ghi lại câu nói hoặc vấn đề tư tưởng trong đề bài
Thân bài	Giải thích tư tưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích từ ngữ - Nêu nội dung câu nói
	Bàn luận	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu biểu hiện tư tưởng - Lý giải vì sao lại như thế? - Mở rộng, phản đề
	Bài học nhận thức và hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học nhận thức: Khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng - Bài học hành động: Rút ra hành động cụ thể cho bản thân

Kết bài	Kết thúc vấn đề	Khẳng định ý nghĩa, giá trị tư tưởng đối với thời đại
---------	-----------------	---

***Lưu ý:** Tùy vào từng ý kiến, quan điểm và yêu cầu của đề bài mà người viết vận dụng LINH HOẠT kết cấu trên

Đề 1: Nêu suy nghĩ của em về đạo lí Uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta

Gợi ý:

“Uống nước nhớ nguồn” là một câu tục ngữ tuy súc tích, ngắn gọn nhưng lại chứa đựng một truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc, nhắc nhở mỗi chúng ta lối sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ.

STT	Thao tác	Nội dung
1	Giải thích	<p>- “Uống nước” là sự thừa hưởng những thành quả vật chất và tinh thần. “Nhớ nguồn” thể hiện lòng biết ơn, sự tri ân, ghi nhớ những người đã giúp đỡ chúng ta được hưởng những thành quả đó.</p> <p>- Cả câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” nhắc nhở mỗi người lối sống ân nghĩa, thủy chung; trân trọng và biết ơn với quá khứ, với những thế hệ đi trước.</p>
2	Biểu hiện	<p>Hiện nay, trên bước đường hội nhập quốc tế, những ngày lễ truyền thống như ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày 20/11, ngày giỗ tổ Hùng Vương hay ngày Tết âm lịch,...những ngày để thế hệ hiện tại, thế hệ con cháu hướng về quá khứ, hướng về gia đình, thầy cô chưa bao giờ bị lãng quên.</p> <p>Hay những gia đình chính sách, người có công với cách mạng luôn luôn được sự quan tâm từ cộng đồng, xã hội...</p> <p>Đó đều là những hành động thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, thể hiện một tình cảm đẹp, một đạo lý đẹp của dân tộc.</p>
3	Phân tích chứng minh	<p style="text-align: center;">Tại sao chúng ta phải “Uống nước nhớ nguồn”?</p> <p>- Nhỏ bé như hạt gạo, hay lớn lao như cuộc sống hòa bình, tự do chúng ta đang tận hưởng, tất cả đều bắt nguồn từ một quá trình lao động miệt mài và cả sự hi sinh máu xương, tính mạng của thế hệ đi trước. Không có điều gì tự nhiên mà có, như cây có cội, như sông có nguồn, như con người có tổ tiên, và quá khứ. Bởi vậy chúng ta phải biết quý trọng, biết ơn những người đã giúp đỡ ta, cho ta những gì ta đang có.</p> <p>- “Uống nước nhớ nguồn” giúp ta đoàn kết gắn bó và yêu thương nhau qua nhiều thế hệ.</p> <p>(Dẫn chứng: Con cháu thể hiện lòng biết ơn, tình yêu thương với ông bà cha mẹ. Vào những ngày nghỉ lễ, hay dịp Tết, dù bận rộn đến đâu cũng trở về thăm gia đình, đó là việc làm đơn giản nhưng rất có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương, lòng nhớ ơn đến các bậc sinh thành)</p> <p>- Truyền thống đạo lý tốt đẹp sẽ được gìn giữ muôn đời, và tạo nên sức mạnh của dân tộc.</p>

		(Dẫn chứng: Trong chiến tranh, thế hệ này ngã xuống thế hệ sau tiếp nối đứng lên để bảo vệ độc lập, tự do đất nước. Và trong hòa bình, chúng ta biết trân trọng, giữ gìn cuộc sống độc lập tự do ấy, tiếp nối truyền thống ngàn đời của cha ông dành cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc)
4	Phê phán	<p>Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn đâu đó một số cá nhân có lối sống ích kỉ, ăn cháo đá bát, vong ân bội nghĩa, lãng quên đi quá khứ, chỉ biết hưởng thụ mà quên mất nguồn cội.</p> <p>Chúng ta đau lòng trước những tin tức như con bỏ rơi bố mẹ, đối xử không có nhân tính với bố mẹ, cô gái ngồi lên bia mộ chụp ảnh...đó đều là những hành động đáng bị lên án và phê phán.</p>
5	Liên hệ bản thân	<p>- Thấm nhuần ý nghĩa của câu tục ngữ, ta thấy: "Uống nước nhớ nguồn" là phẩm chất cần có của con người. Mỗi chúng ta cần có trách nhiệm gìn giữ, vun đắp, phát huy truyền thống đạo lí tốt đẹp đó.</p> <p>- Ở lứa tuổi học sinh, chúng ta chưa làm ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội, do đó hãy bày tỏ lòng biết ơn chân thành với cha mẹ, thầy cô bằng lời nói, việc làm cụ thể của mình: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội sau này .</p>

Đề 2 Từ lời kêu gọi binh sĩ tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước của Trần Quốc Tuấn trong Hịch tướng sĩ cùng với những kiến thức xã hội em hãy trình bày suy nghĩ của mình về **lòng yêu nước** của thế hệ trẻ hiện nay

Gợi ý:

Lòng yêu nước là một truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay, từ quá khứ đến hiện tại tương lai, trong khó khăn gian khổ và cả trong hòa bình.

STT	Thao tác	Nội dung
1	Giải thích	Lòng yêu nước là tình cảm yêu quý, gắn bó, tự bảo vệ quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết tài năng, trí tuệ của mình phục vụ lợi ích của đất nước.
2	Biểu hiện	Lòng yêu nước trong mỗi con người cụ thể mang một hình hài riêng. Có thể là sự hi sinh anh dũng của những chiến sĩ ngoài mặt trận; có thể là sự cống hiến lặng lẽ và âm thầm trong lao động để xây dựng, phát triển đất nước. Lòng yêu nước còn bắt nguồn từ những điều rất đơn giản nhưng giàu ý nghĩa: đó là tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ, luôn luôn hướng về cội nguồn của mình những lúc đi xa. Hay đơn giản chỉ là dõi theo, âm thầm cổ vũ, ủng hộ cách mạng, kháng chiến như ông Hai trong truyện ngắn Làng; hàng triệu trái tim người Việt Nam cùng hướng về chủ quyền

		<p>biển đảo khi Trung Quốc có những hành động xâm chiếm...</p> <p>Đó đều là những biểu hiện của một trái tim nồng nàn yêu nước.</p>
3	Phân tích chứng minh	<p>Tại sao chúng ta cần phải có lòng yêu nước?</p> <p>- Bởi vì đất nước là quê hương, là nguồn cội thiêng liêng nhất của mỗi con người, là nơi chúng ta lớn lên, cũng là chốn quay về.</p> <p>(Nhiều kiều bào Việt Nam sống ở nước ngoài vẫn luôn hướng về đất nước, luôn nhớ về những hình ảnh của quê hương. Họ là những nhà hảo tâm giúp đỡ những người dân mình gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật. Đất nước với họ là điểm tựa tinh thần, là một nơi để nhớ về, cũng là một nơi để trở về)</p> <p>- Lòng yêu nước tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc, là yếu tố quyết định chiến thắng, giúp chúng ta đánh bại những kẻ thù mạnh nhất trên thế giới. Trong hòa bình, lòng yêu nước là sức mạnh để chúng ta vượt qua những khó khăn, giúp đất nước phát triển đi lên.</p> <p>(Bác Hồ đã nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước...nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Và lịch sử đã chứng minh điều đó, từ thời các vua Hùng dựng nước, thời Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung đến kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ...)</p> <p>- Lòng yêu nước còn khiến mỗi chúng ta sống có trách nhiệm hơn với cộng đồng, với quê hương, dân tộc và với chính bản thân mình.</p> <p>(Thực ra, ở mỗi người, khát vọng vinh danh cho quê hương đất nước không khi nào tách rời khát vọng vinh danh cho chính bản thân mình. Chúng ta say mê học tập, lao động với chính mình nhưng những thành quả mà ta đạt được sẽ điểm tô cho non sông đất nước...Những bạn HSG đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc tế, những cống hiến, đóng góp về KH – KT...)</p>
4	Phê phán	<p>- Thế nhưng, hiện nay, vẫn những một bộ phận nhỏ những người mang dòng máu Việt Nam, sinh ra ở Việt Nam lại có những hành động, suy nghĩ lệch lạch như chống phá nhà nước, nói xấu đất nước, sống ích kỉ, chỉ biết phục vụ lợi ích cá nhân, những người bỏ quên đất nước.</p> <p>- Tránh yêu nước mù quáng, cả tin không phân định rạch ròi để sa vào cạm bẫy của kẻ thù lợi dụng (vụ gian khoan HD981 của Trung Quốc)</p>
5	Liên hệ bản thân	<p>- Lòng yêu nước đó là tình cảm tốt đẹp, thiêng liêng cần có trong mỗi con người.</p> <p>- Nhưng làm thế nào để tình yêu đó ngày càng nồng nàn, tha thiết, ngày càng mãnh liệt hơn - đó là điều ai cũng cần tự giác nhận thức và tìm cho mình câu trả lời.</p> <p>- Lòng yêu nước không cần biểu hiện bằng lời nói, lòng yêu nước là những gì bình dị nhất nhưng cũng thiêng liêng nhất. Là học sinh, yêu đất nước là khi cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt để mai này giúp ích cho đất nước. Yêu đất nước từ việc yêu những người thân trong gia đình, yêu những điều bình dị ở quê hương, yêu ngôn ngữ giàu đẹp mà phong phú nước mình,</p>

		yêu lá cờ đỏ sao vàng biết mấy tự hào. yêu cả những trang sử hào hùng của đất nước.
--	--	---

Đề 3. Suy nghĩ về tình cảm gia đình

Trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc sống, mỗi người trong chúng ta đều tìm đến những điểm tựa tinh thần, những điểm tựa vực chúng ta đứng dậy sau những vấp ngã. Một trong số những điểm tựa vô cùng quý giá đối với mỗi cá nhân chính là tình cảm gia đình.

STT	Thao tác	Nội dung
1	Giải thích	Tình cảm gia đình là tình cảm trong mối quan hệ giữa những người thân cùng máu mủ, ruột rà, là điều thiêng liêng mà không ai có thể phủ nhận được.
2	Biểu hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm gia đình trước hết là tình cảm mà những người trong gia đình dành cho nhau, đó có thể là tình mẫu tử, tình cha con, hoặc tình cảm bà cháu, tình anh/chị em trong gia đình. - Tình cảm gia đình có nhiều cách để thể hiện, đôi khi những sự quan tâm rất nhỏ lại làm nên những điều rất lớn: cha mẹ, ông bà chăm lo cho con cháu từng bữa ăn, giấc ngủ; sự kính trọng, tình yêu thương, lòng biết ơn của con cháu dành cho ông bà, cha mẹ...
3	Phân tích chứng minh	<p>Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt đối với cuộc đời mỗi con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành.</i> - <i>Gia đình là điểm tựa tinh thần, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người.</i> - <i>Gia đình là ngôi trường đầu tiên, bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp.</i> <p>(Lấy dẫn chứng cụ thể cho từng vai trò)</p>
4	Phê phán	Những người không biết quý trọng tình cảm gia đình, không có lòng biết ơn đối với cha mẹ, ông bà, quay lưng lại với gia đình của mình...
5	Liên hệ bản thân	<p>Tình cảm gia đình là tình cảm cao quý, vì vậy mỗi người cần ý thức được vai trò của nó và biết trân trọng thứ tình cảm thiêng liêng đó.</p> <p>Người lớn cần có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn mái ấm gia đình, không nên vì bất cứ lí do gì mà làm tổn thương đến những tình cảm trong gia đình của mình.</p> <p>Là con cái, biết vâng lời, làm vui lòng ông bà, cha mẹ, thể hiện tình yêu thương và lòng biết ơn đối với những người thân trong gia đình của mình</p>

Đề 4: Trình bày suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên.

Mỗi con tàu trên đại dương bao la đều cần ngọn hải đăng trên đất liền soi chiếu để đi trong đêm tối. Cuộc sống của bất kì con người nào cũng cần sự soi rọi của lí tưởng.

STT	Thao tác	Nội dung
1	Giải thích	“Lí tưởng sống” là mục đích sống cao đẹp của con người, là ước mơ, hoài bão, mục tiêu mà mỗi người đặt ra trong cuộc đời và khát khao hướng tới.
2	Biểu hiện	<p><i>Lí tưởng sống được biểu hiện rất đa dạng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những chiến sĩ chiến đấu và hi sinh cho công cuộc cách mạng giành độc lập tự do cho dân tộc. - Những con người ngày đêm âm thầm, lặng lẽ cống hiến cho công cuộc xây dựng đất nước. <p>=> Tuy biểu hiện khác nhau nhưng họ đều là những người biết sống có lí tưởng, giúp ích cho xã hội và đất nước.</p>
3	Phân tích chứng minh	<p><i>Tại sao chúng ta cần có lí tưởng sống?</i></p> <p><i>Lí tưởng sống mang lại nhiều ý nghĩa trong cuộc đời mỗi con người.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí tưởng giống như ngọn đèn soi đường, cho ta thấy cái đích mà ta đạt được nếu như cố gắng hết sức. Chính vì thế này, <i>nếu có lí tưởng sống thì chúng ta sẽ có ý chí nghị lực để vượt qua những khó khăn, thử thách để đạt được ước mơ của mình.</i> <p>(Khi ta vấp ngã trên con đường đua maraton cuộc đời, lí tưởng luôn đứng ở gần đích và ngoái lại nhìn ta mà nói rằng: “Hãy đứng dậy và chạy tiếp đi. Nếu không bạn sẽ chẳng bao giờ bắt kịp tôi đâu”. Những khi ta mệt mỏi với những thất bại, những lúc ta yếu đuối muốn buông xuôi tất cả, lí tưởng sẽ đến bên ta mà thủ thỉ rằng “Hãy cố lên nào. Tôi luôn ở bên bạn mà. Bạn đừng có bỏ rơi tôi chứ”.)</p> <p>“Tôi không thất bại. Tôi chỉ là đã tìm ra 10.000 cách không hoạt động” đó là cách mà nhà sáng chế vĩ đại Thomas Edison nói về hàng ngàn lần thử nghiệm thất bại để tìm ra đúng vật liệu làm sợi dây tóc trong bóng đèn. Chính lí tưởng sống cùng với tinh thần học tập và lao động không ngừng nghỉ, mà Edison đã có những phát minh có ý nghĩa với nhân loại, làm thay đổi cả thế giới.</p> <p><i>- Lí tưởng sống cao đẹp sẽ làm cuộc sống trở nên hạnh phúc, cuộc đời trở nên ý nghĩa hơn.</i></p> <p>Nhà văn Nga nổi tiếng Lép Tôi – xtoi đã nói “Không có lý tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng kiên định thì không có cuộc sống”. Không có lí tưởng giống như lần bước trong bóng tối không nhìn thấy đường, thiếu lí tưởng, ta dễ nản chí, dễ cảm thấy buồn chán với chính cuộc đời của mình, cảm thấy bản thân là kẻ thất bại. Con người phải sống có lí tưởng, sống có lí tưởng cuộc sống con người mới thực sự ý nghĩa.</p> <p><i>- Có lí tưởng sống là người có suy nghĩ tích cực, và hành động để hoàn thiện mình hơn, giúp ích cho bản thân, gia đình, xã hội và đất nước.</i></p>

		<p>Lép tôn – xtoi là một nhà quý tộc, nhưng ông đã cố gắng đấu tranh để bãi bỏ chế độ nông nô. Ngài Nen-son Man-đê-la, tổng thống Nam Phi, đã cống hiến cả cuộc đời mình để loại trừ chế độ A – pac – thai. Hồ Chí Minh đã từng nói: Không có gì quý hơn độc lập tự do. Và người đã suốt đời theo đuổi một khát vọng: làm sao cho dân ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Đó là lí tưởng của những vĩ nhân, những bậc anh hùng, những chiến sĩ tiên phong của nhân loại.</p> <p>(<i>Anh Chí Hưởng – Fanpage Học văn lớp 9</i>)</p>
4	Phê phán	<p>Thế nhưng, trong cuộc sống hiện nay vẫn có không ít người sống không có lí tưởng. Nhiều thanh niên chạy theo lối sống hưởng thụ, sống buông thả bản thân, ăn chơi sa đọa, sa ngã vào những tệ nạn xã hội. Thiếu lí tưởng sống cao đẹp, con người ta sẽ có những hành động tiêu cực, biến mình trở thành những con người xấu, để thời gian thanh xuân, thời gian cuộc đời trôi qua một cách lãng phí, tẻ nhạt.</p>
5	Liên hệ bản thân	<p>Lí tưởng sống nên hướng vào thực tế, nên phù hợp với chính năng lực của bản thân. Là học sinh, tôi sẽ luôn phấn đấu để hoàn thành lí tưởng của mình: trở thành một công dân có ích cho xã hội, đóng góp sức mình vì sự nghiệp chung xây dựng đất nước. Tôi sẽ luôn cố gắng để ánh sáng của ngọn đèn lí tưởng không bao giờ lụi tắt. Để những năm tháng mà tôi may mắn được sinh ra, được sống và được nhìn thấy ánh sáng mặt trời trên thế gian này là những năm tháng ý nghĩa.</p> <p>Cố gắng học hành đàng hoàng sau này thi Bách Khoa chế tạo máy bay, tên lửa hành tinh. Thi Bác sĩ chữa bệnh cho nhân dân và bộ đội, thi giáo viên để đào tạo nhân tài cho đất nước, thi ngoại thương, ngân hàng để kiếm nhiều ngoại tệ cho quốc gia, thi nông lâm ngư để tăng năng suất cây trồng, đánh bắt thủy hải sản.</p>

Đề 5. Viết 01 đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu/200 chữ) nêu suy nghĩ của em về ý kiến: “Nếu con người không bước đi thì cũng không bao giờ có những con đường”.

Gợi ý:

* **Mở đoạn:** Nêu nhận xét khái quát và nội dung ý kiến: Nếu con người không bước đi thì không bao giờ có những con đường.

* **Thân đoạn:**

- Giải thích:

+ Câu nói đã nói đến một quy luật thực tế: mọi con đường đều được hình thành từ những bước đi của con người.

+ Như vậy, câu nói cũng cho thấy tầm quan trọng của tinh thần dân thân, khám phá, dám bước đi để tạo nên những con đường.

- Bàn luận: Cần đưa ra các ý kiến bàn luận có sự kết hợp giữa lí lẽ, dẫn chứng.

Tại sao con người cần bước đi để tạo ra những con đường?

+ Con đường cũng là nơi đưa chúng ta đến với những cái đích, những mục tiêu khác nhau trong cuộc sống. Nếu chúng ta không thử bước đi, không bắt tay vào điều mình muốn làm thì cũng sẽ không bao giờ đi tới đích.

+ Không chỉ bước trên những con đường cho sẵn, chúng ta còn cần bước đi trên những con đường mới, những nơi “chưa có đường”. Đó là tinh thần khám phá, dẫn thân, sẵn sàng băng mình qua những điều chưa biết, chưa có để tạo ra những giá trị mới mẻ. Có như vậy, cuộc sống mới có thể tiến về phía trước và con người cũng mới có thể đi tới đích, gặt hái được những thành công.

- Như vậy, không phải tự nhiên mà những con đường được hình thành, nó bắt đầu từ những bước đi “tìm đường” của con người. Trong hành trình tìm đường ấy, ta cũng tạo nên những con đường. Vì thế, mỗi chúng ta đều cần có tinh thần tìm đường, dám hành động để thực hiện những điều mình mong muốn cũng như sẵn sàng đi những con đường chưa ai đi để tìm ra những giá trị mới cho cuộc đời.

- Liên hệ bản thân: Cần nhận thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong vai trò ‘tìm đường’. Mỗi người trẻ không chỉ bước đi mà còn cần là những người tiên phong.

* **Kết đoạn:** Khái quát lại vấn đề.

Văn thuyết minh

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. Muốn thuyết minh cần phải có tri thức

Muốn viết được một văn bản thuyết minh đạt hiệu quả cao, người viết cần phải có những hiểu biết về đối tượng thuyết minh. Hiểu biết càng sâu sắc, thấu đáo thì nội dung văn bản thuyết minh càng hàm súc, mạch lạc và rõ ràng. Bởi vậy việc tìm hiểu về đối tượng trước khi thuyết minh là hết sức cần thiết. Không có hiểu biết, không thể thuyết minh được.

Hiểu biết có được từ đâu? Hiểu biết của một cá nhân không phải từ trên trời rơi xuống, không phải tự nhiên mà có được. Muốn có hiểu biết về một đối tượng nào đó, cá nhân phải học hỏi, phải tích lũy kinh nghiệm sống, phải đọc sách báo, phải nghiền ngẫm, phải ghi chép,... Cá nhân phải quan sát, nghĩa là phải biết nhìn, biết đánh giá, nhận xét về đối tượng. Chỉ khi nào có hiểu biết về đối tượng thật kĩ càng, ta mới có thể viết được văn bản thuyết minh.

Khi tìm hiểu, ta cần phải luôn đặt ra các câu hỏi để tìm lời giải đáp. Ví dụ: Thuyết minh về đối tượng nào? Có đặc điểm gì? Cái gì đáng chú ý nhất? Cấu tạo như thế nào? Giá trị ra sao? Có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của con người?... Chỉ khi ta tự trả lời được các câu hỏi đó một cách rõ ràng, thì khi ta viết văn bản thuyết minh, người đọc mới có thể hiểu được

2. Phương pháp thuyết minh

Các phương pháp thuyết minh		
Phương pháp	Khái niệm	Ví dụ
1. Nêu định nghĩa, giải thích	Đây là phương pháp được viết theo kiểu cấu trúc của một phán đoán: <p style="text-align: center;">S là P</p> Dùng phương pháp định nghĩa, giải thích xác định được đối tượng một cách cụ thể thuộc loại nào, kiểu gì, đặc điểm cơ bản của sự vật, hiện tượng ra sao, tránh được việc giải thích quá rộng hoặc quá hẹp về đối tượng.	<p><i>Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu. Còn biến dị là hiện tượng con cháu sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.</i></p> <p><i>Biến dị và di truyền là hai hiện tượng song song, gắn liền với quá trình sinh sản.</i></p>
b. Phương pháp liệt kê	Đây là phương pháp kể ra, đưa ra một loạt những tính chất, những đặc điểm nào đó của đối tượng nhằm khẳng định hay nhấn mạnh cho một điều gì đó, một đặc tính nào đó cần thuyết minh, làm rõ.	Thực ra để chơi quay cho ra chơi thì cũng mất lắm công phu và khá cầu kì. Từ cách <i>chọn gỗ, đẽo gọt đến cách chọn đỉnh, đóng chân quay</i> cũng cần phải đúng cách, đúng kiểu. Muốn có quay tốt phải chọn được gỗ tốt. Loại thích hợp nhất là gỗ nhãn. Nếu được cái gốc nhãn thì càng tuyệt, vì quay đẽo ra <i>vừa có màu đẹp, lại vừa rắn, vừa dai</i> , nếu có bị “om” quay cũng khó vỡ
c) Phương pháp nêu ví dụ	Là phương pháp dẫn ra, đưa ra những dẫn chứng lấy từ sách báo, từ đời sống thực tiễn để làm sáng rõ cho điều mình trình bày. Dẫn chứng này càng mang tính phổ biến bao nhiêu càng có giá trị cao bấy nhiêu. Trong văn bản thuyết minh, các ví dụ đưa ra càng mang tính khách quan, tính phổ biến thì sự giải thích càng rõ ràng và càng có cơ sở tạo niềm tin cho bạn đọc về tính xác thực của sự vật, hiện tượng	<p><i>Trong lao động sản xuất, thời nào làng Dương Lô cũng là “điểm sáng điển hình” về phong trào thâm canh tăng năng suất lúa. Là lá cờ đầu đạt 8 tấn thóc 1 ha của tỉnh Hà Bắc cũ. Mục tiêu “đưa chăn nuôi lên thành ngành chính”, Dương Lô cũng là hợp tác xã điển hình của toàn quốc, được tặng thưởng nhiều huân chương, bằng khen và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước về động viên khen ngợi</i></p>

d) Phương pháp dùng số liệu	Đây là việc đưa vào văn bản những con số mang tính chất định lượng chính xác để giải thích, chứng minh hay giới thiệu về một sự vật, hiện tượng nào đó.	<i>Bao thế kỉ qua, Dương Lô đã được đánh giá là một làng quê có truyền thống văn hiến, cách mạng. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ, hơn 300 con người làng Dương Lô đã lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ; 69 liệt sĩ đã hiến trọn cuộc đời, 46 thương binh để lại một phần cơ thể nơi chiến trường và 2 người mẹ anh hùng đã dâng hết những đứa con yêu quý của mình cho non sông đất nước.</i>
e) Phương pháp so sánh	Đây là phương pháp đem so sánh, đối chiếu một sự vật, hiện tượng nào đó trừu tượng, chưa thật sự gần gũi, còn mới mẻ với mọi người với những sự vật, hiện tượng thông thường, dễ gặp, dễ thấy để giúp người đọc nhận thức, hiểu về sự vật, hiện tượng đó một cách cụ thể, dễ dàng hơn.	<i>Nước ào ạt phóng qua núi rồi đổ xuống, tạo nên thác Y-a-li. Thác nước thẳng đứng, chảy mòn đá, thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt nước. Nước trút từ trên trời xuống, trông như một biển mù sương, đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta dát một bề vàng vira luyện xong</i>

Cách làm một số dạng đề văn thuyết minh		
1. Thuyết minh về 1 thứ đồ dùng	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo đối tượng - Các đặc điểm của đối tượng - Tính năng hoạt động - Cách sử dụng, cách bảo quản - Lợi ích, công dụng của đối tượng 	Lưu ý: + Trước hết phía quan sát, tìm hiểu kĩ đặc điểm cấu tạo, tính năng, tác dụng, cơ chế hoạt động của đối tượng đó. + Khi nêu đặc điểm cần lựa chọn các đặc điểm tiêu biểu, quan trọng có những miêu tả cụ thể làm sáng tỏ các đặc điểm ấy(<i>cấu tạo, kiểu dáng, màu sắc từng chi tiết và từng công dụng của mỗi bộ phận</i>)

<p>2. Thuyết minh về 1 thể thơ, một thể loại văn học hay một văn bản cụ thể</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu một định nghĩa chung về thể thơ, thể loại văn học cần thuyết minh. - Nêu đặc điểm của thể thơ, thể loại văn học đó. + Về kết cấu, số câu, chữ. + Quy luật bằng trắc, cách gieo vần, cách ngắt nhịp trong thơ. - Cảm nhận về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ; nghệ thuật sử dụng câu từ, hình ảnh trong văn 	
<p>3. Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng thuyết minh(thường gắn với một địa phương, hoặc có thể liên quan tới những sự kiện lịch sử, những nhân vật lịch sử) - Huy động, lựa chọn tri thức để thuyết minh(vị trí địa lí, những cảnh quan đặc sắc, những truyền thống lịch sử, văn hóa gắn liền với đối tượng; cách thưởng ngoạn đối tượng...) - Về cách diễn đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Trình tự các ý trong bài có thể sắp xếp theo quan hệ thời gian(các thời kì, các nước, lịch sử), theo quan hệ không gian(từ bao quát chung đến cụ thể, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong...);theo sự kiện gắn với danh lam thắng cảnh(hình thành – tồn tại – những thay đổi...) + Khi thuyết minh người viết có thể kết hợp miêu tả, tự sự, biểu cảm, giải thích khái niệm, bình luận... + Có thể sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp thuyết minh. 	
<p>4. Thuyết minh về một phương pháp, cách làm</p>	<p>Khi cần thuyết minh cách làm một đồ vật (hay cách nấu món ăn, may áo quần,...) người ta thường trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên liệu + Cách làm + Yêu cầu về thành phẩm <p>- Cách trình bày được thể hiện: từ điều kiện, cách thức trình tự làm ra sản phẩm và yêu cầu cần thiết đối với chất lượng của sản phẩm làm ra.</p>	<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời văn rõ ràng, ngắn gọn. - Có sử dụng phương thức miêu tả để bài viết thêm sinh động.

5. Thuyết minh về một Danh nhân văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh xã hội - Thân thế sự nghiệp - Đánh giá của xã hội về danh nhân 	Lưu ý: Trong các phần bên, phần thân thế sự nghiệp chiếm vai trò chủ yếu, có dung lượng lớn nhất trong bài
6. Thuyết minh về một Loài vật	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nguồn gốc của loài vật: có từ bao giờ, từ đâu tới?... - Đặc điểm cuarb loài vật: <ul style="list-style-type: none"> + nét đặc trưng + điều kiện hình thành + sinh trưởng + thích nghi... - Hình dáng: cấu tạo, màu sắc... - Lợi ích(đối với cuộc sống con người) 	
7. Thuyết minh về một Đặc sản địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc, ý nghĩa, tên gọi món ăn, đặc sản - Đặc điểm riêng của món ăn, đặc sản:, dáng vẻ, màu sắc, hương vị - Cách thức chế biến, thưởng thức 	

CÁCH LÀM MỘT SỐ DẠNG BÀI VĂN THUYẾT MINH

I. Thuyết minh về phương pháp, cách làm

1. Lập dàn ý

Dàn ý	Thuyết minh về phương pháp, cách làm	
Mở bài		
Thân bài	+ Nguyên liệu	
	+ Cách làm	
	+ Yêu cầu về thành phẩm	
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách trình bày được thể hiện: từ điều kiện, cách thức trình tự làm ra sản phẩm và yêu cầu cần thiết đối với chất lượng của sản phẩm làm ra. - Lời văn rõ ràng, ngắn gọn. 	

	- Có sử dụng phương thức miêu tả để bài viết thêm sinh động.
Kết bài	

II. LUYỆN TẬP

1. Lập dàn ý

THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP, CÁCH LÀM ĐÈN ÔNG SAO

Dàn ý	Thuyết minh về phương pháp, cách làm	
Mở bài	Giới thiệu khái quát về đối tượng cần thuyết minh – cách làm chiếc đèn ông sao.	
Thân bài	a, Nguyên liệu:	<p>– Một số nguyên liệu cơ bản:</p> <p>+ Thanh tre để làm khung cho chiếc đèn</p> <p>+ Dây kẽm</p> <p>+ Keo gián</p> <p>+ Giấy bóng kính màu hoặc giấy gói quà tùy theo sở thích của mỗi người.</p> <p>– Ngoài ra, chúng ta có thể chuẩn bị thêm giấy màu, bút màu, thước,... để trang trí chiếc đèn</p>
	b, Cách thực hiện	<p>– Trước hết, cần làm khung của chiếc đèn:</p> <p>+ Dùng tre đã chuẩn bị, chẻ ra là mười thanh nhỏ hơn có độ dài bằng nhau, độ dài của thanh tre này tùy thuộc vào kích thước của chiếc đèn mà bạn mong muốn và bốn thanh có chiều dài từ 5-8 xăng-ti-mét để chống hai mặt của chiếc đèn.</p> <p>+ Vót nhọn những thanh tre đã chẻ.</p> <p>+ Dùng dây kẽm buộc năm trong số mười thanh tre ấy thành một hình ngôi sao và làm tương tự với số thanh tre còn lại là chúng ta đã có hai mặt của chiếc đèn.</p> <p>+ Buộc hai hình ngôi sao ấy lại với nhau bằng dây kẽm</p> <p>+ Dùng bốn thanh tre nhỏ hơn đã được chuẩn bị vào phần giao nhau giữa giữa các ngôi sao để chúng có thể tạo thành hình 3D</p>
		<p>– Dùng keo và giấy bóng kính hoặc giấy màu đã được chuẩn bị dán lên bề mặt ngôi sao theo ý thích.</p>

		– Ngoài ra, để chiếc đèn được đẹp hơn bạn có thể trang trí lên các cánh của ngôi sao những hình ảnh ngộ nghĩnh và để thuận lợi trong quá trình sử dụng chúng ta làm thêm một chiếc tay cầm cho chiếc đèn.
	Yêu cầu thành phẩm:	– Những thanh tre để làm khung đèn cần phải được vót nhẵn để tránh bị đứt tay hay làm rách lớp giấy bóng kính. – Giấy được dán lên khung đèn cần có màu sắc bắt mắt và phải được dán chắc chắn, có độ phẳng, căng để trông chiếc đèn thêm đẹp hơn.
Kết bài	Khái quát lại vai trò, ý nghĩa của chiếc đèn ông sao và nêu cảm nghĩ của bản thân về nó.	

Bài viết thuyết minh về cách làm đèn ông sao

Chợ Bưởi ngày chín, ngày tư

Riêng một tháng tám lại dư phiên rằm

Ai ơi nhớ lấy kéo nhằm

Đi mua hoa quả chơi rằm trung thu.

Câu ca dao ấy của cha ông ta đã gợi nên trong mỗi người về Tết trung thu – Tết đoàn viên. Đây không chỉ là dịp để gia đình đoàn tụ mà đó còn là ngày trẻ em được vui hội trăng rằm và có lẽ bởi vậy, vào ngày này, trẻ con thường có rất nhiều đồ chơi mới, đặc biệt không thể thiếu đó chính là đèn ông sao. Đèn ông sao không chỉ đẹp, gần gũi mà cách làm ra nó cũng có rất nhiều điều thú vị, độc đáo.

Chiếc đèn ông sao truyền thống có hình sao vàng năm cánh, là một hình ảnh quen thuộc chúng ta vẫn thường thấy trên lá cờ Tổ quốc. Mỗi dịp rằm tháng tám, bố mẹ, ông bà lại thường làm những chiếc đèn ông sao để con em mình có thể chơi hội rằm vì những vật liệu để làm nó rất đơn giản, dễ tìm. Để có thể làm một chiếc đèn ông sao theo kiểu truyền thống, chúng ta cần chuẩn bị một số nguyên liệu cơ bản như thanh tre để làm khung cho chiếc đèn, dây kẽm, keo dán, giấy bóng kính màu hoặc giấy gói quà tùy theo sở thích của mỗi người. Ngoài ra, chúng ta có thể chuẩn bị thêm giấy màu, bút màu, thước,... để trang trí chiếc đèn của mình thật đẹp. Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ những nguyên liệu kể trên là ngay lập tức chúng ta có thể bắt đầu làm một chiếc đèn ông sao được trang trí theo sở thích của mình.

Làm một chiếc đèn ông sao truyền thống không phải là công việc quá khó song nó đòi hỏi sự cẩn thận, tỉ mỉ của người làm. Để làm ra chiếc đèn ông sao, trước hết, cần làm khung của chiếc đèn. Chúng ta dùng tre đã chuẩn bị, chẻ ra là mười thanh nhỏ hơn có độ dài bằng nhau, độ dài của thanh tre này tùy thuộc vào kích thước của chiếc đèn mà bạn mong muốn. Ngoài ra, chúng ta cũng cần chuẩn bị bốn thanh có chiều dài từ 5-8 xăng-ti-mét để chống hai mặt của chiếc đèn. Sau khi đã chẻ ra, bạn dùng dao vót để được bề mặt nhẵn bóng. Sau khi đã có được mười thanh tre nhẵn với kích thước mong muốn, bạn dùng dây kẽm buộc năm trong số mười thanh tre ấy thành một hình ngôi sao và làm tương tự với số thanh tre

còn lại là chúng ta đã có hai mặt của chiếc đèn. Tiếp đó, chúng ta buộc hai hình ngôi sao ấy lại với nhau bằng dây kẽm và dùng bốn thanh tre nhỏ hơn đã được chuẩn bị vào phần giao nhau giữa giữa các ngôi sao để chúng có thể tạo thành hình 3D. Sau khi đã hoàn thành phần khung của chiếc đèn, chúng ta dùng keo và giấy bóng kính hoặc giấy màu đã được chuẩn bị dán lên bề mặt ngôi sao theo ý thích của bản thân. Và với những bước đơn giản như vậy là bạn đã có thể có một chiếc đèn ông sao theo ý muốn của mình. Đồng thời, để chiếc đèn được đẹp hơn bạn có thể trang trí lên các cánh của ngôi sao những hình ảnh ngộ nghĩnh mà bạn thích. Thêm vào đó, để thuận lợi trong quá trình sử dụng, chúng ta có thể làm thêm một chiếc cán cầm tay cho chiếc đèn ông sao và gắn những cây nến xinh xinh vào trong nó.

Việc làm một chiếc đèn ông sao để vui chơi trong đêm hội trăng rằm không phải là một công việc khó khăn phức tạp, chỉ với những bước đơn giản là chúng ta đã có thể tạo ra nó. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần lưu ý khi làm đèn để có một chiếc đèn thật đẹp. Trước hết, những thanh tre để làm khung đèn cần phải được vót nhẵn để tránh bị đứt tay hay làm rách lớp giấy bóng kính. Thêm vào đó, giấy được dán lên khung đèn cần có màu sắc bắt mắt và phải được dán chắc chắn, có độ phẳng, căng để trông chiếc đèn thêm đẹp hơn.

Tóm lại, chiếc đèn ông sao là món đồ chơi quen thuộc của mỗi đứa trẻ mỗi dịp tết Trung thu. Để làm ra một chiếc đèn ông sao không quá cầu kì, tốn kém song nó lại có ý nghĩa đặc biệt. Chiếc đèn ông sao ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi người, là nơi lưu giữ những kỉ niệm ngọt ngào, ấm áp trong những tháng ngày tuổi thơ bên gia đình ấm áp, đúng như có ai đó đã từng nói rằng “Thật kì lạ khi ta không nhớ trung thu năm ngoái nhưng ánh sáng lấp lánh của chiếc đèn ông sao tuổi thơ cứ lưu luyến mãi trong tim.”

1. Lập dàn ý

uigeli.xyz
**THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP, CÁCH LÀM
MÓN NEM TRUYỀN THỐNG**

Dàn ý	Thuyết minh về phương pháp, cách làm	
Mở bài	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu về nền ẩm thực Việt Nam: phong phú, đa dạng- Nem rán là một món ăn truyền thống của người Việt.	
Thân bài	a. Nguồn gốc:	<ul style="list-style-type: none">+ Có ý kiến nem rán xuất phát từ Trung Quốc, theo người dân di cư vào Việt Nam+ Người Trung Quốc cũng có món Chunjian, với các nguyên liệu đơn giản như trứng, mộc nhĩ, thịt, ...được cuộn tròn rồi rán lên, ăn kèm với các loại rau.+ Sau này, chính quyền Anh cai trị Hồng Kông, gọi món này là "egg rolls", món nem rán của Việt Nam hao hao giống nên cũng được gọi là "egg rolls".+ Cũng có người cho rằng, người Hoa mang món này vào miền Nam rồi được một người phụ nữ Pháp truyền bá ra ngoài miền Bắc và toàn quốc.+ Thế nhưng, tôi cho rằng, món nem rán này có nguồn gốc ở miền Bắc Việt Nam.+ Món nem rán là tổng hòa của những nguyên liệu như mộc nhĩ, thịt, cà rốt,... cùng với vỏ ngoài bằng bánh tráng mỏng., ăn cùng nước mắm.
	b, Nguyên liệu:	<ul style="list-style-type: none">+ Phần vỏ bánh: là bánh đa nem, làm từ bột gạo, cán mỏng, phơi khô, khi rán lên có vị giòn, thơm mùi gạo.+ Phần nhân bánh: bao gồm các loại thực phẩm như thịt, trứng, mộc nhĩ, nấm hương, miến, hành, rau húng, cà rốt, ...+ Thịt: được xay nhỏ, mịn, và là thịt ba chỉ.+ Mộc nhĩ, nấm hương, miến, hành: được thái nhỏ, trộn chung với thịt lên cho thật đều.
	c, Cách thực	<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi băm thịt nhuyễn, người ta trộn cùng các nguyên liệu khác đã được thái nhỏ.

	hiện	<p>+ Cho thêm các gia vị khác như bột nêm, nước mắm, bột nêm, bột canh, một chút tiêu đã xay nhỏ.</p> <p>+ Khi cuộn bánh, chú ý chặt tay rồi gấp hai bên bánh lên cho đều và đẹp là được.</p> <p>+ Công đoạn cuối cùng là rán, cho dầu vào chảo, đợi dầu sôi rồi thả nem đã cuộn vào, để lửa nhỏ, đợi nem chín vàng đều là được.</p>
	Yêu cầu thành phẩm:	<p>+ Nem rán chín phải vàng đều, có độ giòn của vỏ bánh, nhân bánh có mùi thơm của thịt và tiêu, cùng các nguyên liệu khác.</p> <p>+ Ăn kèm cùng với các loại rau như xà lách, và các loại rau thơm.</p> <p>- Nước chấm: phải là nước mắm, hương vị riêng của người Việt</p> <p>+ Nước mắm được pha chung với tỏi băm, thêm các gia vị như chanh, ớt, đường, tạo nên vị thơm cũng như thêm mùi vị</p>
	- Các loại nem rán và tên gọi ở mỗi vùng miền	<p>+ Về cơ bản, nem làm bằng thịt lợn, nhưng một số nơi như Hải Phòng, thì làm bằng hải sản, thịt cua bể.</p> <p>+ Người Huế thì có món ram.</p>
	- Về tên gọi:	<p>+ Mỗi vùng miền có một cái tên khác nhau: Miền bắc: nem rán, miền Trung: ram, miền Nam: chả giò.</p>
	-Giá trị của món nem rán trong nền ẩm thực Việt Nam và thế giới:	<p>+ Nem rán cùng phở là những món ăn tinh thần mang hương vị đặc biệt của Việt Nam.</p> <p>+ Nem rán ngày xưa chỉ được dành cho tầng lớp quan lại, quý tộc, người Pháp còn đặt cho nó cái tên sang trọng "pate hoàng gia".</p> <p>+ Nem rán có mặt rất nhiều trong các mâm cơm của người Việt.</p> <p>+ Nó cũng được vinh danh là một trong những món ăn</p>

	được người nước ngoài ưa thích của Việt Nam.
Kết bài	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định nem là món ăn truyền thống của người Việt Nam. - Nó đứng một vị trí quan trọng trong nền ẩm thực nước nhà.

Thuyết minh về món nem rán truyền thống

Nền ẩm thực của Việt Nam vô cùng đa dạng, phong phú với những món ăn thơm ngon, hấp dẫn. Chẳng vậy mà chúng ta có những món ăn được xếp vào hàng tinh túy của thế giới, nổi tiếng khắp năm châu như bánh mì, phở hay hủ tiếu. Những món ăn dân dã nhưng đậm chất quê hương, thấm đượm cái không khí, cái văn hóa của người Việt, một trong số đó là món chả nem - món ăn truyền thống, có mặt ở khắp các mâm cơm người Việt từ Bắc vào Nam.

Với người Việt Nam, món nem rán không chỉ là một món ăn dân dã, bình thường trên mâm cơm hàng ngày mà nó còn là một món ăn không thể thiếu trong những dịp đặc biệt. Thế nhưng, không phải ai cũng có thể biết rõ nguồn gốc, sự ra đời của món ăn này.

Có một vài ý kiến cho rằng, món nem rán của Việt Nam được xuất phát từ Trung Quốc và những người Hoa khi xưa di cư vào Việt Nam đã mang theo món ăn này. Bởi lẽ, người Trung Quốc cũng có một món ăn tương tự như người Việt Nam đó là món Chunjian cuộn rán như nem rán của Việt Nam. Món ăn này với các nguyên liệu đơn giản như mộc nhĩ, nấm hương, trứng, sau này thì có thêm chút thịt với vỏ là bột mì dày và được ăn kèm với các loại rau của mùa xuân. Sau này, khi chính quyền Anh nắm quyền cai trị Hồng Kông và một số tỉnh của Trung Quốc, đã gọi món ăn này là "egg roll" tức trứng cuộn, hay "spring roll" tức gỏi cuốn mùa xuân. Với vẻ ngoài có vẻ hao hao giống nhau, nguyên liệu cũng có phần tương tự nên người Anh đã gọi món nem rán của người Việt cùng là cái tên "egg roll", có lẽ vì vậy mà một số người cho rằng món nem rán có nguồn gốc từ Trung Quốc.

Cũng có người cho rằng, khi xưa người Hoa mang theo món ăn này vào Việt Nam, được truyền bá rộng rãi khắp các tỉnh phía Nam, sau này, nó được một người phụ nữ Pháp mang ra Hà Nội để kinh doanh. Người Hà Nội đã biến tấu nó theo phong cách riêng của mình để tạo nên loại nem rán hiện giờ của Việt Nam.

Thế nhưng theo tôi, nem rán là món ăn đặc biệt, mang hương vị đặc trưng, được sáng tạo bởi chính người miền Bắc của Việt Nam ta. Bởi lẽ, nguyên liệu và những thức gia vị, những nước chấm của món nem rán Việt Nam khác hẳn so với những món ăn của người Trung Quốc. Cùng một vài nguyên liệu chính, nhưng cách làm cũng như cách chế

biến, cách ăn của nem rán Việt Nam cũng khác biệt hẳn so với món Chunjian của người Trung Quốc.

Nếu như món ăn của Trung Hoa chỉ gồm thịt, mộc nhĩ và trứng, thì món nem rán của Việt Nam là tổng hòa của nhiều thực phẩm và gia vị kết hợp để tạo nên hương vị hài hòa, đậm đà của món ăn. Với các nguyên liệu là thịt lợn, mộc nhĩ, nấm hương, trứng, còn thêm cả miến, hành, cà rốt, giá đỗ và một số loại rau thơm như húng để tăng màu sắc bắt mắt cho món ăn. Sự hòa quyện của các loại thực phẩm và gia vị ấy đem lại một hương vị cực kỳ riêng biệt cho món ăn của người Việt Nam.

Các nguyên liệu chính để làm nhân nem được chọn lựa cực kỳ cẩn thận. Thịt lợn phải là loại ba chỉ tươi ngon, băm thật nhỏ, nhưng không được quá nát để có thể quyện lại cùng các loại thực phẩm và gia vị khác. Các nguyên liệu còn lại được nhặt và rửa sạch, thái thật nhỏ, vừa để gói vừa có thể giúp quyện thật sâu các loại gia vị.

Sau khi băm thịt xong, người ta trộn chung các loại nguyên liệu chính với nhau tạo thành một hỗn hợp kết dính, đa màu sắc, quyện vào nhau thấm thiết như cái tình giữa mùa xuân tươi đẹp của Việt Nam. Đánh hỗn hợp ấy thật đều, cho thêm trứng cùng các gia vị như muối, nước mắm, bột nêm, tiêu xay là ta đã có được một lớp nhân bánh thật hoàn hảo cho món nem rán rồi.

Về phần vỏ nem, nếu như người Trung Quốc ưa chuộng việc dùng bột mì dày làm vỏ bánh thì ở Việt Nam, người ta lại sử dụng bánh đa nem cho món nem rán đặc trưng của mình. Bánh đa nem được làm từ bột gạo xay nhỏ, cán mỏng rồi phơi thật khô, sau khi rán lên thì giòn và thơm mùi gạo. Bánh đa nem có nhiều hình dạng khác nhau nhưng đặc trưng nhất là hình tròn.

Phần chuẩn bị cho món nem rán cũng thật cầu kỳ, thế nhưng, để có được một món nem rán ngon đúng kiểu, người ta còn chú trọng cả khâu gói nem và rán nem nữa. Trải một chiếc bánh đa nem ra rồi thêm một phần nhân vào giữa, cuộn lại sao cho thật khéo, thật chặt rồi gấp hai bên bánh vào cho thật đẹp thật đều là được. Công đoạn cuối cùng là rán nem, dầu được cho vào chảo, đun nóng rồi thả nhẹ từng chiếc nem đã được gói thật xinh vào trong. Chiên sao cho nem được vàng đều tất cả các mặt. Khi chiên, lửa phải nhỏ, không được quá to để giữ nguyên được độ giòn của vỏ bánh cũng như hương vị của nhân bánh phía trong giữ được màu sắc của rau củ.

Nem rán xong phải vàng thật đều, vừa có độ giòn của vỏ nem phía ngoài, lại có độ mềm thơm của nhân nem phía trong mới đạt yêu cầu. Ngoài ra, nem rán phải ăn kèm với nước mắm - thứ đặc sản dân dã làm từ cá của người Việt, được pha cùng đường, chanh và ớt, tạo nên mùi thơm thật độc đáo cho hương vị của món nem rán này. Nem rán còn được ăn kèm với các loại rau mùi, rau xà lách, rau thơm nữa thì mới đúng cái hương vị thanh tao trên mâm cơm của người dân Việt Nam. Sự cầu kỳ trong cách làm món nem rán đã

khiến chúng trở thành một món đặc sản của người Việt Nam, đặc biệt là tầng lớp quý tộc thời trước. Có lẽ chính vì thế mà người Pháp đã gọi món ăn này với một cái tên thật sang trọng, thật quý tộc, đó là "Patê hoàng gia". Và người Pháp cũng ưa ái đặt món "nem" là một món ăn đặc trưng của người Việt trong từ điển của họ in từ năm 1651.

Nem rán, món ăn xuất hiện trong khắp ba miền của Việt Nam, nhưng ở mỗi miền, lại có những cách biến tấu và sáng tạo riêng của mình với những nguyên liệu sẵn có để tạo nên món ăn của quê hương mình. Ví như người dân đất cảng Hải Phòng lại biến tấu món nem rán với nhân thịt thành nhân của bẹ bẹ - thứ hải sản ngon nức tiếng của người dân nơi đây. Và từ đó, nem cua bẹ trở thành một món ăn đặc trưng của những người dân đất cảng nơi đây. Thỉnh thoảng hoặc như những người con xứ Huế, lại có món ram, chỉ dài chừng ngón tay, với nhân nem khá giống với món nem rán miền Bắc, được chiên và ăn ngay tại chỗ. Ram được chiên trong dầu đậu phộng, được ghép thành hình con công để tiến vua khi xưa. Hay ở Bình Định, người ta có món chả ram tôm đất. Miếng bánh ram vàng ươm, giòn rụm, với bên ngoài là vỏ bánh trắng, bên trong là nhân tôm thịt, ăn vào vừa thơm vừa béo, khiến cho các thực khách không thể nào chối từ được

Về tên gọi, nem rán ở mỗi vùng miền lại có những tên gọi khác nhau. Miền Bắc gọi là nem rán, miền Trung gọi là ram cuốn thì miền Nam lại gọi là chả giò. Mỗi vùng miền cũng đều biến tấu món ăn theo những hương vị đặc trưng riêng của nó nhưng vẫn luôn giữ được cái hương vị chung của món đặc sản dân tộc.

Ngày nay, nem rán đã thực sự được công nhận trở thành món ăn đặc trưng, tinh túy của nền ẩm thực Việt Nam. Nó không chỉ xuất hiện trong mỗi dịp lễ tết như một món ăn truyền thống dâng lên ông bà tổ tiên mà trong mỗi dịp cưới hỏi, giỗ chạp hay trong những bữa cơm gia đình, nó đều được trân trọng xuất hiện với một niềm say mê và vui thích, tự hào. Hơn thế, người ta cũng thành công đem nem rán đông lạnh xuất khẩu sang thị trường thế giới. Nem rán được vinh danh là một trong những món ăn được yêu thích nhất của các thực khách nước ngoài khi tới với Việt Nam cùng với bánh mì và phở. Nó cũng thật vinh dự khi trở thành món ăn được cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama đã thưởng thức và khen ngon trong lần sang thăm Việt Nam vừa qua.

Đất nước chúng ta đang tiến hành bảo tồn hàng loạt những nét văn hóa, truyền thống, những phong tục đặc sắc, các đình chùa, miếu mạo, thế nên, văn hóa phi vật thể như nền ẩm thực cũng nên được quan tâm, bảo vệ và phát triển bởi tinh túy của văn hóa ẩm thực cũng sẽ góp một phần không nhỏ tạo nên bản sắc và linh hồn của một dân tộc. Những người con xa xứ, hãy dùng cái tên "nem" để thay thế cho "egg rolls", để giữ lại trong mình cái tinh thần của văn hóa dân tộc Việt.

Món nem rán chính là một đặc sản vô cùng tinh túy của nền văn hóa ẩm thực nước nhà. Chúng ta hãy cùng chung tay bảo vệ nét đặc văn hóa ấy để nó được trường tồn của dân tộc Việt Nam ta.

Thuyết minh về một món ăn, món Phở Hà Nội

Đặc sản Hà Nội có nhiều, Hà Nội là địa điểm nổi tiếng với ẩm thực hấp dẫn, không chỉ đối với du khách nước ngoài mà còn lôi cuốn người Việt Nam. Nhưng nhắc đến món ăn Hà Nội là người ta nhắc đầu tiên đến phở. Phở như một thứ đại diện mang tính bản sắc, đặc thù của món ăn Hà Nội. Lý do thật đơn giản phở Hà Nội khác hẳn các nơi khác, nó không thể trộn lẫn với bất cứ một thứ phở nơi nào, cho dù ở đó người ta đã cố tình trưng lên cái biển Phở Hà Nội.

Không biết, phở Hà Nội có tự bao giờ, chỉ biết rằng, phở đã đi vào trang viết của rất nhiều nhà văn như: Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Băng Sơn hay Vũ Bằng,... Phở, dưới những ngòi bút ấy, gần như chẳng còn ai có thể tả hay hơn nữa, và cũng chẳng cần ai phải tốn công mà viết thêm về Phở nữa vì nó đã quá đủ đầy, đã quá nổi tiếng rồi.

Và cũng không biết từ bao giờ phở đã trở thành món ngon nổi tiếng và khi thưởng thức phở ở Hà Nội người ta mới thấy được hương vị truyền thống. Phở Hà Nội là một món ăn đặc biệt của người Hà Nội đã có từ rất lâu.

Thạch Lam trong Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường viết: Phở là một thứ quà đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon". Phở ngon phải là phở "cổ điển", nấu bằng thịt bò, "nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh ớt với hành tây đủ cả", "rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một ít cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ". Vào thời những năm 1940, phở đã rất phổ biến ở Hà Nội: "Đó là thứ quà ăn suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa và ăn phở tối....

Nguyễn Tuân, nhà văn của "Vang bóng một thời" đã có một tùy bút xuất sắc về phở. Ông cho phở có một "tâm hồn", phở là "một miếng ăn kỳ diệu của tất cả người Việt Nam chân chính". Có đạo diễn điện ảnh Phạm Văn Khoa lúc sinh thời kể rằng, có lần ông cùng Nguyễn Tuân đang ăn phở, một người yêu thích nhận ra nhà văn bước lại chào nhưng Nguyễn Tuân vẫn vục đầu vào ăn. Người kia chắc chắn mình không nhầm đã kiên trì chờ đợi. Hết tô phở Nguyễn Tuân mới ngẩng mặt lên bảo "Tôi đang thưởng thức nên không trả lời, anh thứ lỗi". Nhà văn không dùng chữ ăn mà dùng chữ thưởng thức.

Phở được dùng riêng như là một món quà sáng hoặc trưa và tối, không ăn cùng các món ăn khác. Nước dùng của phở được làm từ nước ninh của xương bò: xương cục, xương ống và xương vè. Thịt dùng cho món phở có thể là bò, hoặc gà. Bánh phở phải mỏng và dai mềm, gia vị của phở là hành lá, hạt tiêu, giấm ớt, lát chanh thái. Phở luôn phải ăn nóng mới ngon, người Hà Nội còn ăn kèm với những miếng quẩy nhỏ. Tuy nhiên, để có được những bát phở ngon còn tùy thuộc vào kinh nghiệm và bí quyết truyền thống của nghề nấu phở.

Trong món phở Hà Nội công đoạn chế biến nước dùng, còn gọi nước lèo, là công đoạn quan trọng nhất. Nước dùng của phở truyền thống là phải được ninh từ xương ống của bò cùng với một số gia vị. Xương phải được rửa sạch, cạo sạch hết thịt bám vào xương cho vào nồi đun với nước lạnh. Nước luộc xương lần đầu phải đổ đi để nước dùng khỏi bị nhiễm mùi hôi của xương bò, nước luộc lần sau mới dùng làm nước lèo. Gừng và củ hành đã nướng đồng thời cũng được cho vào. Lửa đun được bật lớn để nước sôi lên, khi nước đã sôi thì phải giảm bớt lửa và bắt đầu vớt bọt. Khi đã vớt hết bọt, cho thêm một ít nước lạnh và lại đợi nước tiếp tục sôi tiếp để vớt bọt...Cứ làm như vậy liên tục cho đến khi nước trong và không còn cặn trong bọt nữa. Sau đó, cho một ít gia vị vào và điều chỉnh độ lửa sao cho nồi nước chỉ sôi lăn tăn để giữ cho nước khỏi bị đục và chất ngọt từ xương có đủ thời gian để tan vào nước lèo.

Có thể nói, Phở Hà Nội có cái ngọt chân chất của xương bò, cái thơm của thịt vừa chín đến độ để vẫn dẻo mà lại không dai. Màu nước phở trong, bánh phở mỏng và mềm. Chỉ nhìn bát phở thôi cũng đủ thấy cái chất sành điệu, kỹ càng trong ăn uống của người Hà Nội. Một nhúm bánh phở đã trần qua nước nóng mềm mại dàn đều trong bát, bên trên là những lát thịt thái mỏng như lụa điểm mấy ngọn hành hoa xanh nõn, mấy cọng rau thơm xinh xắn, mấy nhát gừng màu vàng chanh thái mỏng như tơ, lại thêm mấy lát ớt thái mỏng vừa đỏ sậm vừa màu hoa hiên.

Tất cả màu sắc đó như một bức họa lập thể hơi bạo màu nhưng đẹp mắt cứ dậy lên hương vị, quện với hơi nước phở bốc lên, bốc lên nghi ngút, đánh thức tất cả khả năng vị giác, khứu giác của người ăn, khiến ta có cảm giác đang được hưởng cái tinh tế của đất trời và con người hợp lại. Chỉ húp một tý nước thôi đã thấy tỉnh người. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cái cay dịu của gừng, cái cay nồng của ớt, cái thơm nhẹ của rau thơm, cái thơm của thịt bò tươi mềm. Tất cả cứ ngọt lừ đi, ngọt một cách hiền lành, êm nhẹ mà chân thật, tuyệt kỹ hài hoà.

Ta có thể thưởng thức nhiều hương vị phở tại Hà Nội.

Có ba món phở chính:

Phở nước: Cho bánh phở, thịt, rau thơm và gia vị vào một cái bát ô tô rồi chan ngập nước dùng nóng lên.

Phở xào: Xào bánh phở cùng thịt và rau thơm.

Phở áp chảo: Xào bánh phở trong mỡ nóng tới khi bánh phở trở lên nâu giòn, rồi thêm gia vị.

Trong ba loại phở trên thì phở nước là phổ biến hơn cả. Phở nước gồm có: Phở Bò, phở Gà, phở Tim gan. Tuy nhiên, người sành điệu chỉ ăn phở chuộng nhất phở Bò, thứ đến là phở gà và không chấp nhận những loại phở khác.

Đối với du khách nước ngoài thì phở được coi là món ngon hấp dẫn và lạ miệng bởi sự tinh túy. Để thưởng thức phở ngon thì cần phải để phở trong bát sứ chứ không phải là bát thủy tinh hay bát nhựa. Bát đựng phở không được quá to hay quá nhỏ. Nếu bát quá nhỏ, nước dùng sẽ chóng nguội và không có đủ chỗ để thịt, rau thơm và gia vị.

Nếu bát to quá thì chưa ăn hết một bát bạn đã thấy chán vì phở chỉ là một món ăn nhẹ hoặc món ăn thêm.

Khi ăn phở, một tay cầm đũa còn tay kia cầm thìa. Dùng đũa tre là thích hợp nhất vì nó giản dị và không bị trơn khi gấp bánh phở. Bàn ăn phở cần hơi thấp so với bình thường để nước dùng không vương vào quần áo bạn khi cúi xuống gấp sợi bánh phở lên ăn.

Trông bạn sẽ rất kỳ cục nếu bạn uống bia hoặc trà đá khi ăn phở. Tuy nhiên, bạn nhấm nháp một chén cốc lủi để bát phở thêm ngon thì có thể chấp nhận được. Nhưng thường thì không dùng đồ uống hoặc các đồ ăn khác khi ăn phở, ăn như vậy mới càng thấy phở ngon.

Nếu có cơ hội đến với Hà Nội thì bạn nên thưởng thức hương vị phở đặc trưng này nhé! Phở Hà Nội là như thế, đó là cái ngon của tất cả những chất liệu đời thường Việt Nam nhưng đã được bàn tay tài hoa của người Hà Nội làm thành tác phẩm!

Thuyết Minh Một Danh Lam Thắng Cảnh

Dàn ý	Thuyết Minh Về Danh Lam Thắng Cảnh	
Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đối tượng thuyết minh: Danh lam thắng cảnh mà em định giới thiệu. - Cảm nghĩ khái quát của em về danh lam thắng cảnh đó. 	
Thân bài	a) Giới thiệu khái quát:	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ/ nơi tọa lạc? - Diện tích nơi đó? Rộng lớn hay nhỏ? - Cảnh vật xung quanh ra sao? - Có thể đến đó bằng phương tiện gì? + Phương tiện du lịch: Xe du lịch,... + Phương tiện công cộng: Xe máy, xe buýt,...
	b) Giới thiệu về lịch sử hình thành:	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xây dựng, nguồn gốc hình thành - Có từ khi nào? - Do ai khởi công (làm ra)? - Xây dựng trong bao lâu?
		- Ý nghĩa tên gọi hoặc tên gọi khác (nếu có)
	c) Giới thiệu về kiến trúc, cảnh vật	<ul style="list-style-type: none"> * Cảnh bao quát: - Từ xa,... - Nổi bật nhất là... - Cảnh quan xung quanh... * Chi tiết: - Cách trang trí: + Mang đậm nét văn hóa dân tộc. + Mang theo nét hiện đại. - Cấu tạo.
	d) Ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh đó đối với:	<ul style="list-style-type: none"> - Địa phương... - Đất nước... - Lưu giữ: + Tìm hiểu nhiều hơn về lịch sử, quá khứ của ông cha ta. + Tô điểm cho... (TP HCM, Nha Trang, Việt Nam,...), thu hút khách du lịch. - Một trong các địa điểm du lịch nổi tiếng/ thú vị/ hấp dẫn/ thu hút khách du lịch.
Kết bài	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại một lần nữa giá trị, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh. - Nêu cảm nghĩ của bản thân. 	

Thuyết Minh Về Vịnh Hạ Long

Dàn ý	Thuyết Minh Về Vịnh Hạ Long
-------	-----------------------------

Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> • Là quốc gia có truyền thống lịch sử lâu đời • Thiên nhiên ưu ái cho nhiều cảnh quan, danh lam thắng cảnh hùng vĩ • Không thể không nhắc đến vịnh Hạ Long nơi truyền thuyết rồng đáp xuống • Đã được công nhận là di sản văn hoá thế giới 	
Thân bài	a) Giới thiệu khái quát:	<ul style="list-style-type: none"> • Vịnh Hạ Long nằm ở vùng Đông Bắc thuộc một phần của vịnh Bắc Bộ • Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh, gồm có 1969 hòn đảo lớn nhỏ • Vịnh Hạ Long có khí hậu phân hóa rõ rệt với mùa hạ, mùa đông • Khách du lịch có thể đến Hạ Long bằng đường bộ với xe du lịch, xe máy. • Là nơi có vẻ đẹp hùng vĩ, một kiệt tác của thiên nhiên
	b) Giới thiệu về lịch sử hình thành:	<ul style="list-style-type: none"> • Theo truyền thuyết cho rằng, nước Việt bị giặc ngoại xâm xâm lược, Ngọc Hoàng cho Rồng mẹ mang theo rồng con giúp nước Việt • Có truyền thuyết nói rằng khi nước ta bị xâm lược thì có một con rồng cuộn mình tạo nên bức tường thành vững chắc ngăn giặc ngoại xâm • Nhưng theo địa lí học thì đây là do kiến tạo địa chất
	c) Giới thiệu về kiến trúc, cảnh vật	<ul style="list-style-type: none"> • Có hai loại đảo là đảo đá vôi và phiến thạch chủ yếu ở Bái Tử Long và vịnh Hạ Long • Có hàng loạt những hang động đẹp và nổi tiếng như hòn Trống Mái, hòn Lã Vọng,... • Bên trong các đảo là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung,... • Từ trên cao nhìn xuống, nơi đây như là bức tranh thủy mặc khổng lồ rất sống động • Hàng ngàn đảo đá nhấp nhô trên sóng nước lung linh huyền ảo • Đi giữa Hạ Long với muôn ngàn đảo đá như lạc vào thế giới cổ tích • Nơi đây tập trung đa dạng sinh thái như hệ sinh thái rừng ngập mặn, san hô,... • Khách du lịch có thể đi thưởng ngoạn bằng thuyền để có thể ngắm nơi thơ mộng này • Khi hoàng hôn buông xuống, mặt vịnh nhuộm màu đỏ rực của tia nắng cuối cùng • Khi màn đêm buông xuống khiến cho Hạ

		<p>Long trở nên huyền ảo như thật như mơ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nơi đây thích hợp cho việc đánh bắt hải sản • Có trữ lượng hải sản cao như cá song, cá giò, tôm, bào ngư,... hấp dẫn du khách • Được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới <p>- Các điểm tham quan lại Vịnh Hạ Long:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hòn Gà Chọi • Hòn Con Cóc • Đảo Ngọc Vừng • Đảo Ti Tốp • Đảo Tuần Châu • Động Thiên Cung • Hang Đầu Gỗ
	d) Ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh đó đối với:	<ul style="list-style-type: none"> • Gắn liền với lịch sử chống giặc ngoại xâm • Là di sản văn hóa của thế giới, là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam • Là nơi du khách đến thăm quan du lịch. • Là một trong những kì quan thiên nhiên đẹp nhất
Kết bài		<ul style="list-style-type: none"> • Là di sản văn hóa của thế giới, là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam • Là nơi du khách đến thăm quan du lịch

Thuyết minh về Vịnh Hạ Long

Nước ta có rất nhiều những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Phong Nha- Kẻ Bàng, Sapa,... Tiêu biểu trong số đó phải kể đến Vịnh Hạ Long, nơi đây đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ Tây vịnh Bắc Bộ tại khu vực biển Đông Bắc Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh. Nó được hình thành do sự vận động của đá và nước, là một tác phẩm nghệ thuật địa lí được hoàn thành sau hàng triệu năm biến đổi của địa chất. Vịnh Hạ Long giới hạn trong diện tích khoảng 1.553km² bao gồm 1.960 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là đảo đá vôi.

Được tạo thành là như vậy nhưng nơi đây gắn liền với những truyền thuyết xa xưa được dân ta kể lại, khi người Việt mới lập nước đã bị giặc ngoại xâm, Ngọc Hoàng sai Rồng Mẹ mang theo một đàn Rồng Con xuống hạ giới giúp người Việt đánh giặc.

Thuyền giặc từ ngoài biển ào ạt tiến vào bờ vừa lúc đàn Rồng tới hạ giới. Đàn Rồng lập tức phun ra lửa thiêu cháy thuyền giặc, một phần nhả Châu Ngọc dựng thành bức tường đá sừng sững làm cho thuyền giặc đâm phải mà vỡ tan, chặn đứng bước tiến của ngoại bang.

Sau khi giặc tan, thấy cảnh mặt đất thanh bình, cây cối tươi tốt, con người nơi đây lại cần cù, chịu khó, đoàn kết giúp đỡ nhau, Rồng Mẹ và Rồng Con không trở về trời mà ở lại hạ giới, nơi vừa diễn ra trận chiến để muôn đời bảo vệ con dân Đại Việt.

Vị trí Rồng Mẹ đáp xuống là Hạ Long; nơi Rồng Con đáp xuống là Bái Tử Long và nơi đuôi đàn rồng quẫy nước trắng xóa là Bạch Long Vĩ. Lại có truyền thuyết khác nói rằng vào thời kỳ nọ khi đất nước có giặc ngoại xâm, một con rồng đã bay theo dọc sông xuôi về phía biển và hạ cánh xuống ở vùng ven biển Đông Bắc làm thành bức tường thành chắn bước tiến của thủy quân giặc.

Chỗ rồng đáp xuống che chở cho đất nước được gọi là Hạ Long.

Nói đến vịnh Hạ Long, ta không thể không nhắc đến vẻ đẹp mây trời cảnh sắc non nước hữu tình, những hòn đảo, dãy núi nhỏ xen kẽ nhau nhấp nhô trong làn nước xanh biếc mềm mại, tạo nên một bức tranh sống động, nên thơ.

Các đảo trên vịnh Hạ Long qua bàn tay khéo léo, sáng tạo của mẹ thiên nhiên mà mỗi đảo lại cho ta thấy được một vẻ đẹp riêng biệt, không đảo nào giống đảo nào.

Đảo thì giống như hình con cóc đang ngồi xồm giữa biển nước (Hòn Con Cóc), đảo lại có hình thù như một đôi gà, một trống một mái (Hòn Trống Mái), có đảo lại như một ông lão ngồi câu cá (Hòn Lã Vọng),... muôn hình vạn trạng. Không chỉ vậy, điểm thu hút bậc nhất của vịnh Hạ Long phải kể đến những hang động trải qua hàng ngàn, hàng triệu năm kiến tạo, khoác lên mình vẻ đẹp bí ẩn, lung linh gọi cho du khách sự tò mò muốn khám phá, tìm hiểu chúng.

Đầu tiên phải kể đến hang Sừng Sốt, nằm ở vùng trung tâm du lịch của vịnh Hạ Long, trong đảo Bồ Hòn, là hang động rộng và đẹp nhất vịnh Hạ Long, đường lên hang Sừng Sốt luôn dưới những tán lá rừng, với những bậc đá ghép cheo leo, khúc khuỷu .

Động được chia làm hai ngăn chính, toàn bộ ngăn thứ nhất rộng thênh thang với trần hang được phủ bằng nhũ đá, những tượng đá, voi đá, hải cẩu, mâm xôi, hoa lá.

Ngăn 2 cách biệt với ngăn 1 qua một lối đi hẹp. Bước vào lòng ngăn này, động mở ra một khung cảnh mới khác lạ hoàn toàn với lòng ngăn rộng có thể chứa được hàng ngàn người. Trong lòng ngăn 2 của hang Sừng Sốt có những hình tượng được gắn với truyền thuyết Thánh Gióng: cạnh lối ra vào là khối đá hình chú ngựa, thanh gươm dài và trong lòng hang có những ao hồ nhỏ như vết chân ngựa Gióng.

Trên dãy đảo Bồ Hòn, có hai hang động mang một sự tích về một tình yêu trai gái nhưng không thành: Hang Trống và hang Trinh Nữ. Ấn tượng đầu tiên khi bước vào hang Trinh Nữ là hình ảnh bức tượng được làm bằng đá về một người con gái, nằm xõa mái tóc dài, mắt hướng ra khơi xa, đôi mắt gợi lên một nỗi buồn như đang trong chờ một điều gì đó nhưng tuyệt vọng.

Hang Trống Hang Trống nằm đối diện Hang Trinh Nữ, có hai cửa hang khá rộng và thông nhau theo hướng Đông – Tây qua 2 vách núi. Bên trong hang có những chùm thạch nhũ trắng bạc, rủ xuống lòng hang và còn có bức tượng chàng trai hóa đá đang quay mặt về phía Hang Trinh Nữ.

Tiếp đến là động Thiên Cung, nằm ở lưng chừng đảo Canh Độc, bước vào cửa động Thiên Cung lòng động đột ngột mở ra không gian có tiết diện hình tứ giác với chiều dài hơn 130 mét, với những măng đá như một đèn đài mỹ lệ.

Vách động cao và thẳng đứng được bao bọc bởi những nhũ đá và trên mỗi vách động ấy thiên nhiên đã khảm nhiều hình thù kỳ lạ, hấp dẫn người xem.

Đó là 4 cột trụ to lớn giữa động mà từ chân cột tới đỉnh đều được chạm nổi nhiều hình thù kỳ lạ như chim cá, cảnh sinh hoạt của con người, hoa lá cành; là những thạch nhũ mang hình tượng Nam Tào, Bắc Đẩu, tiên nữ múa hát; là trần hang với những điêu khắc người, chim, hoa, muông thú đang dự tiệc, hoàn toàn do bàn tay nhào nặn của tạo hóa tác thành qua hàng vạn năm.

Cửa động nhỏ hẹp được giấu kín trong lòng núi nhưng càng đi vào bên trong, lòng động càng mở lớn và rộng, dẫn dắt người xem đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Cùng nằm trên đảo Canh Độc, ở vị trí gần nhất với động Thiên Cung là hang Đầu Gỗ, một hang động với những nhũ đá tráng lệ. Tên gọi Hang Đầu Gỗ gắn liền với một giai đoạn hào hùng của lịch sử, của thời đại Đông A, với chiến thắng của quân dân nhà Trần năm 1288, đánh bại hoàn toàn quân hiếu chiến Mông Nguyên sau ba lần mang quân xâm lược nước ta, mang lại hòa bình cho dân tộc.

Hiện các nhà khảo cổ còn tìm thấy rất nhiều khúc gỗ và mẫu gỗ vụn còn sót lại trong động.

Cửa hang Đầu Gỗ ở lưng chừng vách núi và trong lòng hang được chia thành 3 ngăn chính. Ngăn thứ nhất gồm hệ thống nhũ đá có nhiều hình ảnh quen thuộc với cuộc sống: sư tử, trâu, rùa, và thậm chí cả hình ảnh đôi gà chọi,....

Qua ngăn thứ nhất, vào ngăn thứ 2 bằng một khe cửa hẹp, bắt đầu bằng một bức tranh hoành tráng – hình ảnh những hòn đảo đá lô nhô trên sóng nước cũng được khắc họa rõ nét.

Ngăn thứ 3 – là hình ảnh những cột đá khổng lồ, vừa không thô nhám, cứng nhắc, vừa xinh xắn, mềm mại. Năm 1917, hang Đầu Gỗ được vua Khải Định lên thăm và cho khắc một tấm văn bia với nội dung ca ngợi cảnh đẹp của non nước Hạ Long nói chung và hang Đầu Gỗ nói riêng. Hiện nay, tấm bia đá vẫn còn ở phía bên phải cửa động tuy chữ đã bị mài mòn.

Ngoài ra, vịnh còn có rất nhiều hang động đẹp mà tràn đầy bí ẩn, tên gọi của chúng hầu hết xuất phát từ những truyền thuyết, lịch sử như: hang Trinh Nữ, hang Trống, hang Luồn, động Kim Quy,...góp vào bức tranh vịnh những gam màu rực rỡ, đa dạng, gợi sự tò mò đến với du khách để tìm hiểu và khám phá vẻ đẹp, cội nguồn sâu xa của tên gọi.

Có thể nói vịnh Hạ Long chính là chứng nhân của lịch sử bởi nó gắn liền với những trang sử của quân dân Việt Nam trong thời kỳ dựng nước và giữ nước, lưu giữ những bút tích của một thời đại quân chủ chuyên chế, những trí tưởng tượng, sự sáng tạo của người Việt Nam từ thời tiền sử.

Không chỉ vậy, vịnh Hạ Long có giá trị rất lớn về mặt du lịch trong việc quảng bá hình ảnh và vẻ đẹp của đất nước ta đến với thế giới và được UNESCO công nhận về giá trị thẩm mỹ và giá trị địa chất- địa mạo, có giá trị đa dạng sinh học với hệ sinh thái điển hình của vùng biển nhiệt đới và có tiềm năng khai thác về nguồn thủy hải sản phong phú.

Ta có thể thấy vịnh Hạ Long chứa đựng một vẻ đẹp tiềm tàng, đa dạng mà bí hiểm, như một người thiếu nữ tuổi mới lớn, nếu được phát triển đúng cách, vẻ đẹp đó sẽ đạt đến đỉnh cao, thu hút mọi ánh nhìn.

Người Việt Nam ta tự hào khi có được một di sản mà thiên nhiên ban tặng để mà trân trọng gìn giữ cái quà tặng quý báu ấy, càng tự hào hơn khi vịnh Hạ Long nhận được sự thừa nhận của bạn bè quốc tế, đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng khi du khách đến Việt Nam.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK II - MÔN NGỮ VĂN 8

A. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

I/ PHÂN MÔN VĂN

1. Lập bảng thống kê các văn bản tác phẩm văn học Việt Nam

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Nhớ rừng (Thơ mới)	Thế Lữ (1907-1989)	Thơ tám chữ	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy.	Bút pháp lãng mạn rất truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, nhịp điệu, phép tương phản, đối lập. Nghệ thuật tạo hình đặc sắc.
2	Quê hương (Thơ mới)	Tế Hanh (sinh 1921)	Thơ tám chữ	Tình yêu quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt làng chài.	Lời thơ bình dị, hình ảnh thơ mộc mạc mà tinh tế lại giàu ý nghĩa biểu trưng (cánh buồm - hồn làng, thân hình nông thõ vệt xa xăm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ,...)
3	Khi con tu hú (Thơ Cách mạng)	Tố Hữu (1920-2002)	Thơ lục bát	Tình yêu cuộc sống và khát vọng tự do của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong nhà tù.	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, tưởng tượng rất phong phú, dồi dào.
4	Tức cảnh Pác Bó (Thơ cách mạng)	Hồ Chí Minh (1890-1969)	Đường luật thất ngôn tứ tuyệt	Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.	Giọng thơ hóm hỉnh, tươi vui, (văn lẫn sang, thật là sang), từ láy miêu tả (chông chênh); vừa cổ điển vừa hiện đại.

5	Ngắm trăng (Vọng Nguyệt; trích Nhật kí trong tù)	Hồ Chí Minh	Thất ngôn tứ tuyệt (chữ Hán)	Tình yêu thiên nhiên, yêu trăng đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục cực khổ, tối tăm.	Nhân hóa, điệp từ, câu hỏi tu từ và đối lập.
6	Đi đường (Tẩu Lộ; trích Nhật kí trong tù)	Hồ Chí Minh	Thất ngôn tứ tuyệt chữ Hán (dịch lục bát)	Ý nghĩa tượng trưng và triết lí sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời; vượt qua gian lao chông chênh sẽ tới thắng lợi vẻ vang.	Điệp từ (tẩu lộ, trùng san), tính đa nghĩa của hình ảnh, câu thơ, bài thơ.
7	Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) (1010)	Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ) (974-1028)	Chiếu - Chữ Hán Nghị luận trung đại	Phản ánh khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.	Kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục, hài hòa tình - lí: trên vâng mệnh trời- dưới theo ý dân
8	Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng hịch văn) (1285)	Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231?-1300)	Hịch Chữ Hán Nghị luận trung đại	Tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược (thế kỉ XIII), thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến quyết thắng, trên cơ sở đó, tác giả phê phán khuyết điểm của các tì tướng, khuyên bảo họ phải ra sức học tập binh thư, rèn quân chuẩn bị sát đánh. Bùng bùng hào khí Đông A.	Áng văn chính luận xuất sắc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, đanh thép, nhiệt huyết chứa chan, tình cảm thống thiết, rung động lòng người sâu xa; đánh vào lòng người, lời hịch trở thành mệnh lệnh của lương tâm, người nghe được sáng trí, sáng lòng.
9	Nước Đại Việt ta (trích Bình Ngô đại cáo) (1428)	Ức Trai Nguyễn trãi (1380-1442)	Cáo Chữ Hán Nghị luận trung đại	Ý thức dân tộc và chủ quyền đã phát triển tới trình độ cao, ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng,	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, xác thực, ý tứ rõ ràng, sáng sủa và hàm súc, kết tinh cao độ tinh thần và ý thức dân tộc trong

				có chủ quyền, có truyền thống lịch sử. Kẻ xâm lược phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.	thời kì lịch sử dân tộc thật sự lớn mạnh; đặt tiền đề, cơ sở lí luận cho toàn bài; xứng đáng là Thiên cổ hùng văn.
10	Bàn luận về phép học (Luận học pháp) (1791)	La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp (1723-1804)	Tấu Chữ Hán Nghị luận trung đại	Quan niệm tiến bộ của tác giả về mục đích và tác dụng của việc học tập: học là để làm người có đạo đức, có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước. Muốn học tốt phải có phương pháp, phải theo điều học mà làm (hành)	Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng; sau khi phê phán những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong việc học, khẳng định quan điểm và phương pháp học tập đúng đắn.
11	Thuế máu (trích chương I, Bản án chế độ thực dân pháp) (1925)	Nguyễn Ái Quốc	Phóng sự chính luận Tiếng Pháp Nghị luận hiện đại	Bộ mặt giả nhân giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa nghèo khổ làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn khốc (1914-1918)	Tư liệu phong phú, xác thực, tính chiến đấu rất cao, nghệ thuật trào phúng sắc sảo và hiện đại; mâu thuẫn trào phúng, ngôn ngữ, giọng điệu giễu nhại

* Yêu cầu:

1/ Văn bản thơ:

- *Nắm được tên văn bản, tác giả, thể thơ.*

- *Học thuộc lòng các bài thơ, phân tích nội dung và nghệ thuật.*

- *Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình (vẻ đẹp tâm hồn của những nhà thơ cộng sản như Hồ Chí Minh, Tố Hữu; tâm tư tình cảm của những nhà thơ mới lãng mạn như Thế Lữ, Tế Hanh); vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình.*

2/ Văn bản nghị luận:

a. Phân biệt các thể loại: Chiếu - Hịch - Cáo - Tấu

- Giống nhau: Đều là thể văn chính luận → kết cấu chặt chẽ, lí lẽ, lập luận sắc bén, thường dùng lối văn biện ngẫu.

- Khác về mục đích:

+ Chiếu là thể văn vua dùng ban bố mệnh lệnh.

+ Hịch là thể văn vua chúa, tướng lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục kêu gọi đấu tranh.

+ Cáo là thể văn vua chúa, thủ lĩnh trình bày chủ trương hay công bố kết quả của một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

+ Tấu là thể văn do thần dân dâng gửi lên vua chúa.

- Khác về đối tượng sử dụng:

+ Vua, chúa, bề trên dùng: chiếu, hịch, cáo.

+ Quan lại, thần dân: dùng tấu, sớ, biểu.

b. Nắm được nội dung và đặc điểm nghệ thuật của một số văn bản nghị luận.

- Về nội dung: thấy được tư tưởng yêu nước, tinh thần chống xâm lăng và lòng tự hào dân tộc của cha ông ta qua những áng văn chính luận nổi tiếng, từ những văn bản thời trung đại như “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn, “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi,... đến văn bản thời hiện đại như “Thuế máu” của Nguyễn Ái Quốc.

- Về hình thức nghệ thuật: Những nội dung ấy được thể hiện bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sắc sảo với giọng văn đanh thép, hùng hồn (Với các thể văn cổ như chiếu, hịch, cáo,... cần nắm được đặc điểm về hình thức như bố cục, câu văn biến ngẫu,.. đã giúp cho việc lập luận chặt chẽ và sáng tỏ như thế nào?)

c. Nắm được những nét chung và riêng của tinh thần yêu nước được thể hiện trong các văn bản “Chiếu dời đô” - Lí Công Uẩn, “Hịch tướng sĩ” -Trần Quốc Tuấn và “Nước Đại Việt ta” (trích Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi.

- Ba văn bản *Chiếu dời đô*, *Hịch tướng sĩ*, *Nước Đại Việt ta* đều được viết bởi những nhân vật lịch sử, ra đời gắn liền với những sự kiện trọng đại trong lịch sử dựng nước giữ nước và đều thấm đượm tinh thần yêu nước nồng nàn. Tinh thần yêu nước ấy trong các văn bản vừa có nét giống nhau vừa có nét khác nhau, tức là vừa thống nhất, vừa đa dạng.

- Cả ba văn bản đều thể hiện ý thức về chủ quyền dân tộc, đều khẳng định nền độc lập dân tộc. Song ở mỗi văn bản, nội dung yêu nước lại có nét riêng

+ Ở “*Chiếu dời đô*” của Lí Công Uẩn nổi bật lên khát vọng xây dựng đất nước vững bền và ý chí tự cường của dân tộc đang trên đà lớn mạnh.

- Ở “*Hịch tướng sĩ*” của Trần Quốc Tuấn là lòng căm thù sôi sục và tinh thần quyết

chiến quyết thắng lũ giặc xâm lược.

- Ở “Nước Đại Việt ta” (trích Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi là sự khẳng định mạnh mẽ nền độc lập trên cơ sở ý thức dân tộc đặc biệt sâu sắc, đồng thời thể hiện niềm tự hào cao độ về sức mạnh chính nghĩa cùng truyền thống lịch sử, văn hoá vẻ vang của dân tộc.

d. Biết khái quát trình tự lập luận trong các văn bản nghị luận bằng các sơ đồ (Nước Đại Việt ta, Bàn luận về phép học, Hịch tướng sĩ, Chiếu dời đô).

II/ PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT:

1. Các kiểu câu

CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI				
STT	Kiểu câu	Đặc điểm hình thức	Chức năng chính	Chức năng khác
1	Câu nghi vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (khi viết). - Có từ nghi vấn: ai, gì, nào, đâu, bao nhiêu hoặc từ “hay” 	- Dùng để hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để cầu khiến, đe dọa, phủ định, khẳng định. - Dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc.
2	Câu cầu khiến	<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc câu bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm (khi viết). - Có từ cầu khiến: <i>hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...</i> - Ngữ điệu cầu khiến. 	- Dùng để ra lệnh, yêu cầu, răn đe, khuyên bảo.	
3	Câu cảm thán	<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc câu bằng dấu chấm than (khi viết). - Có từ cảm thán: <i>than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, biết bao...</i> 	- Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói.	
4	Câu trần thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc câu bằng dấu chấm, đôi khi kết thúc bằng dấu chấm lửng (khi viết). - Không có đặc điểm hình thức của câu: nghi vấn, cầu khiến, 	- Dùng để kể, thông báo, nhận định, trình bày, miêu tả...	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để yêu cầu, đề nghị. - Dùng để biểu lộ cảm xúc, tình cảm.

		cảm thán.		
5	Câu phủ định	Có từ ngữ phủ định như: <i>không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có),...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để thông báo, xác nhận không có sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (PĐMT). - Phán bác một ý kiến, một nhận định (PĐBB). 	

- **Yêu cầu:** Nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của các kiểu câu => vận dụng vào việc viết câu, dựng đoạn, bài văn.

2. Hành động nói:

a. Khái niệm: Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

b. Các kiểu hành động nói

- Hỏi
- Trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến...)
- Điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức, ...)
- Hứa hẹn.
- Bộc lộ cảm xúc.

c. Cách thực hiện hành động nói:

- Cách dùng trực tiếp (Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó).
- Cách dùng gián tiếp (hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính không phù hợp với hành động đó).

- **Yêu cầu:** Nắm khái niệm và các kiểu hành động nói; xác định hành động nói và cách dùng hành động nói trong ngữ cảnh nhất định.

3. Vai xã hội và lượt lời trong hội thoại; ý nghĩa của việc ứng xử đúng vai, điều chỉnh thái độ giao tiếp:

a. Khái niệm vai xã hội trong hội thoại:

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.
- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:
 - + Quan hệ trên – dưới hay ngang hàng (*theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội*);
 - + Quan hệ thân – sơ (*theo mức độ quen biết, thân tình*).

b. Chọn cách nói cho phù hợp với vai thoại.

Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.

c. Lướt lời trong hội thoại:

- Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.
- Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.
- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

4. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.

HS cần nắm được những tác dụng sau:

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.
- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.
- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.
- Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

5. Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc)

- **Yêu cầu:** Biết vận dụng lí thuyết vào làm bài tập và xem lại các dạng bài tập đã làm (*câu chia theo mục đích nói, vai xã hội và lượt lời trong hội thoại, lựa chọn trật tự từ trong câu, chữa lỗi diễn đạt lô-gíc*).

III/ PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN:

1. Thuyết minh:

Giới thiệu một phương pháp (cách làm), giới thiệu về một danh lam thắng cảnh.

❖ Danh lam thắng cảnh:

a/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh.

b/ Thân bài: Trình bày chi tiết về vị trí, lai lịch, nguồn gốc, đặc điểm, ý nghĩa (có thể trình bày theo quan hệ thời gian, không gian, theo các sự kiện gắn liền với danh lam đó).

c/ Kết bài: Cảm nghĩ chung về danh lam thắng cảnh hoặc nói về triển vọng phát triển trong tương lai...

❖ Thuyết minh về một phương pháp (cách làm):

a/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về vật liệu mà mình chọn làm

b/ Thân bài:

- Nguyên liệu
- Cách làm
- Yêu cầu thành phẩm

c/ Kết bài: Nêu lợi ích của nó đối với con người.

2. Nghị luận: Chứng minh và giải thích. *(Nhận diện các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả trong văn nghị luận → vận dụng các yếu tố đó vào làm một bài văn).*

❖ Chứng minh:

- *Chứng minh* là một phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng để chứng tỏ một nhân định, luận điểm nào đó là đúng đắn là đáng tin cậy.

- *Dàn ý* _

a/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần chứng minh

b/ Thân bài:

- Giải thích vấn đề (khi cần thiết): giải thích khái niệm, hoặc nghĩa đen, nghĩa bóng
...

- Đưa dẫn chứng chứng minh các khía cạnh của vấn đề (D/c theo trình tự hợp lí)

+ Dẫn chứng 1 (D/c lịch sử)

+ Dẫn chứng 2 (D/c thực tế)

+ Dẫn chứng 3 (D/c thơ văn)

c/ Kết bài:

- Nhận xét chung về vấn đề (nêu ý nghĩa).
- Rút ra bài học cho bản thân.

❖ **Giải thích:**

- *Giải thích* là làm cho người đọc hiểu rõ tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cho con người (nhận thức, hiểu rõ sự vật hiện tượng)

- *Dàn ý*:

a/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần giải thích.

b/ Thân bài:

- Giải thích ý nghĩa của vấn đề: giải thích khái niệm, hoặc nghĩa đen, nghĩa bóng (trả lời câu hỏi ***là gì? thế nào?*** ...)
- Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề (trả lời câu hỏi ***Vì sao?*** Lí lẽ kết hợp với dẫn chứng).
- Phương hướng, biện pháp vận dụng. (trả lời câu hỏi ***làm gì?*** thực hiện ***như thế nào? bằng cách nào?***)

c/ Kết bài:

- Nhận xét chung về vấn đề (nêu ý nghĩa, tầm quan trọng)
- Rút ra bài học cho bản thân.

B. BÀI TẬP

I/ PHÂN MÔN VĂN

1. Hãy phân tích nỗi nhớ rừng của con hổ trong bài thơ “*Nhớ rừng*” của *Thế Lữ*.
2. Có ý kiến cho rằng: Trong bài “*Quê hương*” có những chỗ tác giả đã sử dụng những so sánh đẹp, bay bổng và biện pháp nhân hóa độc đáo, thổi linh hồn cho sự vật, khiến sự vật có một vẻ đẹp, một ý nghĩa, một tâm vóc bất ngờ. Em hãy chọn và phân tích một ví dụ mà em thích nhất?
3. Qua bài thơ “*Khi con tu hú*” của nhà thơ *Tố Hữu* em có cảm nhận gì về tâm trạng tác giả?
4. Qua hai bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” và bài thơ “*Ngắm trăng*”, hình ảnh *Bác Hồ*

hiện ra như thế nào?

5. Viết lại bài thơ “Ngắm trăng” và cho biết chất “thép”, chất “tình” thể hiện trong bài thơ này như thế nào?

6. Trên cơ sở so sánh bài “Sông núi Nước Nam”, hãy chỉ ra sự nối tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích “Nước Đại Việt ta”?

7. Vẽ sơ đồ khái quát trình tự lập luận trong các văn bản nghị luận trung đại đã học: Nước Đại Việt ta, Bàn luận về phép học, Hịch tướng sĩ, Chiếu dời đô?

II/ PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT:

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu cho bên dưới.

“Chị Dậu run run:

- **Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lòi thoi như thế.** Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khuất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hăn quát:

- **Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?** Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khuất!

Chị Dậu vẫn thiết tha:

- **Khốn nạn!** Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hăn quay lại bảo anh người nhà lí trưởng:

- **Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!”**

(Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

a. Các câu in đậm trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu chia theo mục đích nói nào? Xác định hành động nói ở từng kiểu câu? Cho biết hành động nói ở mỗi câu được thực hiện bằng cách nào? (trực tiếp hay gián tiếp)

b. Có mấy nhân vật tham gia cuộc hội thoại trên? Mỗi nhân vật thực hiện mấy lượt lời?

c. Xác định vai xã hội của các nhân vật tham gia cuộc hội thoại?

2. So sánh các câu sau đây rồi trả lời câu hỏi: (câu cầu khiến)

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! (Ngô Tất Tố).

- Chồng tôi đau ốm, ông đừng hành hạ!

- Chồng tôi

Câu hỏi:

a. Xác định sắc thái mệnh lệnh trong 3 câu trên?

b. Câu nào có sắc thái mệnh lệnh rõ nhất? Vì sao?

3. Đặt các câu cảm thán có các từ: *trời ơi, hỡi ơi, chao ôi, biết bao, thay.*

4. Nêu tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ của những từ in đậm trong các câu sau:

a/ Từ **Triệu, Đinh, Lí, Trần** bao đời gây nền độc lập

Cùng **Hán, Đường, Tống, Nguyên** mỗi bên xưng đế một phương.

b/ Ngoài thêm **rơi** cái lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.

c/ Mua mấy xu chè tươi với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có **bát nước, miếng trầu** thơm tất chứ.

d/ Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam **dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.**

5. Phát hiện và chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô gic) trong những câu sau:

a/ Nó không chỉ ngoan ngoãn mà còn rất lễ phép.

b/ Tuy trời mưa nhưng đường lầy lội.

III/ PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN:

Đề 1 Hiện nay, các bạn học sinh ít dành thời gian cho việc đọc sách. Hãy viết một bài văn nghị luận giúp các bạn thấy rõ lợi ích của việc đọc sách.

Đề 2: Hồ chủ tịch dạy: “*Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy.*” Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

Đề 3: Trò chơi điện tử là một thú tiêu khiển rất hấp dẫn các bạn trẻ đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Nhiều bạn ham mê điện tử mà sao nhãng học tập thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng. Em có suy nghĩ gì về vấn đề trên.

Đề 4: Hãy viết một bài văn nghị luận đề nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như *cờ bạc, tiêm chích ma túy, hoặc tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh,...*

Đề 5: Vấn đề trang phục học sinh và văn hóa. Chạy đua theo mốt không phải là người học sinh có văn hóa.

Đề 6: Lợi ích của việc đi bộ.

Đề 7: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. Bằng những hiểu biết của mình, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Đề 8: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.

Đề 9: Bao lực học đường ở học sinh.

Một số dàn ý tham khảo:

Đề 1: Hiện nay, các bạn học sinh ít dành thời gian cho việc đọc sách. Hãy viết một bài văn nghị luận giúp các bạn thấy rõ lợi ích của việc đọc sách.

a. **Mở bài:** Giới thiệu và nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài:

* Luận điểm 1: Sách là gì? Thế nào là đọc sách?

- Sách ghi chép đầy đủ, có đúc kết và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người tìm tòi, tích lũy được.

- Những sách có giá trị - cột mốc trên con đường phát triển của nhân loại

- Sách là kho tàng kinh nghiệm của con người nung nấu, thu lượm mấy nghìn năm.

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn.

* Luận điểm 2: Đọc sách có lợi gì?

- Đọc sách là con đường tích lũy, nâng cao vốn tri thức.

- Là sự chuẩn bị để con người làm một cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn.

- Không có sự kế thừa cái đã qua, không thể tiếp thu cái mới.

➔ Việc đọc sách có một ý nghĩa to lớn: ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm là sự hưởng thụ các kiến thức, thành quả của bao người đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Đó còn là việc tiếp thu thành quả của quá khứ làm cơ sở để phát triển xã hội hôm nay.

* Luận điểm 3: Đọc sách như thế nào để đạt hiệu quả?

- Không tham đọc nhiều, đọc lung tung mà chọn lựa kỹ, đọc kỹ những quyển sách có giá trị.

- Cần đọc kỹ các cuốn thuộc lĩnh vực chuyên môn có ích cho mình.

- Không nên xem thường việc đọc loại sách thường thức... gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình.

- Không nên đọc lấy số lượng mà phải vừa đọc, vừa suy ngẫm

(Trầm ngâm, tích lũy, tưởng tượng)

- Đọc có kế hoạch, có hệ thống, không đọc tràn lan.

- Kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu.

- Những tác hại dễ gặp khi đọc sách:

+ Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối "ăn tươi nuốt sống" chứ không biết tiêu hóa, nghiền ngẫm.

+ Sách nhiều khiến người ta khó lựa chọn, lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích.

➔ Rèn luyện tính kiên trì, làm việc có kế hoạch, khiêm tốn, làm việc có chất lượng, chân thực ... Đối với người mới lập nghiệp thì đọc sách là một công việc rèn luyện, một cuộc chuẩn bị âm thầm và gian khổ. Đọc sách vừa học tập tri thức vừa rèn luyện nhân cách, chuyện học làm người.

c. Kết bài: Nêu thực trạng của việc đọc sách của thanh thiếu niên hiện nay và khẳng định lại lợi ích của việc đọc sách.

- Không thích đọc sách, nếu có đọc chỉ đọc truyện tranh hình nhiều chữ ít, đọc qua loa cho có, không trau dồi được vốn từ -> Không biết làm văn.

- Sách như người bạn, người thầy. Vì vậy các bạn nên yêu sách và thường xuyên đọc sách.

* **Đề 2:**

Hồ chủ tịch dạy: “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy.” Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

a. Mở bài:

- Trong xã hội thời phong kiến với lối học từ chương làm cản trở bước tiến hóa xã

hội. Nhận thức được sai lầm đó, Hồ Chủ tịch đã khuyên dạy chúng ta: “Học với hành phải đi đôi với nhau. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”

- Giới hạn đề: Giải thích vấn đề trên.

b. Thân bài:

a. Giải thích ý nghĩa:

1. Học là gì? - Là tiếp thu kiến thức lí luận.
2. Hành là gì? - Là làm, là thực hành, ứng dụng kiến thức...
3. Học với hành phải đi đôi là gắn bó với nhau là một.

b. Trình bày các lí lẽ:

1. Học mà không hành thì học vô ích:

- Hành là mục đích và là phương pháp của học.
- Chỉ học lí thuyết suông, không vận dụng vào thực tiễn chẳng để làm gì.

2. Hành mà không học thì hành không trôi chảy

- Hành mà không có lí luận chỉ đạo, lí thuyết soi sáng, kinh nghiệm dẫn dắt thì lúng túng.
- Hành mà không học chỉ là phá hoại.

c. Phương hướng vận dụng:

1. “Học” cái gì và “học” như thế nào?

- Học ở sách vở, học trong thực tế, học ở kinh nghiệm người đi trước.
- Học siêng năng, chăm chỉ, có thực hành.

2. “Hành” cái gì và “hành” như thế nào? Học kết hợp với hành ra sao?

- Vận dụng điều đã học vào thực tế cuộc sống.
- Học để nắm vững lí thuyết, hành để kiểm nghiệm.
- Trong thực hành, kiến thức được củng cố và phát triển.

c. Kết bài:

- Học với hành phải đi đôi là nguyên lí, là phương châm, là phương pháp học tập của chúng ta.

- Nêu quyết tâm của người học sinh đối với vấn đề đó.

Đề 3: Trò chơi điện tử là một thú tiêu khiển rất hấp dẫn các bạn trẻ đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Nhiều bạn ham mê điện tử mà sao nhãng học tập thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng. Em có suy nghĩ gì về vấn đề trên

*** Mở bài:** Nêu hiện tượng trò chơi điện tử rất hấp dẫn giới trẻ gây tác hại rất lớn

Biểu hiện: Sao nhãng học tập, thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng.

*** Thân bài:**

- Nêu tình hình thực trạng của trò chơi điện tử:

+ Là trò chơi tiêu khiển hấp dẫn giới trẻ, có tác dụng.....

+ Các tiệm net mọc tràn lan ở mọi nơi, thu hút một số lượng không nhỏ giới trẻ, nhất là tầng lớp học sinh...

+ Một số bạn đã trở thành con nghiện.....

- Nguyên nhân: Bản thân không kiềm chế, có tính tò mò, bạn bè rủ rê, gia đình quản lý lỏng lẻo, chính quyền địa phương chưa có biện pháp chặt chẽ trong việc quản lý các quán điện tử.

- Tác hại: Mắc các bệnh về mắt, suy sụp về tinh thần, sao nhãng học tập, chán học, bỏ học, nói dối cha mẹ, ăn cắp ăn trộm ...

- Giải pháp: Tự kiềm chế bản thân, cha mẹ quản lý giờ giấc của con cái, tham gia các hoạt động bổ ích: Văn nghệ, thể thao ...

*** Kết bài:** Nhận định của bản thân về hiện tượng – Rút kinh nghiệm cho bản thân.

Đề 4: Nói không với tệ nạn xã hội

I. Mở bài:

Đất nước chúng ta đang trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa để tiến tới 1 xã hội công bằng dân chủ văn minh. Để làm được điều đó, chúng ta phải vượt qua các trở ngại, khó khăn. Một trong những trở ngại đó là các tệ nạn xã hội. Và đáng sợ nhất chính là ma túy.

II. Thân bài

1. Giải thích

- Thế nào là tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái, không đúng với chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm, phá vỡ hệ thống xã hội văn minh, tiến bộ, lành mạnh. Các tệ xã hội thường gặp là: tệ nạn ma túy, mại dâm, đua xe trái phép... và trong đó ma túy là hiện tượng đáng lo ngại nhất, không chỉ cho nước ta mà còn cho cả thế giới.

- Ma túy là một chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp khi ngấm vào

cơ thể con người, nó sẽ làm thay đổi trạng thái, ý thức, trí tuệ và tâm trạng của người đó, khiến người sử dụng có cảm giác lâng lâng, không tự chủ được mọi hành vi hoạt động của mình, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Ma túy tồn tại ở rất nhiều dạng như hồng phiến, bạch phiến, thuốc lắc ... dưới nhiều hình thức tinh vi khác nhau như uống, chích, kẹo...

2. Tại sao phải bài trừ ma túy

- Vì đây là 1 tệ nạn có ảnh hưởng xấu đến môi trường sống, đến đời sống khoa học, chính trị, xã hội. Nghiện ma túy khiến cho 1 người u mê, tăm tối; từ 1 người khỏe mạnh trở nên bệnh tật, từ 1 đứa con ngoan trong gia đình trở nên hư hỏng, từ 1 công dân tốt của xã hội trở thành đối tượng cho luật pháp. Khi đói thuốc, con nghiện sẽ làm bất cứ điều gì kể cả tội ác: cướp giết, trộm cắp, giết người... Thậm chí người thân trong gia đình cũng trở thành nạn nhân của những con nghiện khi đói thuốc. Bởi vậy ma túy đã làm tan vỡ hạnh phúc của biết bao gia đình, ảnh hưởng to lớn đến xã hội.

- Người nghiện ma túy sức khỏe yếu dần, không có khả năng lao động, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.

- làm mất vẻ mỹ quan, văn minh lịch sự của xã hội.

- Những con nghiện mà không được gia đình chấp nhận sẽ đi lang thang, vật vờ trên những con đường

- Ma túy cũng chính là con đường dễ dàng đi đến những căn bệnh nguy hiểm dễ lây lan như: HIV/AIDS, lao phổi...

-> Khiến cho an ninh, trật tự bất ổn, tội phạm gia tăng, làm hư hỏng nhiều thế hệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước về mọi mặt: an ninh, quốc phòng...

Khi đã mắc vào tệ nạn này sẽ không thể rút ra được.

3. Làm sao để nói không với ma túy?

- Hãy tránh xa với ma túy bằng mọi cách, mọi người nên có ý thức sống lối sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của xã hội.

- Nhà nước cần phải có những hình thức xử phạt nghiêm khắc, triệt để đối với những hành vi tàng trữ, buôn bán vận chuyển trái phép ma túy.

- Đồng thời cũng phải đưa những người nghiện vào trường cai nghiện, tạo công ăn việc làm cho họ, tránh những cảnh "nhàn cư vi bất thiện", giúp họ nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống cộng đồng, không xa lánh, kì thị họ.

- Tham gia các hoạt động truyền thống tệ nạn xã hội.

III. Kết bài:

- Rút ra kết luận

- Nêu ra suy nghĩ của bản thân

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**Môn thi: NGỮ VĂN 8****Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)****ĐỀ BÀI: (Gồm 2 phần)****PHẦN I: Đọc - hiểu văn bản (6 điểm)****Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

“Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Việc dời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định phần nào với tới sự phát triển tương lai của đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi “*trung tâm của trời đất*”, một nơi có thể “*rộng cuộn hổ ngồi*”. Nhà vua rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi “*đã đứng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi*”. Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lờm chờm mà là “*địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng*”. Thật cảm **động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân**. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc: “*Dân khỏi chịu cảnh ngập lụt*”. Nơi đây dân sẽ được hưởng no ấm thái bình vì “*muôn vật cũng rất mực tốt tươi...*”. Nhà vua đánh giá kinh đô mới “*Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời*”. **Chính** vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn: “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?*”. (Nguồn Internet)

Câu 1: (1 điểm) Đoạn trích trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập II? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của tác phẩm đó?

Câu 2: (1 điểm) Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?

Câu 3: (2 điểm)

a. Xác định kiểu câu của **hai** câu sau: (1) “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.*” (2) “*Các khanh nghĩ thế nào?*”.

b. Hãy cho biết mỗi câu văn trên thực hiện hành động nói nào?

Câu 4: (2 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “*một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân*”.

PHẦN II: Tạo lập văn bản (4 điểm)

Lịch sử hơn mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi của những người anh hùng dân tộc vĩ đại như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp... Những người anh hùng ấy đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, mở ra những trang sử vàng cho đất nước. Tự hào về những trang sử vẻ vang ấy, tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc, tuổi trẻ hôm nay sẽ làm gì để xứng đáng với tiền nhân?

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về chủ đề **“Tuổi trẻ và tương lai đất nước”**.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Câu 1:(1.0 điểm)- Chiều dài đô-> 0.25 điểm,Lí Công Uẩn-> 0,25đ

- thời điểm ra đời: Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010) -> 0.5đ

Câu 2:(1.0 điểm)Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ?

- Tác phẩm *Chiều dài đô* ra đời có ý nghĩa phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất -> 0.5 điểm

- Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. -> 0.5 điểm

Câu 3:(1.0 điểm)Xác định kiểu câu của các câu sau:

- “*Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.*” -> Câu trần thuật (0.5 điểm),

hành động trình bày (nêu ý kiến) ->0.5 điểm

- *Các khanh nghĩ thế nào?*” -> Câu nghi vấn (0.5 điểm), hành động hỏi -> 0.5 điểm

Câu 4: (2.0 điểm)

- HS có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt (nghị luận, biểu cảm) miễn thể hiện được những cảm nhận về những điểm nổi bật về tác giả- nhà vua Lí Công Uẩn:

+ Là một người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công.

+ Lí Công Uẩn đã lập nên một triều đại nhà Lý lẫy lừng và dưới sự trị vì của vua Lí Công Uẩn đã đưa đất nước ta phát triển lớn mạnh ...khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt.

+ Một vị vua anh minh, sáng suốt, có tầm nhìn xa rộng ...

+ Một người yêu nước thương dân, có tinh thần dân chủ...

-> 4 ý mỗi ý 0.5 điểm.

PHẦN II: Tạo lập văn bản (4 điểm)

1. Yêu cầu chung:

- Xác định đúng kiểu bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng cân đối
- Xác định đúng đề tài nghị luận: Tuổi trẻ và tương lai đất nước.
- Trình bày sạch sẽ, đúng bố cục, không sai chính tả.

2. Yêu cầu cụ thể:

❖ Mở bài:

- Giới thiệu vai trò của tuổi trẻ trong cuộc đời mỗi người và đối với tương lai của mỗi quốc gia, đất nước.

❖ Thân bài:

- Giải thích tuổi trẻ là lứa tuổi như thế nào?
- Tại sao tuổi trẻ lại có vai trò quan trọng đối với tương lai của đất nước?
- Chứng minh những cống hiến, đóng góp của tuổi trẻ cho đất nước qua các thời kì: giữ nước và bảo vệ, phát triển đất nước.
- Phê phán những bạn trẻ có lối sống đi ngược với truyền thống của tuổi trẻ VN: sống buông thả, rơi vào tệ nạn xã hội, trở thành tội phạm và gánh nặng cho đất nước...

❖ Kết bài:

- Khẳng định nhiệm vụ của tuổi trẻ đối với tương lai đất nước.
- Nêu suy nghĩ và hành động của bản thân trước trách nhiệm của tuổi trẻ đối với tương lai đất nước.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ BÀI:

I/ ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN: (6 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau:

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ, v.v...trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước: “ Các anh đã bảo vệ tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!” đó sao?

Câu 1: (1 điểm) Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai?

Câu 2: (1 điểm) Em hãy cho biết nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 3: (1 điểm) Câu *Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?* Thuộc kiểu câu gì? Hành động nói là gì?

Câu 4: (1 điểm) Em hãy chuyển câu văn trên thành một kiểu câu khác có nội dung tương đương. Cho biết câu văn đã chuyển thuộc kiểu câu gì?

Câu 5: (2 điểm) Hãy viết văn bản ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề bảo vệ cuộc sống hòa bình trong giai đoạn hiện nay.

II/ TẠO LẬP VĂN BẢN: (4 điểm)

Sau khi học văn bản **bản |Bản** luận về phép học của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, em hãy trình bày suy nghĩ về **tình hình** học tập của học sinh hiện nay.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

PHẦN I: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

Đoạn văn trên trích trong văn bản “ Thuế máu” (0,5 điểm)

Tác giả Nguyễn Ái Quốc (0,5 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Ý nghĩa nhan đề :“ Thuế máu” là thứ thuế tàn nhẫn, phũ phàng nhất, thứ thuế bóc lột xương máu, mạng sống những người dân thuộc địa của chính quyền thực dân.

(có nhiều cách diễn đạt miễn đúng là chấm điểm)

Câu 3: (1 điểm)

Câu *Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao?* Thuộc kiểu câu nghi vấn (0,5 điểm). Hành động nói là khẳng định (0,5 điểm)

Câu 4: (1 điểm)

Chuyển câu văn trên thành một kiểu câu khác có nội dung tương đương. (tùy HS chuyển miễn đúng là chấm điểm) (0,5 điểm)

Xác định đúng kiểu câu đã sử dụng (0,5 điểm)

Câu 5: (2 điểm)

Viết văn bản ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề bảo vệ cuộc sống hòa bình trong giai đoạn hiện nay.

Gợi ý:

- Nêu vấn đề bảo vệ cuộc sống hòa bình trong giai đoạn hiện nay.
- Giải thích ngắn gọn hòa bình là gì?
- Vì sao phải bảo vệ hòa bình?
 - + Bảo vệ hòa bình là đem đến sự bình yên, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân...
 - + Hậu quả của chiến tranh.
- Phải làm gì để bảo vệ cuộc sống hòa bình? (Hành động cụ thể của bản thân)
- Phê phán những thái độ chưa yêu hòa bình.
- Bài học nhận thức của bản thân.

II/ TẠO LẬP VĂN BẢN: (4 điểm)

Học sinh có thể trình bày bài theo nhiều cách khác nhau miễn đáp ứng đúng yêu cầu về nội dung và hình thức diễn đạt.

- Yêu cầu về nội dung: Hiểu được tình hình học tập của học sinh hiện nay :tích cực và chưa tích cực. Sau đó đề ra cách học hiệu quả, thiết thực.
- Yêu cầu về hình thức diễn đạt:
 - Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, gợi cảm.
 - Bố cục đủ 3 phần.

• Gợi ý:

A/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn bạc: tình hình học tập của học sinh ngày nay.

B/ Thân bài:

1/ Giải thích nghĩa từ: học tập là gì?.

2/ Biểu hiện trong việc học của học sinh hiện nay?

○ Tích cực.

○ Tiêu cực.

3/ Nguyên nhân dẫn đến tình hình học tập hiện nay.

4/ Tác hại của lối học tiêu cực.

5/ Biện pháp học tập đúng đắn.

C/ Kết bài:

- Khẳng định tầm quan trọng của mục đích học đúng đắn.

- Liên hệ bản thân.

Lưu ý khi cho điểm:

- Chấm 3,5 - 4 điểm đối với bài làm sâu sắc với nội dung phong phú, hấp dẫn; phù hợp với kiểu văn bản đã chọn; bố cục 3 phần chặt chẽ; diễn đạt trong sáng, mạch lạc.

- Chấm 2,5 – 3 điểm đối với bài làm khá sâu sắc với nội dung khá tương đối hấp dẫn phong phú, hấp dẫn; phù hợp với kiểu văn bản đã chọn; bố cục 3 phần tương đối chặt chẽ; diễn đạt tương đối mạch lạc, khá trong sáng.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC LÌ II - MÔN NGỮ VĂN

KHỐI 8 - NĂM HỌC:

Thời gian: 90' (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ KIỂM TRA

PHẦN 1: (6 điểm) ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Đọc phần văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ có bóng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những câu chuyện dẫu bề, hoài niệm, đã tỏ ra rất đặc địa, nhịp điệu

khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màu mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này và đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thẳng thốt xót xa của sự biến thiên. [...] (Vũ Quần Phương)

- 1) Phần văn bản trên viết về bài thơ “Ông đồ” thuộc phong trào Thơ mới, em hãy cho biết tên tác giả của bài thơ. Kể tên 2 bài thơ khác thuộc phong trào Thơ mới mà em đã học. (1,0 điểm)
- 2) Em hiểu gì về khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên? Qua đó, em có suy nghĩ gì về số phận ông đồ trong thời buổi ấy? (1,0 điểm)
- 3) Cho biết tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ sau: (1,0 điểm)
*“Hoa tay thảo những nét
 Như phượng múa rồng bay.”*
- 4) Từ nội dung bài thơ “Ông đồ”, em rút ra được những bài học gì trong cuộc sống? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ của em về những bài học ấy. (3,0 điểm)

PHẦN 2: (4 điểm) TẠO LẬP VĂN BẢN

Từ nội dung văn bản “ Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp, hãy viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề học tập.

ĐÁP ÁN

PHẦN 1: (6 điểm) ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

- 1) Tác giả của bài thơ “Ông đồ” là Vũ Đình Liên (0,5 điểm).
 Kể tên 2 bài thơ khác thuộc phong trào Thơ mới: “Nhớ rừng” (0,25 điểm), “Quê hương” (0,25 điểm)
- 2) HS có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, miễn tỏ ra hiểu đúng “một thời tàn” là khi Hán học suy tàn, các nhà nho (những ông đồ) từ chỗ là nhân vật trung tâm bỗng bị cuộc đời bỏ quên. (0,5 điểm)
 Số phận ông đồ trong thời buổi ấy thật đáng thương, tội nghiệp. (0,5 điểm)
- 3) Tên biện pháp tu từ: so sánh (0,5 điểm)
 Tác dụng: ca ngợi tài năng viết chữ của ông đồ (0,5 điểm)
- 4) HS có thể trình bày theo cảm nhận của mình theo nhiều cách nhưng cần nêu được các ý sau:

- Bài học về lòng yêu thương con người, sự quan tâm đối với những người xung quanh ta. (1,5 điểm)
- Sự trân trọng, gìn giữ và phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc (1,5 điểm)

PHẦN 2: (4 điểm) TẠO LẬP VĂN BẢN

Đề bài: Từ nội dung văn bản “Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp, hãy viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề học tập.

Gợi ý:

Mở bài:

Giới thiệu vấn đề nghị luận: vấn đề học tập.

Thân bài: (Lần lượt trình bày ý kiến về các khía cạnh của vấn đề)

- Thế nào là học tập?
- Mục đích của việc học?
- Nội dung học tập?
- Ý nghĩa/ Tác dụng của việc học đối với bản thân, gia đình, xã hội..
- Phương pháp (Học ai? Học ở đâu? Học như thế nào? Phê phán những phương pháp học sai, những người có quan niệm sai lầm về việc học)

Kết bài:

- Khẳng định nội dung vấn đề nghị luận.
- Nêu nhận thức, thái độ, hành động của bản thân.

TIÊU CHUẨN CHO ĐIỂM

Điểm 4:

- Nội dung làm bài phong phú. Tỏ ra hiểu vấn đề một cách sâu sắc (đối với trình độ học sinh lớp 8).
- Thể hiện kĩ năng làm văn nghị luận nhuần nhuyễn. Luận điểm rõ ràng. Luận cứ xác đáng, lập luận mạch lạc, có tính thuyết phục cao. Biết kết hợp các yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự làm cho bài văn sinh động, tăng sức thuyết phục.
- Bố cục chặt chẽ, cân đối.
- Diễn đạt trong sáng, gợi cảm. KHÔNG MẮC LỖI DIỄN ĐẠT.

Điểm 3:

- Nội dung làm bài khá phong phú. Tỏ ra hiểu vấn đề một cách tương đối sâu sắc (đối với trình độ học sinh lớp 8).

- Thể hiện kĩ năng làm văn nghị luận vững vàng. Luận điểm rõ ràng. Lí lẽ, dẫn chứng nhìn chung xác đáng. Trình tự lập luận khá mạch lạc, có tính thuyết phục. Biết kết hợp các yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự đạt hiệu quả nhất định.

- Bố cục tương đối chặt chẽ, cân đối..

- Diễn đạt trong sáng, trôi chảy. CHỈ MẮC VÀI LỖI DIỄN ĐẠT, KHÔNG ĐÁNG KÊ.

Điểm 2:- Nội dung làm bài đầy đủ ý chính. Hiểu đúng vấn đề nghị luận so với trình độ học sinh lớp 8.

- Tỏ ra biết cách làm văn nghị luận. Lập luận tạm được tuy lí lẽ chưa sâu sắc lắm và dẫn chứng chưa chọn lọc.

- Bố cục rõ ràng ba phần tuy có chỗ chưa cân đối.

- Diễn đạt nhìn chung rõ các ý tuy đôi chỗ còn dài dòng, lủng củng. MẮC KHÔNG QUÁ 7 LỖI DIỄN ĐẠT CÁC LOẠI.

Điểm 1:- Hiểu vấn đề còn hời hợt, không sâu. Chưa đủ các ý chính.

- Tỏ ra còn lúng túng, chưa nắm vững phương pháp làm văn nghị luận. Lí lẽ còn hời hợt. Lập luận nhiều chỗ không mạch lạc...

- Bố cục không rõ ba phần.

- Diễn đạt tạm được tuy nhiều chỗ còn dài dòng, lủng củng, luộm thuộm. MẮC QUÁ NHIỀU LỖI DIỄN ĐẠT CÁC LOẠI.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng hoặc sai lầm trầm trọng về nhận thức.

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: NGỮ VĂN 8

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN (6 điểm)

Đọc kĩ đoạn thơ sau:

“ ... Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

Câu 1: (1,0 điểm)

Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Thuộc thể thơ gì? Kể tên hai bài thơ thuộc phong trào Thơ Mới trong chương trình ngữ văn 8 hkII.

Câu 2: (2,0 điểm)

a/ Câu thơ cuối của đoạn thơ trên thuộc kiểu câu gì? Mục đích nói của câu đó là gì?

b/ Đoạn thơ trên đã thể hiện cảm xúc gì của nhà thơ?

Câu 3: (3,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội (Khoảng 10- 15 câu) nói về việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

PHẦN II :TẠO LẬP VĂN BẢN (4 điểm)

Suy nghĩ về câu tục ngữ: “ Thương người như thể thương thân.”

Hết

ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM

Phần I (6 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm)

- Tên bài thơ “ Ông đồ” (0,25 điểm)
- Tác giả: Vũ Đình Liên (0,25 điểm)
- Thuộc thể thơ ngũ ngôn (0,25 điểm)
- Hai bài thơ: Nhớ rừng, Ông đồ (0,25 điểm)

Câu 2: (2,0 điểm)

a/ Câu thơ cuối của đoạn thơ trên thuộc kiểu câu nghi vấn. Mục đích nói của câu đó là bộc lộ cảm xúc.

b/ Đoạn thơ trên đã thể hiện nỗi niềm thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về.

Câu 3: (3 điểm)

Cần thể hiện được các nội dung cơ bản sau:

- Giải thích thế nào là nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc? (Là những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc ta được lưu truyền lại...)
- Những biểu hiện của việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.
- Phê phán những thái độ không tôn trọng hoặc phá hoại những nét đẹp ấy.

- Nêu nhiệm vụ của bản thân

PHẦN II (4 ĐIỂM)

Yêu cầu vận dụng kiến thức về văn nghị luận xã hội để giải quyết vấn đề

Về nội dung cần đảm bảo các ý cơ bản

+ Nêu được vấn đề cần nghị luận (Câu tục ngữ: “ Thương người như thể thương thân”.)

+ Giải thích câu tục ngữ

+ Biểu hiện của truyền thống “Thương người như thể thương thân” và rút ra ý nghĩa...

+ Biểu hiện trái ngược và phê phán

+Rút ra bài học cho bản thân: Thể hiện lòng thương người, tinh thần tương thân tương ái...

Về hình thức : bố cục phải rõ ràng, mạch lạc

Yêu cầu HS phải viết một văn bản nghị luận có đủ bố cục 3 phần rõ ràng.

⌘ Lưu ý: GV trân trọng những bài làm có ý tưởng độc đáo, sáng tạo, biết dùng lí lẽ và lập luận theo trình tự hợp lí.

Hết

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – LỚP 8

Môn: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: **90 phút** (không kể phát đề)

Phần I: Đọc hiểu văn bản (6 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nhà thơ phản ánh rất thành công nỗi bất bình sâu sắc và niềm khao khát tự do mãnh liệt của chúa sơn lâm trước thực tại tù túng, ngột ngạt. Bút pháp khoa trương của tác giả đã đạt tới độ thần diệu. Trong cảnh giam cầm, hổ chỉ còn biết gửi hồn về chốn nước non hùng vĩ, giang sơn của giống hùm thiêng ngự trị tự ngàn xưa. Bất bình với hiện tại nhưng không thể thoát khỏi xích xiềng nô lệ vị chúa tể sơn lâm đầy uy vũ ngày nào giờ đành buông xuôi, tự an ủi mình bằng những giấc mộng ngàn to lớn trong quãng đời tù túng còn lại. Một nỗi buồn tê tái thấm đẫm tâm hồn. Than ôi! Quá khứ hào hùng oanh liệt giờ chỉ còn hiện lên trong giấc mộng! Tự đáy lòng vị chúa tể rừng xanh bật thốt lên tiếng than ai oán: Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Câu 1 (1đ) : Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2 (1đ): Em hãy chép nguyên văn bốn câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy?

Câu 3 (1đ) : “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu gì? Nó được dùng để làm gì?

Câu 4 (3đ) : Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em, thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình?

Phần II: Tạo lập văn bản (4 điểm)

Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ thiết tha căn dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.”

Hãy viết một văn bản nghị luận trình bày ý kiến của em về nội dung lời căn dặn của Bác.

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2014 – 2015

MÔN THI: NGỮ VĂN 8

Phần I: Đọc hiểu văn bản (6 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

- Bài thơ Nhớ rừng (0,5 điểm) của tác giả Thế Lữ (0,5 điểm).

Câu 2: (1 điểm)

- Chép nguyên văn 4 câu thơ trong bài Nhớ rừng (1đ)
- Sai 2 lỗi chính tả: -0,25đ
- Sai 1 từ : -0,25đ
- Chép 4 câu thơ không liên tiếp nhau, tối đa chỉ được 0,25đ

Câu 3: (1 điểm)

- Kiểu câu: cảm thán (0,5đ)

- Chức năng: Bộc lộ cảm xúc (0,5đ)

Câu 4: (3 điểm)

- Vì: + tâm trạng ngọt ngào, uất ức, tủn tủn
+ nỗi chán ghét thực tại
+ niềm khát khao tự do

HS chỉ cần nêu đúng 2 ý trên cho 1đ

- HS thể hiện lòng yêu nước (bằng nhiều cách khác nhau): học tốt, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền của tổ quốc,..... (2đ)

Tùy vào cách diễn đạt, trình bày của HS mà GV cho điểm phù hợp với khả năng các em

Phần II: Tạo lập văn bản (4 điểm)

Một số gợi ý tham khảo:

*** Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát nội dung vấn đề nghị luận (vấn đề học tập quan trọng đối với cuộc đời của mỗi con người và của đất nước)

_ Trích lại lời căn dặn của Bác

***Thân bài:**

- Thế nào là học tập? (HS có thể trình bày một số khía cạnh của vấn đề học tập như: Mục đích của việc học tập? Nội dung học tập? Phương pháp học tập?....)

- Vì sao việc học tập của học sinh lại làm cho đất nước trở nên tươi đẹp?

+ Tuổi trẻ là mầm non của đất nước

+ Thế hệ trẻ là người lãnh đạo đất nước trong tương lai

+ Tuổi trẻ có nhiều nhiệt huyết và khát khao sáng tạo

+ Nêu một số tấm gương trẻ tuổi làm rạng danh đất nước như: giáo sư Ngô Bảo Châu, Ngô Quang Liêm, Nguyễn Ngọc Trường Sơn....

+ Phê phán một số người trẻ tuổi tự phụ, kiêu căng, ham muốn vật chất tầm thường, đua đòi...

*** Kết bài:**

- Khẳng định vấn đề nghị luận

- Nêu nhận thức, hành động bản thân

Tiêu chuẩn cho điểm câu 3

*** Điểm 4:**

- Nội dung bài làm phong phú. Tỏ ra hiểu sâu sắc nội dung vấn đề nghị luận so với trình độ học sinh lớp 8.
- Thể hiện kỹ năng làm văn nghị luận. Trình tự lập luận mạch lạc, hợp lý. Biết kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm làm cho bài văn sinh động, hấp dẫn.
- Bố cục chặt chẽ, cân đối.
- Diễn đạt trong sáng, gợi cảm. KHÔNG MẮC LỖI DIỄN ĐẠT

*** Điểm 3:**

- Nội dung bài làm khá phong phú. Tỏ ra hiểu tương đối sâu sắc nội dung vấn đề nghị luận
- Thể hiện kỹ năng nghị luận. Trình tự lập luận mạch lạc, hợp lý. Biết kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm và đạt được hiệu quả nhất định.
- Bố cục chặt chẽ, cân đối.
- Diễn đạt trong sáng. MẮC VÀI LỖI DIỄN ĐẠT NHỎ, KHÔNG ĐÁNG KỂ.

*** Điểm 2:**

- Nội dung bài làm tương đối đầy đủ. Tỏ ra hiểu nội dung vấn đề nghị luận nhưng còn hời hợt, không sâu. Chưa đủ các ý chính cần thiết.
- Thể hiện kỹ năng làm văn nghị luận ở mức độ trung bình. Trình tự lập luận nhìn chung hợp lý. Có kết hợp vài yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm tuy hiệu quả chưa cao.
- Bố cục tương đối rõ ràng tuy có chỗ chưa cân đối.
- Diễn đạt nhìn chung rõ các ý tuy đôi chỗ còn dài dòng, lủng củng. MẮC KHÔNG QUÁ 7 LỖI DIỄN ĐẠT CÁC LOẠI.

*** Điểm 1:**

- Nội dung bài làm quá sơ sài. Chỉ viết được vài dòng, ý rời rạc.
- Tỏ ra chưa nắm vững phương pháp làm văn nghị luận
- Diễn đạt tối nghĩa nhiều chỗ không thành câu.

* **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng hoặc sai trầm trọng về mặt nhận thức.

.....Hết.....

ĐỀ THI HỌC KỲ II

MÔN: NGỮ VĂN 8

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Câu 1 (3.0 điểm):

1. Xác định các câu nghi vấn và nêu chức năng của chúng trong các đoạn trích sau:

a) *Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*

(Lão Hạc/Nam Cao)

b) *Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:*

- Hồng! Mà có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mà không?

(Những ngày thơ ấu/Nguyễn Hồng)

2. Phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự các từ được in đậm trong đoạn văn sau:

Cây tre Việt Nam! Cây tre *xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm*. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

(Cây tre Việt Nam/Thép Mới)

Câu 2 (2,0 điểm):

Vì sao có thể nói đoạn trích “Nước Đại Việt ta” là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc ở bài thơ “Sông núi nước Nam” (đã học ở lớp 7)?

Câu 3 (5,0 điểm):

Trò chơi điện tử đang trở thành trò chơi tiêu khiển hấp dẫn, nhất là đối với các bạn học sinh. Nhiều bạn vì mãi chơi nên sức học ngày càng giảm sút và còn phạm những sai lầm khác. Hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM

Câu 1 (3,0 điểm)

1) Câu nghi vấn:

- “*Con ngêi ®,ng kÝnh Êy b©y giê cũng theo gất Binh T ®Ó cũ ñn ?*” (0,5đ)

→ Chức năng: bộc lộ cảm xúc. (0,5 đ)

- “*Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?*” (0,5 đ)

→ Chức năng: hỏi. (0,5 đ)

2) Hiệu quả diễn đạt của trật tự các từ in đậm sau:

Đúc kết được những phẩm chất đáng quý của cây tre theo trình tự miêu

tả trong bài văn. (1đ)

Câu 2 (2,0 điểm)

- Trong bài thơ “Sông núi nước Nam”, ý thức dân tộc được Lý Thường Kiệt xác định trên hai yếu tố: *lãnh thổ* và *chủ quyền*. (1,0 đ)

- Đến đoạn trích “Nước Đại Việt ta”, ba yếu tố nữa được bổ sung: *văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử*. (1,0 đ)

* Học sinh có thể bổ sung thêm: Nguyễn Trãi đã ý thức được *văn hiến, truyền thống lịch sử* là yếu tố cơ bản nhất, là hạt nhân để xác định dân tộc. Điều mà kẻ xâm lược luôn tìm cách phủ định (văn hiến nước Nam) thì chính là thực tế, tồn tại với sức mạnh của chân lí khách quan.

Câu 3 (5,0 điểm):

* Yêu cầu về hình thức: (1đ)

- Trình bày sạch đẹp, bố cục đủ 3 phần.

- Chữ viết dễ đọc, không sai chính tả.

* Yêu cầu về nội dung:

Mở bài:

- Khái quát về tác hại của trò chơi điện tử.

- Nêu vấn đề cần nghị luận.

Thân bài:

- Hiện trạng:

- Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử nhiều và ngày càng gia tăng.
- Nó đã thu hút rất nhiều đối tượng, mọi lứa tuổi, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi mới lớn, ưa thích khám phá cái mới.
- Nhiều bạn học sinh ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình máy tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy mà sao nhãng học hành và còn phạm nhiều sai lầm khác nữa...

- * Nguyên nhân:

- Trò chơi điện tử hiện nay đang thu hút mọi người bởi tính đa dạng và phong phú của nó.
- Đây là một thú vui tiêu khiển rẻ tiền, dễ chơi với những âm thanh, đồ họa rất sống động, bắt mắt, mới lạ, hợp với tính cách của giới trẻ.
- Do bản thân chưa có ý thức tự giác, còn mãi chơi; do gia đình, bố mẹ còn lỏng lẻo trong việc quản lý con cái...

- * Tác hại:

- Đam mê trò chơi điện tử: tốn thời gian dễ khiến học sinh sao nhãng việc học tập, dẫn đến kết quả thấp kém, trốn học, bỏ học...
- Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: cận thị, đầu óc mệt mỏi...
- Chơi game nhiều, sống với thế giới ảo sẽ làm đầu óc mù mẫm, ảo giác, thiếu vốn sống thực tế...
- Để có tiền chơi điện tử, người chơi có thể trở thành kẻ trộm cắp, cướp giật, thậm chí gây nhiều tội ác khác...
- Bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo dễ mắc vào các tệ nạn xã hội...

(Nêu một vài dẫn chứng cụ thể).

- Giải pháp khắc phục, lời khuyên:

Việc mãi chơi điện tử rất nguy hại với lứa tuổi học sinh. Vì vậy:

- Mỗi học sinh cần phải có ý thức tự giác, thực hiện qui định về thời gian, không ảnh hưởng đến học tập...
- Các bậc phụ huynh cần quản lý con em mình chặt chẽ.

- Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tổ chức các sân chơi bổ ích và lành mạnh nhằm thu hút các em.

- Các cơ quan chức năng cần quản lí và kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ điện tử, cần có hình thức xử phạt nghiêm đối với các đối tượng vi phạm...

(Học sinh có thể nêu những giải pháp hợp lý khác)

- Liên hệ thực tế, đưa ra lời khuyên thiết thực.

Kết bài:

- Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận.

- Hơn ai hết, bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.

- Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí để không quá lạm dụng nó, phụ thuộc vào nó.

*** Cách cho điểm:**

- Mức tối đa (4-5 điểm): học sinh trình bày được các ý nêu trên, cách viết sáng tạo..

- Mức chưa tối đa (2-3 điểm): học sinh trình bày được tương đối đầy đủ các ý nêu trên, còn thiếu sót một số lỗi nhỏ.

- Mức không đạt (1-2 điểm): Không làm bài hoặc sai lạc cả về nội dung lẫn cách thức trình bày.

ĐỀ THI HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn - Lớp 8

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. VĂN – TIẾNG VIỆT: (4,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đọc kỹ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo”. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy.

(Ngữ văn 8 – Tập hai)

- a. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? (1 điểm)
- b. Trong văn bản tác giả đã nêu khái quát mục đích chân chính của việc học. Vậy mục đích đó là gì? (1 điểm)

Câu 2: (2 điểm)

Xác định các câu nghi vấn và nêu chức năng của chúng trong các đoạn trích sau:

a. *Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*

(Lão Hạc - Nam Cao)

b. *Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:*

- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)

II. TẬP LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Môi trường đang bị ô nhiễm nặng nề, đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm.

Em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II

MÔN: Ngữ văn – Lớp 8

Câu	Nội dung	Thang điểm
	I. Văn – Tiếng việt	
Câu 1:	a. Đoạn trích trên trích trong văn bản: Bàn luận về phép	0.5 điểm

Câu 2:	<p>học.</p> <p>- Tác giả: Nguyễn Thiếp</p> <p>b. Mục đích chân chính của việc học:</p> <p>- Học để biết rõ đạo, để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải học để cầu danh lợi.</p> <p>a. Câu nghi vấn: <i>Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?</i></p> <p>Chức năng: bộc lộ cảm xúc.</p> <p>b. Câu nghi vấn: <i>“Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?”.</i></p> <p>Chức năng: dùng để hỏi.</p>	<p>0.5 điểm</p> <p>1 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>
	II. Làm văn	
	<p><u>Mở bài:</u></p> <p>- Nêu vấn đề nghị luận: ô nhiễm môi trường, một vấn đề đang được xã hội đặc biệt quan tâm.</p> <p>- Nêu khái quát suy nghĩ của bản thân về tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay.</p> <p><u>Thân bài:</u></p> <p>* Tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống con người:</p> <p>- Duy trì sự sống cho con người và muôn vật.</p> <p>- Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá, phục vụ cho đời sống con người...</p> <p>* Thực trạng môi trường hiện nay:</p> <p>- Ô nhiễm nguồn không khí:</p>	<p>1 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm nguồn nước: - Ô nhiễm nguồn đất: - Ô nhiễm về âm thanh, ánh sáng, ... tại các đô thị lớn... <p>(Học sinh lập luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ những thực trạng trên)</p> <p>* Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của con người về ô nhiễm môi trường còn rất hạn chế... - Vì lợi nhuận kinh tế trước mắt mà các công ty, nhà máy xí nghiệp đã bất chấp luật pháp, thải ra môi trường nước thải, rác thải công nghiệp chưa qua xử lý, không phân huỷ được,... - Nhà nước, các công ty thiếu hoặc chưa đầu tư vào việc xử lý vệ sinh môi trường... - Pháp luật chưa xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường - Ý thức của con người tôn trọng luật pháp bảo vệ môi trường còn thấp. <p>* Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường sống không an toàn, thiên tai, dịch bệnh gia tăng, - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản, sức khỏe, sinh mạng con người... <p>(Học sinh nêu dẫn chứng cụ thể).</p> <p>* Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục, tuyên truyền ý thức, trách nhiệm của con người về bảo vệ môi trường. - Hệ thống pháp lý, chế tài nghiêm minh để xử phạt thích đáng cho các cá nhân và tổ chức vi phạm. - Vận dụng, nhân rộng mô hình của các tỉnh, thành, quốc gia... thực hiện môi trường xanh – sạch – đẹp. 	1 điểm
--	---	--------

	<p>* Liên hệ: hành động của bản thân trong việc bảo vệ môi trường.</p> <p><u>Kết bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của môi trường đối với sự tồn vong của nhân loại. - Lời kêu gọi bảo vệ môi trường. <p>* <u>Biểu điểm bài Làm văn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đủ các yêu cầu của đề; bố cục đủ 3 phần; diễn đạt trong sáng, mạch lạc; hệ thống luận điểm hợp lý; dẫn chứng tiêu biểu; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, bài làm sáng tạo kết hợp với yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm. Liên hệ bản thân tốt. - Đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu của đề, còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt. - Đáp ứng được 2/3 các yêu cầu trên. - Đáp ứng được nửa các yêu cầu của đề. - Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu. - Hoàn toàn lạc đề. 	
--	--	--

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ Văn 8

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo. Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy."

(Trích *Bàn luận về phép học*, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2(0.5 điểm). Câu "*Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.*" thuộc kiểu câu gì xét theo mục đích nói?

Câu 3(1,0 điểm). Trong đoạn văn trên, tác giả đã nêu lên mục đích chân chính của việc học. Mục đích đó là gì?

Câu 4(1,0 điểm). Hiện nay, việc một số người *đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi*. Vậy, theo em lối học đó có phù hợp trong xã hội đang phát triển như nước ta hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm).

Từ nội dung phần Đọc hiểu hãy viết một đoạn văn (từ 8 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về mục đích việc học của chính mình hôm nay.

Câu 2 (5.0 điểm). M.Go-rơ-ki nói: "*Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới*"

Em hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận. <i>HS xác định từ 02 phương thức trở lên được ½ điểm.</i>	0.5
	2	Câu " <i>Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.</i> " là câu phủ định.	0.5
	3	Mục đích chân chính của việc học là học để làm người.	1.0
	4	HS bày tỏ ý kiến riêng của mình, và có cách lý giải phù hợp nhưng không vi phạm đạo đức, pháp luật. Dưới đây là một số gợi ý: - Nêu nhận xét, đánh giá. - Lí giải ngắn gọn, thuyết phục cho nhận xét của mình.	1.0

II. Làm văn	1	Viết đoạn văn (từ 7- 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về mục đích việc học của chính mình hôm nay.	
		<i>a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề: mục đích việc học của chính mình hôm nay</i>	0.25
		<i>c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác viết đoạn.</i>	1.0
		<i>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề.</i>	0.25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25
	2	M.Go-rơ-ki nói: “<i>Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới</i>”. Em hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> - Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. - Vận dụng tốt các thao tác lập luận.	0.5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Giải thích và chứng minh ý kiến của M.Go-rơ-ki: “ <i>Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới</i> ”.	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một số gợi ý định hướng cho việc chấm bài:</i> * <i>Mở bài:</i> - Giới thiệu khái quát về vai trò, tầm quan trọng của sách đối với cuộc sống của con người hôm nay. - Trích dẫn câu nói của M.Go-rơ-ki. * <i>Thân bài:</i> - Giải thích: Sách là gì?	3.0

	<p>+ Sách là một trong những thành tựu văn minh kì diệu của con người về mọi phương diện.</p> <p>+ Sách ghi lại những hiểu biết, những phát minh của con người từ xưa đến nay trên mọi phương diện.</p> <p>+ Sách mở ra những chân trời mới: mở rộng sự hiểu biết về thế giới tự nhiên và vũ trụ, về loài người, về các dân tộc...</p> <p>- Chứng minh vai trò của sách trong đời sống:</p> <p>+ Sách cung cấp tri thức về khoa học và kĩ thuật, văn hóa, lịch sử, địa lí,... (dẫn chứng).</p> <p>+ Sách đưa ra khám phá tri thức của toàn nhân loại, của các dân tộc khác nhau trên toàn thế giới... (dẫn chứng).</p> <p>+ Sách giúp ta rèn luyện nhân cách, nuôi dưỡng khát vọng, ước mơ,... (dẫn chứng).</p> <p>- Cần có thái độ đúng đắn đối với sách và việc đọc sách:</p> <p>+ Tạo thói quen lựa chọn sách, hứng thú đọc và học theo sách những nội dung tốt.</p> <p>+ Học những điều hay trong sách bên cạnh việc học trong thực tế.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Khẳng định vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sách.</p> <p>- Thái độ của bản thân đối với việc đọc sách.</p>	
	<p><i>d. Sáng tạo:</i></p> <p>Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ.</p>	0.5
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0.5



KỶ KIỂM TRA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn Lớp 8

Thời gian : 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. VĂN – TIẾNG VIỆT: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

a) Chép chính xác phần dịch thơ bài thơ “*Ngắm Trăng*” của Hồ Chí Minh? (1 điểm).

b) Qua bài thơ “*Ngắm Trăng*” em học tập được gì ở Bác? (1 điểm).

Câu 2: (2 điểm).

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Lão Hạc thổi cái môi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...”

- Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

- Tôi xin cụ.

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!”

(Lão Hạc - Ngữ văn 8 Tập hai)

a) Trong đoạn trích trên mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt lời? (1 điểm).

b) Xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trên? (1 điểm).

II. LÀM VĂN: (6 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận để nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như: cờ bạc, tiêm chính ma túy, hoặc tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh, ...

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn Lớp 8

Câu/ Bài	Nội dung	Thang điểm
Câu 1	a) Học sinh chép đúng bài thơ “Ngắm trăng” – Hồ Chí Minh như sau: <i>“Trong tù không rượu cũng không hoa, Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ; Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ, Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”.</i>	1 điểm.
	b) Học tập được: (Học sinh trình bày ý kiến cá nhân nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau) + Tinh thần vượt khó, tinh thần lạc quan + Tình yêu thiên nhiên sâu sắc.	0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2	a) Nhân vật ông giáo: 1 lượt lời Nhân vật lão Hạc: 2 lượt lời.	0,5 điểm 0,5 điểm
	b) Vai xã hội của Lão Hạc và ông giáo: + Xét về tuổi tác: Lão Hạc ở vai trên, ông giáo ở vai dưới.	0,5 điểm
	+ Xét về địa vị xã hội: Lão Hạc có địa vị thấp hơn ông giáo.	0,5 điểm

<p>Câu 3</p>	<p>* <u>Gợi ý:</u></p> <p>1. <u>Mở bài:</u></p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận (Học sinh nêu ra được vấn đề cần nghị luận như: cờ bạc, ma túy...)</p> <p>2. <u>Thân bài:</u></p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Thế nào là tệ nạn xã hội?</p> <p>Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái, không đúng với chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm, phá vỡ hệ thống xã hội văn minh, tiến bộ, lành mạnh. Các tệ xã hội thường gặp là: cờ bạc, tệ nạn ma túy, mại dâm, ...</p> <p>* Thực trạng về tệ nạn xã hội hiện nay: (dẫn chứng)</p> <p>* Nguyên nhân:</p> <p>- Chủ quan: bản thân không nhận thức, không làm chủ bản thân, thích thể hiện mình...</p> <p>- Khách quan</p> <p>+ Gia đình: thiếu sự quan tâm của gia đình..</p> <p>+ Xã hội: ảnh hưởng thông tin trên mạng, xã hội hiện đại phát sinh nhiều tiêu cực...</p> <p>+ Do bạn bè xấu rủ rê...</p> <p>* Tác hại:</p> <p>- Đối với bản thân:</p> <p>+ Mất nhiều thời gian, sức khỏe, tiền bạc, học tập...</p> <p>+ Ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách.</p> <p>- Đối với gia đình:</p> <p>+ Ảnh hưởng kinh tế, hạnh phúc....</p> <p>- Đối với xã hội:</p> <p>+ Ảnh hưởng đến an ninh trật tự.</p> <p>+ Tạo gánh nặng cho xã hội...</p>	<p>1 điểm.</p> <p>4 điểm.</p>
---------------------	--	-------------------------------

	<p>* Biện pháp khắc phục:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có hiểu biết, tránh xa những thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội. + Tuyên truyền cho mọi người lối sống lành mạnh. + Gia đình cần có sự quan tâm.... <p>3. <u>Kết bài</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề. - Rút ra bài học cho bản thân. <p>* <i>Biểu điểm</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5- 6: Đảm bảo các yêu cầu trên. Lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục, dẫn chứng cụ thể. Diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác, không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp, bài viết có sáng tạo. - Điểm 3- 4: Đảm bảo $\frac{1}{2}$ yêu cầu điểm 5- 6, đôi chỗ sai chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu. - Điểm dưới 1: Chưa biết viết bài văn nghị luận, mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chữ viết cầu thả. - Điểm 0: Lạc đề 	1 điểm
--	---	--------

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II

Môn: NGỮ VĂN 8

Thời gian làm bài: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 3 điểm

“Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.”

Trích *Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi

Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Em hãy đọc kỹ đoạn trích trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Văn bản *Bình Ngô đại cáo* được viết trong hoàn cảnh nào ?
- 2) Giải nghĩa từ: *nhân nghĩa*.
- 3) Qua hai câu “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì ?
- 4) Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã đưa ra những yếu tố nào ?
- 5) Nêu ý nghĩa của đoạn trích *Nước Đại Việt ta*.

II. PHẦN LÀM VĂN 7 điểm

Bài thơ *Ngắm trăng* cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA**HỌC KỲ II**

Môn: **NGŨ VĂN 8**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 3 điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	Văn bản <i>Bình Ngô đại cáo</i> do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo, được công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428), sau khi quân ta đại thắng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược.	0,5
2	Giải nghĩa từ <i>nhân nghĩa</i> : là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau.	0,5
3	Qua hai câu “ <i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo</i> ”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là: lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc; trừ giặc Minh xâm lược, bảo vệ đất nước để yên dân.	0,5
4	Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã đưa ra những yếu tố: Nước ta có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục tập quán, lịch sử và chủ quyền riêng, có truyền thống lịch sử vẻ vang.	0,5
5	Nêu ý nghĩa của đoạn trích <i>Nước Đại Việt ta</i> : Đoạn trích có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử vẻ vang; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.	1,0

II. PHẦN LÀM VĂN 7 điểm

Ý	Nội dung	Điểm
---	----------	------

	<p>Bài thơ <i>Ngắm trăng</i> cho ta thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.</p> <p>Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài văn nghị luận.</p>	
1	<p>Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về tập <i>Nhật kí trong tù</i> và Bác Hồ. - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và bài thơ <i>Ngắm trăng</i>. 	1,0
2	<p>Thân bài:</p> <p>Ý khái quát: Bác Hồ đã viết nhiều bài thơ về trăng. Trong số đó, bài <i>Ngắm trăng (Vọng nguyệt)</i> là một trong những bài thơ viết về trăng trong tập <i>Nhật kí trong tù</i>; bài thơ mang phong vị Đường thi, được nhiều người yêu thích. Nguyên tác bằng chữ Hán, đây là bản dịch bài thơ:</p> <p style="text-align: center;">Ngắm trăng</p> <p style="text-align: center;">Trong tù không rượu cũng không hoa</p> <p style="text-align: center;">Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.</p> <p style="text-align: center;">Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,</p> <p style="text-align: center;">Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vọng nguyệt (hay đối nguyệt, khán minh nguyệt) là một đề tài phổ biến trong thơ xưa. Thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp thường mang rượu uống trước hoa để thưởng trăng, người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi, tâm hồn thư thái; nhưng ở đây, Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh thật đặc biệt: trong ngục tù ... <p style="text-align: center;"><i>Trong tù không rượu cũng không hoa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước cảnh đêm trăng đẹp, Bác khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn, và lấy làm tiếc vì không có rượu và hoa - điều đó cho thấy người tù không hề vờn vặt vật chất tầm thường, tâm hồn vẫn tự do, ung dung, vẫn thềm được tận hưởng ánh trăng đẹp, có tình yêu thiên nhiên đến say mê: <p style="text-align: center;"><i>Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ phòng giam tăm tối, Bác hướng tới vầng trăng, nhìn về ánh sáng, tâm hồn thêm thư thái. Song sắt nhà tù không thể nào ngăn cách được người tù và vầng trăng vì người tù là một thi nhân, một chiến sĩ tuy “thân thể ở trong lao” nhưng “tinh thần ở ngoài lao” - đây là một cuộc 	<p>5,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>

	<p><i>vượt ngục</i> bằng tinh thần của Bác ...</p> <p>Câu thứ tư nói về vàng trắng: trắng được nhân hóa như một người bạn tri âm, tri kỉ từ viễn xứ đến chốn ngục tù tăm tối thăm Bác. Trắng và Bác tri ngộ “đối diện đàm tâm”, hai câu 3 và 4 được cấu trúc đăng đối tạo nên sự cân xứng hài hoà giữa người và trắng:</p> <p style="text-align: center;"><i>Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.</i></p> <p>- Ta thấy: “<i>Nhân . . . nguyệt</i>” rồi lại “<i>nguyệt ... thi gia</i>” ở hai đầu câu thơ và cái song sắt nhà tù chằng ở giữa. Khoảng khắc giao cảm giữa thiên nhiên và con người xuất hiện một sự hóa thân kỳ diệu: <i>tù nhân</i> đã biến thành <i>thi gia</i>. Lời thơ đẹp đầy ý vị. Nó biểu hiện một tư thế ngắm trăng hiem thấy. Tư thế ấy chính là phong thái ung dung, tự tại, lạc quan yêu đời, yêu tự do của Bác ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm ...</p> <p>HS có thể mở rộng, nâng cao:</p> <p>- Bác không chỉ ngắm trăng trong tù. Bác còn có biết bao vần thơ đặc sắc nói về trăng và niềm vui ngắm trăng: Ngắm trăng trung thu, ngắm trăng ngàn Việt Bắc, đi thuyền ngắm trăng,... thơ Bác đầy trăng: “Trăng vào cửa sổ đòi thơ...”, “... Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền...”, “Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo...” Trăng tròn, trăng sáng... xuất hiện trong thơ Bác vì Bác là một nhà thơ giàu tình yêu thiên nhiên, vì Bác là một chiến sĩ cách mạng giàu tình yêu đất nước quê hương ...</p>	1,0
		1,0
		0,5
3	<p>Kết bài:</p> <p>- Khẳng định (khái quát) lại giá trị nội dung bài thơ: Bài thơ <i>Ngắm trăng</i> thể hiện tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm.</p> <p>- Có thể liên hệ bản thân với việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh hiện nay ...</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

VẬN DỤNG CHO ĐIỂM PHẢN LÀM VĂN

Điểm 6 - 7 :

Hiểu rõ yêu cầu đề bài, đáp ứng tốt các yêu cầu về nội dung và phương pháp, có lập luận chặt chẽ, lựa chọn được dẫn chứng tiêu biểu để làm sáng tỏ lời nhận định, có sự kết hợp nhuần nhuyễn văn nghị luận với biểu cảm, bài viết có cảm xúc, diễn đạt tốt.

Điểm 4 - 5:

Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đáp ứng được các yêu cơ bản về nội dung và phương pháp, có lập luận tương đối chặt chẽ, lựa chọn được dẫn chứng để làm sáng tỏ lời nhận định, tuy có đoạn còn lạc sang phân tích lan man hoặc diễn xuôi lại ý các khổ thơ, còn mắc một số lỗi chính tả diễn đạt .

Điểm 2 - 3:

Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được các yêu cơ bản về nội dung và phương pháp, có đoạn còn lạc sang kể lể hoặc diễn xuôi ý các câu thơ, diễn đạt lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả và diễn đạt ...

* **Điểm toàn bài:** làm tròn tới 0,5 (4,0 ; 4,5 ; 5,0 ; 5,5 . . . 9,0 ; 9,5 ; 10).

ĐỀ THI KSCL HỌC SINH GIỎI**Môn: Ngữ văn 8 vòng 1. Năm học 2018-2019**

Thời gian làm bài: 120 phút

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :

“... Nguy hơn, thực phẩm bẩn chính là kẻ sát nhân thầm lặng, ảnh hưởng và di hại đến nhiều thế hệ làm kiệt quệ giống nòi, người tiêu dùng có còn đủ tỉnh táo để phân biệt trong ma trận thực phẩm đang giăng như mạng nhện ấy đâu là sạch, đâu là bẩn hay lực bất tòng tâm để rồi “nhắm mắt đưa chân”.

Nếu không có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời, rồi đây 10, 20 năm sau tỷ lệ mắc ung thư và tâm thần của người Việt sẽ còn cao hơn rất nhiều. Mọi nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, cải tạo nòi giống chẳng lẽ bó tay trước những người đang đầu độc dân tộc mình!

Phát triển sẽ là gì nếu không phải giúp người dân nâng cao đời sống, tạo môi trường lành mạnh, an toàn để mỗi chúng ta sống và đóng góp cho xã hội, nhưng thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay như là cái u ác tính cho cả dân tộc, nếu không cắt bỏ sẽ di căn thành ung thư, hãy hành động ngay hôm nay đừng để đến lúc vô phương cứu chữa”.

(Trích *Vấn nạn thực phẩm bẩn, chẳng nhẽ bó tay?* – Th.s Trương Khắc Hà)

Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính? (1 điểm)**Câu 2.** Tác giả đã chỉ ra những mối nguy hại nào của thực phẩm bẩn nếu không có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn kịp thời? (1 điểm)**Câu 3.** Hãy cho biết thái độ của tác giả khi bàn về thực phẩm bẩn? (1,0 điểm)**Câu 4.** Nêu nội dung khái quát đoạn trích? (1,0 điểm)**II. LÀM VĂN (16,0 điểm)****Câu 1 (6,0 điểm)**

Anh/chị có suy nghĩ gì trước vấn nạn: “...*thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay như là cái u ác tính cho cả dân tộc*”? Hãy viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình.

Câu 2: (10 điểm)

Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng: “*Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng*”.

Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1. Đoạn trích trên được sử dụng phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

Câu 2. Tác giả đã chỉ ra những mối nguy hại của thực phẩm bẩn nếu không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu: 10, 20 năm sau tỷ lệ mắc ung thư và tâm thần của người Việt sẽ còn cao hơn rất nhiều; mọi nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, cải tạo nòi giống sẽ không đạt kết quả.

Câu 3. Thái độ của tác giả: lo lắng, trăn trở về vấn nạn thực phẩm bẩn; kêu gọi cả xã hội cùng hành động bằng những biện pháp kịp thời.

Câu 4. Nêu lên hiện trạng thực phẩm bẩn đang tràn lan trên thị trường nước ta, những tác hại của thực phẩm bẩn và lời kêu gọi mọi người cùng chung tay đẩy lùi vấn nạn thực phẩm bẩn.

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1 (6,0 điểm)

** Yêu cầu về hình thức: (1,0đ)*

- Viết bài văn
- Bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...

** Yêu cầu về nội dung:*

a. Giải thích (1,0 điểm)

- Thực phẩm bẩn là những thực phẩm chứa các chất độc hại, tác động tiêu cực đến sức khỏe và tính mạng con người.
- U ác tính: nguyên nhân gây ra căn bệnh ung thư, là mầm mống hủy hoại hủy hoại sức khỏe của dân tộc, giống nòi.

b. Thực trạng (1,0 điểm)

- Thực phẩm bẩn đang hoành hành tràn lan trở thành quốc nạn...
 - Hầu hết thức ăn ta ăn đều có chứa chất độc hại:thịt có chất tạo nạc, rau có thuốc trừ sâu; làm đồ, ruốc bằng hóa chất..
 - Thực phẩm bẩn gây ra những ảnh hưởng xấu về sức khỏe con người: ngộ độc, tiềm ẩn nguy cơ mắc các căn bệnh nan y...

c. Nguyên nhân (1,0 điểm)

- Về phía doanh nghiệp, người sản xuất
 - Vì lợi nhuận đã sử dụng các chất tạo nạc trong chăn nuôi; thuốc trừ sâu, thuốc kích thích tăng trưởng trong trồng và bảo quản thực vật, hóa chất làm chín trái cây...

- Sự xuống cấp về lương tâm, đạo đức và là biểu hiện của một trình độ nhận thức hẹp hòi, ích kỷ.
- Về phía người tiêu dùng
 - Thiếu hiểu biết về nguồn gốc, xuất xứ các sản phẩm trên thị trường.
 - Tâm lí ham của rẻ, mẫu mã đẹp...
- Về phía cơ quan có thẩm quyền
 - Chưa xử lí thích đáng đối với các trường hợp sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn
 - Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan pháp luật với các tổ chức khoa học để nhanh chóng phát hiện, ngăn chặn việc sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn...

d. Hậu quả (1,0 điểm)

- Thực phẩm bẩn khiến sức khỏe bị ảnh hưởng, tính mạng bị đe dọa, là nguyên nhân gây ra nhiều căn bệnh nguy hiểm như ung thư...
 - Gây nên tâm lí hoang mang, sự bất ổn nảy sinh trong xã hội...
- ==> Cần sớm có những biện pháp kịp thời và hiệu quả để xử lí tình trạng thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay. Đòi hỏi có sự chung tay của các cơ quan quản lí, sự phát giác của người dân và ý thức của người sản xuất.

d. Giải pháp (1,0 điểm)

- Nâng cao hiểu biết cho cả người sản xuất lẫn người tiêu thụ về tác hại khôn lường, lâu dài của việc sản xuất, tiêu thụ, sử dụng thực phẩm bẩn.
- Xử lí thích đáng việc sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn.
- Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm hữu cơ, sạch, an toàn cho sức khỏe.
- Lên án những hành vi nuôi trồng, buôn bán thực phẩm bẩn.
- Mỗi người ý thức chung tay cùng xã hội đẩy lùi thực phẩm bẩn bằng những hành động thiết thực...

Câu 2: (10 điểm)

1. Về hình thức - Bài làm có bố cục rõ ràng, luận điểm đầy đủ chính xác

- Lời văn chuẩn xác, không sai lỗi chính tả, cảm xúc sâu sắc

2. Về nội dung Học sinh cần làm sáng tỏ hai luận điểm cơ bản:

Luận điểm 1: Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.

- Cảnh ngộ của Lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.

- Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.

- Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai viết thư về lão lại phải nhờ ông giáo đọc hộ

và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.

- Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu...không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đưa con trai lão để lại.

- Lão sông đã khổ chết cũng khổ.

Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh

Luận điểm 2: Lão Hạc là người nông dân giàu có ở tấm lòng yêu con và lòng nhân hậu.

- Lão Hạc cả đời yêu con một cách thầm lặng, chả thể mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ.

HS lấy dẫn chứng chứng minh

- Yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đưa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dằn vặt khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão.

HS lấy dẫn chứng chứng minh

- Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con.

HS lấy dẫn chứng chứng minh

Qua cuộc đời khổ khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.

*** Nghệ thuật**

- Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

ĐỀ THI KSCL HỌC SINH GIỎI

Môn: Ngữ văn 8

Thời gian làm bài: 120 phút

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm): Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao
 Mẹ ơi trong lời mẹ hát
 Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chắp con đôi cánh
 Lớn rồi con sẽ bay xa*

(Trong lời mẹ hát - Trương Nam Hương, Nguồn Thica.net)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?
- Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ đầu đoạn thơ?
- Em hiểu ý nghĩa hai câu cuối trong đoạn thơ như thế nào?
- Cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ.

Phần II. Làm văn (16,0 điểm)

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung Quân viết:

“ ... *Quê hương* mỗi người chỉ một
 Như là chỉ một mẹ thôi... ”

Từ ý thơ trên, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 01 trang giấy) trình bày suy nghĩ của mình về quê hương

Câu 3. (12,0 điểm)

“*Chất người cộng sản Hồ Chí Minh - đó là tấm lòng nhân ái mệnh mông mà sâu*

thắm, một tình thương quên mình... “Chất người” ấy còn thể hiện ở tinh thần “thép” vĩ đại của người chiến sĩ... ”.

(Nguyễn Hoàng Khung, *Một mùa thơ rộ nở*)

Hãy làm sáng tỏ tinh thần “*thép*” của người cộng sản Hồ Chí Minh qua hai bài thơ “*Ngắm trăng*” (*Vọng nguyệt*) và “*Tức cảnh Pác Bó*”.

\

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. YÊU CẦU CHUNG:

1. Bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm; khuyến khích những bài viết sáng tạo, chấp nhận các kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí, có sức thuyết phục.
2. Tổng điểm của toàn bài là 20.0 điểm, cho lẻ đến 0.25 điểm. Hướng dẫn chấm chỉ cho điểm từng câu, từng ý, trên cơ sở đó giám khảo có thể thống nhất định ra các mức điểm cụ thể khác.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

BÀI KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI

Môn kiểm tra: NGŨ VĂN 8

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (8,0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi :

TRUYỆN NGẮN

Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời của nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những “lát cắt” của cuộc sống để thể hiện. Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề. Do đó mà truyện ngắn thường là ngắn.

Truyện ngắn tuy ngắn nhưng có thể đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời. Tác phẩm của nhiều bậc thầy trong thể loại này đã cho ta biết điều đó.

(Theo *Từ điển văn học*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và nêu chủ đề của phần trích trên? (1,0 điểm)

Câu 2. Tìm 4 từ thuộc trường từ vựng *truyện ngắn* trong phần trích ? (1,0 điểm)

Câu 3. Trong phần trích trên, dấu hai chấm và dấu ngoặc kép có tác dụng gì? (1,0 điểm)

Câu 4. Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng phương tiện liên kết nào? (1,0 điểm)

Câu 5. Dựa vào gợi ý của phần trích trên, em hãy viết đoạn văn (từ 10 – 12 câu) thuyết minh về một trong các đặc điểm của truyện ngắn trên cơ sở truyện ngắn “Lão Hạc” – Nam Cao. (4,0 điểm)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (12,0 điểm)

An-đéc-xen là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. Những truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích mang ***lại cho trẻ thơ nhiều niềm vui nhưng cũng tràn ngập nỗi buồn để ta phải suy ngẫm.***

Bằng hiểu biết về truyện ***Cô bé bán diêm*** (SGK Ngữ văn 8 – Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

-

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI

Môn kiểm tra: NGỮ VĂN 8

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (8,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
1	- Phương thức biểu đạt chính : Thuyết minh	0,5 điểm
	- Chủ đề của phần trích : Đặc điểm của thể loại truyện ngắn	0,5 điểm
2	- Học sinh xác định đúng 4 từ trong số các từ sau của trường từ vựng <i>truyện ngắn</i> . (Tự sự, nhân vật, cốt truyện, kết cấu, chủ đề, tác phẩm, thể loại)	1,0 điểm

3	Tác dụng của dấu câu: + Dấu hai chấm : Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho một phần trước đó.	0,5 điểm
	+ Dấu ngoặc kép : Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.	0,5 điểm
4	- Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng từ ngữ có tác dụng liên kết.	0,5 điểm
	- Từ được dùng liên kết: truyện ngắn	0,5 điểm
5	- Yêu cầu về hình thức : + Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn + Đoạn văn khoảng 10 – 12 câu. + Không mắc lỗi chính tả, dùng từ , đặt câu.	1,0 điểm
	- Yêu cầu về nội dung: Thông qua phần trích, học sinh biết lựa chọn một trong các đặc điểm của thể loại truyện ngắn để thuyết minh thông qua truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. Cụ thể: + Về hình thức : - Truyện ngắn có dung lượng nhỏ: truyện Lão Hạc dài khoảng 9 trang. - Số nhân vật trong truyện ít : Lão Hạc, ông giáo, Binh Tư, vợ ông giáo, con trai Lão Hạc. - Sự việc không nhiều: Lão Hạc trước khi bán chó Lão Hạc sau khi bán chó. Cái chết của Lão Hạc. + Về cốt truyện: - Truyện ngắn diễn ra trong một thời gian, không gian hạn chế, không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc , những <i>lát cắt</i> của cuộc sống để thể hiện... Cụ thể : Trong truyện <i>Lão Hạc</i> cốt truyện tập trung viết về cuộc đời nghèo khó, bất hạnh của một lão nông trước CMT8/1945. Vợ chết, con phần trí bỏ đi làm đồn điền cao su, lão Hạc sống cô đơn thui thủi dưới mái tranh siêu vẹo, chỉ có con chó vàng làm bạn sớm hôm. Để giữ cho con trai mảnh vườn và số tiền ít ỏi, lão Hạc đã lo liệu xong xuôi, lão tự chọn cái chết để giải thoát khỏi mọi nỗi đau. + Về kết cấu: - Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm nổi bật chủ đề.	3,0 điểm

	<p>- Sự đối lập trong truyện Lão Hạc thể hiện qua cuộc đời nghèo khổ, nhiều bất hạnh của lão Hạc với phẩm chất cao đẹp: lương thiện, giàu lòng tự trọng, giàu tình yêu thương... Qua đó thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân trong xã hội cũ.</p> <p>* Ngoài ra học sinh có thể thuyết minh về một số đặc điểm khác của truyện như : ngôn ngữ, chủ đề, tình huống truyện...</p> <p>- Biểu điểm:</p> <p>Điểm 3: Hiểu sâu sắc, đáp ứng tốt yêu cầu về nội dung .</p> <p>Điểm 2: Học sinh không chọn mà thuyết minh về các đặc điểm của truyện ngắn Lão Hạc .</p> <p>Điểm 1: Nội dung quá sơ sài, không bám sát yêu cầu của đề.</p>	
--	---	--

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (12 điểm)

<p>1. Về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài : Nghị luận chứng minh. - Bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ. - Trình bày sạch đẹp, không sai chính tả, ngữ pháp. - Bài viết có sự sáng tạo độc đáo phù hợp... 	2,0 điểm
<p>2. Về nội dung: Học sinh có thể có các cách lập ý và sắp xếp ý khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ những nội dung sau:</p>	10,0 điểm
<p>2.1 Mở bài: Giới thiệu chung về truyện ngắn “Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen và vấn đề cần nghị luận.</p>	1,0 điểm
<p>2.2 Thân bài:</p> <p>a. Chứng minh:</p>	
<p>Luận điểm 1: Truyện <i>Cô bé bán diêm</i> mang lại nhiều niềm vui cho trẻ thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Niềm vui được sưởi ấm trong những ngày đông giá lạnh. + Niềm vui được ăn ngon dưới mái ấm của gia đình. + Được vui chơi vào đêm giao thừa với những cây thông Nô-en trang trí lộng lẫy. + Được yêu thương trong vòng tay của người thân. 	3,0 điểm
<p>Luận điểm 2: Truyện <i>Cô bé bán diêm</i> còn chất chứa nhiều nỗi buồn tê tái .</p> <ul style="list-style-type: none"> + Buồn vì hoàn cảnh nghèo khổ, bất hạnh: Phải đi bán diêm để kiếm sống trong một thời điểm hết sức đặc biệt đêm giao thừa, trong một không gian giá rét tuyệt vời. 	3,0 điểm

<p>+ Buồn vì em bé phải sống cô đơn, thiếu tình yêu thương:</p> <p>Trong gia đình: Mẹ mất; bà nội mất; người cha sẵn sàng đánh, mắng khi em không bán được bao diêm nào.</p> <p>Xã hội: Người đời lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm khi không ai bố thí cho em đồng nào lúc em đi bán diêm; khi chứng kiến cái chết của em.</p> <p>+ Buồn vì niềm vui chỉ đến với em trong mộng tưởng. Khi những que diêm tắt em lại phải đối diện với thực tại phũ phàng.</p>	
<p>Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng và nâng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những niềm vui và nỗi buồn trong truyện <i>Cô bé bán diêm</i> đều thể hiện tình yêu thương con người sâu sắc của nhà văn : - Qua đó tác giả lên án xã hội lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm. - Gửi bức thông điệp đến mọi người: Hãy sống yêu thương, chia sẻ... - Bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí, tác phẩm <i>Cô bé bán diêm</i> của An-đéc-xen truyền đến cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc với một em bé bất hạnh. 	2,0 điểm
<p>2.3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh - Liên hệ bản thân.. 	1,0 điểm

KÌ KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI

Môn kiểm tra: Ngữ văn 8

PHẦN I – ĐỌC HIỂU

(1) Thành công và thất bại chỉ đơn thuần là những điểm mốc nối tiếp nhau trong cuộc sống để tôi luyện nên sự trưởng thành của con người. (2) Thất bại giúp con người đúc kết được kinh nghiệm để vươn tới chiến thắng và khiến những thành công đạt được thêm phần ý nghĩa. (3) Không có ai luôn thành công hay thất bại, tuyệt đối thông minh hay đại khờ, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người. (4) Như chính trị gia người Anh, Sir Winston Churchill, từng nói, "Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn". (5) Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công. (6) Tuy nhiên, đừng sa vào vũng lầy bi quan đó, thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống. (7) Đó là một điều bạn không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói thực sự là trải nghiệm mà bạn nên có trong đời. (8) Vì vậy, hãy thất bại một cách tích cực.

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 1: Xác định chủ đề chính của đoạn trích?

Câu 2: Tại sao tác giả lại nói: ... “thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”...

Câu 4: Em hiểu như thế nào về lời khuyên: “Hãy thất bại một cách tích cực”

I. LÀM VĂN

Câu 1. (4,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau: *Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội.*

Câu 2. (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: **Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.** Qua hai bài thơ **Tức cảnh Pác Bó** và **Ngắm trăng** của **Hồ Chí Minh**, em hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8

(Gồm 03 trang)

PHẦN I – ĐỌC HIỂU

Câu 1: Nghị luận

Câu 2: Xác định chủ đề chính của đoạn trích?

Chủ đề chính của đoạn trích là nói về sự tất yếu của thành công và thất bại trong cuộc sống của con người.

Câu 3: Tại sao tác giả lại nói: ... “thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”

+ “Lẽ tự nhiên” hay “phần tất yếu” tức là điều khách quan, ngoài ý muốn con người và con người không thể thay đổi.

+ Bởi vì trong cuộc sống không ai là không gặp thất bại. Có người thấy bại nhiều, thấy bại lớn. Có người thất bại ít, thất bại nhỏ.

Vì đó là điều tất yếu nên ta đừng thất vọng và chán nản. Hãy dũng cảm đối mặt và vượt qua.

Câu 4: Em hiểu như thế nào về lời khuyên: “Hãy thất bại một cách tích cực”

Thất bại một cách tích cực được hiểu theo những ý nghĩa sau:

- + nghĩa là thất bại nhưng không bi quan, chán nản
- + nghĩa là thất bại nhưng hiểu được nguyên nhân vì sao mình thất bại
- + thất bại nhưng biết tự mình đứng lên, rút ra bài học và tiếp tục hành động.

PHẦN II – LÀM VĂN

Câu 1

1. Giải thích:

Người thành công là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.

Kẻ thất bại là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra.

Cơ hội: hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.

Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống.

2. Bình luận

- *Thành* và *bại* luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)

- Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống:

+ Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.

+ Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.

Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.

Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước. Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài

Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.

3. Dẫn chứng

- Lấy dẫn chứng một số nhà khoa học như acximet hàng trăm lần thất bại, Nhiều nhà kinh tế thành công cũng trải qua không biết bao lần thất bại.

- Để đi được bằng hai chân, để đạp được xe... ai cũng đã từng thất bại...

	<p>+ Câu thứ ba: <i>Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng</i>...đây là câu thơ làm nổi bật tư thế, tầm vóc lớn lao của Bác...Ba chữ “dịch sử Đảng” toàn vần trắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao.</p> <p>- Cái “sang” của cuộc đời cách mạng: <i>Cuộc đời cách mạng thật là sang</i>. Cái sang của người làm cách mạng, được cống hiến cho dân cho nước...Chữ “sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ thần, là “nhân tự” đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần...</p> <p>=> Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Dù trong hoàn cảnh gian nan, thiếu thốn vẫn ung dung...Với Người, làm cách mạng và sống hòa nhập với thiên nhiên là một niềm vui lớn...</p> <p>* Bài thơ "Ngắm trăng"</p> <p>- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác</p> <p>+ Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt...<i>Trong tù không rượu cũng không hoa</i>...</p> <p>+ Cái xốn xang, bồi rối rất nghệ sĩ của Bác trước cảnh đẹp của đêm trăng: <i>Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ</i>...Bác là một người chiến sĩ cách mạng và cũng là một thi sĩ. Người thi sĩ đã rung động tâm hồn trước vẻ đẹp của trăng dù thân thể đang bị giam cầm trong nhà tù khắc nghiệt, tàn bạo...</p> <p>Luyện điểm 2: Mỗi giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ với thiên nhiên</p> <p><i>Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ.</i> <i>Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.</i></p> <p>Bác thả tâm hồn mình vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để tìm đến giao hòa với trăng giữa bầu trời tự do...Trăng cũng vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ...cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác...</p> <p>=> Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Tâm hồn tự do, yêu thiên nhiên luôn làm chủ được mọi hoàn cảnh của Bác...</p> <p>* Đánh giá: Nét chung của hai bài thơ</p> <p>- Bác luôn sẵn sàng vượt lên những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, luôn lạc quan...</p> <p>- Phong cách sống của Bác thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn, nhân cách lớn, mang tinh thần thời đại mới...</p>	3,0đ
	<p>KB</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề...</p> <p>- Liên hệ (hoặc mở rộng)...</p>	1,5đ
		0,5đ

HẢO KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎIMôn: **Ngữ văn 8**

Thời gian làm bài: 120 phút

I. Đọc – hiểu văn bản*Mẹ!**Có nghĩa là duy nhất**Một bầu trời**Một mặt đất**Một vàng trắng**Mẹ không sống đủ trăm năm**Nhưng đã cho con dư dả nụ cười tiếng hát [...]**Mẹ!**Có nghĩa là ánh sáng**Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim**Mẹ!**Có nghĩa là mãi mãi**Là cho - đi - không - đòi lại - bao giờ...*

(Trích “Ngày xưa có mẹ” - Thanh Nguyên)

Câu 1. Xác định thể thơ trong đoạn trích trên**Câu 2.** Phép tu từ chủ yếu sử dụng trong đoạn thơ trên là gì?**Câu 3.** Xác định chủ đề của văn bản**Câu 4:** Ý nghĩa những câu thơ: “Mẹ! Có nghĩa là duy nhất./Một bầu trời, một mặt đất, một vàng trắng.”**Câu 5:** “Mẹ!” là một từ hay một câu?**Câu 6:** Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì?**II. Tập làm văn****Câu 1:**

Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến “*Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ*” (Bersot)

Câu 2: (12 điểm)

ĐI ĐƯỜNG

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

(Bản dịch thơ của Nam Trân)

Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*

Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2016

Bằng việc phân tích bài thơ *Đi đường*, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

I. Hướng dẫn chung

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm thi để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm hoặc bỏ sót ý trong bài làm của học sinh.

- Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có sáng tạo, có ý tưởng riêng và giàu chất văn.

- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm (không làm tròn).

II. Đáp án và thang điểm

Phần/ câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc- hiểu	
Câu 1	Thể thơ tự do	
Câu 2	Biện pháp tu từ chủ yếu: So sánh	
Câu 3	Ca ngợi vị trí của người mẹ trong lòng mỗi người con. Đó là sự vĩnh hằng, bất tử, vĩ đại lớn lao không gì có thể thay thế. Đó là cội nguồn sức mạnh là niềm tin và cả trách nhiệm đối với mỗi người con trong cuộc đời.	1.0
Câu 4	. Ý nghĩa những câu thơ: “Mẹ! Có nghĩa là duy nhất./Một bầu trời, một mặt đất, một vầng trăng.”: Khẳng định mẹ là duy nhất đối với mỗi người trên đời cũng như chỉ có một bầu trời, một mặt đất, một vầng trăng trong thế giới này mà thôi.	0.5
Câu 5	Cảm xúc hình ảnh người mẹ thật tuyệt vời, vĩ đại không gì có thể thay thế. Qua đó ta cảm thấy yêu quý, tự hào, biết ơn mẹ vô cùng	1,0
Phần II.	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Trái tim người mẹ	0,25
	c. Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...	
	Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:	

	<p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích từ ngữ, hình ảnh: + “kì quan”: một công trình kiến trúc hoặc cảnh vật đẹp đến mức kì lạ, hiếm thấy. + “tuyệt vời”: đạt đến mức coi như lí tưởng, không gì có thể sánh được. - Ý nghĩa câu nói: sự so sánh giữa kỳ quan vũ trụ và trái tim người mẹ -> Khẳng định tấm lòng của người mẹ là vĩ đại nhất, đẹp đẽ nhất, kỳ diệu nhất trong vũ trụ. <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định sự đúng đắn, sâu sắc của câu danh ngôn. Làm sáng tỏ bằng những lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, xác đáng về vẻ đẹp, sự kì diệu và lớn lao của trái tim người mẹ (có thể lấy dẫn chứng trong cuộc sống, trong các tác phẩm văn học - nghệ thuật,...). - Mọi kỳ quan trên thế giới dù rộng lớn, kỳ vĩ đến bao nhiêu thì cũng có giới hạn nhất định trong không gian và thời gian, thiên về ý nghĩa vật chất nhưng tình cảm mẹ dành cho con là vô hạn, thiên về giá trị tinh thần. - Sự vĩ đại của trái tim người mẹ không chỉ biểu hiện ở những cái lớn lao, đáng được tôn vinh, ca ngợi mà còn ở cả những điều nhỏ bé, bình dị. - Đến với kỳ quan là để chiêm ngưỡng, thán phục, còn đến với trái tim người mẹ, con người được yêu thương, chở che, nâng bước để trưởng thành và hoàn thiện chính mình. - Câu nói mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc về đạo làm con: trân trọng và biết ơn tấm lòng người mẹ, sống tròn trách nhiệm và hiếu thảo. - Nêu phản đề: phê phán những hiện tượng: con cái chưa hiểu và không trân trọng tấm lòng người mẹ, có những hành động sai trái, lỗi đạo... <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Tình cảm cá nhân giành cho mẹ của mình và xác định được động lực phấn đấu của bản thân...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ bản thân 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Không sai Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	<p>0,25</p>
	<p>e. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	<p>0,25</p>

Câu 2:

<p>Câu 2 10 điểm</p>	<p>Bằng việc phân tích bài thơ <i>Đi đường</i>, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.</p> <p>Yêu cầu chung:</p> <p>- Người xưa nói: <i>"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn"</i> - theo quan niệm triết lí Phương Đông, từ việc đi đường thường được liên tưởng, chiêm nghiệm tới đường đời... Trên bước đường gian lao trong thời kì Bác bị giải tới giải lui qua các nhà lao của chế độ nhà tù hà khắc Tưởng Giới Thạch, Bác luôn suy ngẫm để đúc rút cho bản thân mình những bài học sâu sắc ...</p> <p>- Phân tích bài thơ <i>"Đi đường"</i> (Trích <i>Nhật kí trong tù</i> - Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng của bài thơ: Từ việc đi đường núi (nghĩa hiển ngôn) đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường (nghĩa hàm ngôn).</p>	
	<p>Mở bài:</p> <p>+ Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của tập thơ.</p> <p>+ Giới thiệu bài thơ <i>"Đi đường"</i> (Tẩu lộ).</p>	1,0
	<p>Thân bài:</p> <p>+ Việc đi đường thật khó khăn, gian khổ - nhất là với người đi đường núi. Câu thơ đơn sơ nhưng chứa đựng sự suy ngẫm có ý nghĩa khái quát sâu sắc, vượt ra ngoài sự đi đường thông thường:</p> <p>- Vượt qua hết lớp núi này lại đến lớp núi khác cao hơn, khó khăn hơn.</p> <p>- Mọi sự gian lao vất vả và như đã lùi lại phía sau khi người đi đường lên tới đỉnh cao nhất...</p> <p>- Lên tới đỉnh cao chót là lúc gian lao nhất nhưng đồng thời cũng là lúc đã vượt qua mọi khó khăn. Nỗi gian lao của người đi đường núi dù có chồng chất nhưng không phải là vô tận. Con người có quyết tâm sẽ vượt qua, sẽ chiến thắng.</p> <p>- Người đi đường gian lao, vất vả bỗng trở thành người du khách ung dung say đắm trước phong cảnh đẹp. Con đường núi gian lao, hiểm trở trong bài thơ gợi ra hình ảnh con đường cách mạng; hình ảnh con người ung dung thu muôn dặm nước non vào tầm mắt là hình ảnh người chiến sĩ đứng trên đỉnh cao chiến thắng ...</p> <p>+ Ý nghĩa tư tưởng sâu sắc được rút ra là: Trải qua chặng đường dài gian lao thì sẽ tới đích, càng gần đích, càng gần thắng lợi thì càng nhiều gian lao. Con người có nghị lực, có quyết tâm vượt khó sẽ giành được thắng lợi vẻ vang. Đó cũng chính là bài học</p>	<p>8,0</p> <p>4,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>4,0</p>

	đường đời, đường cách mạng mà bài thơ đã gợi ra ...	
	Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý nghĩa tư tưởng sâu sắc của bài thơ: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng. - Khẳng định con đường cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng nếu kiên trì, bền chí thì nhất định thắng lợi hoàn toàn - đó cũng chính là chân lí mà Bác Hồ đã chỉ ra cho chúng ta... 	1,0

ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI - Môn: Ngữ văn 8

Thời gian làm bài: 120 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU(4,0 điểm):**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là một việc phải nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ.

Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Phải yêu và trọng lao động. Phải giữ gìn kỷ luật. Phải bảo vệ của công. Phải quan tâm đến đời sống của nhân dân. Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì ta là một bộ phận quan trọng của thế giới, mọi việc trong thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới.

Thanh niên cần phải có tinh thần gan dạ và sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng. Cần phải trung thành, thật thà, chính trực.

(Trích Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Chính trị Quốc gia)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?**Câu 2.** Đối tượng hướng đến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn trích là ai?**Câu 3.** Người gửi gắm lời dạy nào thông qua đoạn trích? (0,75 điểm)**Câu 4.** Nếp sống đạo đức nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em?**II. Tập làm văn****Câu 1:** “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.**Câu 2** (12,0 điểm):

Có ý kiến cho rằng : Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Qua văn bản “ *Tức nước vỡ bờ* ” (Ngô Tất Tố), “ *Lão Hạc* ” (Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

Đáp án

1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận (1.0đ)

	2. Đối tượng hướng đến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn trích là thanh niên. (1.0đ)
	3. Qua đoạn trích, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi gắm những lời dạy sâu sắc: Tránh điều xấu, thực hiện điều tốt, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, có tinh thần dân tộc và tinh thần quốc tế, yêu và trọng lao động, giữ gìn kỷ luật, bảo vệ của công, quan tâm đến đời sống của nhân dân, chú ý đến tình hình thế giới, có tinh thần gan dạ và sáng tạo, có chí khí hăng hái, trung thành, thật thà, chính trực. (1.0đ)
	4. - Có thể lựa chọn một trong những nếp sống đạo đức như: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu và trọng lao động... - HS trình bày suy nghĩ cá nhân, nêu rõ vì sao nếp sống đạo đức đó có ý nghĩa với em nhất? (1.0đ)

Câu 1	6,0 điểm
Mở bài:	<p>Dẫn dắt, giới thiệu câu nói</p> <p style="text-align: center;">– Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.</p> <p>Chính vì vậy có ý kiến cho rằng “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.</p>
Thân bài	<p>1. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được. - Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực. <p>-> Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua.</p> <p>Phân tích, chứng minh, bình luận:</p> <p>- Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn</p>

	<p>lao, cao cả. (d/c) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được . Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực.(d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn....)</p> <p>- Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo... Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.</p> <p>- Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công...(d/c)</p> <p>Bài học liên hệ bản thân:</p> <p>-Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.</p> <p>- Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực</p>
Kết bài	<p>Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.</p> <p>Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân</p>
Câu 2 10,0 điểm	<p>A.Yêu cầu chung :</p> <p>- Yêu cầu về hình thức : Bố cục rõ ràng, trình bày sạch đẹp, diễn đạt lưu loát, ít sai chính tả. Bài làm đúng thể loại.</p> <p>- Yêu cầu về nội dung</p> <p>1/ Mở bài</p> <p>- Giới thiệu khái quát về hai tác giả - tác phẩm</p> <p>- Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận : Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám.</p> <p>2/ Thân bài</p> <p>* <i>Khái quát chung:</i></p>

- Giới thiệu khái quát bối cảnh Việt Nam trước CMT8: Dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của TD Pháp, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.

- Khái quát nội dung hai tác phẩm

a. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam trước cách mạng

* Chị Dậu : Là một mẫu mực vừa gần gũi vừa cao đẹp của

người phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kì trước cách mạng : Có phẩm chất của người phụ nữ truyền thống, có vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại. Cụ thể :

- Là một người vợ giàu tình thương: Ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế.

- Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm để bảo vệ chồng .

* Lão Hạc: Tiêu biểu cho phẩm chất người nông dân thể hiện:

- Là một lão nông chất phát, hiền lành, nhân hậu (dẫn chứng).

- Là một lão nông nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng(dẫn chứng)

b. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng.

* Chị Dậu

Số phận điều đứng : Nghèo khổ, bị bóc lột sưu thuế, chồng ốm và có thể bị đánh, bị bắt lại.

* Lão Hạc :

Số phận đau khổ, bi thảm : Nhà nghèo, vợ chết sớm, con trai bỏ làng đi làm phu cao su, thui thủi sống cô đơn một mình; tai hoạ dồn dập, đau khổ vì bán cậu vàng; tạo được món nào ăn món nấy, cuối cùng ăn bả chó để tự tử.

c. Bức chân dung Chị Dậu và Lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của hai tác phẩm.

- Nó bộc lộ cách nhìn về người nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với số phận bi kịch của

người nông dân ; đau đớn, phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bi kịch; đều có chung một niềm tin mới về khả năng chuyển biến tốt đẹp của nhân c cách con người.

- Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng : Ngô Tất Tố có thiên hướng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp, còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người... Nam Cao đi sâu vào thế giới tâm lý của nhân vật, còn Ngô Tất Tố chủ yếu miêu tả nhân vật qua hành động để bộc lộ phẩm chất...

* **Đánh giá**

- Nghệ thuật: Hai tác phẩm khắc họa nhân vật rõ nét qua ngoại hình, lời nói, hành động (Tức nước vỡ bờ) và diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc

(Lão Hạc) từ đó làm nổi bật giá trị tư tưởng tác phẩm.

- Nội dung: Hai tác phẩm đã cho thấy phẩm chất tốt đẹp cùng số phận đau thương của người nông dân. Đồng thời cũng giúp ta thấy được bộ mặt thật dã man của chế độ phong kiến đương thời.

3. Kết bài :

- Khẳng định lại vấn đề.

- Liên hệ cuộc sống tốt đẹp của người nông dân trong xã hội mới.

KỲ THI KS HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG**Môn: Ngữ văn lớp 8***Thời gian làm bài: 120 phút***I. Phần đọc hiểu (4,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới:

Các anh đứng như tượng đài quyết tử
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt
Đang bồn chồn, thao thức với Trường Sa
Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma
Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn
Để một lần Tổ quốc được sinh ra...

(Nguyễn Việt Chiến)

1. Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?
2. Hãy chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Các anh đứng như tượng đài quyết tử”.
3. Hai từ “bồn chồn”, “thao thức” thể hiện tình cảm gì đối với Trường Sa?

PHẦN II. Làm văn (16 điểm)**Câu 1: (6,0 điểm)**

Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau:

“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.

Câu 2: (10 điểm)

Nhận xét về 2 bài thơ “Nhớ rừng” (Thế Lữ) và “Khi con tu hú” (Tố Hữu), có ý kiến cho rằng: “Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát khao tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau”. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

B.YÊU CẦU CỤ THỂ.

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1	<p>1. Thể thơ 8 tiếng</p> <p>2. Biện pháp tu từ so sánh</p> <p>=> Tinh thần dũng cảm, kiên cường, quyết chiến với kẻ thù của những người chiến sĩ trong nhiệm vụ bảo vệ biển đảo quê hương</p> <p>3. Thể hiện tâm trạng lo lắng, sẻ chia, yêu thương của những dòng máu Việt dành cho Trường Sa</p> <p>4. HS nên trình bày dưới dạng đoạn văn ngắn từ 5-7 câu với những nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thơ gợi nhiều suy nghĩ trước những hy sinh to lớn của các chiến sĩ Gạc Ma: cảm phục, trân trọng, ghi sâu công ơn của những người anh hùng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh - Vai trò của những người chiến sĩ cũng chính là vai trò của nhân dân – những con người làm nên đất nước- Thế hệ hôm nay cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 	
Câu 2	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết bài văn ngắn lập luận chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung. - Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu. <p>2. Yêu cầu về hình thức: Thí sinh cần trình bày được.</p> <p>a). Giải thích khái niệm của đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giông tố ở đây dùng để chỉ cách dân gian đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội. - câu nói khẳng định: cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn ,chớ cúi đầu trước thử thách.,gian nan.(Đây là vấn đề nghị luận). <p>b) Giải thích, chứng minh vấn đề.</p> <p>Có thể triển khai các ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách con người không khuất phục - Gian nan thử thách chính là nơi tôi luyện con người. <p>c) Khẳng định, bàn bạc mở rộng vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu nói chính là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp, sống thật đẹp và hào hùng. - Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh. - Câu nói gợi cho bản thân nhiều suy nghĩ: trong học tập, cuộc sống bản thân phải luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Bởi cuộc đời không phải con đường bằng phẳng mà đầy chông gai, mỗi lần vấp ngã không được chán nản bi quan mà phải biết đứng dậy vươn mình. 	<p>1,0</p> <p>0,5</p>

KỲ THI KS HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8**

Thời gian làm bài: 120 phút

PHẦN I – ĐỌC HIỂU**I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn có nhu cầu đó nữa thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi và cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình. Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc, mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong một năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy, nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công việc lớn. (Theo Nguyễn Ngọc, Một đề nghị, Tạp chí điện tử tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?**Câu 2:** Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?**Câu 3:** Theo anh/ chị việc nhỏ và công cuộc lớn mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?**Câu 4:** Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?**PHẦN II – LÀM VĂN****Câu 1 (6 điểm)**

Hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau: *Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội.*

Câu 2. (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của những nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc*”

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI

I. Đọc hiểu (4 đ)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: phương thức nghị luận-	0,5
2	<p>“Công cuộc lớn” đọc sách trở thành ý thức, thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia đình trong xã hội, phần đầu đưa việc đọc sách trở thành văn hóa của quốc gia, dân tộc.</p> <p>“Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ”.</p> <p>Lí do: vì không đọc sách thì đời sống tinh thần con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.</p>	0,5
3	- “Việc nhỏ” là vận động đọc sách và gây dựng tủ sách trong mỗi gia đình, mỗi người có thể đọc từ vài chục dòng mỗi ngày đến một cuốn sách trong năm.	0,75
4	Thông điệp: từ việc khẳng định đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ, không đọc sách sẽ có nhiều tác hại, tác giả đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người.	0,75

Câu 1 (NLXH)

* Giải thích:

Người thành công là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.

Kẻ thất bại là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra.

Cơ hội: hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.

Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống.

Bình luận

- *Thành* và *bại* luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)

- Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống:

+ Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.

+ Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.

Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.

Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước. Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài

Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.

Bài học nhận thức và hành động

Cần phải có niềm tin, nghị lực lớn để vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, để luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn.

Không ngại đối mặt với khó khăn. Coi khó khăn, thử thách như một phần tất yếu của cuộc sống.

Luôn hành động mạnh mẽ, quyết đoán để khắc phục khó khăn...

Câu 2. (6 điểm)

Yêu cầu chung:

-Về nội dung: hiểu được vấn đề nghị luận, có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc.

-Về hình thức: Biết trình bày một đoạn văn nghị luận phù hợp với yêu cầu của đề bài.

Lưu ý: Đề bài không hạn định số câu. Song, vì là một đoạn, thí sinh phải biết cân đối cho phù hợp với yêu cầu đề bài. Nếu đủ ý nhưng chỉ có tính chất điểm ý, không có dẫn chứng, quá ngắn, diễn đạt không hay, không cho điểm tối đa. Không đếm ý cho điểm. Ngược lại thí sinh viết quá dài dòng, lan man trừ 0,5đ kĩ năng.

Yêu cầu cụ thể

1. Giới thiệu nội dung nghị luận (0,5điểm)

2. Giải thích (0,5điểm)

Lòng tự trọng là ý thức coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của bản thân, coi trọng giá trị của bản thân.

3. Bàn luận (3,5 điểm)

Chấp nhận các cách triển khai khác nhau, song cần chú ý bám sát và làm rõ định hướng bàn luận.

- Biểu hiện của lòng tự trọng: (1,0 điểm)

+ Có suy nghĩ, hành động và cách ứng xử đúng với lương tâm và đạo lý.

+ Nói đi đôi với làm

+ Khi có khuyết điểm chân thành sửa sai và nhận lỗi. Nhìn thẳng vào hạn chế của mình khi không đủ khả năng đảm đương một công việc. Luôn có ý thức tự giác vươn lên để khẳng định mình ngay cả khi gặp khó khăn, trắc trở.

+ Chú ý cả lời nói khi giao tiếp.

- Vai trò của lòng tự trọng: (1,5 điểm)

+ Luôn giúp ta tự tin vào việc mình làm, luôn chủ động vững vàng trong mọi công việc, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn thử thách.

+ Luôn giúp ta lạc quan, yêu đời

+ Luôn giúp ta được mọi người tôn trọng

+ Góp phần xây dựng xã hội văn minh.

- Cần phân biệt tự trọng với tự cao, tự đại (0,5 điểm)

- Phê phán những con người thiếu lòng tự trọng: lười lao động, học tập, sống lợi dụng, dựa dẫm, gặp khó khăn thì nản chí, nản lòng...đánh mất nhân cách của bản thân. (0,5 điểm)

4. Bài học nhận thức và hành động. (1,5 điểm)

+ Để xây dựng lòng tự trọng bản thân mỗi con người phải luôn có ý thức học tập và rèn luyện, nói phải đi đôi với làm.

+ Rèn luyện lòng tự trọng là đấu tranh với chính bản thân mình để có suy nghĩ và hành động đúng đắn.

+ Gia đình, nhà trường cần giáo dục cho con em mình lòng tự trọng để có thái độ sống tốt.

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

MÔN THI: NGỮ VĂN 8

Phần I: Đọc hiểu (4,0 điểm): Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi

... (1) *Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du lịch*

trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông. Kể làm sao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc du lịch bằng sách vở ?

(2) Ta cũng được tự do, muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Bạn thích cái xã hội ở thời Đường bên Trung Quốc thì đã có những thi nhân đại tài tả viên “Dạ minh châu” của Đường Minh Hoàng, khúc “Nghe thường vũ y” của Dương Quý Phi cho bạn biết. Tôi thích nghiên cứu đời con kiến, con sâu – mỗi vật là cả một thế giới huyền bí đấy, bạn ạ - thì đã có J.H.Pha-brow và hàng chục nhà sinh vật học khác sẵn sàng kể chuyện cho tôi nghe một cách hóm hỉnh hoặc thi vị.

(3) Đường học về kinh tế, thấy chán những con số ư? Thì ta bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai. Hoặc không muốn học nữa thì ta gấp sách lại, chẳng ai ngăn cản ta cả.”

(Trích Tự học - một nhu cầu thời đại - Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính qua văn bản trên

Câu 2. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 3. Trong đoạn (1), tác giả xây dựng đoạn văn theo cách nào?

Câu 4. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng khi “thấy chán những con số” thì “bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai”?

Câu 5. Em hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Phần II: Làm văn (16,0 điểm):

Câu 1. (6 điểm): Có ý kiến cho rằng: “Giá trị của con người không phải là được thể hiện ở ngoại hình, hay không chỉ đơn giản là trình độ học vấn, địa vị trong xã hội; mà nó được thể hiện rõ nhất bằng lòng tự trọng của con người”.

Em hãy viết bài văn bày tỏ suy nghĩ về lòng tự trọng.

Câu 2. (10.0 điểm) : Nhận xét về bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: " Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kỳ vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây".

Bằng hiểu biết về bài thơ **Quê hương** , em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên !

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Câu 1. PT nghị luận

Câu 2. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy.*

Câu 3. Đoạn văn diễn dịch

Câu 3. Tác giả cho rằng khi “*thấy chán những con số*” thì “*bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai*”, bởi vì “*coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai*” sẽ giúp ta thư giãn đầu óc, tâm hồn cởi mở, phóng khoáng hơn, làm cho đời sống đỡ nhàm chán, trở nên thú vị hơn.

Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.

- Điểm 0,5: Trả lời theo cách trên
- Điểm 0,25: Câu trả lời chung chung, chưa thật rõ ý
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

- Điểm 0,25: Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo hướng trên
- Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:
 - + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không phải là quan điểm riêng của bản thân mà nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho;
 - + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không hợp lí;
 - + Câu trả lời chung chung, không rõ ý, không có sức thuyết phục;
 - + Không có câu trả lời.

II. Phần làm văn (16 điểm)

Câu 1:

Câu 1. (6 điểm)

Yêu cầu chung:

- Về nội dung: hiểu được vấn đề nghị luận, có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc.
- Về hình thức: Biết trình bày một đoạn văn nghị luận phù hợp với yêu cầu của đề bài.

Lưu ý: Đề bài không hạn định số câu. Song, vì là một đoạn, thí sinh phải biết cân đối cho phù hợp với yêu cầu đề bài. Nếu đủ ý nhưng chỉ có tính chất điểm ý, không có dẫn chứng, quá ngắn, diễn đạt không hay, không cho điểm tối đa. Không đếm ý cho điểm. Ngược lại thí sinh viết quá dài dòng, lan man trừ 0,5đ kĩ năng.

Yêu cầu cụ thể

1. Giới thiệu nội dung nghị luận (0,5điểm)

2. Giải thích (0,5điểm)

Lòng tự trọng là ý thức coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của bản thân, coi trọng giá trị của bản thân.

3. Bàn luận (3,5 điểm)

Chấp nhận các cách triển khai khác nhau, song cần chú ý bám sát và làm rõ định hướng bàn luận.

- Biểu hiện của lòng tự trọng: (1,0 điểm)
- + Có suy nghĩ, hành động và cách ứng xử đúng với lương tâm và đạo lí.

+ Nói đi đôi với làm

+ Khi có khuyết điểm chân thành sửa sai và nhận lỗi. Nhìn thẳng vào hạn chế của mình khi không đủ khả năng đảm đương một công việc. Luôn có ý thức tự giác vươn lên để khẳng định mình ngay cả khi gặp khó khăn, trắc trở.

+ Chú ý cả lời nói khi giao tiếp.

- Vai trò của lòng tự trọng: (1,5 điểm)

+ Luôn giúp ta tự tin vào việc mình làm, luôn chủ động vững vàng trong mọi công việc, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn thử thách.

+ Luôn giúp ta lạc quan, yêu đời

+ Luôn giúp ta được mọi người tôn trọng

+ Góp phần xây dựng xã hội văn minh.

- Cần phân biệt tự trọng với tự cao, tự đại (0,5 điểm)

- Phê phán những con người thiếu lòng tự trọng: lười lao động, học tập, sống lợi dụng, dựa dẫm, gặp khó khăn thì nản chí, nản lòng...đánh mất nhân cách của bản thân. (0,5 điểm)

4. Bài học nhận thức và hành động. (1,5 điểm)

+ Để xây dựng lòng tự trọng bản thân mỗi con người phải luôn có ý thức học tập và rèn luyện, nói phải đi đôi với làm.

+ Rèn luyện lòng tự trọng là đấu tranh với chính bản thân mình để có suy nghĩ và hành động đúng đắn.

+ Gia đình, nhà trường cần giáo dục cho con em mình lòng tự trọng để có thái độ sống tốt.

Lưu ý: Học sinh không viết thành đoạn văn hoàn chỉnh chỉ cho tối đa 3 điểm. Nếu học sinh viết thành bài văn hoàn chỉnh thì trừ ít nhất 2 điểm.

Câu 2 (10.0 điểm)		
	<p><i>Về kĩ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,... - Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lí luận và năng lực cảm thụ văn học. 	1.0
	<p><i>Về kiến thức:</i> Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:</p>	
	<p><i>Mở bài:</i></p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt để giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Trích dẫn ý kiến. 	
	Thân bài : Chứng minh qua tác phẩm:	8.0
	<p><i>*Khái quát được ý kiến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến trên muốn khẳng định sức hấp dẫn của bài thơ Quê hương với người đọc không chỉ bởi cảnh vật vùng biển quê ông được miêu tả rất đẹp bằng ngòi bút tinh tế mà còn hấp dẫn bởi tình yêu chân thành, tha thiết mà Tế Hanh dành trọn cho con người quê hương. 	
	<p><i>* Luận điểm 1:</i> Bài thơ hấp dẫn người đọc trước hết bởi cảnh vật vùng biển quê hương hiện lên thật tự nhiên mà cũng thật đẹp.</p>	3.0
	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay ở lời thơ mở đầu nhà thơ đã giới thiệu với người đọc về quê hương yêu dấu của mình với nghề nghiệp và vị trí cụ thể -> với niềm tự hào về một vùng quê chài lưới thanh bình. - Vùng quê đó càng đẹp hơn khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào buổi sớm mai hồng: + Đó là khung cảnh thời tiết đẹp, lí tưởng, cho một chuyến ra khơi. + Nổi bật lên giữa thiên nhiên hùng vĩ là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống. <i>(chú ý vào hình ảnh so sánh tinh tế, độc đáo của nhà thơ khi miêu tả con thuyền và cánh buồm..)</i> => Bức tranh thiên nhiên vùng biển hiện lên thật tinh tế và sống động dưới nét vẽ tài tình của nhà thơ. 	
	<p><i>* Luận điểm 2:</i> Bài thơ còn hấp dẫn người đọc bởi tình yêu đặc biệt của người con xa quê dành cho người dân vạn chài nơi đây.</p>	4.0
	<ul style="list-style-type: none"> - Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào hứng khởi: + Đó là cảnh đoàn thuyền trở về trong sự mong đợi của dân chài... + Đó là hình ảnh những con người khỏe mạnh rắn rỏi (chú ý bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn). Nhà thơ đã khắc họa vẻ đẹp đặc trưng của con người nơi đây. + Đó còn là hình ảnh con thuyền mệt mỏi say sưa sau một hành trình vất vả.. (NT nhân hóa và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác) - Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ. (Nếu không có bốn câu thơ cuối bài có lẽ người đọc không thể biết được nhà thơ viết bài thơ khi xa quê.) 	
	<i>* Đánh giá chung:</i>	1.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến là đúng - Để đạt được giá trị đó cần có một cách viết giản dị tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ, hình ảnh thơ... 	
	Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề chứng minh. - Liên hệ: Thơ Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả. Nó đánh thức trái tim ta trong tình yêu nỗi nhớ quê hương... 	1.0
	Tổng điểm toàn bài:	20.0

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

MÔN THI: NGỮ VĂN 8

Thời gian làm bài 120 phút,

I. Phần đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...
Chiều nay con chạy về thăm Bác
Uớt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!*

*Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!*

*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!*

Câu 1: Đoạn thơ được làm theo thể thơ nào?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3: Nhận xét về giọng điệu bài thơ

Câu 4: Bài thơ gợi cho em tình cảm gì?

II. Làm văn: (16,0 điểm)

Câu 1: (6,0 điểm)

Có một cậu bé nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: “Tôi ghét người”. Từ khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu không sao hiểu được từ trong khu rừng lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con, đưa trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”

(Theo *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ, 2004)

Từ câu chuyện trên, anh (chị) hãy viết một bài luận có độ dài không quá 500 từ nói lên suy nghĩ của mình về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống?

Câu 2: (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là “Bài văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến, quyết thắng. Đó là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông. Phân tích bài "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc để làm sáng tỏ ý kiến trên

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1: Thể thơ bảy chữ.

Câu 2: Nội dung: Bài thơ là cảm xúc xót xa, đầy tiếc nuối của con người, của cảnh vật trước sự ra đi của Bác Hồ.

Câu 3: Bài thơ có giọng điệu xót xa, tiếc thương, lưu luyến trước sự ra đi của Bác

(HOẶC Bài thơ có giọng điệu nhẹ nhàng, trữ tình và đầy bi tráng thể hiện niềm tiếc thương vô hạn trước sự ra đi của người con ưu tú dân tộc).

Câu 4: - Cảm xúc tiếc thương, đau buồn vì Bác đã ra đi.

- Bài thơ còn gợi cảm xúc kính yêu, tự hào về Bác.

Câu 2: (6,0 đ)

A. Yêu cầu chung:

- Học sinh có kỹ năng xử lý dạng bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng đạo lý thông qua văn bản đã cho.

- Bài viết thể hiện vốn sống thực tế, các dẫn chứng làm rõ luận điểm cần tiêu biểu, cụ thể, có sức thuyết phục, tránh những dẫn chứng chung chung.

- Diễn đạt tốt, khuyến khích những bài viết sáng tạo.

B. Yêu cầu cụ thể:

Học sinh có thể trình bày vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Nêu vấn đề nghị luận.

- Học sinh dẫn dắt được vấn đề nghị luận **(0,25đ)**

- Từ câu chuyện học sinh rút ra ý nghĩa về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống **(0,25đ)**.

2. giải quyết vấn đề

a. Tóm tắt và rút ra ý nghĩa của câu chuyện

- Học sinh tóm tắt được câu chuyện **(0,5đ)**

- Giải thích đúng : “cho” và “nhận” **(0,5đ)**

-Rút ra ý nghĩa: **(0,5đ)**

=> Câu chuyện đề cập đến mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc đời mỗi con người. Khi con người trao tặng cho người khác tình cảm gì thì sẽ nhận lại được tình cảm đó. Đây là mối quan hệ nhân quả và cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống.

b. Phân tích, chứng minh

- Biểu hiện mối quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống

+ Quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống vô cùng phong phú bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. **(0,25đ)**

+ Mỗi quan hệ “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng ngang bằng trong cuộc sống: có khi ta cho nhiều nhưng nhận lại ít hơn và ngược lại – dẫn chứng. **(0,25đ)**

+ Mỗi quan hệ giữa “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng là mình cho người đó và nhận của người đó, mà nhiều khi mình nhận ở người mà mình chưa hề cho. Và cái mình nhận có khi là sự bằng lòng với chính mình, là sự hoàn thiện hơn nhân cách làm người của mình trong cuộc sống – dẫn chứng. **(0,5đ)**

- Làm thế nào để thực hiện tốt mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống?

+ Con người phải biết cho cuộc đời này những gì tốt đẹp nhất: Đó là sự yêu thương, trân trọng, cảm thông giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. **(0,25đ)**

+ Con người cần phải biết “cho” nhiều hơn là “nhận”. **(0,25đ)**

+ Phải biết “cho” mà không hi vọng mình sẽ được đáp đền **(0,25đ)**

+ Để “cho” nhiều, con người cần phải cố gắng phấn đấu rèn luyện và hoàn thiện mình, làm cho mình giàu có cả về vật chất lẫn tinh thần để có thể yêu thương nhiều hơn cuộc đời này. **(0,25đ)**

c. Bàn bạc

Bên cạnh việc “cho” và “nhận” đúng mục đích, đúng hoàn cảnh thì sẽ được mọi người quý trọng tin yêu. Còn:

- “Cho” vì mục đích vụ lợi, vì tham vọng, dục vọng của bản thân. **(0,5đ)**

- “Nhận” không có thái độ, tình cảm biết đền đáp, biết ơn. **(0,5đ)**

Thì chúng ta cần phê phán

3. Kết thúc vấn đề

- Khẳng định vấn đề đã nghị luận. **(0,25đ)**

- Rút ra bài học cho bản thân về nhận thức và hành động. **(0,75đ)**